



CON ĐƯỜNG VỀ TRỜI

Nguyên tác: Go To Heaven

Tác giả: Đức Hồng Y Fulton Sheen

Dịch giả: LM Thomas Túy, O.P.

MỤC LỤC

LỜI PHI LỘ

Chương 1: TIẾNG GỌI VỀ TRỜI

Chương 2: CHÚA GIÊSU TRỢ GIÚP TRÍ LÒNG CHÚNG TA

Chương 3: ON THÁNH VÀ ĐỨC TIN TRONG CUỘC SỐNG NGƯỜI TÍN HỮU

Chương 4: CHÚC VỤ ĐỨC KITÔ: TIÊN TRI, TƯ TẾ, VƯƠNG ĐẾ

Chương 5: ĐỜI SỐNG ĐỨC TIN VÀ CUỘC CHIẾN ĐẤU LIÊN LĨ

Chương 6: HÔN NHÂN VÀ TÌNH YÊU

Chương 7: CẦU NGUYỆN VÀ SUY NGẪM

Chương 8: TÌNH YÊU THIÊN CHÚA VÀ TUÂN PHỤC THÁNH Ý

Chương 9: VAI TRÒ CỦA ĐỨC MARIA TRONG HỘI THÁNH

Chương 10: ĐAU KHỔ VÀ ỦI AN

Chương 11: SỰ CHỌN LỰA CUỐI CÙNG

LỜI PHI LỘ

Nếu như ông Horace Greeley tin rằng xa hơn đồng bằng Missisipi chẳng còn lãnh thổ nào khác nữa hẳn ông đã không hô hào: "Hỡi các bạn thanh niên, hãy tiến về hướng Tây." Nếu con người tân thời không tin có hỏa ngục, thì hẳn họ đã không bày ra quá nhiều lời chỉ dẫn cho những kẻ họ ghét rằng hãy tới chốn đó. Ít ai khuyên: "Hãy về trời" Mà chỉ rửa nhau rằng: "Xuống hỏa ngục đi." Vì vậy mục tiêu chúng tôi viết cuốn sách này là phản chứng những chỉ dẫn của người tân thời. Thực tế thiên đàng hay hỏa ngục không phải là hình phạt hay phần thưởng nhiệm ý cho cuộc đời chúng ta. Nó gắn liền hay là kết quả của mỗi cuộc sống.

Người ta thường cho rằng hỏa ngục liên hệ với đời sống gian ác, như việc ăn đòn vọt là hậu quả của hành vi không vâng lời. Không phải như vậy đâu. Bởi việc ăn đòn vọt không nhất thiết phải theo sau hành động bất tuân. Những trẻ em còn quá bé nhỏ chẳng ai nỡ đánh đòn chúng? Đúng hơn hỏa ngục liên hệ với cuộc sống sa đọa giống như bệnh mù lòa là kết quả của việc móc mắt vát đi. Thiên đàng cũng không liên hệ với cuộc đời tốt lành như tám huy chương là kết quả việc thành công trong học tập. Nhưng nó là kết thúc tất yếu của cuộc sống công chính như kiến thức là hoa trái của việc

dùi mài kinh sử. Bởi đơn giản là chúng ta luyện tập trí khôn trong việc học hành, chúng ta trở nên người học thức.

Cuốn sách này là tấm bản đồ chỉ dẫn lên thiên đàng và tuân theo một mẫu mực nhất định. Nhiều tư tưởng trong cuốn sách đã có trong các bài viết của chúng tôi trước đây, nhưng được sắp xếp lại cho thứ tự và từng bước đưa đến vương quốc ánh sáng. Chúng tôi khởi sự từ con người đầy ắp xao xuyến, căng thẳng và mặc cảm, nảy sinh do sự vật lộn giữa bổn phận phải làm và hành động thực sự đã thực hiện. Một khi người ta nhận thức được rằng không thể tránh thoát cuộc nội chiến này ngay trong lương tâm mình, bằng sức lực riêng thì người ta cần trợ giúp từ trời cao. Có một chân lý bên ngoài tầm với của trí khôn và một quyền năng vượt xa ý chí nguội lạnh và yếu ớt của nhân loại. Chúng là những ơn huệ Thiên Chúa ban. Con người tìm kiếm Thiên Chúa dù mờ nhạt đến mấy đi nữa, thì cũng là việc đáp trả Thiên Chúa kiếm tìm con người.

Một khi sự kết hợp khăng khít nhất vũ trụ, giữa bản tính thần linh và bản tính nhân loại trong ngôi vị Đức Giêsu Kitô, thì nảy sinh một vấn đề lớn đối diện mọi linh hồn. Liệu người ta từ chối hay chấp nhận cuộc sống thần linh? Cuộc sống được ban nhưng không và do đó gọi là ân huệ?

Vì thế cuộc đời là tấn kịch dễ sợ. Người ta có thể nói có hay nói không cho định mệnh đời đời của mình. Đón nhận ánh sáng vào đôi mắt, âm nhạc vào đôi tai, lương thực vào dạ dày là làm cho những cơ quan ấy trở nên hoàn thiện. Cũng vậy đón nhận sự thật vào trí khôn, quyền lực vào lòng muốn là xây dựng chúng ta cao thượng hơn một tạo vật bình thường, tức làm cho chúng ta trở nên người tham dự vào bản tính thần linh.

Khởi đi từ điểm này, các cột mốc để về thiên đàng được ghi dấu rõ ràng trong từng chương. Một số linh hồn tuyên bố rằng ở mặt đất này đã có hỏa ngục rồi. Điều đó có thể đúng. Chúng ta khởi sự có nó ở đời này nhưng không chấm dứt tại đây. Tuy nhiên thiên đàng cũng bắt đầu từ thế gian này trong bình an chân thật của tâm hồn hợp nhất với cuộc sống siêu nhiên. Nó cũng không kết thúc ở dương gian. Cho nên chúng tôi mạnh dạn khuyến dụ bạn: "Hãy về trời".

Hồng y Fulton J. Sheen

Chương 1

TIẾNG GỌI VỀ TRỜI

Ở các thế hệ khác, người ta tìm về thiên đàng nhờ trật tự vũ trụ. Ngày nay nhờ những bất ổn trong linh hồn mình. Người tân thời không xem thấy Thiên Chúa trong thiên nhiên nữa. Các thời điểm khác người ta nhìn ngắm trăng sao bạt ngàn, vũ trụ mênh mông, vẻ đẹp huy hoàng của bầu trời, trật tự lạ lùng của các vì sao mà gẫm ra được quyền năng, và khôn ngoan của Thiên Chúa. Đáng tác tạo

muôn loài và duy trì thế giới. Nhưng bất hạnh thay, con người tân thời đã cắt đứt với kiểu tiếp cận này, bởi vài trở ngại: Người ta không còn nhiều ấn tượng về trật tự thiên nhiên nữa mà quay về với các rối loạn trong tâm hồn mình. Bom nguyên tử đã phá hủy lòng khiếp sợ thiên nhiên, và cuối cùng khoa học tự nhiên đã mang tính khách quan quá đáng đối với con người kiêu căng ngày nay. Chính cá nhân chứ không phải bản chất người, mà ngày nay khoa tâm lý thực sự quan tâm tới và làm con người bất an.

Sự thay đổi này không có ý nghĩa các linh hồn tân thời thôi tìm kiếm Thiên Chúa, nhưng chỉ cho thấy rằng nhân loại đã từ chối con đường hợp lý hơn và do đó bình thường hơn, trong việc kiếm tìm Ngài. Không phải trật tự của vũ hoàn, nhưng mất trật tự trong chính con người mình. Không phải vật hữu hình của thế giới, nhưng những mặc cảm, những lo âu vô hình của chính bản thân. Đây là những khởi đầu của các người tân thời khi họ quay tìm về với tôn giáo. Trong những ngày xưa cũ, các triết gia tranh luận về những vấn đề của con người. Ngày nay họ bàn tán con người là một vấn đề. Ngày xưa người ta sống trong không gian ba chiều: Từ nơi họ ở với bàn bè thân thích họ nhìn lên trăng sao trên bầu trời và hỏa ngục dưới đất. Ngày nay vì lãng quên Thượng Đế, cái nhìn của họ bị thu hẹp vào một chiều mà thôi, đó là vào tâm hồn mình.

Linh hồn tân thời bây giờ sẽ đi về đâu? Tất cả các cột mốc chỉ đường đã bị nhổ lên lấp đầy vào các lối thoát ra ngoài? Giống như một thành phố, các tường thành bảo vệ đã bị quân địch chiếm giữ, con người phải rút lui vào bản thân mình. Giống như một dòng suối bị chặn đứng, sẽ chảy ngược lại bản thân, tích lũy mọi thứ như bần, cặn bã, rác rến, linh hồn tân thời ngày nay cũng vậy (không có những mục tiêu hay lối thoát của người tín hữu) sẽ cuộn trở lại chính mình và trong tình trạng ấy thâm gom tất cả những yếu tố hạ đẳng, bản năng súc vật, đam mê dục vọng, tối tăm, tiềm thức vô tính mà lẽ ra không đáng có nếu như người ta chăm lo cho có lối thoát bình thường. Con người tân thời cảm thấy bế tắc, khóa chặt vào nội tâm, làm tù nhân của chính bản thân. Bị nhốt tù như vậy rồi, bây giờ con người cố gắng bù đắp, cho những mất mát thế giới ba chiều của đức tin, bằng cách phân tích trí khôn mình.

Những mặc cảm, những lo âu, những sợ hãi của linh hồn tân thời không hiện hữu quá quắt trong các thế hệ trước, bởi lẽ chúng luôn được rũ bỏ, và hòa nhập vào trong cơ cấu vĩ đại của văn minh Kitô giáo. Tuy những nỗi bất hạnh trên là thành phần không thể tách rời khỏi linh hồn tân thời đến nỗi chúng ta nghĩ rằng chúng khắc ghi vào da thịt họ. Dầu sao người tân thời phải được đưa về cùng Thiên Chúa và hạnh phúc, bất chấp tình trạng linh hồn họ ra sao. Nếu như người thời nay muốn trở về với Thiên Chúa từ qui dữ, thì tại sao chúng ta không khởi sự từ qui dữ ? nghĩa là từ chỗ mà Chúa chúng ta bắt đầu với cô Maria Macđala. Chúa nói với các kẻ theo ngài rằng họ cũng có thể khởi sự công cuộc rao giảng tin mừng từ chỗ đó với ăn chay và cầu nguyện .

Thực tế không có sự khác nhau, ngoại trừ ngôn ngữ, giữa linh hồn khốn khổ trong phúc âm và những linh hồn bất ổn thời nay. Các người tân thời có ba sự vong thân làm đặc tính: Thứ nhất hẳn thường xuyên bị phân liệt khỏi chính bản thân, thứ hai khỏi tha nhân và thứ ba khỏi Thiên Chúa. Đây cũng là hiện tượng của chàng thanh niên ở miền đất Giêsasênê.

Cấp bậc vong thân thứ nhất là phân liệt khỏi chính bản thân. Con người tân thời bây giờ không còn thống nhất nữa, mà là một khối phân hoá thành nhiều mảng lộn xộn và bất ổn: Những mặc cảm, kiêu căng, thác loạn thần kinh, căng thẳng tâm lý. Hắn là khách lạ của chính hắn vì tháo rời từng mảng linh hồn, tự mâu thuẫn, hay đổi thay thái độ, thiếu nhất quán. Hắn không còn nhìn mình như một đơn vị duy nhất, mà là một bãi chiến trường của các khuynh hướng đối chọi nhau, không có mục tiêu thống nhất cho cuộc sống. Chúng ta có thể so sánh linh hồn tân thời với một chuông chứa súc vật, trong đó đủ mọi thú dữ cắn xé lẫn nhau, mạnh được, yếu thua, hoặc so sánh với một chiếc máy khâu, cùng lúc tiếp nhận nhiều tần số của các đài phát khác nhau. Thay vì một tần số rõ ràng, thì là hỗn độn tiếng ồn ào như thác nước.

Nếu như người ta có chút học thức, thì tình trạng lại còn khốn đốn hơn. Trí tuệ của họ là một hỗn hợp các tin tức lộn xộn, không có một triết lý chủ đạo nào. Lúc ấy linh hồn có thể chế điều mình "trong tôi có hai ngôi vị. Một là linh hồn tôi sống động, hai là một tiến sĩ triết học, kiến thức uyên thâm. "Những con người như thế ngày nay đầy rẫy trong xã hội. Họ phản chiếu ra bên ngoài nhiều ý kiến khó nghe. Chúng tôi trí tuệ họ là một khối lộn xộn chưa kịp tiêu hóa. Họ kết luận với mọi người rằng: Bởi tôi không biết sự thật, cho nên chẳng ai biết. Quan điểm yếm thế của họ phát triển thành triết lý sống cho mọi người. Nhưng buồn thay, nó ném hắn vào trong tôi tăm, ngu dốt, vào trong hang hôi thối của vô thức, tiềm thức. Hậu quả là họ thay đổi triết lý sống như thay áo. Ngày thứ hai, họ phác họa vài nét duy vật. Ngày thứ ba họ đọc một cuốn sách bán chạy nhất tuần, rồi vất vả bỏ chủ thuyết cũ vẽ ra chủ thuyết mới, chủ thuyết duy tâm. Ngày thứ tư, chủ thuyết quốc xã điên cuồng. Ngày thứ năm, căn bản mới của bên bờ tự do. Ngày thứ sáu, thay đổi ý kiến, sau khi nghe phát thanh một chương trình tâm lý, họ quyết định chọn ông Freud làm thầy dạy. Ngày thứ bảy, họ uống rượu thật nhiều để quên đi mọi hướng đi đã phác họa. Và ngày chủ nhật, họ lấy làm ngạc nhiên và suy nghĩ tại sao lại còn có những con người ngu xuẩn rủ nhau tới nhà thờ? Mỗi ngày họ có một ngẫu tượng mới. Mỗi tuần một tính khí mới. Thảm quyền của họ là ý kiến công cộng. Ý kiến ấy đổi chiều, thì họ cũng đổi theo, không có lý tưởng cố định, không có đam mê lớn, chỉ có thờ ơ, lãnh đạm với hết mọi sự trên thế gian. Sống trong tình trạng đặt mình làm tâm điểm cách quá đáng cho nên câu chuyện hàng ngày của họ toàn cái "tôi", hậu quả là nếu hàng xóm láng giềng không đề cao cái tôi của họ trong câu chuyện, thì họ cảm thấy nhạt nhẽo, vô duyên.

Đặc điểm thứ hai của con người tân thời là xa lánh tha nhân. Đặc điểm này được giải bày không những bằng hai cuộc thế chiến trong vòng hai mươi một năm và mối đe dọa thế chiến thứ ba, không những bằng gia tăng đấu tranh giai cấp và ích kỷ lan tràn, mỗi nước, mỗi quốc gia, mỗi xã hội, mỗi cá nhân tìm kiếm lợi ích riêng của mình. Mà còn bằng các truyền thống, các gia sản lâu đời bị bẻ gãy không nuôi tiếc. Bất cứ lòng trọng kính đối với truyền thống đều được gán khẩu hiệu "phản động". Và như vậy kết quả là con người thời đại mới phát triển thành kẻ xét đoán bừa bãi. Họ lấy tiêu chuẩn hôm qua xét đoán ngày hôm nay và hôm nay đoán xét ngày mai. Chẳng có chi buồn chán hơn một con người đã từng khôn ngoan mà lại mất trí nhớ. Chẳng có chi khốc liệt hơn một nền văn minh làm mai một truyền thống. Con người tân thời không thể bằng lòng với chính mình, thì làm thế nào bằng lòng với thiên hạ? Một người không sống được với bản thân, cũng chẳng sống được với ai! Các trận thế chiến giết hại nhiều triệu mạng người, chẳng qua là sự thể hiện rộng lớn hơn trận chiến tâm lý

trong từng linh hồn. Giả như không có chiến tranh trong nội tâm hàng triệu trái tim, thì đã không có đánh nhau ở diện rộng trên toàn cầu. Người ta gây chiến trong tâm hồn mình trước, rồi sẽ đánh nhau ở xã hội.

Tình trạng hỗn loạn, vô luật pháp chỉ là hậu quả của những tâm hồn tha hoá trong các xã hội. Một người đâm đá nhau trong tâm hồn, sớm muộn sẽ đâm đá với hàng xóm chung quanh mình. Khi họ thôi phục vụ tha nhân là lúc họ trở nên gánh nặng cho chính mình và là một bước để họ từ chối sống với người khác. Khi Adam phạm tội, ông ta đổ lỗi cho Eva. Khi Cain giết Abel, Cain đặt câu hỏi "Tôi đâu phải là kẻ canh giữ em?" (St 4,9). Khi Phêrô chối Chúa, ông đi ra ngoài một mình khóc lóc cay đắng. Tội kiêu căng của những người xây tháp Babel kết thúc trong sự lộn xộn ngôn ngữ. Nó làm cho việc hòa thuận trong loài người không thể duy trì nổi.

Cuối cùng, con người tân thời xa lánh Thiên Chúa. Xa lạ với mình, với tha nhân, có nguồn gốc là xa lạ với Thiên Chúa. Một khi cái đùm bánh xe bị bể, thì các cãm xe rã rời mỗi nơi một chi?c. Khi người ta lãng quên Thiên Chúa, người ta xa lạ lẫn nhau. Ngày nay Thiên Chúa xem ra chẳng còn ai màng tới. Lý do là vì người ta cư xử như thể không có Thiên Chúa hiện hữu trong đời mình. Điều tốt trở nên yếu tố trách móc đối với những ai sống độc ác và vì thế họ tàn nhẫn tức giận và bách hại những ai làm điều thiện. Hiếm mà không thấy một linh hồn chán nản, không thỏa lòng lại không ghen ghét hàng xóm láng giềng mình. Họ ước muốn mọi người phải vô tôn giáo như mình.

Cho nên tổ chức vô đạo nào trong thời đại ngày nay cũng đều là phản ánh của tình trạng tự ghét mình. Chẳng ai ghét bỏ Thiên Chúa mà không ghét bỏ mình trước đã. Bách hại tôn giáo chỉ là dấu chỉ của tình trạng ghét Thiên Chúa. Bởi lẽ người ta hy vọng nhờ bạo lực của ghen ghét mà thoát khỏi tính vô lý của linh hồn mình. Hình thức cuối cùng của lòng ghét tôn giáo là khinh dể Thiên Chúa, chống đối Ngài, và bảo lưu nếp sống ác độc của mình trước mặt quyền năng và lòng tốt của Thiên Chúa. Nổi loạn chống lại toàn bộ hiện hữu, những linh hồn như thế nghĩ rằng mình đã xóa bỏ được nó. Họ không thích ai nói về tôn giáo, kéo nữa sự yên ổn của mình trở thành án phạt trầm luân cho chính tính kêu ngao. Ngược lại, họ khinh thường tôn giáo. Không khi nào tạo nên được một ý nghĩa cho cuộc đời mình, các linh hồn phản loạn phổ quát hóa những bất ổn trong lương tâm và nhìn thế giới như một khối lộn xộn. Do đó họ khai triển một triết lý mới gọi là "sống hiện sinh".

Liệu chúng ta có tìm thấy một linh hồn nản chí như vậy không trong Phúc âm? Liệu khoa phân tâm học ngày nay có gặp được kiểu mẫu con người như Chúa Giêsu đã gặp trong Tin Mừng và cứu chuộc anh ta? Nếu lần giở sách Phúc âm theo Thánh Marcô, chắc hẳn chúng ta sẽ thấy một thanh niên trong miền đất Giêrasênê có những đặc tính y hệt với những linh hồn mô tả ở trên. Tức anh ta ở trong tình trạng vong thân ba chiều như các người tân thời.

Anh ta xa lạ với chính mình. Khi Chúa Giêsu hỏi: "Tên người là gì?" Người thanh niên thưa: Tên tôi là một đạo binh, vì chúng tôi đông lắm." (Mc 5,9). Xin để ý đến ngôi vị anh ta xưng hô nó lộn xộn giữa "tôi" và "chúng tôi đông lắm". Rõ ràng có sự vật lộn giữa ngôi vị. Anh ta chính là một vấn đề cho chính mình. Anh ta là dòng nước cuộn lại của ngàn lẻ một nỗi lo âu, vì thế anh ta gọi mình là

một đạo binh. Kinh nghiệm thường thức cho hay chẳng con người phân liệt nào có hạnh phúc. Vì vậy Phúc âm mô tả người thanh niên đất Gierasênê là: Tru tréo và lấy đá đập vào mình (Mc 5,5). Con người thất vọng luôn luôn buồn rầu, chính mình lại là kẻ thù tệ hại nhất của mình, vì hắn lạm dụng thiên nhiên để hủy hoại bản thân.

Thứ hai, người thanh niên xa lạ với tha nhân: Phúc âm tả tiếp như sau: "Anh ta đêm ngày cứ ở trong đám mồ mả và trên núi đồi anh ta là mối đe dọa cho người khác. Người ta nhiều lần đã gõ cùm, và xiềng xích anh lại, nhưng anh đã bẻ gãy xiềng xích và đập tan gông cùm và không ai có thể kiềm chế anh được." (Mc 5,4). Cô đơn, cách ly với mọi người là tính chất đặc thù của những linh hồn xa lìa Thiên Chúa. Thói quen tự nhiên của họ là tránh xa đồng loại, sống giữa các mồ mả của miền đất tử thần. Trong tội lỗi không có chất kết dính. Bản tính của nó là phân tán, chia rẽ và gián đoạn.

Người thanh niên xa lìa Thiên Chúa, khi nhìn thấy Đức Kitô, đáng cứu chuộc mình, liền la to: "Lạy ông Giêsu, Con Thiên Chúa tối cao, chuyện tôi can gì đến ông? Nhân danh Thiên Chúa, tôi van ông đừng hành hạ tôi." (Mc 5,7). Có nghĩa là "giữa tôi và ông có chi chung đụng đâu? Ông có mặt là tôi bị hủy diệt". Do đó chúng ta được chứng kiến một khía cạnh tâm lý là những linh hồn thất vọng chán ghét sự thánh thiện và ước mong tách rời nó mãi mãi, tội nhân nào cũng muốn ẩn mình khỏi tôn nhan Đức Chúa Trời. Cain, kẻ giết người đầu tiên trong lịch sử đã than: "Và tôi sẽ tránh khỏi mặt Ngài, tôi sẽ đi lang thang và trở thành kẻ trốn chạy trên mặt đất" (St 4,14).

Như vậy vấn đề không phải là chúng ta sẽ ra thế nào, mà là chúng ta sẽ là chi? Bom nguyên tử, kinh khí đã làm chúng ta bớt sợ hãi về mục tiêu và sự tồn tại trên đời này. Nhưng vẫn còn đó sự quan trọng là chúng ta sẽ sống đời vĩnh cửu ra sao chứ không phải chết thế nào. Quả bom nguyên tử trong tay thánh Phanxicô khó khăn đâu có nguy hiểm bằng khẩu súng ngắn trong tay một gã ăn cướp! Điều làm cho quả bom nguy hiểm không phải là thuốc nổ bên trong nó, nhưng là người sử dụng. Vì vậy, linh hồn tân thời phải cải tạo, chứ không phải cải tạo hoàn cảnh. Trừ phi hắn ngưng ngay sự bùng nổ trong tâm hồn mình, bằng không có thể hắn dùng bom để phá hủy cả hành tinh. Đó là điều Đức Giáo Hoàng Pio XII đã cảnh cáo nhân loại. Người tân thời tự nhốt mình trong khối óc của mình. Chỉ Thiên Chúa mới có thể giải phóng hắn. Tương tự như Ngài đã giải phóng Phêrô khỏi nhà tù tôn giáo thủa xưa. Tất cả những điều con người phải làm là ước ao ra khỏi đó. Chẳng bao giờ Thiên Chúa thất bại, chỉ phiến rằng ý chí người ta yếu ớt. Và cũng không có lý do để ai phải nhát đảm. Con chiên lạc lỏng bị kẹt trong bụi gai làm trái tim Chúa lưu tâm, chứ không phải cả đàn cừu bình an trong đồng cỏ. Ngài đã giơ tay cứu vớt con chiên đó! Nhưng sự phục hồi bình an qua ơn thánh bao gồm sự hiểu biết về bồn chồn lo âu, tức sự thống hối than phiền của con người tân thời mắc vòng tù tội luân lý.

Nỗi lo lắng tân thời khác với những khắc khoải của thời trước trong hai điểm. Trong các ngày xa xưa người ta âu lo về phần linh hồn mình. Ngày nay quan tâm chính yếu của con người là về phần xác. Mối nhọc lòng lớn nhất của ngày hôm nay là kinh tế, an ninh, sức khỏe, sắc đẹp, giàu có, tiếng tăm và tính dục. Đọc quảng cáo thời nay cho người ta ấn tượng là cái tai ương lớn nhất có thể ập xuống thân phận một người là bàn tay như bản vì nhọ nôi, nước rửa chén hay ho khan ở ngực. Lo

lắng quá đáng về an toàn thân xác là một chứng bệnh hoạn. Nó đã sản sinh ra một thế hệ ẻo lả ỡng ẹo, chú ý nhiều về chiếc phao cứu trên một chuyến du lịch đại dương, hơn là chiếc phòng nhỏ mình ở và ngắm biển.

Đặc tính thứ hai của âu lo tân thời là chủ quan hơn khách quan. Không phải những tai họa thiên nhiên như đói khát, thú dữ hay sấm sét mà là những nỗi sợ hãi vô định hình mà người ta lo lắng xảy ra cho bản thân, gia đình, bạn bè. Các nhà tâm lý học than phiền ngày nay rất khó đối phó với những người mắc bệnh thần kinh, tâm lý. Họ âu lo về những nỗi sợ hãi không tên. Nói với họ rằng bên ngoài chẳng có chi nguy hiểm là điều vô ích, họ không bao giờ tin như vậy. Bởi lẽ sự sợ hãi là ở bên trong con người họ, và vì thế nó có thật một cách dị thường đối với họ.

Để chữa trị căn bệnh này, chúng ta phải nhìn vào nguyên nhân căn bản của nó, và những nền tảng phát sinh ra bệnh, tùy theo điều kiện lý lịch hiện tại của con bệnh. Tâm lý trị liệu chỉ nửa vời, chưa vào được tận căn nguyên. Các biểu hiện tâm lý chỉ có tính hời hợt bên ngoài mà thôi. Triết lý thật của lo lắng tân thời nằm ở điểm con người là một hữu thể sa ngã, hư hỏng gồm có cả linh hồn lẫn thân xác, thiêng liêng và vật chất. Hấn đứng giữa súc vật và thiên thần, sống trong một thế giới hữu hạn, khao khát những điều vô hạn, di động trong thời gian, tìm kiếm vĩnh hằng. Lúc này hấn bị lôi cuốn vào vui thú nhục dục, lúc khác vào niềm vui tinh thần. Hấn liên tục ở trong tình trạng bị treo lơ lửng giữa tinh thần và vật chất. Chúng ta có thể so sánh với một chàng leo núi. Anh ta ước ao được ở trên đỉnh núi cao, nhưng khi nhìn xuống địa điểm của mình, hấn lại sợ rơi vào vực thẳm bên dưới. Trạng thái lơ lửng chưa xác định, sự căng thẳng giữa lý tưởng và thực tế, sự lôi kéo giữa khả năng hưởng thụ và sự thể hiện tầm thường của nó, ý thức khoảng cách giữa khao khát tình yêu bền vững và sự thất bại, giữa chán chường và đam mê, giữa lưỡng lự từ bỏ các giá trị thấp để đạt tới lý tưởng cao hơn, hoặc khước từ hấn lý tưởng. Sự lôi kéo giữa dục vọng Adam cũ và lực hấp dẫn đẹp đẽ của Adam mới, sự lựa chọn cần thiết giữa hai con đường, một dẫn lên thiên đàng, một rơi xuống địa ngục. Tất cả những điều giằng co đó làm cho con người lo lắng về định mệnh của mình bên kia các vì sao và sợ hãi mình sẽ rơi xuống vực thẳm trầm luân.

Cho nên trong mỗi con người, có hai lực hấp dẫn, một kéo hấn xuống đất ở đó hấn phải chịu thử thách, và hai kéo hấn về cùng Thiên Chúa, ở đây hấn được hạnh phúc thật. Cái lo âu chủ yếu, nằm dưới mọi lo âu của con người tân thời, nảy sinh từ kiêu căng là chính mình mà không cần Thiên Chúa hoặc từ tự lực vượt qua chính mình bất cần đến Thượng đế. Thực ra, ví dụ người leo núi không chính xác về phần thiêng liêng. Anh chàng leo núi tuyệt nhiên không có ai từ trên đỉnh núi giúp đỡ, ngõ hầu anh ta có thể đạt tới đỉnh cao. Ngược lại con đường siêu nhiên luôn nhận được trợ giúp. Thiên Chúa từ trời cao, từ ngọn núi vĩnh cửu luôn giơ tay giúp đỡ. Bàn tay toàn năng của Ngài với ra nâng hấn lên thiên cung, ngay cả trước khi hấn mở miệng kêu cứu. Có một điều rõ ràng rằng, tuy chúng ta có thể thoát khỏi mọi lo âu của đời sống kinh tế, xã hội thời nay, ngay cả khi chúng ta tránh được những căng thẳng mà khoa tâm lý học gọi là ý thức hay vô thức, chúng ta vẫn phải chịu đựng một lo lắng căn bản, nảy sinh từ tính thụ tạo của mình. Lo lắng phát xuất một cách cốt yếu từ các khát vọng không điều hòa được, từ loài thụ tạo lại ước muốn cái gì đó không cần thiết, hoặc ngược với thiên nhiên, hoặc có hại tích cực cho linh hồn mình. Các lo âu gia tăng tỷ lệ thuận và tương xứng

với việc con người lìa xa Thiên Chúa. Bất cứ người nào sinh ra trên thế gian cũng có mặc cảm lo âu, bởi vì khả năng nên thánh hoặc trở thành kẻ tội lỗi.

Khi chúng ta trông thấy một con khỉ hành động ngu xuẩn, chúng ta không nói với nó "đừng làm như đũa điên khùng". Nhưng khi gặp một người ăn ở thiếu khôn ngoan, chúng ta nói: "Đừng hành xử như con khỉ". Bởi lẽ người ta có trí khôn và thân xác. Hấn có thể rớt xuống hàng thú vật (mặc dầu hình ảnh của Thiên Chúa trong linh hồn hấn không bị phá hủy hoàn toàn). Đây là khả năng làm nên những bi kịch đặc thù nơi con người. Con bò không có bệnh tâm thần. Heo không trở thành điên và gà què không khi nào chán nản (trừ khi con người tập luyện cho chúng để làm trò). Và nếu như Thiên Chúa dựng nên con người như các thú vật để hưởng thế gian này mà thôi, thì chúng ta cũng không bao giờ cảm nghiệm buồn lòng thất vọng.

Nhưng bởi vì nguyên nhân căn bản của các lo âu con người phải gánh chịu, là hấn có thể trở thành thánh nhân hay tội lỗi, cho nên chỉ còn hai lựa chọn cho hấn mà thôi. Hoặc là hấn leo cao đến đỉnh trọn lành, đến cuộc sống đời đời. Hay rớt xuống vực thẳm tuyệt vọng và chán nản. Tuy nhiên cũng có người nghĩ rằng còn đường lối thứ ba đó là con đường của thờ ơ lãnh đạm. Họ chủ trương rằng những con gấu nằm ngủ suốt mùa đông, ngưng mọi sinh hoạt thân xác, thì con người cũng vậy, có thể ngủ suốt cuộc đời mà không cần lựa chọn sống cho Thiên Chúa hoặc chống lại Ngài. Nhưng khôn nạn, giấc ngủ mùa đông không giải quyết được khó khăn, mùa đông sẽ hết và người ta lại buộc phải làm quyết định. Chính việc lựa chọn thái độ thờ ơ đã là một quyết định rồi. Hàng rào màu trắng không mãi mãi giữ được màu trắng, nó sẽ trở thành đen nếu không có thợ sơn duy trì cho nó ở màu trắng. Trong con người chúng ta, có cái khuynh hướng mạnh mẽ kéo chúng ta xuống hàng súc vật, cho nên nguyên việc chúng ta không chống lại nó, là yếu tố khủng khiếp đưa ta đến hủy hoại chính mình. Xét cho đúng lý, sự sống là tổng hợp các lực lượng chống lại sự chết, cho nên ý chí con người phải là tập hợp các sức mạnh chống lại tuyệt vọng. Một người uống thuốc độc vào tâm can, có thể hoặc quên đi thuốc giải độc hoặc ném nó ra ngoài cửa sổ. Cả hai việc đều vô ích, bởi thần chết đã gần kề bên hấn, chẳng mấy phút sẽ mang hấn sang bên kia thế giới. Thánh Phao-lô đã cảnh cáo: "Chúng ta sẽ tránh thoát thế nào được, nếu chúng ta quên lãng" (Dt 2,3). Chèo thuyền ngược dòng sông, nếu không tiến tới thì đã thụt lùi. Không có những cánh đồng bằng trong đời sống thiêng liêng, toàn đồi núi, cho nên hoặc là chúng ta lên dốc, hay xuống dốc. Hơn nữa thái độ thờ ơ chỉ có trong tưởng tượng, lòng muốn bắt buộc phải lựa chọn. Và ngay cả khi linh hồn lãnh đạm không khước từ vĩnh cửu một cách tích cực, thì vĩnh cửu đã từ chối nó rồi. Nên bạc phải được làm lợi, nếu không sẽ bị lấy đi và Kinh thánh đã nói với chúng ta: "Mà bởi vì người hâm hâm không nóng, không lạnh, ta sẽ mưa người ra khỏi miệng" (Kh 3,16). Thực ra, người tín hữu luôn có lợi điểm hơn người dân ngoại tân thời thờ ơ. Đơn giản là họ biết mình đang đi về đâu, trong khi người dân ngoại chẳng có ý niệm chi cả. Người không có đạo xét theo ý nghĩa thiêng liêng là người yếm thế, vì lẽ họ luôn cảm thấy đời này quá ngắn để cho một người có cơ hội, ngược lại tín hữu luôn là kẻ lạc quan, bởi lẽ họ biết cuộc đời này dài đủ để cho có cơ hội lên thiên đàng. Cho nên người có đức tin chính đáng luôn được vui mừng. Ngược lại kẻ không có đức tin phải buồn rầu và thất vọng.

Những nỗi buồn chán ghét nết sống đơn điệu của người có đức tin dâng hiến cho một mục tiêu nhất định, một kết thúc cuối cùng. Để tránh thoát lối sống đó, người tân thời thường rũ bỏ các phiền toái của cuộc sống nhờ chính bàn tay mình. Thái độ tích cực chán đơn điệu của cuộc đời là tính chất đặc sắc của thời đại chúng ta, đến độ là lý do duy nhất giải thích tại sao người ta tìm kiếm liên tục những cảm giác mới mẻ, những đam mê, những thích thú mới, những tâm trạng mới, những tôn giáo mới, thần tượng mới, luân lý mới, hay bất cứ thứ gì kích thích cảm giác mà năm tháng đã làm cho lạnh lẽo, linh hồn nặng trĩu vì thế giới buồn chán. Thực tế, thay vì nói rằng những ai đầy sức sống chán ghét đơn điệu, thì phải nói rằng họ hội họp trong đó. Để chứng minh điều này, chúng ta hãy chỉ ra những người đầy sức sống cách căn bản không ai nghi ngờ được và như thế họ hưởng sự kỳ diệu của nếp sống ấy. Đó là một em bé, Thiên Chúa và Người Con duy nhất của ngài, Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng ta. Cho nên bắt buộc phải nhận rằng có một sự thích thú tuyệt vời khi hoạt động vì mục tiêu, vì cái đích đã xác định, trong đó người ta tìm thấy lý do chính yếu của sự liên tục nhắc lại các hành động. Thật là một cuộc hành hương lãng mạn về đích điểm. Cũng chính ở tư duy này mà người ta tìm ra ranh giới khác biệt giữa Kitô giáo và chủ nghĩa vô đạo. Thế giới Công giáo được hưởng cảm giác đam mê, hội họp trong các sinh hoạt lặp lại bởi vì họ có một mục tiêu cố định. Những người ngoại đạo tân thời không được hưởng nếp sống vui thích đó, ngược lại họ chỉ thấy chán chường vì họ chưa bao giờ quyết định cho mình một chủ đích để sống.

Người tín hữu có một mục đích cố định: Mỗi ngày một trở nên giống Chúa Kitô hơn. Bản chất của họ giống như khối đá hoa cương, ý chí của họ là dụng cụ đục đẽo. Họ ngắm nhìn Chúa Kitô như gương mẫu và với những điểm sắc bén của dụng cụ là ăn chay, hãm mình, thực hành khổ chế, họ phá bỏ đi những mảng đá thừa của ích kỷ, tham lam, kiêu ngạo. Rồi với những gọt rửa tế nhị, đẹp đẽ hơn của sự tập tành các nhân đức, bức tượng huy hoàng của Chúa Giêsu Kitô thành hình trước mặt mọi người. Với bàn tay khéo léo của các nhân đức lớn tin cậy, mến, bức tượng được chau chuốt lần cuối và hoàn thành mỹ mãn khi linh hồn bay về thiên cung. Chẳng người tín hữu nào sống cuộc đời như vậy, lại tin rằng các động tác lặp đi lặp lại của tin, cậy, mến, hy vọng, bác ái, thanh sạch, can đảm, khôn ngoan, công bình, yêu mến lại nhuộm màu chán nản của tư duy tân thời, gọi là đơn điệu. Đối với tín hữu, mỗi lần chinh phục được bản thân là một lần hoan hỷ ngất ngây. Bởi lẽ, mỗi khi lặp lại một nhân đức người ta tiến dần đến tình yêu mà mình vẫn khát khao. Đó là kết hợp thâm thiết với Đức Kitô, là Chúa và là Đấng cứu độ linh hồn mình.

Dĩ nhiên thấy được mình tiến bộ bao nhiêu là chuyện không dễ, nhiều khi chẳng thấy nhúc nhích chút nào, gần như dậm chân tại chỗ, nhưng không vì thế mà nhát đảm, cứ nhắm đi về phía trước, mục tiêu huy hoàng vẫn rạng rỡ chào đón. Xin tưởng tượng tới người thợ dệt thảm, hàng ngày kiên nhẫn làm việc. Không phải từ phía trước, mà từ cạnh ngang tấm thảm, mắt cứ ngó nhìn mẫu mực mà làm việc. Từng sợi, từng sợi chỉ đan kết với nhau trong việc nhất điệu, nhưng đầy nét thích thú, chẳng bao giờ được xem công trình cho đến khi kết thúc tác phẩm. Lúc sợi chỉ cuối cùng được đưa vào vị trí, và tấm thảm trưng bày cho thiên hạ ngắm. Đúng là một kỳ quan của các ngón tay khéo léo. Đường nét tinh vi, hoa văn tuyệt đẹp, người thợ đã thực sự lao động. Người tín hữu cũng sống trong phong cách đó. Họ chẳng rõ đời mình ra sao, nhưng kiên nhẫn noi theo mẫu mực là Đức Kitô. Cuối cùng Chúa sẽ cho xem công trình hoàn tất.

Xin đổi sang hình ảnh khác. Đứa trẻ với một trái banh. Giả dụ người ta nói với nó đó là trái banh duy nhất nó được phép chơi trong cuộc đời mình. Phản ứng tự nhiên của nó là rất thận trọng kéo làm bể trái banh. Nó chơi với trái banh hết sức ý tứ, không dám đập phá nhiều sợ trái banh chóng hư, hoặc bị đình nhện làm xì hơi, vì nó không còn trái nào khác. Nhưng giả dụ có người nói với nó rằng chút nữa, ngày mai, tuần tới, tháng tới nó sẽ có nhiều trái banh mới, tốt hơn, bền hơn với nhiều thích thú khi chơi với. Phản ứng của nó sẽ khác hẳn. Nó sẽ được tự do chơi đùa, đập phá với trái banh cũ. Nó sẽ có nhiều vui cười, khoái trá hơn. Nếu như vương phải đình rách nát, nó cũng không nuối tiếc quá đáng. Vì nó còn trái banh khác lâu bền cho đến muôn thuở.

Đứa trẻ với một trái banh duy nhất là con người xác thịt đời này. Họ chỉ có trái đất này mà thôi. Một thế giới, một cuộc sống, một hành tinh. Họ không thể bừa bãi, vì chỉ hưởng có một cuộc đời, một địa cầu, một nhân gian. Họ luôn sợ hãi trái đất sẽ bị lấy đi. Họ không thể chịu đựng được ai đó sẽ mang đau khổ, hư hoại đến địa cầu nhỏ bé của mình, bởi vì họ chỉ có một quả banh để chơi đùa. Thật là hạn chế, mất tự do và mất vui. Ngược với các tín hữu, có nhiều quả banh để vui chơi, nhiều cuộc đời để sống và nhân gian để làm bạn. Họ không quá nghiêm khắc với địa cầu này. Vì chút nữa, ngày mai, tháng tới, năm tới, Chúa sẽ ban cho họ quả banh khác để vui hưởng. Họ có thể khởi sự vui đùa trên địa cầu, an hưởng tính nhất điều của nó và ngay cả bằng lòng với mưa sa, bão táp, thiên tai, dịch bệnh. Bởi lẽ, biết sẽ có ngày mai tươi sáng hơn. Chẳng bao lâu nữa họ sẽ có quả banh mới, một cuộc sống khác không bao giờ cũ kỹ, hư hỏng, buồn chán, bởi lẽ nó là cuộc sống vĩnh viễn nơi Thiên Chúa, khởi nguyên và kết thúc của mọi hiện hữu.

Vì vậy, khi đã bị lý tưởng Kitô giáo nắm bắt và tràn ngập linh hồn để nên giống Chúa một ngày một hơn. Khi đã để ánh sáng Chúa soi rọi cuộc sống mình. Khi đã theo mẫu mực cuộc sống, người tín hữu bắt đầu ngày mới với kinh nguyện xin Cha trên trời ban phúc lành cho mọi nẻo đường đi về trong ngày. Khi đã dọn lòng sốt sắng rước lấy mình máu Chúa vào lòng, và quỳ thờ lạy bánh thánh, rượu thánh dâng cao trên bàn thờ. Khi đã dâng mình cùng các việc làm, các đau khổ phải chịu, các mừng vui trong ngày kết hiệp nên một với công nghiệp Chúa Kitô. Khi đã thánh hóa các nhọc nhằn, thử thách, kim hãm dục vọng, lời chàm chọc, nói xấu, thiếu bác ái vì danh đức Giêsu, Đấng đã tha thứ cho kẻ thù mình trên thập tự, khi ngày đã hết, quỳ tạ ơn và khiêm tốn xin Cha trên trời, thứ tha lỗi lầm, khi đã sống như vậy, ngày qua ngày, tháng qua tháng, năm qua năm, trong cố gắng liên lý kiến tạo đời mình nên giống hình ảnh Chúa Kitô. Bạn sẽ rất đổi ngạc nhiên về hiệu lực của cuộc đời đơn điệu. Nó đem bạn ngày một gần hơn đến mục tiêu vĩnh cửu, đến hạnh phúc và bình an tràn đầy. Bạn ngỡ ngàng tự hỏi còn phải làm chi nữa đây để thờ phượng, yêu mến Chúa? Lúc ấy bạn nhớ lại lời Chúa "Hãy làm việc này để nhớ đến Ta". Và kinh nghiệm sự ngất ngây của bài học đơn điệu!

Đường lối chúng ta sống ảnh hưởng nhiều đến việc chúng ta suy nghĩ. Nói vậy không có nghĩa là chúng ta từ chối những yếu tố trí tuệ trong đức tin. Nhưng chỉ có ý nhấn mạnh một yếu tố hay bị bỏ quên. Một số người tưởng tượng rằng mình có thể mang ai đó vào đạo, vào tình yêu Thiên Chúa nguyên chỉ do trả lời thỏa mãn các câu hỏi họ đặt ra. Họ cho rằng người ta vô đạo bởi lẽ họ dốt nát không hiểu chi, rằng nếu người vô tôn giáo chỉ cần đọc vài cuốn sách tốt, lắng nghe vài cuộc tranh luận chọn lọc, về thượng giới, tức khắc họ sẽ xin trở lại đạo. Như vậy, tôn giáo xem ra chỉ là điều

chi phải được thông hiểu thế thôi, chứ không phải là một ngôi vị được yêu mến, sống và chấp nhận. Nói như vậy thật quá đáng. Chúa chúng ta, là đường, là sự thật, sự sống, vậy mà đã không thuyết phục nổi các Phariseu, thượng tế, luật sư và ký lục, cũng như một số tội nhân khác. Họ bị thượng trí của Ngài tấn công đến nỗi chỉ một lần gặp gỡ họ đã rút lui, không dám hỏi Ngài điều chi nữa. Nhưng họ vẫn không tin mà trở lại. Chúa Kitô đã nói với những ai xem thấy Lazarô sống lại rằng một số người trong họ không tin mặc dù hàng ngày người ta trỗi dậy từ cõi chết. Kiến thức của trí tuệ không phải là điều cần tuyệt đối. Cho nên không phải bất cứ ai có bằng cấp, học vị đều là thánh và những ai dốt nát đều là quỷ sứ. Thực tế có một số môn học chỉ giáo dục người ta từ ích kỷ dốt nát, thành ích kỷ tinh khôn. Trong cả hai loại, dốt nát có cơ hội được cứu rỗi nhiều hơn.

Khám phá ra sự thật không mấy khó khăn, nhưng đối mặt với sự thật rất khó và chấp nhận sự thật càng khó hơn. Cho nên giáo dục tân thời được "lái" sang cái mà người ta gọi là "mở rộng biên cương chân lý". Đôi khi lý tưởng này được ca ngợi và dùng làm lý do để người ta khỏi phải hành động trên những sự thật đã được biết. Biết khoảng cách giữa các vì sao không phát sinh một bản phận luân lý nào. Nhưng chân lý ngàn đời về bản chất và định mệnh của con người có thể là lời khiển trách lỗi sống của chúng ta. Một số tâm lý học, xã hội học đi gần đến sự thật về con người nhưng họ lập tức bỏ chạy khi cánh cửa chân lý hé mở để bày tỏ loài người phải lệ thuộc vào Thiên Chúa. Chỉ những người thật sự đạt tới chân lý về Thiên Chúa là những kẻ khi cánh cửa mở thì mau mắn chấp nhận sự thật và ghé vai gánh vác trách nhiệm nảy sinh. Nó đòi hỏi nhiều can đảm hơn là trí óc học biết Thiên Chúa. Thực tế, Thiên Chúa là sự kiện rõ ràng nhất cho loài người kinh nghiệm. Nhưng chấp nhận Ngài lại là công việc khó khăn nhất. Có hai nhân tố không thuộc trí tuệ ảnh hưởng nặng nề đến đức tin: 1/ ý chí ngay lành, 2/ các thói quen của cuộc sống.

Tại sao cùng một luận chứng vững vàng về đức tin trình bày cho hai người A và B. Người A chấp nhận, người B từ chối? Đúng lý, nguyên nhân như nhau thì kết quả cũng như nhau. Nhưng không phải vậy, vậy thì nhất định phải còn một nhân tố nào khác nữa chen vào? Nó thúc đẩy một người chấp nhận và một người khước từ chân lý. Nó đụng đến trí não người ta. Ánh sáng chiếu vào bức tường hình như khác với ánh sáng chiếu vào tấm kính cửa sổ. Giống như vậy nhân tố X khiến một người vâng theo chân lý siêu nhiên người khác chạy trốn, là ý chí hay lòng muốn. Thánh Thomas diễn tả rất hay: "Những sự thật thần linh, được người ta nhận biết trong nhiều đường lối, tùy theo thái độ của họ. Những ai có lòng ngay lành sẽ chấp nhận màu nhiệm như sự thật, những ai không có lòng ngay lành sẽ nhận biết nó một cách lộn xộn làm cho họ nghi ngờ và cảm thấy mình lầm lẫn."

Một người chấp nhận sự thật tùy vào bản chất của con người ấy hoặc vào lý tưởng người ấy muốn theo đuổi. Ý chí thay vì đón nhận chân lý thuyết phục trí khôn, thì vẫn có thể chối bỏ, gạt sang một bên hay ngăn cản trí khôn đón nhận. Mục tiêu của Thiên Chúa nhắm vào trí tuệ buộc phải thất bại, trừ phi ý chí cũng theo đuổi sự thiện. Thông điệp các thiên sứ loan báo cho nhân loại trong đêm Giáng Sinh nói rằng chỉ những linh hồn ngay lành mới là bạn hữu của Thiên Chúa. Như vậy, yếu tố lòng ngay rất quan trọng để đón nhận Tin Mừng. Ngược lại, có thể nói rằng không có người vô thần xét về mặt trí tuệ, chỉ có người vô thần xét về lòng muốn. Họ cố tình chối bỏ Thiên Chúa, khước từ sự hiện diện của Ngài, mặc dầu trí khôn chấp nhận sự thật. Vì vậy Thánh vịnh không đặt tính vô

thần vào trí tuệ, mà vào trái tim: "Kẻ ngu xuẩn nói trong lòng rằng, không có Thiên Chúa." Sự đòi hỏi tiên quyết về thiện tâm không những cần thiết cho những ai tìm kiếm chân lý siêu nhiên, mà còn cho những ai muốn tiến triển về đàng tinh thần. Ôn huệ của Thiên Chúa không bao giờ thiếu vắng, nếu người ta sẵn lòng cộng tác với nó. Ý chí khát khao của cải làm cho người ta nên giàu có. Lòng muốn làm môn đệ Chúa biến đổi chúng ta thành tín hữu.

Một yếu tố khác ảnh hưởng đến việc đón nhận chân lý siêu nhiên là các thói quen trong nếp sống. Đây là căn do thất bại của con người hành động theo sự chỉ dẫn của lẽ phải luân lý mà chúng ta đã biết khi chân lý siêu nhiên đến với linh hồn, nó được nhận thức theo nếp sống của chúng ta, đúng như câu châm ngôn: ở bầu thì tròn, ở ống thì dài. Một số người có vô số thành kiến, hành động vô thức, thói quen cố hữu, ước mong vô độ, sẵn sàng gây chiến với ơn thánh Chúa, xóa bỏ thúc đẩy của Chúa Thánh Linh thì làm sao gọi được là thiện tâm để chấp nhận Tin Mừng? Điều trí khôn tiếp thu là tiếp thu với một bối cảnh. Bối cảnh này lập nên cái thói quen của nếp sống và người ta khó lòng từ bỏ mẫu mực sống của mình. Bất cứ sự thay đổi nhỏ nào cũng làm người ta khó chịu. Trước những sự thật siêu nhiên toàn bộ con người hạ đẳng và các thói xấu của nó, nổi dậy phản kháng với động lực cao hơn, nảy sinh từ trí tuệ để hướng về chân lý. Và như vậy, có người nói: Tôi sợ người ta cười khi trở thành một tín hữu. Tôi sợ gia đình tôi không chấp nhận. Tôi sợ bạn bè từ bỏ và trở nên kẻ thù với tôi rất nhiều chống chế tương tự vì thói quen cũ.

Những kẻ ước mong tôn giáo không có thánh giá, tự gọi mình là phái vô tri, ngộ hầu trốn tránh trách nhiệm luân lý phát sinh từ sự thật siêu nhiên. Chủ nghĩa yếm thế, vô tri, nghi nan trí thức, không thể đưa ra phản chứng tinh thần được. Bởi lẽ ở đâu có cái bóng thì ở đấy có ánh sáng. Ành sáng làm nên cái bóng. Nếu không có chi để phủ nhận, thì phủ nhận làm gì? Cho nên những thái độ trên chỉ là luận cứ luân lý suông. Trong luận cứ này người ta cố gắng bảo vệ mình khỏi chân lý siêu nhiên, làm thương tổn thói quen sống của mình, bằng cách khước từ sự hiện hữu của sự thật siêu nhiên, hay ít là quay lưng lại với nó, như quan Philatô trong vụ án Chúa Giêsu. Không phải nghi ngờ làm nên hạnh kiểm tha hóa. Ngược lại hạnh kiểm xấu gây nên nghi ngờ. Chúa Giêsu vạch rõ quan điểm này khi tuyên bố: "Quả thật ai làm điều ác, thì ghét ánh sáng và không đến cùng ánh sáng, để các việc họ làm khỏi bị chê trách. Những kẻ sống theo sự thật, thì đến cùng ánh sáng, để thiên hạ thấy rõ: các việc của người ấy đã được thực hiện trong Thiên Chúa." (Ga3,20-23). Các ông nghiên cứu Kinh Thánh, và nghĩ rằng trong đó các ông sẽ tìm được sự sống đời đời. Mà chính Kinh Thánh làm chứng về tội, các ông không muốn đến cùng tội để được sự sống." (Ga 5,39-40). Thánh Phaolô nhắc lại ý kiến của Chúa mình: "Họ tuyên bố là biết Thiên Chúa, nhưng trong hành động họ lại chối Người. Họ là đồ ghê tởm, không vâng lời và không có khả năng làm việc gì tốt." (Tt 1,16).

Điều quan trọng không phải là chuyện người ta nói chống lại Thiên Chúa, chống lại Đấng Cứu Thế, chống lại Ngôi Hai nhập thể, chống lại Hội Thánh nhưng là tại sao người ta làm như vậy. Chữ "tại sao" chẳng qua là sự "phổ thông" hóa thói quen sống của người ta. Người tín hữu bỏ đạo, thường lý luận như sau: "Tôi không thể tin vào bí tích thống hối được nữa." Thực tế anh ta nói: "Cuộc đời tôi tội lỗi quá. Tôi chẳng từ bỏ nếp sống nhục dục, để làm việc đền tội với Thiên Chúa." Lý trí được dùng ở đây để tạo ra nghi nan giả hiệu, để che phủ động cơ thực sự chứ không phải thực tế là như

vậy. Vì thế chỉ một mình Thiên Chúa có đủ quyền năng để phán xét chúng ta. Chúng ta có khuynh hướng tự bào chữa, tự biện minh cho mình, lấp liếm sự thật, không đáng tin cậy.

Có ba loại thói xấu chất chứa trong linh hồn tựa giống như bụi bậm trên tấm kính cửa sổ, ngăn cản ơn thánh Chúa đến với nhân loại. Bụi bậm thứ nhất là xác thịt hay lòng yêu thích vô độ các sung sướng giác quan. Loại thứ hai là tiền bạc gồm cả các tiện nghi, tài sản. Loại thứ ba là kiêu căng, ích kỷ, tính phù phiếm khoe khoang. Tẩy rửa cửa sổ linh hồn cho thanh sạch là điều kiện mời Chúa đến gần hơn: "Phúc cho những ai có tâm hồn thanh sạch, vì họ sẽ được nhìn xem Thiên Chúa."

Tất cả những lời khuyên nhủ, kêu gọi, luận cứ, dụ dỗ, để thăng tiến luân thường đạo lý chỉ là các yếu tố ngoại lai đối với con người ta. Giống như kiểu tư vấn tâm lý, hôn nhân, học đường thời nay. Sẽ không có hiệu quả nếu không có hành động tự bên trong con người cần được cải tổ. Chúng là những yếu tố bên ngoài giống như việc rung chuông trước cửa. Người ta không thể bước vào trong nhà nếu không có ai đáp lời từ bên trong. Kẻ nghiện rượu có thể công nhận rằng các luận cứ tâm lý hay mô phạm đều đúng cả. Nhưng hãy còn khoảng cách to lớn giữa tri thức phải lẽ và hành động theo lẽ phải. Thực tế nhiều con nghiện biết mình sai, biết ý chí của mình nếu không được nâng đỡ quyết liệt, vẫn không thể thoát ra khỏi vòng kiểm tỏa của rượu chè. Và họ có thể nổi sùng chống lại những ai can thiệp vào nếp sống của họ, chỉ vì các lời khuyên nhủ cải thiện của những người ấy. Nhiều cuộc cải cách nhân bản, pháp luật, luân lý đã từng được coi là không liên hệ tới mình bởi những tính nét hư hỏng.

Cho nên xét về mặt khác, ơn thánh Chúa là quan trọng. Nó hoạt động từ bên trong. Nó hoàn toàn có tính cá nhân, không chia sẻ được với ai, đến nỗi đương sự tưởng rằng do mình làm ra. Tác động của Thiên Chúa trong linh hồn không giống tác động của người khuyến dụ cải đạo. Người khuyến dụ cải đạo hành động tự bên ngoài, giống như trái banh trên bàn Billiard. Trái nọ va chạm vào trái kia. Nhưng đối với Chúa Giêsu, mặc dầu hoạt động qua các tông đồ, nhưng thấm nhập vào tận tâm can trí tuệ. Gọi là hoạt động nội tại, tức hành động của các sinh vật nảy nở và tăng trưởng. Khi ơn thánh hoạt động trong linh hồn, nó giống như một luồng sáng chiếu qua các cửa với muôn hồng nghìn tía mà trước kia các ô kính không có, lạnh ngắt và đen xì. Thật khó mà mô tả chính xác hoạt động của ơn Chúa trên các linh hồn. Bởi lẽ nó hoàn toàn tinh thần và vô hình, giống như chân lý đối với trí khôn. Chân lý hai nhân hai là bốn không chiếm một không gian nào hoặc chiều dài rộng trong trí óc chúng ta. Vậy mà nó có ở đây, người ta hiểu được nó. Nó ảnh hưởng sâu sắc đến suy nghĩ và hành động của mỗi người. Trên bình diện cao hơn, Thiên Chúa hành động trong trí tuệ chúng ta như chân lý và trong lòng muốn chúng ta như tình yêu mến. Đôi khi Ngài còn tác động mạnh mẽ vào linh hồn bằng một lực màu nhiệm khôn tả, đòi hỏi người ta phải cắt đứt hoàn toàn với ngoại vật.

Lúc Thiên Chúa chiếm đoạt, nhiều khi linh hồn không nhận ra. Chúng ta có thể nói Thiên Chúa xâm nhập linh hồn giống như kẻ trộm ban đêm. Người ta có thể đón nhận Ngài và cũng có thể khước từ. Nhưng không thể ngăn cản Ngài xâm nhập, bởi lẽ chính Ngài đã dựng nên nó. Giống như mặt trời mọc, đâu có phải xin phép ban đêm. Cũng vậy đời sống thần linh thấm nhập linh hồn chúng ta không cần hỏi ý sự tối tăm của trí khôn? Thiên Chúa thiết lập đầu cầu đổ bộ vào chính lúc chúng ta

bất ngờ nhất, gần như là bí mật, chẳng cần chúng ta có ý thức về sự hiện diện của Ngài. Ngài đến giống như một ý nghĩ, tự dung nẩy sinh trong đầu óc chúng ta, giống như ước mong mãnh liệt bất thần nổi dậy trong lòng muốn. Việc Ngài đột nhập không thấy được ngay lúc đầu. Chúng ta không hay biết Ngài có mặt trong linh hồn. Cũng chẳng thể cưỡng lại được bởi lẽ chúng ta không cảm nghiệm sự can thiệp nào từ bên ngoài. Thậm chí chúng ta còn nghĩ rằng sự hứng khởi của tinh thần mình là tự phát, mà không nghi ngờ nó đến từ Thiên Chúa. Giống như chúng ta nghĩ rằng đôi mắt mình tự thân xem thấy mọi sự, mà không ý thức sự cần thiết của mặt trời soi sáng, chỉ sau này khi đã hiểu rồi, chúng ta mới ngộ ra đó là tác động của ơn thánh siêu nhiên và vĩnh cửu.

Các cơ hội Đạo Chích thiêng liêng chọn để lấy đi những bất hạnh của chúng ta rất đa dạng. Nó có thể là giây phút chúng ta đã no thỏa sung sướng xác thịt, như trường hợp của Léon Bloy hay trước cảnh tượng của người qua đời, như thánh Phanxicô, hay cô đơn trong sa mạc với các trăng sao quá gần, như Ernest Psichari, hoặc đọc một cuốn sách hay như Jacques Maritain, hay nghe chuông nhà thờ như Paul Claudel. Bất cứ hoàn cảnh ngoại lai nào cũng có thể đem chúng ta về với Thiên Chúa. Chúng không quan trọng lắm. Chúng chỉ là những tình huống mỗi cá nhân được gặp Chúa. Tuy nhiên Thiên Chúa ở khắp mọi nơi, có thể gặp Ngài bất cứ nơi đâu, miễn chúng ta có lòng thành gọi là thiện tâm. Mặc dầu Thiên Chúa giữ lại cho mình quyền năng hành động trong tâm hồn người ta, khuyến khích họ trên đường nhân đức, xa tránh thói hư tật xấu. Tuy nhiên Ngài để tự do lựa chọn cho nhân loại hoặc đón nhận hoặc tẩy chay Ngài. Nhưng việc đột nhập linh hồn là quyền của Ngài, Ngài khuấy động lương tâm, dẫn dắt, cắn rứt nó, để nó từ bỏ tội lỗi, cải tạo nếp sống, gỡ hầu các đóm lửa ơn thánh bùng lên và đốt cháy. Người ta được tự do tranh cãi về sự thật, sự thiện, nếu như người khác viện ra. Nhưng tiếng nói bên trong mỗi người thì chẳng ai dám phủ nhận. Sự lựa chọn của chúng ta không phải nằm ở chỗ đồng ý hay không với mặc khải của Ngài trong tâm hồn, mà là chấp nhận hay từ chối lời kêu gọi của sự thật mà thôi. Sự thật mà linh hồn đã nhận biết.

Ngày nay, mọi người đều mong ước một tôn giáo, nhưng tôn giáo có ít đòi hỏi. Đó là lý do Kitô giáo đã từng phải làm dịu bớt các cam go của mình cho thích hợp với não trạng tâm thời, nhưng chỉ là chủ trương của một số thần học gia mị dân. Còn giáo lý của Chúa Giêsu phải được giữ tinh tuyền qua mọi thời đại. Mục tiêu của nó là thánh hóa các linh hồn. Mọi người đều muốn sức khỏe tốt, nhưng ít người tin tưởng vào ăn kiêng hay vất bỏ những thứ có hại cho thân thể. Hút thuốc lá là xấu, nhưng người ta cứ hút, không hy sinh rút bỏ. Giống như vậy, nhiều linh hồn có ước vọng mơ hồ nên thánh, nhưng lại không chịu đựng được hy sinh hãm mình. Năm vừa qua hàng trăm ngàn người hạ quyết tâm bỏ thuốc lá. Nhưng chỉ 24 giờ sau mọi dốc lòng của họ tan thành mây khói. Sự kiện này đủ chứng minh ý chí người ta yếu ớt biết bao. Vậy thì làm thế nào trí óc người tâm thời sửa soạn cho khổ chế thân xác, hy sinh hãm mình thực sự?

Nói "không" cho bản thân thật khó, cho nên vô số các triết gia đã dựng nên những triết lý trên nền tảng "có" cho mỗi thúc đẩy, mỗi ước ao dù nhỏ bé đến mấy của thân xác, rồi gán cho nó từ ngữ thật sang trọng gọi là "khẳng định mình". Nhưng sự thật vẫn là tất cả mọi tiến bộ trong lãnh vực của cuộc sống đòi hỏi hình thức nào đó của tinh thần kìm hãm. Các bác sĩ, các doanh nhân bắt buộc phải học từ những ngày hàn vi và coi khinh những khoái lạc sớm, nếu như muốn đạt tới mơ ước thành công.

Chuyên viên ngôn ngữ đông phương hay khảo cổ gia không thể cùng lúc là vô địch quần vợt. Trong mọi hướng đi của cuộc đời, nếu muốn đạt tới mục tiêu nào thì phải hy sinh nhiều sở thích khác. Trí tuệ được minh mẫn là do thân xác phải trả giá và ngược lại thân xác muốn phát triển thì trí tuệ phải hy sinh.

Vậy thì tôn giáo cũng đòi hỏi hy sinh. Nó không phải là cái nặng nhưng là thánh giá. Nó không phải là lối thoát mà là gánh nặng, không phải là cuộc chạy trốn nhưng là lời đáp trả. Người ta dựa nghỉ trên cái nặng nhưng thánh giá thì phải vác, phải mang. Kẻ hèn nhát có thể dùng nặng, nhưng vị anh hùng mang lấy thập tự. Hãy để cho kẻ tưởng nghĩ thánh giá dễ mang, nhận rằng mình sai lầm. Hoặc kẻ bẻ gãy quan hệ tình yêu với Thiên Chúa, rồi cố gắng đền bù tội lỗi bằng ăn chay, hãm mình, phạt xác. Rồi sẽ thấy phải trả giá cho những việc can đảm ấy.

Thánh giá được đặt trên vai những thói xấu của chúng ta: kiêu căng, ghen ty, giận dữ, dâm ô và sức nặng của nó tẩy sạch chúng đi. Như vậy nó sẽ đem chúng ta đến nguồn vui vô tận của cuộc sống tín hữu. Giống như con chim vành khuyên. Bài hát hay nhất nó học được từ trong đêm tối, ban ngày trong lòng nó chỉ học được vài điều vặt vãnh. Trong đêm tối nó học được cả bài đến nỗi thuộc lòng và cứ nhớ như vậy cho đến chết. Các bài nó hát làm say đắm lòng người. Nước mùa xuân trong vắt cuộn cuộn chảy giữa biển mặn. Hoa đẹp nhất của dãy núi Alps nở rộ trong các khe hiểm trở và bài hát hay nhất được sáng tác vào những giây phút linh hồn hấp hối. Chẳng ai nói rằng thời đá vàng tựa trên chiếc nặng lửa khi được nung cháy để tôi luyện thành vàng ròng. Cũng chẳng ai bảo rằng khối đá hoa cương êm ái tựa vào chiếc đục khi nghệ nhân tác tạo pho tượng. Những rượu chè rõ ràng là cái nặng của kẻ nghiện ngập, không sống được với lương tâm mình. Tôn giáo là thập tự của những ai muốn tẩy rửa lương tâm và như vậy không cần nhờ tới thuốc an thần.

Khi bà mẹ hai con ông Giêbêđê yêu cầu Chúa Giêsu cho hai con ngồi bên tả bên hữu Ngài trong vinh quang, thực chất bà xin hai chỗ dựa. Nhưng Chúa hỏi lại họ có uống được chén cay đắng từ bỏ mình và sống anh hùng không? Tuyệt trắng bản chất là lạnh lẽo, nhưng làm trái đất ấm áp và tươi trẻ. Cũng vậy các cố gắng, các khổ đau trong môi trường tái sinh luân lý làm cho linh hồn nên hoàn thiện và tốt lành. Những kẻ sươn lười thói rửa trong nhung lụa. Những người vác thập tự được ướp sống trong nước mặn. Sau mỗi cuộc cháy rừng ghê sợ người ta khám phá ra các hạt của một loại cây thông được sức nóng tách ra khỏi vỏ và nảy mầm. Cũng vậy, vác thánh giá là điều kiện để làm cho linh hồn trước là hạnh phúc, sau nên thánh.

Những kẻ tránh né, coi tôn giáo là chỗ dựa, thì giống như người mù gọi kẻ sáng mắt là hạng người xem thấy thị kiến. Một con thuyền chắc chắn không phải là cái nặng cho người muốn qua sông. Cái bút chì cũng không phải là cái nặng cho bàn tay muốn viết chữ. Nhưng bất cứ những ai không đủ khả năng trí tuệ để viết hoặc không đủ can đảm để học viết thì đúng cái viết chì chỉ là cái nặng. Những người anh hùng, do đó, phải sẵn sàng chịu đựng những lời chế riễu của kẻ nhát đảm. Cứ xem gương của Chúa Giêsu, khi Ngài bị xô ngã trên thập giá, các kẻ hèn hạ kêu gọi Người xuống khỏi đó. Vì họ quá hiểu cử chỉ anh hùng vì yêu mến của Ngài sẽ giết chết lòng ích kỷ của nhân loại. Từ lúc ấy nhân loại chia làm hai phe. Phe của những kẻ gọi tôn giáo là cái nặng để dựa. Bởi vì họ què

cho nên nghĩ mọi người đều què cả. Phe thứ hai gọi tôn giáo là thánh giá và tin vào lời dạy của Chúa Giêsu: "Hãy vác thập tự của mình hàng ngày và theo Ta".

Theo đúng lý luận, thì mỗi sự tìm kiếm khoái lạc, căn bản là cố gắng đạt đến hạnh phúc đời đời. Các vui thỏa hấp dẫn chúng ta là vì chúng ta hy vọng, nhờ nếm trước, đạt tới hưởng thụ điều chi đó vượt xa nó về cường độ và thích thú. Nếu có thể thỏa mãn cơn khát của một người, thì một cuốn sách, một bông hoa, một con chim, một ngôi sao cũng đủ. Nhưng thực tế không phải vậy. Chẳng có chi trên đời này làm no thỏa được khát vọng của linh hồn cả. Bởi vì ước muốn của chúng ta trong hết mọi sự. Nó giống như con tàu lớn làm ra để chạy biển khơi. Nếu người ta bắt nó chạy trong chỗ nước cạn, hẳn nó cảm thấy không an toàn. Đòi hỏi một người bằng lòng với những vật hữu hạn là phá hủy bản tính của họ. Thiên Chúa dựng nên họ cho những điều vô hạn. Lòng ham muốn sự thiện của chúng ta lớn hơn khả năng trái đất có thể thỏa mãn. Lòng yêu mến thơ phú chẳng qua chỉ là như tiếng kêu la, than khóc, nỉ non. Càng thanh cao, càng chân thật lại càng đau xót. Nếu như đạt được điều mình khao khát thì niềm vui cũng chỉ tràn ngập trí tuệ được một khoảnh khắc. Buổi chiều nó sẽ chảy về chốn bao la của ước mong chưa trọn.

Cho nên cơn khát vĩnh cửu của nhân loại không bao giờ lặng yên. Ngay cả những kẻ vỡ mộng vì khoái lạc quá độ, cũng luôn luôn nuôi trong trí khôn hy vọng tìm được ở đâu đó nguồn sung sướng thật hơn là những điều họ đã nếm thử. Sự kiếm tìm nguồn tình yêu vô hạn chẳng bao giờ có cùng, chẳng ai thực sự yêu mến cái chi trừ phi hẳn nghĩ nó là vĩnh viễn. Không phải mọi người đều gọi tên được điều vĩnh hằng này, mặc dù họ luôn khao khát, luôn hướng tới. Nhưng người có tín ngưỡng như chúng ta gọi là Thiên Chúa.

Như vậy lòng theo đuổi khoái lạc là dấu chứng bản chất cao hơn của con người, là triệu chứng của tính cô đơn người ta phải chịu đựng trên thế gian. Bị giằng co giữa vật chất ở đời này (thường khi là lừa dối) và sự siêu việt xa xôi lôi kéo lòng trí hướng về, con người luôn ở vào vị trí nguy hiểm tự ghét mình và thất vọng cho đến khi tìm được Thiên Chúa, đáng thỏa mãn khát vọng vô biên của mình. Như triết gia Pascal viết: "Kiến thức về thân phận cùng khổ mà không nhận biết Thiên Chúa, gây nên tuyệt vọng. Kiến thức về Chúa Giêsu, chúng ta tìm thấy Thiên Chúa và sự khốn cùng của mình."

Vậy thì chúng ta không thể gạt Chúa ra khỏi cuộc đời mình được. Ngài có con đường riêng để xâm lược linh hồn mọi người. Có hai lỗ hổng trong các bức tường nơi con người, có hai vết rách nơi áo giáp, hai lối vào bí mật trong bản chất con người qua đó Thiên Chúa xâm nhập vào mỗi linh hồn. Chúng là thành phần của bản tính và chúng ta không thể thay đổi được. Khi Thiên Chúa dựng nên loài người. Ngài đã thiết lập nó nơi chúng ta, giống như hai nơi thoát hiểm của ngôi nhà cao tầng. Ngay cả khi trí tuệ con người ngăn cản lối vào của Thiên Chúa bằng những vật cản giả hiệu, để tin rằng các suy nghĩ xấu xa ngăn cản đã được dựng nên, thì Ngài vẫn còn khả năng xâm nhập linh hồn qua những cánh cửa bí mật chúng ta không làm thế nào gài lại được.

Cánh cửa bí mật thứ nhất là lòng yêu mến sự thiện. Khi chúng ta đuổi theo mỗi mẫu vật chất tốt lành quyền rũ mình, thì thực ra linh hồn theo đuổi toàn thể sự lành vô biên của Thiên Chúa. Mỗi sự kiếm tìm vui thú, tình yêu bạn bè, vỗ tay tán thưởng đứa bé ngoan, so sánh điều hay lẽ phải là ám chỉ chúng ta vươn tới điều thiện vượt xa những sự vật đó. Bởi lẽ không sự kiện nào hoàn toàn làm thỏa lòng mình. Mỗi sự thiện hạ cấp mà chúng ta tán dương nói lên lòng chúng ta khát khao sự thiện tuyệt đối tức Thiên Chúa. Nói rằng mình ước muốn vật tốt lành, chứ không phải điều tốt lành là Thiên Chúa, thì cũng giống như tuyên bố chúng tôi yêu mến tia nắng mặt trời chứ không phải chính mặt trời, chúng tôi yêu thích ánh trăng và chê ghét mặt trăng. Bản chất của mặt trời không vào tới phòng chúng ta cùng với tia nắng, nhưng là dự phần của nó. Giống như vậy. Không có nguyên tố nào của Thiên Chúa trong quả táo ngon, trong người bạn tốt. Nhưng dự phần của sự thiện luôn có mặt. Chẳng ai có thể yêu mến về tốt lành mà không ám chỉ yêu mến sự tốt lành. Trong ý nghĩa ấy Thiên Chúa lẫn vào linh hồn người ta ở mỗi khát khao, mỗi niềm vui sướng của nó.

Bởi vì lòng ưa chuộng của con người đối với những chi là thiện hảo, là tốt lành, cho nên chẳng cuộc sống nào lại gồm toàn những hành động xấu tự bản chất. Kẻ sát nhân đánh hơi trước sự tốt lành của một bữa ăn ngon. Ông đạo chích đáp ứng nhu cầu của đứa trẻ đói khát. Tay giang hồ phân phát lương thực cho dân nghèo đường phố một cách hào phóng. Cho nên ở đời việc tốt xấu lẫn lộn. Chẳng người nào muốn đời tội lỗi, phạm thượng, bách hại. Nhiều khi người chai đá cũng biết trồng hoa hồng, chăm sóc bệnh nhân, giúp đỡ hàng xóm. Trong mỗi sinh linh đều có nhiều khả năng ăn ở tốt tự nhiên. Họ sống một cách ương ngạnh trong các đam mê nổi bật của mình. Ngay cả khi những đam mê ấy hướng về đàng xấu. Nhưng trong mỗi người có yếu tố không thể lây nhiễm sự dữ, cho nên không ai hoàn toàn là hư hỏng, không thể cải tạo, là bất trị. Những ai chứng kiến những việc tốt của chúng ta, khâm phục chúng ta. Những ai chỉ nhìn thấy các việc xấu, khinh miệt chúng ta. Đó là lý do tại sao lại có nhiều ý kiến đến vậy chung quanh một người. Cho nên, ngay cả khi lòng muốn quá sa đọa, ngay cả khi tạo vật bị mê hoặc, bị thôi miên bởi một say đắm tội lỗi lớn, làm cho nó ngày đêm trốn chạy Thiên Chúa mà gắn bó với tình dục hoặc quyền bính. Ngay cả khi, trái lại có một vài thái độ tốt, đáng khen ngược với tính nết chung, thì Thiên Chúa cũng có quyền năng dùng những điểm tốt này để nâng linh hồn tới bình an, giống như người ta dùng cái quai sách của một chiếc thùng nơm bần mà nhắc nó lên vậy.

Chiếc cửa bí mật thứ hai để Thiên Chúa đột nhập một linh hồn là tính chán chường khoái lạc, chán ngán cuộc đời, no thỏa khát vọng chóng qua, cô đơn hiện tại, âu sầu vô có và tuyệt vọng tương lai. Dầu ngập lặn trong sung sướng xác thịt đến mấy đi nữa, người ta cũng không thể đi hết điều ác. Loài người vẫn còn tự do và lựa chọn mênh mông, không cạn kiệt được. Mỗi khoái lạc, mỗi đam mê, mỗi khao khát xác thịt xét cho cùng đều có hạn. Nhục dục dầu đòi hỏi thể nào đi nữa thì khi thỏa mãn vẫn không làm chúng ta hài lòng. Trong cuộc sống rã rời của các kẻ vui chơi thâu đêm suốt sáng vẫn còn một lựa chọn, vẫn còn một dây đàn hồ hững chưa ai gảy tới. Đó là khoái lạc đời đời mà người ta chưa từng được hưởng. Những câu tuyên bố như: "Tôi đã từng đi qua cuộc đời, đã được xem mọi sự, được nếm mọi vui thú" không bao giờ hoàn toàn đúng. Những người nói như vậy chứng tỏ trí óc còn non dại, bởi họ chưa khám phá ra một cuộc mạo hiểm lớn lao nhất trên thế gian. Xin nhớ người giàu có trong phúc âm còn phải hỏi: "Tôi còn thiếu chi nữa để mình được hạnh phúc?" Ông ta biết và mọi

người yêu thích nhục dục đều biết dù thỏa mãn đến đâu đi nữa thì vẫn còn chỗ cho các khao khát khác. Người ta luôn còn cái chi đó để ao ước, còn nhu cầu nào đó phải chăm lo. Chúng ta biết nhưng không biết hết mọi sự. Chúng ta yêu nhưng chưa yêu cùng tận. Chúng ta ăn nhưng vẫn còn đói. Chúng ta uống nhưng vẫn còn khát: "Con mắt có nhìn bao nhiêu cũng chẳng no thỏa, tai có nghe đến mấy cũng chưa đầy" (Cv 1,8).

Chúng ta hoàn toàn thất bại trong các nỗ lực tìm kiếm thỏa lòng trong các sự vật chóng qua. Bởi vì giống như con cá cần nước, đôi mắt cần ánh sáng, chim trời cần không khí, cây cỏ cần đất cát, thì linh hồn thiêng liêng cần Đức Chúa Trời vô biên. Cho nên linh hồn sẽ cảm thấy trống rỗng, chán nản, cô quạnh với những gì mình chiếm hữu và khát khao những gì mình chưa có. Bởi lẽ Thiên Chúa đã bị gạt ra khỏi ý nghĩ con người, Thiên Chúa mà con người đã được tạo dựng nên cho Ngài. Sự buồn chán là hậu quả của việc vắng mặt Thiên Chúa trong linh hồn. Giống như bệnh hoạn là sự thiếu thốn sức khỏe nơi thể xác, đói khát là sự không có thức ăn trong dạ dày. Sự thiếu thốn trong chúng ta chỉ ra tính hiện hữu của vật nào đó có khả năng làm đầy khoảng trống. Thiên Chúa sẽ đi vào linh hồn xuyên qua cánh cửa bí mật của sự trống rỗng này. Nếu đầu tiên linh hồn không chấp nhận, Ngài sẽ tăng cường sự bất an và cô đơn cho đến khi linh hồn đón nhận Ngài như vị khách thân thiết và vĩnh viễn.

Chương 2

CHÚA GIÊSU TRỢ GIÚP TRÍ LÒNG CHÚNG TA

Đời sống của con người tân thời là một cuộc vật lộn liên lý. Nguyên nhân của nó không phải là hoàn cảnh. Bởi lẽ hàm thiếc bằng vàng không làm cho con ngựa chạy tốt hơn. Người có hoàn cảnh tốt nhất trong lịch sử là tông đồ Giuđa. Nhưng ông đã chết nhục nhã và xấu hổ. Cuộc vật lộn cũng không nằm ở chỗ người ta ngu dốt. Chẳng vậy, những người có học vị tiến sĩ là thánh hết. Thực tế đâu được như thế. Cuộc vật lộn cũng không nằm ở cá nhân mà thôi. Dĩ nhiên tội của mỗi người tăng cường mặc cảm của họ, nhưng một điều không chối cãi được là tất cả nhân loại đều cảm thấy sự chiến đấu trong tâm hồn mình. Và bởi vì sự căng thẳng không phải của riêng anh, tôi, hắn, cô ta, bà ta, cho nên con người ta phải thừa nhận rằng sự tranh đấu trong tâm hồn mình không có nguồn gốc cá nhân, phải nằm ở bản tính con người nói chung. Gốc của mọi bất ổn nằm ở nơi cá nhân và bản chất nhân loại chứ không riêng ở phía nào. Khoa tâm lý chủ trương mọi bất ổn đều có căn nguyên là sự thác loạn ở chính cá nhân mà thôi, sẽ thiếu sót nghiêm trọng về tính phổ quát của các bất ổn. Hết mọi sinh linh đều cảm thấy tâm hồn lo lắng bồn chồn thì giải thích riêng tư hay cá biệt không thể thỏa mãn đủ. Nó đòi hỏi một lời giải thích rộng lớn hơn. Nguyên nhân cá biệt chỉ là hậu quả của nguyên nhân tự nhiên, cũng như tội cá nhân là hậu quả của bản tính hư hỏng chung của loài người. Nói cách khác, cá nhân phạm tội vì bản tính tự nhiên của loài người đã phạm tội.

Bởi lẽ nguồn gốc thật sự của các vật lộn trong tâm hồn con người không nguyên chỉ ở cá nhân mà thôi, nhưng còn ở bản chất con người nữa. Cho nên phải khảo sát cận kề bản chất nhân loại, yếu tố chung cho mọi người sinh ra trên hành tinh này. Có hai sự kiện nổi bật.

Thứ nhất, con người ta không phải là một thiên thần và cũng chẳng phải là quỷ sứ. Hẳn là một hữu thể không hư hỏng hoàn toàn từ bản chất (như các thần học gia bắt đầu chủ trương từ bốn trăm năm trước) cũng không phải là thần thánh từ căn nguyên (như các triết gia tuyên truyền từ năm mươi năm trở lại đây). Đúng hơn, con người có một khát vọng về sự thiện; đồng thời nghiêng chiều về điều dữ. Điều dữ luôn thôi thúc hấn rời xa các lý tưởng. Hấn giống như một gã đàn ông lỡ chân rớt xuống giếng vì đại dột. Hấn biết mình không nên ở đáy giếng, nhưng bất lực không làm sao tự mình lên khỏi. Hoặc chúng ta thay đổi hình ảnh. Hấn giống như chiếc đồng hồ đứt giây thiêu, cần người thợ từ bên ngoài sửa chữa, không thể tự điều chỉnh lấy mình. Anh ta sẽ phạm sai lầm nếu quá lạc quan bảo rằng thuyết tiến hóa cung cấp cho hấn sợi dây thiêu khác. Mặt khác cũng sai lầm không kém khi quá bi quan cho rằng thế là toi đời, không sao sửa chữa được nữa. Thực tế con người là một tạo vật có thể phục hồi tiến trình sống tốt, nếu Thượng đế đồng hồ thương tình sửa chữa.

Thứ hai, nỗi khắc khoải này có bộ mặt méo mó là vì người ta đã lạm dụng tự do. Giống như gã say rượu, gã say là vì hành động lựa chọn uống nhiều rượu của hấn. Cũng vậy bản tính nhân loại xem ra đã mất tính tốt lành nguyên thủy mà Thiên Chúa nhân hậu đã kháng ban cho, qua một hành động lựa chọn. Thánh Augustino viết: "Hiện trạng chúng ta là thế nào đi nữa, thì cũng không phải là vị trí mình phải có". Các thần học gia cổ điển cũng như tân thời hay so sánh nguồn gốc của các vật lộn này trong tâm linh người ta với âm nhạc. Xin tưởng tượng một ban nhạc giao hưởng trên sân khấu với một ông nhạc trưởng tài ba. Các nhạc công tự do chơi nhạc do ông nhạc trưởng sáng tác và điều khiển, bản giao hưởng rất hay, nhưng một nhạc công nổi loạn, cố tình chơi sai một nốt, rồi dụ dỗ các bạn cũng chơi sai như mình. Bản nhạc lúc này là một hỗn hợp các âm thanh chói tai, không êm đềm như trước nữa. Thấy vậy, ông nhạc trưởng có thể lựa chọn: Cho ban nhạc chơi lại trường canh, hoặc không lưu tâm đến nốt nghịch âm sai. Thế nào đi nữa thì đoạn nhạc hư đã đi vào không gian vũ trụ với tốc độ hơn ba trăm mét một giây. Cứ thế nó đi mãi tới vô tận, ảnh hưởng tới các hòa hợp vũ trụ dù nhỏ bé nhất, nó giống như viên đá ném xuống ao, gây nên làn sóng rộng mãi, rộng mãi tới bến bờ xa nhất, nốt nghịch âm này cũng lan tới các ngôi sao xa nhất trong bầu trời. Bao lâu còn thời gian, bấy lâu nó còn gây bất hòa trong vũ trụ của Thiên Chúa.

Làm thế nào để ngưng được nốt nghịch âm đó? Con người chẳng làm được, vì không có khả năng đuổi kịp! Thời gian không thể trôi ngược dòng, đã đi là mất. Con người lại dính chặt vào nơi chốn. Tuy nhiên nốt nghịch âm trên kia vẫn có thể nắm bắt được bằng quyền năng của Đấng tối cao, bước ra từ vô cùng đi vào thời gian. Ngài tóm lấy nốt nhạc lạc điệu ấy, bắt nó ngừng trôn chạy, tuy nhiên nó vẫn là nghịch âm trong tay Chúa. Với quyền năng vô biên Ngài viết một hòa âm mới, bắt đầu từ nốt nhạc hư hỏng. Nó trở thành nốt thứ nhất và mọi sự đều lại hòa hợp êm tai.

Ngày xưa ngày xưa, trước cả khi có Oedipus và Electra, Thiên Chúa đã viết hoà âm tạo dựng. Khoáng chất, hoa lá, cỏ cây, súc vật đều từng phục con người. Con người với các đam mê từng phục

lý trí, chịu sự chỉ đạo của lẽ phải. Và con người say mê Thiên Chúa, tức tình yêu vô biên. Thiên Chúa trao bản giao hưởng đó cho Adam, Evà để chơi với đầy đủ hướng dẫn, tới chi tiết cuối cùng để tránh sai lầm. Người đàn ông và vợ mình được tự do vâng theo hay chống lại hướng dẫn của Thiên Chúa để sản xuất hòa âm hay nghịch âm. Thằng quỷ Satan gợi ý hai ông bà rằng Ông nhạc trưởng độc tài đã chỉ định trên bản nhạc phải chơi ra sao, chỗ được chơi, chỗ không và như vậy phá hủy tự do của hai người. Nhạc công phụ nữ là kẻ đầu tiên mắc mưu, gục ngã dưới ý nghĩ rằng tự do bị lệ luật của ông nhạc trưởng hạn chế, cho nên bà đã vạch cung lạc điệu thứ nhất để khẳng định "tự do" của mình. Tư cách của nhạc công này chẳng đàn bà chút nào. Vì thói tục xưa nay phụ nữ vốn hay vâng lời. Sau đó bà ta quyến rũ chồng làm như vậy. Ông ta vì yêu vợ đã hành động không hợp với lý trí, vốn là đặc tính của đàn ông. Cứ như vậy cặp nợ bảo cặp kia làm cho nghịch âm nguyên thủy lan tràn khắp mặt đất. Bất cứ nơi đâu có đàn ông, đàn bà hợp tác với nhau, y như rằng có tội nguyên tổ, bởi mỗi bên đều thừa hưởng hậu quả của nghịch âm, trừ ra một người sẽ được sinh ra sau này theo lời hứa. Hậu quả của nghịch âm thậm chí còn ảnh hưởng đến cả vũ trụ vật chất. Gai góc mọc đầy đồng, muôn thú trở nên hoang dã. Giống như dòng suối bị ô nhiễm từ nguồn mạch, sẽ hôi thối suốt cả chiều dài của nó, thì tội lỗi của hai ông bà lan tràn khắp nhân loại.

Nốt nghịch âm nguyên thủy này, loài người tự thân không chặn lại được, nó vượt quá khả năng mình, bởi họ đã xúc phạm đến nhạc trưởng có đặc tính vô biên. Họ đã mắc một món nợ không thể trả nổi. Chỉ có thể trả được bởi Đấng Vĩnh Hằng bước ra khỏi cõi đời đời mà vào thế gian. Nhưng giữa việc ông bà nổi loạn với việc bắt lấy nốt nhạc lạc loài có sự khác biệt rất lớn. Nốt nhạc chẳng có tự do, hai ông bà đều được Thiên Chúa ban cho tự do và Thiên Chúa luôn tôn trọng tự do của họ. Ngài luôn từ chối là một nhà độc tài phá hủy tự do của con người, để bãi bỏ sự dữ. Thiên Chúa có toàn quyền ngăn chặn nốt nhạc, nhưng Ngài không muốn ép buộc con người. Thay vì cưỡng bách, Ngài lại hỏi ý kiến loài người xem họ bằng lòng đăng ký làm nhạc công cho ban nhạc thiên cung lần nữa không?

Một thiên thần sáng láng bay khỏi thiên cung huy hoàng, xuống trần gian qua một cánh đồng miền Palestin gọi là Esdralon, tới một làng nhỏ Nazareth, vào nhà một trinh nữ tên là Maria. Bởi lẽ một phụ nữ đã không vâng lời, gây cung nhạc sai, thì một phụ nữ khác có bổn phận sửa chữa, phụ nữ này không lây nhiễm tội lỗi nguyên tổ nhờ vào công nghiệp con bà sau này. Bà tham dự trước vào công nghiệp của con bà sẽ lập được trước tòa Thiên Chúa Ba Ngôi. Thật xứng đáng Đấng là sự vô tội giáng trần qua một cửa ngõ xác thân tinh tuyền không ô nhiễm bởi tội lỗi chung. Đặc ân này của người trinh nữ được Giáo Hội gọi là Đầu thai vô nhiễm nguyên tội. Bởi lẽ một thiên thần sa ngã đã dụ dỗ người phụ nữ đầu tiên nổi loạn, thì nay Thiên Chúa gửi một thiên thần khác không sa ngã, Gabriel, đến đàm hỏi người đàn bà mới Maria xem bà có đồng ý cho Ngài một con trẻ không? Tức một nốt nhạc mới của nhân loại để Ngài viết bản hòa tấu mới. Con trẻ này phải thuộc nam giới, bằng không, Thiên Chúa không thể hành động nhân danh loài người. Điểm khác, trẻ ấy phải đứng ngoài dòng ô nhiễm của nhân loại. Sinh bởi một phụ nữ, ông ta thực sự là người sinh bởi một trinh nữ tinh tuyền, không hề lây nhiễm tội lỗi. Thiên thần cất tiếng hỏi trinh nữ xem cô có đồng ý làm một người mẹ. Bởi vì bất cứ sự sinh nở nào cũng đòi hỏi tình yêu, cho nên trong trường hợp của trinh nữ, ngọn lửa và đam mê của tình yêu là Đức Thánh Linh rợp bóng trên cô và người con mà cô sinh ra, chính

là con Thiên Chúa, đồng thời là loài người. Tên của ngài là Giêsu, bởi vì ngài sẽ cứu thế giới loài người khỏi tội lỗi.

Đầu thai vô nhiễm và sinh nở khiết trinh là khởi đầu của dòng giống nhân loại mới, giống như cầu khoá trên một dòng kênh, nhưng cách đặc biệt hơn. Nếu con thuyền muốn vượt hai mực nước thì cần đến cầu khoá. Nó đang chạy ở mực nước thấp ô nhiễm và muốn vượt lên mực nước cao trong sạch, người ta phải cho nó đi vào một cầu khoá trên con kênh, có cửa đóng lại, sau đó cho nước cao chảy vào cầu khoá và nâng con thuyền lên, rồi lại mở cánh cửa phía trên để con thuyền tự do chạy trên mực nước mới, trong sạch, không hề mang theo một chút nước ô nhiễm của đoạn phía dưới. Sự kiện đầu thai vô nhiễm nguyên tội của Đức Maria giống như đoạn kênh khoá đó, trong ý nghĩa qua mẹ nhân loại mới thoát được mực nước ô nhiễm của con cháu Adam, Evà mà bước lên chức vị làm con cái Thiên Chúa.

Khi đồ án này được trình lên cho Đức Maria trong một kế hoạch lớn nhất của tự do mà thế giới từng nghe biết đến, thì Đức Mẹ trả lời: Nay tôi là tôi tớ Thiên Chúa, xin làm cho tôi như lời Ngài nói. Lập tức Thiên Chúa thực hiện chương trình. Ngài sai Ngôi Hai mặc lấy thân hình người phạm trong cung lòng thanh khiết của Đức Maria. Chín tháng sau Đấng đời đời thiết lập đầu cầu chiến đấu tại Bethlehem. Đấng Vĩnh Hằng xuất hiện trong thời gian, con chim xây tổ lại được ấp nở trong cái tổ mình xây, Đấng dựng lên thế giới lại sinh ra trong thế giới mà mình làm nên, nhưng thế giới đã không chấp nhận Ngài. Bởi vì là nhân loại, Ngài hành động như nhân loại, chịu trách nhiệm như một người. Vì là Thiên Chúa, mọi việc của Ngài với bản tính nhân loại, có giá trị vô cùng. Qua bản tính nhân loại vô tì tích của Ngài, Ngài chịu trách nhiệm về hết mọi tội lỗi của thế giới, đến mức độ mà lời lẽ mạnh mẽ của thánh Phao-lô gọi là "làm thành tội nhân". Giống như người anh cả giàu có gánh lấy nợ nần của người em phá sản, Chúa chúng ta cũng mang lấy những bất ổn, bất hòa, phạm thượng, kiêu căng, phản loạn và muôn vàn hình thức tội lỗi khác mà trở thành phạm nhân. Tựa như thỏi vàng bị ném vào lửa để gột rửa hết các vết nhơ, Ngôi Hai Thiên Chúa mặc lấy xác phạm và chịu lửa tội lỗi thiêu đốt để tội lỗi chúng ta được tẩy sạch. Xin lại lần nữa thay đổi hình ảnh. Tại vì tội thì ở trong máu cho nên Ngài phải đổ hết máu ra để cứu chuộc loài người. Bởi vì không có đổ máu thì chẳng bao giờ được tha tội.

Lịch sử đầy rẫy những người tự xưng mình từ Thiên Chúa mà đến, thậm chí tự nhận là ông trời con hoặc giả sử, là thân của Thượng Đế như Đức Phật, Ma-Hô-Met, Khổng Tử, Lão Tử, Đức Kitô và hàng ngàn người khác, kể luôn các vị sáng lập tôn giáo mới cho đến hôm nay. Mỗi vị đều đòi quyền được thiên hạ lắng nghe và công nhận. Giống như cái thước đo đạc phải ở ngoài vật thể được đo, thì cũng cần có một vài tiêu chuẩn vững chắc để, mọi nền văn minh mọi thời đại xác định xem những kẻ đòi hỏi như trên có chính đáng hay không? Có hai loại tiêu chuẩn để kiểm tra: Lý trí và lịch sử. Lý trí bởi bất luận ai cũng có, ngay cả những người vô tín ngưỡng. Lịch sử bởi mọi người đều sống trong đó và có chút hiểu biết về nó.

Lý trí bảo rằng bất cứ ai trong những người này thực sự từ Thiên Chúa mà đến, thì điều tối thiểu Thiên Chúa làm, để ủng hộ đòi hỏi của ông ta là báo trước việc ông xuất hiện. Các xí nghiệp chế tạo

xe hơi đều quảng cáo trước với khách hàng mẫu mã mới của chiếc xe. Nếu Thiên Chúa gọi ai đến trần gian hay chính Ngài thân hành đến với một thông điệp quan trọng cho thế gian, thì Ngài phải sai sứ giả đến trước để báo tin quan trọng đó, mới hợp lý. Sứ giả phải nói rõ thời gian và nơi chốn Ngài ngự giá, tiếp theo là nơi ở, giáo thuyết Ngài sẽ dạy, các thù địch chống đối, các dự kiến cho tương lai, và cách thức ngài khuất đi. Người ta sẽ căn cứ vào các sự kiện đó mà xét đoán đòi hỏi của ông ta xác thực hay không.

Lý trí còn bảo đảm rằng nếu Thiên Chúa không làm như vậy, thì chẳng lấy chi ngăn cản thiên hạ giả dạng Ngài mà tuyên bố bừa bãi trong lịch sử rằng "tôi đến từ Thiên Chúa" hoặc "một thiên sứ" xuất hiện với tôi trong sa mạc và ban cho tôi thông điệp này. Trong những tình huống như vậy, chẳng có cách nào khách quan, lịch sử để xác nghiệm người sứ giả đó. Chúng ta chỉ có bằng cứ duy nhất là lời ông ta. Và dĩ nhiên ông ta có thể nói không đúng sự thật.

Giả dụ có một vị khách đến thủ đô nước ta từ một quốc gia khác trên thế giới và ông cho biết mình là một nhà ngoại giao, đại sứ chẳng hạn, dĩ nhiên nước ta phải hỏi giấy tờ bằng chứng như thông hành, uỷ nhiệm thư v v để bảo đảm ông ta đại diện cho chính phủ nước đó. Các giấy tờ phải được ký trước ngày ông ta đến. Những chứng cứ như vậy là điều kiện cần thiết cho một phái bộ nước ngoài, thì nhất định phải có đối với những sứ giả tuyên bố mình đến từ Đức Chúa Trời. Lý trí sẽ hỏi mỗi vị sứ giả "quí vị có những giấy tờ nào trước khi quí vị hạ sinh và đến đây?".

Với trắc nghiệm như vậy, chúng ta có thể đánh giá mỗi ứng cử viên (và ở bước đầu này, Chúa Giêsu không trở vượt hơn các người khác). Triết gia Hy Lạp Socrates, không có ai báo trước việc ông ta sinh ra. Đức Phật Thích Ca cũng không, ngay cả đối với sứ điệp của ngài cũng vậy. Chẳng ai biết trước khi nào ngài ngồi đấng đạo dưới cây bồ đề. Khổng Tử không có tên mẹ và ngày sinh tháng đẻ, không quê hương, không nơi chốn ghi sẵn ở sổ sách trước. Cũng không ai cho biết trước các tiểu vương quốc ông sẽ chu du để rằng người ta có thể đón ông như sứ giả của nhà trời. Nhưng đối với Chúa Giêsu thì mọi sự khác hẳn. Bởi lẽ Cựu ước đã tiên báo trước, cho nên việc Ngài đến thế gian không phải là bất ngờ, không trông đợi. Trong lịch sử chẳng có lời báo trước về Đức Phật, về Khổng Tử, Lão Tử, Ma-Hô-Mét hoặc bất cứ ai sinh ra. Nhưng về Đức Kitô thì vô số. Những người khác đến thế gian rồi mới nói: "Ta đây, hãy tin Ta". Cho nên quí vị đó chỉ là phạm nhân, giữa muôn vàn phạm nhân và không phải là thần linh trong nhân loại. Chỉ một mình Chúa Giêsu đứng ra khỏi hàng ngũ đó mà nói: "Hãy lục lợi sách vở của người Do thái và lịch sử liên hệ của các đế quốc Babylon, Ba tư, Hy Lạp, Rôma", thì sẽ biết (lúc ấy, các sách vở dân ngoại và ngay cả Cựu Ước cũng chưa được coi như linh hứng, mà chỉ là tài liệu lịch sử mà thôi).

Đúng vậy các lời sấm trong Cựu ước chỉ được hiểu tốt nhất, dưới ánh sáng của các ứng nghiệm. Ngôn ngữ các tiên báo không có tính chính xác như toán học. Tuy nhiên khi chúng ta tìm hiểu vài đoạn văn Thiên sai trong Cựu ước và so sánh kết quả với sứ vụ và đời sống Chúa Kitô, chúng ta chẳng thể khước từ tính chân thực của các tiên báo ấy về Chúa Giêsu và vương quốc Nước trời, Ngài sẽ thiết lập. Lời hứa của Thiên Chúa với các tổ phụ Do Thái rằng qua họ mọi dân tộc trên mặt đất sẽ được chúc phúc. Lời sấm về chi tộc Giuđa sẽ trở vượt hơn các chi tộc Do Thái khác cho đến

khi Đấng Cứu thế xuất hiện. Đấng muôn dân muôn nước qui phục. Một điều khác lạ nhưng không phủ nhận được nơi Kinh thánh bảy mươi. Các kỳ lão Do Thái dịch từ tiếng Do Thái cổ sang tiếng Hy Lạp tại thành phố Alexandria, Ai Cập đã tiên tri rõ ràng sự sinh nở đồng trinh của đấng Mêsia (Bản dịch viết là người nữ sẽ đập dập đầu con rắn, chứ không phải dòng dõi người nữ, như các bản dịch bây giờ). Lời sấm Isaia chương 33 về người tội tử chịu đau khổ dữ dội, người tội trung của Đức Chúa, người sẽ hy sinh mạng sống mình như một kẻ có lỗi, để đền thay các xúc phạm của dân. Lời sấm về vương triều nhà David vững bền, hiển hách, vinh quang mà chẳng ai ứng nghiệm nổi ngoài Chúa Giêsu. Xin chỉ nhìn về khía cạnh lịch sử, thì đây là điểm duy nhất mà Chúa Kitô đứng ra ngoài hàng các vị sáng lập tôn giáo trên thế giới. Và một khi các lời tiên báo này đã được ứng nghiệm trong ngôi vị Đức Giêsu Kitô, thì không những mọi lời tiên tri trong dân Do Thái chấm dứt mà cả lễ nghi hy tế phụng thờ cũng không còn nữa, lúc Con Chiên vượt qua đích thực bị sát tế trên đồi Calvario.

Một sự kiện nổi bật khác nữa, là lúc Ngài xuất hiện trên mặt đất, Ngài đã tác động mạnh mẽ vào lịch sử, chia nó ra làm đôi. Một, trước khi Ngài đến và hai, sau khi Ngài đến. Năm nay là 2005 năm sau khi Ngài đến. Đức Phật Thích Ca không làm được điều này, mặc dầu Đức Phật sinh ra trước. Các triết gia lớn của Ấn độ, Trung Hoa cũng vậy, Ngay cả những kẻ vô thần, từ chối Thiên Chúa cũng phải dùng ngày, tháng, năm, để ghi dấu các phát biểu tán công Ngài. Thí dụ ngày x tháng y năm z hay bao năm sau Thiên Chúa Giáng sinh.

Bất cứ người nào đến thế gian này là đến để sống. Còn riêng Ngài, đến để mà chết. Chết là đá tảng vấp ngã đối với triết gia Socrates. Nó chấm dứt việc dạy dỗ của ông ta. Tuy nhiên, với Chúa Giêsu, chết là mục tiêu, là hoàn thành cuộc sống trần gian, là viên ngọc mà Ngài tìm kiếm. Chẳng có lời nói, việc làm của Ngài mang ý nghĩa nếu không liên hệ với thánh giá. Ngài bày tỏ mình như Đấng Cứu Thế hơn là thầy dạy đơn giản. Dạy bảo người ta nên tốt chẳng ích lợi chi nếu không ban cho người ta khả năng để nên tốt, sau khi đã vạch rõ cho họ sự vô vọng của tội lỗi.

Câu chuyện của đời người khởi sự lúc sinh ra và chấm dứt khi chết. Nhưng trong con người của đức Kitô ý nghĩ đầu tiên là cái chết và cuộc sống là cuối cùng. Kinh thánh mô tả Ngài là "Con chiên bị sát tế từ nguyên thủy của thế giới." Ngài đã bị giết trong ý định khi loài người phạm tội nổi loạn chống lại Đức Chúa Trời. Như vậy chương trình của Thiên Chúa không nhấn mạnh vào việc Ngài sinh ra, giải bóng trên dương gian, sau đó là cái chết. Nhưng ở sự kiện thánh giá trước và nó giải bóng lui lại đến hang Belem. Ngài là người duy nhất trên thế giới sống ngược tiến trình tự nhiên của con người. Kiểu như loài hoa dại leo trên bức tường loang lổ vẽ lên thiên nhiên cho các thi nhân mặc khách, hay một nguyên tử giải thích cho các khoa học gia hệ thống mặt trời. Sự kiện Ngài sinh ra giải nghĩa cây khổ hình. Ngài đi từ sự đã rồi đến sự đã rồi, từ lý do Ngài đến thế gian tỏ lộ trong ý nghĩa tên Giêsu hay Đấng Cứu thế, cho đến ứng nghiệm trọn vẹn của tên đó, bằng cái chết thập tự.

Thánh sử Gioan cho chúng ta biết lý lịch đời đời của Ngài trước khi xuống thế. Thánh Matthêu lý lịch thời gian qua các tổ phụ, tức bản gia phả cho đến Abraham. Xét trong bản gia phả này có rất nhiều nhân vật ngoại bang và tội lỗi, điều này có ý nghĩa đặc biệt, bởi những vết như đó nói lên lòng

thương xót của Ngài đối với tội nhân và dân ngoại, họ cũng được hưởng phúc lành của giao ước. Sau này cả khía cạnh đó cũng được người ta dùng để tố cáo Ngài: "Hắn làm bạn với kẻ tội lỗi". "Hắn là một tên Samaritanô". Nhưng cái bóng của một quá khứ như bản tiên báo Ngài sẽ yêu mến những kẻ bất hạnh vì tội lỗi. Sinh ra bởi một người đàn bà, Ngài là một nam nhi và chung phần với mọi người trong nhân loại. Sinh ra bởi một trinh nữ, được Thánh Thần rợp bóng và đầy tràn ân phúc. Ngài đứng riêng ra khỏi dòng giống lỗi lầm mà các người khác phải lây nhiễm.

Sự sống thần linh từ đâu mà đến? Dĩ nhiên từ Thiên Chúa trong con người đức Giêsu Kitô, Con Đức Chúa Trời và là người thật. Sự thật xảy ra như thế này. Trong đêm giá lạnh, bốn bề im phăng phắc, gió đông thổi vù vù qua đồi núi lọt xuống thung lũng làng Belem, lay động các bụi cây khô cằn, một trẻ sơ sinh cất tiếng khóc trong hang bò lừa để hoang, tiếng khóc lẻ loi và yếu ớt: "Ngôi lời đã trở thành xác phàm và cư ngụ giữa chúng ta". Trái đất không nghe thấy tiếng khóc, bởi nó đang ngủ say. Nhân loại cũng không nghe thấy tiếng khóc, bởi nó chẳng biết rằng con trẻ đó sẽ vĩ đại hơn tất cả những ai sinh ra trên hành tinh này, đại dương cũng không nghe, bởi đã đầy tiếng gầm thét của riêng mình, vua chúa không nghe bởi họ chẳng ngờ rằng vua các vua lại sinh ra trong hang bò lừa, đế quốc không nghe bởi đế quốc chẳng biết rằng một bé thơ có thể cầm cương điều khiển vũ trụ trắng sao trong các vòng xoay vùn của chúng. Nhưng mấy chú mục đồng, mấy nhà đạo sĩ nghe được tiếng kêu khóc, bởi chỉ những ai tâm hồn đơn sơ, những ai khôn ngoan, hiền triết mới biết rằng trái tim của một Đấng thần linh đang kêu gào trong tiếng khóc của một con trẻ. Họ đến với lễ vật tôn thờ Đấng uy nghiêm khôn sánh dưới hình hài một bé thơ yếu đuối trước mặt họ. Họ đến tôn kính Đấng quyền năng tuyệt đối đang nằm khóc oa oa như một bé sơ sinh. Họ đến bái lạy Đấng là ánh sáng chiếu soi vũ trụ, các tầng trời. Họ không thể cầm lòng, nhưng tung hô lớn tiếng "Emmanuel" Thượng Đế ở cùng nhân loại. Thiên Chúa mạc khải mình cho chúng ta lần nữa. Lần này Ngài chiếu sáng qua lăng kính nhập thể và mang sự sống thần linh xuống cho nhân loại. Đấng được sinh ra không mẹ trên trời nay sinh làm người không bố dưới trần gian. Đấng dựng nên đàn bà lại sinh ra bởi đàn bà, dựng nên xác thịt lại sinh hạ bởi xác thịt. "Con chim xây tổ lại được ấp nở trong tổ mình" Đấng dựng nên trăng sao lại sống dưới trăng sao. Đấng nặn nên trái đất lại sống trên địa cầu. Đấng khôn ngoan khôn dò khôn thấu lại là một em bé. Đấng làm đầy trời đất lại nằm trong máng cỏ. Đấng điều khiển các tinh cầu, lại nằm bú sữa mẹ. Đấng là nguồn vui thiên đàng lại oe oe khóc. Thiên Chúa trở thành tạo vật. Tạo hóa trở thành thụ tạo. Đấng giàu có vô cùng trở thành nghèo khổ. Thần Linh lại nhập thể, uy nghiêm khôn sánh trở thành bề tôi, tự do trở nên nô lệ. Vĩnh hằng sống trong thời gian, thí chủ trở thành nô tỳ, sự thật trở thành bị cáo, thẩm phán bị xét xử, công lý bị dây thừng trói buộc, thượng vị đội triều thiên gai nhọn. Đấng Cứu Chuộc bị thương tích đầy mình, sự sống nằm chết cứng, "Ngôi Lời muôn thuở trở nên kẻ câm nín". Ôi, lạ lùng trên hết mọi lạ lùng, kỳ quan trên hết mọi kỳ quan, tổng hợp trên hết mọi tổng hợp. Ba màu nhiệm liên kết thành một: Thần Linh và nhân loại, Trinh khiết và phong nhiêu, Đức tin và trái tim con người. Và mặc dù chúng ta sẽ sống kiếp vĩnh hằng, nhưng vĩnh hằng sẽ không dài đủ để chúng ta thấu hiểu màu nhiệm "một con trẻ lại là Cha, một bà mẹ lại là bé thơ".

Lần đầu tiên trong lịch sử cứu đời, bản tính thần linh kết hợp với bản tính nhân loại trong một ngôi vị mà các nhà thần học gọi là Ngôi hiệp. Chính đời sống Thiên Chúa từ ngôi Cha truyền sang ngôi

Con từ đời đời gọi là sinh sản vĩnh hằng trong ba ngôi Thiên Chúa, bây giờ giáng sinh xuống gian trần và mặc lấy một bản tính nhân loại giống như chúng ta, trao cho nó tràn đầy thần tính và khơi dậy nơi nhân loại tín thư vĩ đại của hy vọng: "Ta đến để cho anh em được sống, và sống viên mãn". Không phải sống đời thể lý vì nó sẽ chết, nhưng đời siêu nhiên, tồn tại mãi đến muôn đời. Chúa Kitô không thuộc về phạm trù tốt lành các thầy dạy khác của thế giới. Họ là những nhà mô phạm tốt, những hiền nhân quân tử. Người tốt lành không giả dối. Nhưng nếu Chúa Giêsu không đúng là những gì Ngài tự nhận về mình, tức là Con Thiên Chúa Hằng Sống, là Ngôi Lời Nhập Thể, thì Ngài không phải là người tốt mà là một kẻ ngây ngô, một tên nói dối, một thằng hợm hĩnh và là kẻ lừa đảo gian manh đã từng sống trên hành tinh. Nếu Ngài không phải là những gì như Ngài nói là Đấng Kitô, Con Đức Chúa Trời, thì Ngài chính là tên phản Kitô. Nếu Ngài chỉ là phạm nhân, thì Ngài chẳng xứng đáng mang danh một nhân vật tốt lành .

Nhưng thực tế, Ngài không đơn giản là một người. Ngài đòi hỏi chúng ta phải thờ phượng hoặc khinh rẻ mình. Khinh rẻ vì chỉ là phạm nhân, thờ phượng vì vừa là Thiên Chúa thật vừa là người thật. Đó là sự lựa chọn Ngài đưa ra cho nhân loại. Chúng ta còn phải xét đến những lời khẳng định Ngài nói về thần tính nữa, như đòi hỏi mọi người phải yêu mến Ngài trên hết mọi sự, trên cả cha mẹ ruột. Tin tưởng vào Ngài bất chấp thiệt hại, sẵn sàng hy sinh tính mạng để liên kết với Ngài mà cứu lấy linh hồn mình, thì gọi Ngài là phạm nhân tốt lành chưa đủ. Bởi bỏ qua các sự kiện kể trên. Hơn nữa chẳng người nào tốt lành nếu không ăn ở khiêm tốn. Khiêm tốn là nhận thật về mình, không thêm, không bớt. Một linh hồn tự phụ quá đáng, coi mình lớn hơn tất cả thực tế thì không thể là khiêm nhường được, nhưng là một người điên khảo lác và phù phiếm. Làm thế nào một người tự nhận có đặc quyền tuyệt đối trên lương tâm, trên lịch sử, trên xã hội và cả trên thế giới, lại còn nói: "Hãy học cùng ta, vì ta hiền lành và khiêm nhường trong lòng?" Nhưng nếu ngài là Thượng Đế làm người, thì ngôn ngữ của Ngài là chính xác, và mọi sự Ngài nói đều dễ hiểu. Nếu Ngài không phải như Ngài nói, thì một số lời tuyên bố của Ngài chỉ là huênh hoang của một kẻ mang đầy ảo tưởng, không có giá trị nào, nó tương tự như từ miệng ma quỷ, chứ không phải từ thần trí của người tốt lành. Được ích chi nếu Ngài giảng dạy qui luật khổ chế, từ bỏ mình, rồi lại khước từ sự thật mà xưng mình là Thiên Chúa? Ngay cả sự hy sinh của Ngài trên thập giá sẽ trở nên biến cố đáng nghi ngờ, một sự kiện đã rồi khi nó đi song hành với ảo tưởng về sự vĩ đại và lừa lọc kinh khủng? Người ta sẽ chẳng thể gọi Ngài là một thầy giáo chân thành, bởi lẽ một nhà mô phạm thành thật chẳng khi nào cho phép thiên hạ lầm tưởng mình ngang hàng với Thượng Đế, đồng bản tính với Đấng Tối Cao ở trên trời.

Sự lựa chọn cho con người là giả thuyết: Ngài là một kẻ lừa đảo nguy hiểm hoặc những điều Ngài nói chân thật đến tận chữ đen, và như vậy, thiên hạ phải tin theo. Thật dễ mà tin rằng Thiên Chúa đã đạt tới mục tiêu trong những công việc kỳ lạ của Ngài, trong lòng thương xót của Ngài đối với người con yêu dấu, sống trên trái đất, hơn là nhắm mắt linh hồn lại không chấp nhận Chúa Giêsu trong lịch sử, để rồi rơi vào thất vọng ê chề. Nay chẳng ai có thể tốt nếu bản chất hấn kiêu căng, tuyên bố những xác nhận phạm thượng về mình. Khi ấy hấn thay vì trở vượt hơn các đồ đệ của mình, thiên hạ gọi là tín hữu, thì lại đứng xuống hàng chót, xa hơn cả kẻ tội tệ nhất trong những tín hữu. Cho nên, người ta dễ hành xử khi tin vào những điều Ngài mặc khải về mình, Ta là Thiên Chúa, hơn là

giải nghĩa làm thế nào thế giới lại có thể nhận một người khoác lác đáng khinh, một kẻ dối trá vô độ làm mẫu mực? Lý do duy nhất giải thích hành tung loài người của Chúa Giêsu được bày tỏ nơi thần tính: Ngài là Đức Chúa Trời.

Chúng ta hoặc phải than phiền về sự điên rồ của Ngài hoặc thờ lạy Ngài hết lòng mà thôi, chứ không thể đứng trên quan điểm Ngài chỉ là một tôn sư dạy dỗ luân lý. Hay nói như tác giả Chesterton: "Bạn hãy trông đợi hoa cỏ héo tàn, chim trời đang bay rơi xuống chết tươi, khi một bác thợ mộc học nghề nhìn qua vai, mỗi một lặng lẽ và bất cần nhất: Trước khi Abraham hiện hữu đã có ta". Một sĩ quan La mã, kẻ đã từng trải sống chết nơi chiến trận và có thần linh riêng của mình trong buổi chiều thứ 6 chịu nạn phải bật thốt lên câu trả lời cho chân lý dưới chân thập giá: "Đúng thật, người này là con Thiên Chúa". Khi trí tuệ và lương tâm ông không thể từ chối lời khẳng định.

Điều mà người ta gọi là Nhập Thể thì chỉ là sự kết hợp giữa hai bản tính. Bản tính thần linh và bản tính nhân loại trong một ngôi vị duy nhất. Ngôi vị này điều hành cả hai bản tính. Điều này không khó hiểu lắm. Bởi lẽ con người là gì? Nó là một kiểu mẫu (ở mức độ thấp nhất) hợp nhất giữa linh hồn và xác thịt, vật chất và tinh thần, thân thể và tâm linh dưới sự chỉ huy duy nhất của nhân cách. Chẳng có sự gì xa cách nhau bằng khả năng và quyền lực của xác thịt, của tinh thần. Trước khi kết hợp nên một, khó mà quan niệm chúng lại có thể hòa hợp với nhau, nhất là ở giây phút linh hồn và thân xác làm thành một ngôi vị độc nhất. Nhưng sự hòa hợp của hai yếu tố đó là kinh nghiệm chẳng ai không biết tới. Tuy nhiên vì tính phổ thông của nó, chúng ta ít thấy kinh nghiệm đó là một kỳ quan.

Thiên Chúa Đáng làm cho thân xác, linh hồn kết hợp với nhau thành một nhận vật mà không để mất sự khác biệt của chúng, lại không thể kết hợp một linh hồn và xác với bản tính Thiên Chúa của mình dưới ngôi vị thần linh sao? Đó là điều Thánh Gioan viết: "Và Ngôi Lời đã hóa thành nhục thể và cư ngụ giữa chúng tôi" (Ga,14).

Ngôi vị đấng nhận nhân tính không phải là ngôi vị thụ tạo như chúng ta, ngôi vị ấy đã hiện hữu từ đời đời, gọi là Logos hay Ngôi Lời. Nhưng bản tính nhân loại của Ngài lấy từ cung lòng Đức Trinh Nữ Maria trong biến cố thụ thai lạ lùng do Chúa Thánh Thần rợp bóng và Đức Maria thừa lên lời xin vâng, nói cách khác sự đồng ý của một phụ nữ. Như vậy hai sự kiện pha trộn với nhau một cách diệu kỳ. Đây là khởi đầu của nhân loại mới, lập nên từ chất liệu của dòng giống hư hỏng. Khi Ngôi Lời mặc lấy xác phàm, không có nghĩa là đã có sự gì đổi thay trong Ngôi Lời. Ngôi Hai Thiên Chúa giáng thế nhưng chẳng bao giờ lìa bỏ Thiên Chúa Cha. Điều xảy ra là Ngài đã đấng nhận một người phàm vào sự sống Thiên Chúa chứ không phải biến đổi Thiên Chúa thành người phàm.

Dòng giống sa ngã vẫn liên tục trong con người Đức Kitô lấy từ cung lòng Đức Trinh Nữ Maria, nhưng ngôi vị Đức Kitô, Logos, hiện hữu từ muôn thuở bị gián đoạn trong biến cố "làm người". Do đó Đức Kitô thật là Adam mới, qua Ngài nhân loại mới khởi sự hiện hữu. Lý thuyết của Ngài đặt trọng tâm vào ý tưởng nhân loại cũ phải tháp nhập vào thân thể của Ngài kiểu cách bản tính Ngài đã lấy từ cung lòng trinh nữ Maria được kết hiệp với Ngôi Hai Thiên Chúa.

Thật khó cho chúng ta hiểu được đức khiêm tốn của Ngôi Hai xuống thế làm người. Nó vô cùng cao cả và thăm sâu. Xin tưởng tượng, nếu như có thể được, một người nào đó lột bỏ thân xác, rồi nhập vào một con rắn, bây giờ xác của ông ta là rắn, còn linh hồn là "người" với đầy đủ tài năng của một đơn vị người. Ông ta sẽ hành xử ra sao? Trí tuệ là của người, thân xác là con rắn với các giới hạn của loài mãng xà. Lúc này lòng khiêm nhường lớn gấp đôi. Thứ nhất chấp nhận các giới hạn của thân thể họ hàng nhà rắn, nhưng đồng thời trí khôn lại trội vượt hơn nhiều. Làm thế nào mấy cái răng nanh của loài rắn có thể diễn tả cân xứng những tư tưởng mà nhà rắn không có? Thật khốn đốn cho anh ta muốn nói một lời yêu thương với vợ con mà không được. Thứ hai, anh ta bắt buộc phải sống với bạn bè loài rắn, bởi đã bằng lòng trút bỏ vinh quang loài người mà mặc lấy thân xác loài mãng xà. Nhưng so sánh như thế chẳng thấm thía vào đâu với Ngôi Hai Thiên Chúa xuống thế làm người. Ngài đã trút bỏ vinh quang Thiên Chúa vô biên để mặc lấy thân hình tội nhân, chấp nhận tất cả những giới hạn của nhân loại, như đói khát, nhục nhã, nhọc nhằn, bách hại. Chẳng phải là điều vật vãnh khi sự khôn ngoan vô biên của Thiên Chúa tự kết án mình làm bạn với những ngư nhân ngu dốt ở bờ biển hồ Giê-nê-sa-rét. Tuy nhiên, lòng khiêm tốn này đã khởi sự từ Nazareth khi ngài thụ thai trong lòng trinh nữ Maria, chỉ một trong muôn vàn phản ứng chống lại tính kiêu căng của con người. Vậy, nếu không có thánh giá, thì chẳng có hang đá, nếu không có đinh sắt, cũng không có rom khô sười ẩm. Và nếu Ngài không dạy dỗ bài học thập tự như cái giá phải trả để đền bù tội lỗi, thì Ngài phải chuốc lấy nó. Thiên Chúa đã yêu thương nhân loại đến nỗi đã không tha cho chính Con Một của mình. Đó là điều bí mật gói trong chiếc tã ở hang chiền lư.

Một trong các đường lối tạo nên kẻ thù và người chống đối, là thách thức tinh thần của thế gian. Mỗi thời đại đều có một tinh thần. Tinh thần đó như sau: Người ta chấp nhận giả định chung, nào trạng chung không cần xét đoán. Giả định hay nào trạng chung này điều khiển xã hội, điều khiển mỗi người. Nếu ai đó thách thức các châm ngôn của nó. Lập tức gặp chống đối, loại trừ. Bởi những châm ngôn đó nói lên một điều người ta trân trọng, yêu mến. Thí dụ "bạn chỉ sống có một lần, không ăn cũng thiệt, không chơi cũng hoài, chơi xuân kéo hết xuân đi, cái giá sống sộc nó thì theo sau. Bạn đã chiêm nghiệm điều đó chưa? Tính dục để làm chi nếu không là để thỏa mãn thân xác?".

Chúa chúng ta khi ra giảng đạo, lời đầu tiên của Ngài là tóm mối phúc thật. Ngài tóm lấy tám khẩu hiệu viên vông của thế giới: An toàn, trả đũa, cười cợt, nổi tiếng, tính dục, cân đối, vũ lực và êm ái dễ chịu, lật ngược lại mà thách thức thế gian. Với những ai nói: "Bạn chẳng thể hạnh phúc nếu không gắng sức trở nên giàu có". Chúa bảo: "Phúc cho những ai có tinh thần nghèo khó". Với những ai nói: "Đừng để xổng, hẳn phải trả đũa cho bằng được". Chúa bảo: "Phúc cho những kẻ hiền lành". Với những ai tuyên bố: "Cười đi, thiên hạ sẽ cười với anh". Chúa trả lời: "Phúc cho những ai bây giờ khóc lóc". Với những ai chủ trương "thiên nhiên ban tặng tính dục, tại sao người ta không sử dụng tự do? Kiểm chế sẽ làm bạn điên khùng?" Chúa bảo: "Phúc cho những ai có lòng thanh sạch". Với những kẻ tìm kiếm danh vọng, tiếng tăm Chúa khuyên nhủ: "Phúc cho anh em, khi người ta bắt bớ, hành hạ anh em, vu khống cho anh em đủ điều xấu xa vì danh thầy". Với những ai tuyên bố: "Trong lúc yên ổn hãy chuẩn bị chiến tranh". Ngài nói: "Phúc cho những tấm lòng xây dựng hòa bình".

Những chất liệu sáo rỗng, rẻ tiền mà người ta đưa vào tiểu thuyết, phim ảnh, Ngài kinh tởm. Ngài đề nghị đốt sạch những thứ thiên hạ sùng bái, Ngài đề nghị chiến thắng bản năng dâm ô thay vì để nó nô lệ con người, Ngài khuyến khích thuần hóa con vật tinh tế đừng để nó lừa dối thiên hạ chạy theo hạnh phúc vật chất, tiền tài danh vọng những thứ lả lẫm với linh hồn. Tất cả những hạnh phúc giả hiệu đặt kỳ vọng vào cái tôi ích kỉ, vào khăng định kiêu căng, vào buông thả hoang đàng, vào vui thú xác thịt, vào ăn uống, làm tình, vì ngày mai bạn sẽ chết. Ngài đều khinh vì nó làm cho tâm trí con người hỗn loạn, lo lắng, bất hạnh, hy vọng hão.

Then chốt của bài giảng trên núi nằm ở hai lối diễn tả: Một là: "Các người đã từng nghe". Lối thứ hai ngắn hơn "Nhưng" mạnh mẽ và đầy uy quyền: "Các người từng nghe lề luật dạy .Nhưng Ta bảo các người". "Ta" ở trên lề luật, "Ta" vươn tới từng hàng nhiều thế kỷ trước lúc con người biết "nghe" và mãi mãi về sau. Khi con người sẽ còn nghe từ các nhà cải cách luân lý, tính cả các luật lệ, các lệnh truyền, các giới răn, các pháp lệnh, các tục lệ, truyền thống, bản năng, nửa lẽ phải, nửa thói quen, nửa lý tưởng. Khi Ngài nói: "Các người từng nghe", Ngài gồm luôn lề luật Môisen, Phật Thích Ca với bát quái của ông. Khổng Tử với học thuyết quân thân, Aristote với hạnh phúc tự nhiên. Đường thênh thang của đạo Hin Đu, và hết thảy các nhóm nhân bản ngày nay. Nhóm triết gia khai thác vài tư tưởng cũ rích trong ngôn ngữ riêng của họ, rồi gọi là lối sống văn minh tân thời để lòn thiên hạ. Về tất cả mớ bong bong các thỏa hiệp này, Ngài nói: "Các người đã từng nghe".

Các người đã từng nghe dạy rằng: "Không được ngoại tình." Môi Sen nói thế, các bộ lạc man rợ đề nghị như vậy, các người trong xã hội mông muội tôn trọng điều dạy đó. Rồi đến lối diễn tả "nhưng" dễ sợ và uy quyền: Nhưng ta bảo các người: "Hễ ai nhìn phụ nữ với ý nghĩ phạm tội với cô ta, thì đã ngoại tình ở trong lòng rồi". Chúa Giêsu đi vào tận tâm hồn và chặn lại ngay từ tư tưởng, gán cho ước muốn phạm tội là tội lỗi rồi, không cần đợi tới hành động, thực hiện một điều sai trái, thì dự tính trong đầu óc về điều đó đã là sai trái rồi. Cho nên Ngài tuyên bố: "Ích chi đôi bàn tay thanh sạch khi vừa ăn cắp? Ích chi thân thể thơm tho khi vừa vấy như với người khác?" Ngài không đợi cho cây xấu sinh hoa kết quả xấu, Ngài ngăn chặn ngay cả việc gieo hạt xấu. Đừng đợi cho đến khi tội lỗi thâm kín lộ ra như các bệnh thần kinh, thác loạn, đồn ép, tâm lý. Hãy tẩy sạch chúng từ gốc rễ. Hãy thống hối, ăn năn, gội rửa. Điều ác mà đợi thống kê, nhốt tù, xiềng xích thì đã quá muộn .

Chúa Kitô xác nhận rằng, khi người đàn ông kết hôn với một người phụ nữ, hấn kết hôn với cô ta cả tâm hồn lẫn xác thịt, hấn làm bạn với một người trọn vẹn. Nếu hấn nhầm chán thân xác cô ta, hấn không thể ném cái thân xác ấy đi để đổi lấy người khác. Bởi lẽ hấn còn chịu trách nhiệm về linh hồn cô ta. Cho nên Ngài đã nói như sấm sét: "Các người đã từng nghe". Trong lời ấy Ngài tóm lược tất cả các khẩu hiệu khó hiểu của các nền văn minh thối nát. Các người đã từng mang nhau ra tòa ly dị, vì Thiên Chúa chẳng ép uống ai sống không hạnh phúc. Rồi đến từ "nhưng". Nhưng ta bảo thật các người: "Người đàn ông nào bỏ vợ thì đẩy cô ta đến chỗ ngoại tình, và ai cưới người đàn bà bị ruồng bỏ, thì cũng phạm tội ngoại tình nữa" (Mt5,32).

Nếu thân xác không còn, chẳng quan trọng chi. Điều quan trọng là linh hồn còn đó: Linh hồn đáng giá hơn thân xác bội phần, đáng giá hơn cả những khoái lạc mà thân xác có khả năng cống hiến,

đáng giá hơn vũ trụ càn khôn. Ngài nhất quyết giữ gìn đàn ông đàn bà tinh tuyền, không phải ô nhiễm vệ sinh thường thức, nhưng khỏi khát khao bất chính thân thể của nhau. Thử tưởng tượng xem còn gì ghê gớm hơn phản bội nhau tàn ác. Vì vậy Ngài tuyên bố: "Điều chi Thiên Chúa kết hợp loài người không được phân rẽ" (Mc10,3) không quyền bính nào, thẩm phán, quốc gia hay quốc tế nào!

Vì vậy bài giảng trên núi, quả mâu thuẫn với mọi giá trị mà thế giới áp ủ. Thế giới sẽ đóng đinh những kẻ nào nói ngược với nó. Bởi lẽ Đức Kitô đã rao giảng bát phúc. Ngài phải chết vì bát phúc. Ngọn đồi Calvario là cái giá mà Ngài trả cho bài giảng của mình. chỉ những người tâm thường mới được sống, người xuất chúng sớm muộn sẽ bị loại trừ. Những ai gọi đen là đen và trắng là trắng sẽ bị thiên hạ kết tội bất khoan dung. Chỉ những kẻ nói "xám" mới để cho được sống.

Bát phúc không đứng một mình, chúng không phải là các lý tưởng người ta áp ủ. Chúng là những thực tại, và sự kiện, không tách rời khỏi Thánh Giá trên ngọn đồi Canvê. Điều Ngài dạy trong bát phúc không phải lý thuyết, nó là tự hủy diệt mình, tự đóng đinh mình vào thập tự. Yêu kẻ ghét mình, móc mắt quăng đi, chặt bỏ chân tay để ngăn cản phạm tội, tâm hồn trong trắng khi các dục vọng kêu gào tha mãi, tha thứ cho kẻ giết hại mình, lấy tốt thắng sự dữ, chúc phúc cho những ai nguyện rửa mình, cầm miệng đòi hỏi tự do cho đến khi có công lý. Sự thật và tình yêu Chúa trong lòng mọi người là điều kiện cốt yếu của tự do, sống giữa thế gian bản thiêu mà không lây nhiễm, từ chối bản thân những vui thỏa chính đáng để gọi rửa ích kỉ, tất cả những nội dung đó là kết án con người cũ trong chúng ta xuống mồ.

Những ai lắng nghe Ngài rao giảng tám mối phúc thật được mời gọi căng mình trên cây gỗ, để tìm ra hạnh phúc trên bình diện cao hơn, bằng cái chết cho trật tự thập hèn, khinh chê mọi sự mà thế gian tôn thờ, trân trọng những giá trị mà thiên hạ coi là viên vông. Thiên đàng là hạnh phúc, nhưng có hai thiên đàng một lúc thì con người làm sao trả giá cho nổi? Một thiên đàng trần thế và một trên trời chắc chắn không ai kham nổi. Vì vậy Chúa chúng ta lập tức thêm bốn điều khốn: Khốn cho các người là những kẻ giàu có, các người đã được phần an ủi của mình rồi. Khốn cho các người, hỡi những kẻ bây giờ đang được no nê, vì các người sẽ phải đói khát. Khốn cho các người, hỡi những kẻ bây giờ đang được vui cười, vì các người sẽ phải sầu khổ khóc lóc. Khốn cho các người khi được mọi người ca tụng, vì các ngôn sứ giả cũng đã từng được cha ông họ đối xử như thế (Lc 6, 24-26).

Hành hình thập giá không còn xa lắm khi Tôn sư tuyên bố những cái khốn cho những kẻ giàu sang, no thỏa, vui cười và quyền thế tiếng tăm. Sự thật không chỉ ở trong bài giảng trên núi. Nó nổi bật trong những ai dám sống nội dung bát phúc, từ đây cho đến ngọn đồi Canvê. Bốn cái khốn sẽ chỉ là kết án luân lý suông, nếu Ngài không chết nhục nhã trong mâu thuẫn với bốn cái "khốn" đó: nghèo nàn, cô đơn, đau đớn và bị chế giễu, khinh bỉ. Ở núi bát phúc Ngài mời gọi nhân loại xả thân trên thập giá, từ bỏ mình. Ở đỉnh đồi Canvê, chính Ngài đã ẵm lấy thập giá đó. Cái bóng của cây thập giá có lẽ đã không đổ trên núi sọ ba năm sau, nếu nó đã không có mặt ở trong trái tim Ngài, hôm Ngài dạy người ta làm thế nào để được hạnh phúc.

Giống như tính dục là một bản năng Chúa ban để kéo dài nòi giống loài người, thì khao khát tài sản là để kéo dài đời sống cá nhân. Nó là quyền tự nhiên và chính đáng được luật thiên nhiên bảo đảm. Một người được tự do bên trong khi hắn nói được linh hồn là của mình. Tự do nội tại đặt nền tảng trên sự kiện "tôi là". Tự do ngoại tại đặt căn bản trên sự kiện "tôi có". Nhưng thái quá về thể xác sinh ra dâm ô, dâm ô là tính dục sai chỗ. Bản thủ là vật chất ở không đúng chỗ của nó. Cũng vậy ước ao tài sản quá mức sẽ nảy sinh tính nết tham lam, hà tiện, bóc lột và xâm lược tư bản.

Để sửa chữa, đền bù, gội rửa những quá đáng về keo kiệt, ích kỷ thì Chúa Giêsu đã ban bài học hy sinh hãm mình. Cơ hội là một thanh niên hỏi Ngài về đàng lành. Ngài có dịp may được lợi hắn như một bông hoa đẹp, nhưng khi Ngài nói tới thánh giá, Ngài đành để mất anh ta. Người thanh niên muốn trả một cái giá, nhưng Ngài đề nghị giá quá đắt đỏ, anh ta không muốn trả. Người thanh niên là một viên chức tôn giáo giàu có. Khát vọng của anh ta được liên kết với Chúa, tỏ lộ trong sự kiện anh ta chạy đến quì xuống trước mặt Chúa và xét về mặt ngay thẳng, không ai dám nghi ngờ về người thanh niên này. Câu hỏi anh đặt ra cho Chúa Giêsu là "Thưa Thầy nhân lành, tôi phải làm gì để được sống đời đời?" (Mt 19,16). "Tại sao anh gọi tôi là nhân lành? Chẳng ai là nhân lành, trừ một mình Thiên Chúa" (Mc10,18).

Chúa chúng ta không phản đối anh ta gọi Ngài là nhân lành, nhưng chưa đủ. Nhân lành mà thôi vẫn chưa đủ, vì chỉ là một người phạm, một tôn sư tốt. Người thanh niên coi Chúa trong địa vị ấy thật chưa xứng đáng. Anh ta công nhận sự tốt lành của Chúa, nhưng vẫn trên bình diện loài người. Nếu Ngài chỉ là phạm nhân, thì danh hiệu tốt lành từ bản tính chưa thuộc về Ngài. Cho nên trong lời vặn lại của Chúa Giêsu chứa đựng một sự thật giấu ẩn. Sự thật đó là thần tính của Ngài. Duy một mình Thiên Chúa tốt lành mà thôi. Do đó Ngài mời gọi người thanh niên thờ lạy thần tính mà kêu to lên rằng: "Ngài là Đức Kitô, Con Thiên Chúa Hằng Sống."

Khi người thanh niên hỏi: "Tôi còn thiếu gì nữa không?" (Mt19,20) Chúa Giêsu trả lời: "Nếu anh muốn nên hoàn thiện, thì hãy trở về nhà bán hết tài sản của anh và đem phân phát cho người nghèo, anh sẽ được kho tàng trên trời. Rồi hãy đến mà theo tôi" (Mt 19, 21). Để hiểu rõ câu này, chúng ta đừng có ý tưởng Chúa kết án sự giàu sang ở đây. Nhưng có một trật tự hoàn hảo hơn trật tự nhân loại. Như một người có thể rời bỏ gia đình, vợ con, thì cũng có thể từ bỏ của cải, tài sản. Thánh giá đòi hỏi người ta khước từ những thứ mình yêu quý nhất, và bằng lòng với kho tàng ở trong tay Thiên Chúa. Tuy nhiên, chúng ta có thể đặt câu hỏi: Tại sao Chúa Giêsu yêu cầu hy sinh đến như vậy? Xét xem, Chúa cho phép ông Giakêu, người thu thuế, giữ lại nửa phần gia tài của mình, ông Giuse thành Arimathia, sau khi Chúa chịu đóng đinh chết trên thập giá, lại được mô tả là người giàu có. Tài sản của vợ chồng Anania là của riêng họ. Chúa từng ăn uống, nghỉ ngơi trong những gia đình, bạn bè giàu sang của mình ở Betania. Nhưng ở đây vấn đề là câu hỏi của người thanh niên ước ao nên trọn lành còn thiếu thốn gì nữa trong nếp sống đạo đức của mình? Chúa đề nghị đường lối bình thường của ơn cứu độ, người thanh niên không thỏa mãn. Anh ta tìm hiểu điều chi hoàn hảo hơn. Nhưng khi Ngài đưa ra con đường từ bỏ người thanh niên không chấp nhận, quay gót bước đi. Phúc âm kể: "Nghe lời đó, người thanh niên buồn rầu bỏ đi, vì anh có nhiều của cải" (Mt19,22). Như vậy có nhiều mức độ yêu mến Chúa. Một mức độ bình thường, mức độ khác anh hùng. Mức độ anh hùng là

từ bỏ, vác thánh giá khó nghèo tự nguyện. Lòng nhiệt thành của tuổi trẻ tan biến, anh ta giữ lại tài sản của mình, nhưng anh đã để mất Đấng ban cho anh thánh giá quý báu. Mặc dầu anh được giữ của cải, nhưng Phúc âm nói: anh bỏ đi "râu rĩ". Khi người thanh niên đi rồi, Chúa Giêsu quay lại nói với các tông đồ: "Những người giàu có vào nước Đức Chúa Trời khó biết bao. Con lạc đà chui qua lỗ kim còn dễ hơn người giàu vào nước trời" (Mt10,23-25).

Thói thường nhiều cá nhân chối bỏ trách nhiệm về những lỗi lầm và thất bại của tập thể. Thí dụ, khi xảy ra thối nát trong chính phủ, cá nhân thường từ chối không dính líu, họ càng vô tội, càng khước từ dính dáng tới những ai phạm tội. Họ tự nhận trách nhiệm của mình tỷ lệ thuận với tình trạng vô tội của họ. Lý lẽ họ đưa ra là mình không có trách nhiệm về những lầm lỗi của xã hội, do đó mình không dính líu vào sự việc.

Nhưng thực tế, điều ngược lại mới đúng nơi những linh hồn vô tội nhất. Càng vô tội, lại càng cảm nghiệm trách nhiệm và liên đới với tội lỗi. Người tốt lành thực sự cảm thấy rằng sở dĩ thực trạng thế giới như hiện thời, là vì phần nào đó mình không tốt hơn nữa. Càng nhạy cảm về luân lý, càng thương hại những ai đang kiệt quệ vì gánh nặng luân lý: Điều này có khả năng trở nên sâu sắc đến độ con đau khổ hấp hối của kẻ khác được đương sự nhận lấy như của mình. Trên thế giới chỉ những người nào có đôi mắt sáng để nhìn, mới muốn thành cây gậy cho kẻ mù lòa, chỉ những người có sức khỏe dồi dào mới tự nguyện săn sóc bệnh nhân.

Những chi đúng đối với đau đớn phần xác, thì cũng đúng đối với những sự dữ tinh thần. Bởi lẽ, Đức Kitô vô tội cho nên Ngài đã gánh lấy những hư hỏng của thế giới. Giống như người càng mạnh khỏe, càng có khả năng phục vụ các bệnh nhân. Cũng vậy càng thanh sạch, càng có thể đền thay cho lỗi lầm của kẻ khác. Nếu có thể được, người yêu mến sẽ lãnh lấy những đau khổ của kẻ mình yêu. Thiên Chúa làm người đã bằng lòng gánh lấy các hư hỏng của thế gian như thể của chính mình. Vì là người, Ngài chia sẻ lỗi lầm nhân loại, vì là Thiên Chúa Ngài cứu chuộc thế gian khỏi tội lỗi.

Núi Canvê không gián đoạn nếp sinh hoạt của Ngài. Nó cũng không phá hỏng quá sớm, quá thảm hại chương trình của Ngài. Không âm mưu đen tối nào có thể áp đặt lên Ngài. Ngài hiến mạng sống mình là để làm mẫu mực cho bậc tử đạo vì lẽ công chính, cho các tổ phụ vì lẽ hiển vinh. Ngài đã từng tuyên bố mục tiêu của đời mình là để trả giá cho nhân loại thoát vòng nô lệ tội lỗi. Đây là "bồn phận" siêu nhiên mà Ngài đã nhận lấy khi xuống thế làm người. Cái chết của ngài là để đền bù tội lỗi người thế gian. Nếu như nhân loại chỉ sai lầm mà thôi, thì Ngài chỉ cần làm một tôn sư dạy dỗ cho người ta khỏi sai lầm, Ngài có thể an hưởng tiện nghi của thế gian và chết thoải mái trên giường êm ái, chẳng việc chi phải vất vả, tủi nhục, chống đối với biết bao kẻ thù tâm cỡ. Nhưng Ngài chẳng để lại thông điệp nào cho nhân loại ngoài vài điều răn cho thiên hạ tuân giữ. Nhưng nếu nhân loại đang mắc vòng tội lỗi, thì Ngài phải là Đấng Cứu Chuộc của họ vì sứ điệp của Ngài là: "Hãy theo tôi", để có thể chia sẻ thành quả của công trình cứu độ.

Tuy nhiên, không phải mọi người đều nghe theo Chúa Kitô, ánh sáng thế gian. Cũng không phải vì thế mà nói rằng nhân loại khởi sự ghét ánh sáng một cách ý thức. Bởi vì sự thật là nhu cầu tự nhiên

của trí tuệ, cũng như ánh sáng là cần thiết cho đôi mắt. Nhưng khi ánh sáng chiếu soi các tâm hồn và tỏ lộ tội lỗi của họ ra. Họ cảm thấy tức tối và ghét bỏ ánh sáng. Đúng như các tay ăn trộm gớm ghét tia sáng của những chiếc đèn soi cảnh sát nhắm vào họ. Chân lý mà Ngài mang đến thế gian, đáng thế gian yêu mến nó, về phe với nó, bởi vì thế gian đã được dựng nên để tiếp nhận sự thật. Nhưng thế gian đã làm hư hỏng bản tính bằng tội lỗi và các hành vi xấu xa của mình. Sự thật của Chúa Giêsu khuấy động lương tâm họ, cho nên họ chê ghét nó. Tất cả con người họ cùng với các thói xấu, đam mê nhục dục, bản chất bất lương đồng loạt nổi dậy chống đối ánh sáng của Chúa, bất chấp lương tâm cắn rứt. Giống như nhiều người mang những căn bệnh nặng, nhưng từ chối đi nhờ thầy thuốc khám, vì sợ họ nói cho hay những điều mình chẳng muốn nghe. Ngài nói với họ mình không phải là tôn sư đi kiếm tìm vài học trò để nhờ những người này đọc lại các giáo huấn của mình như vẹt. Ngài là Đấng Cứu Thế trước là thức tỉnh lương tâm thế gian, sau là thanh tẩy các lương tâm ấy. Ánh sáng không phải là một mối lợi, trừ phi đối với những ai có thiện tâm. Ngài nói sự có mặt của Ngài là mối đe dọa cho những kẻ yêu mến xác thịt, tiền bạc và dâm ô. Khi một người đã sống nhiều năm trong một cái hang tăm tối, mắt họ bị hư, không chịu nổi ánh sáng mặt trời nữa. Cũng thế, một người sống dưới sự kìm kẹp của tội lỗi lâu ngày, sẽ từ chối hối cải và chống lại lòng thương xót của Thiên Chúa. Chẳng ai có khả năng bắt mặt trời thôi chiếu sáng, nhưng bất cứ ai cũng có thể kéo cái liếp xuống, che khuất mặt trời đi.

Đức Kitô tuyên bố không ai có thể thờ ơ đối với Ngài. Vì mỗi người đều có một chút tiếp xúc cùng Ngài. Sau đó thì được tự do chấp nhận hay khước từ ảnh hưởng của Ngài. Nhưng sự khước từ đó sẽ trở nên viên đá vấp phạm, nghiền nát họ. Khi đã gặp Ngài không ai còn có thể giữ thái độ lãnh đạm. Ngài sẽ mãi mãi là một nhân tố trong hạnh kiểm của các thánh giả đã nghe Ngài rao giảng. Chẳng thầy giáo nào trên thế giới dám tuyên bố, kẻ nào chối từ mình, sẽ làm cho trái tim thành chai đá và trở nên con người xấu xa hơn. Nhưng ở đây có một Tôn sư chỉ trong ba ngày nữa sẽ chết, mà dám nói những ai khước từ mình thì tâm hồn sẽ thối nát. Tin Ngài hoặc không tin sẽ thay đổi từ gốc rễ, không còn như trước nữa. Ngài đã cương quyết tuyên bố: Hoặc Ngài là viên đá, trên nó người ta xây dựng nền tảng cho cuộc sống mình, hoặc là đá vấp ngã, nghiền nát họ ra từng mảnh. Người ta chẳng thể vô tình đi ngang qua Ngài. Bởi Ngài luôn luôn hiện diện trên thế giới. Không linh hồn nào tránh nổi cái nhìn của Ngài. Một số linh hồn tưởng rằng họ cho phép Ngài đi qua mà không cần tiếp rước Ngài. Ngài gọi thái độ đó là sao lãng tai hại. Một cuộc nghiền nát chí tử không những dành cho những ai chống đối Ngài ra mặt, nhưng mà còn cho những kẻ thờ ơ, thiếu sót nữa. Chẳng nhà mô phạm nào trên thế giới dám công bố, những ai nghe mình rao giảng mà lại từ chối không tin theo sẽ gánh lấy án phạt đời đời. Ngay cả những ai tin rằng Đức Kitô chỉ là một tôn sư đơn thuần cũng sẽ tan tành dưới sức nặng của cuộc luận án vì từ chối sứ điệp của Ngài. Nhưng trước tiên, nếu hiểu chức vụ của Ngài là cứu thế, thì mọi sự thật rõ ràng cho nhân loại. Loại bỏ đáng cứu thế đồng nghĩa với loại bỏ ơn cứu độ, như Ngài đã nói trong nhà ông Giakêu. Những người chất vấn thẩm quyền của Chúa Giêsu không nghi ngờ chi về ý nghĩa tôn giáo của toàn bộ dụ ngôn. Nó có liên quan đến họ. Động lực của họ như thế đã được phơi bày và họ càng trở nên tức giận. Khi cái ác được đưa ra ánh sáng, thì không phải lúc nào cũng có hiệu quả ăn năn. Ngược lại, thường khi là tồi tệ hơn. Người tốt khi biết lỗi mình thì thống hối, kẻ dữ lại trở nên hung hãn hơn lúc tội của họ chưa được khám

phá. Triết gia Platon chủ trương rằng dốt nát không phải là nguyên nhân của sự dữ. Giáo dục cũng không phải là phương thuốc tẩy trừ cái ác. Người ta có cả hai, trí khôn và lòng muốn, kiến thức và ý định. Chân lý có thể được nhận biết rồi ghét bỏ cũng như Sự Thiện được khám phá và đóng đinh.

Thần khí của Đức Kitô trong linh hồn người ta tố giác họ về tội lỗi. Xét cho cùng, chẳng có chi ngoài Thần khí có khả năng thuyết phục nhân loại về tội lỗi. Người ta nói là lương tâm, nhưng lương tâm không làm được, bởi lẽ đôi khi nó bị ru ngủ. Ý kiến công cộng cũng không làm được, vì nhiều khi nó biện minh cho tội lỗi, hoặc hợp pháp hóa tội lỗi. Và tội nặng nề nhất mà Thần khí tố giác là không tin vào Đức Kitô chứ không phải hà tiện, dâm dục, vô độ. Chính Thần khí Thiên Chúa làm cho tội nhân không những ý thức về tình trạng linh hồn mình, mà còn thúc đẩy người ta ăn năn, thống hối khi họ bằng lòng chấp nhận ơn cứu độ.

Khước từ ơn Chúa cứu chuộc là ưa chuộng điều dữ hơn sự lành. Cây thập tự là bản lý lịch, mỗi người đọc ở đây câu truyện đời mình, hoặc là được cứu độ, hoặc là bị trầm luân đời đời. Nếu như tội chỉ được nhìn theo quan điểm tâm lý học, thì thánh giá và cái chết của Chúa Kitô là sự phóng đại quá đáng. Nếu cát trong sa mạc, máu súc vật hoặc nước lã có thể tẩy sạch tội lỗi, cần gì phải sử dụng thập giá? Nhưng khi tội lỗi đặt dưới nhãn quan của sự Thánh Thiện vô biên, thì thập giá của Chúa Kitô là phương tiện duy nhất đền bù đầy đủ và thỏa đáng vở kịch kinh khủng của tội lỗi nhân loại.

Một khi con người đã nhận biết tình trạng tội lỗi của linh hồn mình, nó cũng thấy rõ mình không thể tự thân đạt đến nền công chính. Thì nó phải công nhận Chúa Kitô đã chịu khổ hình và chết để cứu con người khỏi tội lỗi. Tiếp theo nó phải chấp nhận Chúa Giêsu Kitô chính là sự công chính của mỗi người trên thế gian. Nhưng công nhận Chúa Kitô như nền công chính của mình và tin theo Ngài, không bảo đảm cho chúng ta tránh khỏi thử thách và đau khổ. Chúa Cứu Thế chẳng bao giờ tuyên bố với các tông đồ "Hãy trở nên hoàn thiện, rồi các con không phải đau khổ". Nhưng trong thực tế Ngài nói: "Trong thế gian này các con sẽ phải chịu đựng nhiều gian nan". Ngài cũng nói với họ: Đừng sợ những kẻ chỉ giết được thân xác nhưng tốt hơn hãy sợ Đấng có thể giết được linh hồn. Ngài nói với các tông đồ đời sống của Ngài là mẫu mực cho mọi kẻ theo mình và họ được khuyến khích đối phó với các khó khăn tệ hại nhất của thế gian với lòng can đảm và thanh thản. Ngài tuyên bố các khổ đau chỉ là cái bóng "bàn tay yêu thương của Ngài". Ngài không phải là phù thủy ban bùa phép chống lại các khó khăn. Ngược lại Ngài là một vị chỉ huy, xông ra mặt trận, để khuyến khích nhân loại biến đổi những đòn đau ghê gớm của cuộc đời thành mối lợi tuyệt vời cho cuộc sống thiêng liêng. Như thi sĩ Edward Shillito đã viết: "Chẳng ngẫu tượng giả hiệu nào, được miễn nhiệm khỏi đòn đau và buồn rầu thế gian, lại có khả năng an ủi chúng ta ngày nay".

Chúa Giêsu của các thương tích

Nếu chưa bao giờ tìm kiếm, hôm nay chúng con tìm kiếm Chúa đây.
Đôi mắt Ngài rực cháy trong tối tăm, là ngôi sao duy nhất của chúng con.
Nhất định chúng con phải xem thấy Ngài đội triều thiên gai nhọn.
Chúng con lựa chọn Ngài, ôi Chúa Giêsu thương tích.

Bầu trời làm chúng con khiếp sợ. Nó quá lặng yên.
Trên khắp dương gian này, chúng con chẳng có chỗ nghỉ ngơi.
Các vết thương chúng con đang đau đớn, tìm đâu được thuốc chữa?
Ôi Chúa Giêsu, thương tích của Ngài là hy vọng.
Nếu như các cửa đều đóng cả, Ngài lại tới gần.
Chỉ một mình Ngài tỏ lộ hai bàn tay, cạnh sườn.
Và ngày nay chúng con biết rõ các vết thương đó, chúng con không còn phải khiếp sợ.
Xin tỏ ra cho chúng con các thương tích của Ngài, và chúng con hiểu được mật hiệu:
Các thần khác uy dũng còn Ngài yếu ớt
Họ cười ngạo tiến bước, còn Ngài lao đao vấp ngã bước lên ngôi.
Nhưng chỉ thương tích Chúa nói được với khổ đau của chúng con.
Rằng chẳng thần thánh nào có vết thương ngoại trừ Ngài.

Edward Shillito (1872-1948).

Danh hiệu: "Con Người" của Chúa Kitô có nghĩa Ngài là đại diện không những của dân tộc Do thái, dân tộc Samaria, nhưng của toàn thể nhân loại. Như chúng tôi nói ở trên. Quan hệ của Ngài với nhân loại giống như của Adam. Ngài đã xuống thế làm người và mang lấy thân phận, bản tính nhân loại. Ngài đi vào thực tại loài người như chúng ta. Ngài đã đảm nhận bản thể nhân loại vào ngôi vị thần linh của mình. Triết gia Aristote nói: "Giả như thần linh mà yêu thích dính líu vào công việc của nhân loại, thì điều họ lấy làm thỏa mãn nhất, là nhìn thấy những gì giống hệt bản tính của họ". Như vậy hàm ý các thần thánh vẫn có chút kỳ thị, chê ghét loài người trong thâm tâm họ. Do đó dân tộc Hy Lạp chủ trương rằng các biểu hiện của thần linh mang tính: quá cao sang để mà tôn thờ, quá siêu việt để mà yêu mến. Nhưng con người Đức Kitô không phải vậy, mà là ngược lại: "Ngài đến nhà của Ngài" Đấng thánh hóa phải nên một với các kẻ được thánh hóa. Sự cách biệt về tính chất giữa hai bên đòi hỏi phải hợp nhất trong một khía cạnh nào đó.

Phải có điểm tiếp xúc chung của bên này với bên kia và ngược lại. Người giống anh em mình sẽ có quyền lực trên anh em hơn là không giống. Do đó, để có thể trở nên Đấng thánh hóa, Chúa chúng ta đã là một người giống anh em nhân loại của mình. Ngài sẽ biến đổi họ thành thánh thiện bằng cách thiết lập trong đời mình cái mẫu hình lý tưởng mà loài người đã làm mất, rồi in nó vào tâm trí họ.

Chương 3

ƠN THÁNH VÀ ĐỨC TIN TRONG CUỘC SỐNG NGƯỜI TÍN HỮU

Ơn thánh là sự sống - sự sống của Thiên Chúa Ba Ngôi giữa nhân loại. Đức Giêsu Kitô con Thiên Chúa đã đem sự sống thần linh này xuống hành tinh nhỏ bé của chúng ta. Nó không phải là đường

thẳng cắt ngang qua giai điệu hoà hợp của vũ trụ. Nó là một nhân tố làm hoàn thiện con người, thể hiện cao nhất của vũ trụ. Thiên khảo luận về ơn thánh phải được gọi là môn sinh học siêu nhiên. Bởi lẽ các luật lệ của đời sống tự nhiên, là phản ánh mờ nhạt của những qui luật đời sống ơn thánh. Ngay cả ý niệm về nguồn gốc sinh học, tức qui luật của mọi sự sống, đều phát sinh từ sự sống có trước: Không có sự sống tự phát, là một chân lý tự nhiên, sửa soạn trí khôn để chấp nhận chân lý siêu nhiên, rằng cuộc sống tự nhiên của con người chẳng thể sinh ra đời sống siêu nhiên. Cho nên, sự sống siêu nhiên phải là một ơn huệ. Chỉ có sự sống mới ban cho sự sống. Và chỉ có sự sống mới có thể đến từ sự sống. Omne vivum ex vivo (mọi sự sống đến từ sự sống khác). Định luật này đúng trong thế giới tự nhiên và cũng đúng ở lãnh vực siêu nhiên. Sự sống của Thiên Chúa, tức ơn thánh, là món quà hoàn toàn do Thiên Chúa ban tặng, và chúng ta không hề có quyền đòi hỏi. Sự sống này Ngài ban cho Adong thuở xưa. Nhưng bây giờ được Adong mới, Đức Giêsu Kitô, phục hồi cho nhân loại, nhờ công nghiệp của Ngài.

Toàn thể trật tự tạo dựng thiên nhiên cho chúng phương pháp loại suy phẩm chất của ơn thánh, như là một món quà tặng. Thí dụ nếu một hòn đá, như tảng Gibraltar chẳng hạn, tự dung nẩy lên một bông hoa, việc làm của nó vượt quá bản tính tự nhiên của đá. Lại nữa, nếu một bông hồng ngày nào đó đột xuất có cảm giác, biết nghe, biết xem, biết cảm xúc, thì đó cũng là một hành động vượt trên bản tính. Bông hồng không tự thân làm được như vậy. Hành động của nó không có sẵn trong bản tính của loài hoa hồng. Nếu một con vật, con chó chẳng hạn, bỗng nhiên nói được, suy luận được, rao giảng lẽ khôn ngoan. Nó hành động trên bản tính của mình là chỉ biết sủa, biết vẫy đuôi mừng. Lý luận không phải là bản tính của loài chó. Tương tự như vậy, nhưng ở mức độ sâu sắc hơn gấp bội, loài người vẫn chỉ là thụ tạo của Thiên Chúa, nay được làm con cái Ngài qua ơn thánh, là phần tử của gia đình Ba Ngôi và là huynh đệ với đức Giêsu Kitô, thực là số phận vượt tự nhiên của con người, một ân huệ siêu nhiên vượt qua mọi nhu cầu khẩn thiết và khả năng của bản tính con người, thậm chí hơn cả việc tảng đá trở hoa.

Ơn thánh giúp người ta trở nên tốt hơn một tạo vật mới, cao hơn rất nhiều so với tình trạng cũ, thậm chí hơn cả tình huống con vật dám giảng giải sự khôn ngoan ông Socrates. Trong tất cả ân huệ của công trình tạo dựng, chẳng có ơn nào sánh kịp việc Thượng Đế gọi loài người là "con" và loài người được phép gọi Thượng Đế là "Cha". Sự khác biệt căn bản giữa đời sống tự nhiên của con người và đời sống siêu nhiên, nằm ở chỗ đời sống ơn thánh không do phát triển, mà do sinh sản. Nguồn sống giữa hai chủng loại sống cũng khác. Một đàng là tính làm cha kiểu nhân loại, đàng khác Thiên Chúa là Cha kiểu Thần Linh, khoảng cách của vương quốc khoáng sản với vương quốc thực vật chỉ là bề dày của sợi tóc. Nhưng khoảng cách giữa đời sống tự nhiên và siêu nhiên là vô hạn. "Không ai ở bên này sang bên đó được hay ngược lại".

Trong mắt Thiên Chúa thế gian chia làm hai hạng người, mặc dầu tất cả đều là con Thiên Chúa, do Ngài dựng nên. Nhưng không phải tất cả đều chấp nhận ơn huệ siêu nhiên một cách xứng đáng. Họ từ chối ơn Ngài để chọn thế gian. Xin đừng quên rằng toàn khối chứa đựng từng phần, và rằng trong cuộc sống hoàn thiện, chúng ta cũng được hưởng các niềm vui của cuộc sống hữu hạn, trong mức độ vô hạn. Cả hai hạng con đều được sinh ra, một theo xác thịt, hạng khác theo thần khí. "Điều chi sinh

bởi xác thịt, thì là xác thịt, điều chi sinh bởi thần linh thì là thần linh". Sinh bởi xác thịt tháp nhập vào đời sống của Adong. Sinh bởi thần linh - bởi nước và Thánh Thần - tháp nhập vào Chúa Kitô. Như vậy con Thiên Chúa có hai lần sinh ra. Còn con loài người chỉ một lần sinh ra mà thôi. Sự sinh ra chân thật ở nơi các con Thiên Chúa. Họ sinh lại bằng nước và Thánh Thần chứ không vào lòng mẹ để được sinh ra lần nữa. Bởi lẽ, "xác thịt thì nào có ích gì". Có ích là sinh bởi Thiên Chúa làm con cái Ngài và được nhận làm thừa tự với Đức Kitô.

Con cái Thiên Chúa nhờ địa vị làm con, được quyền thừa hưởng nước trời. Họ sẽ nhận quyền này lúc chết. Con cái loài người chỉ được hưởng của cải thế gian. Của cải này mục nát hay mỗi một đụn khoét và trộm cắp lấy đi. Con cái Thiên Chúa có trong mình hạt giống vinh quang và hạnh phúc vĩnh cửu. Con cái loài người không được vậy. Họ chỉ có đời này mà thôi. Tuy nhiên còn nhiều khác biệt giữa hai loại con cái. Loại có ơn thánh và loại không có. Chúng khác biệt hơn là giữa hai linh hồn cùng có ơn thánh nhưng một linh hồn còn ở đời này, linh hồn khác đã lên cõi phúc trường sinh. Lý do là như thánh Thomas Aquino nói ơn thánh là hạt giống vinh quang mà ngày nào đó sẽ nở ra bông hoa vinh hiển, tương tự như hạt sồi sẽ nở thành cây sồi. (Summa 2-2 q-24, art 3 ad 2: Gratia nihil aliud est quam quaedam inchoatio gloriae aeternae = ơn thánh chẳng là gì khác hơn khởi sự của vinh quang vĩnh cửu). Nhưng linh hồn không có ơn thánh chẳng hy vọng được khả năng ấy. Thánh Gioan nói: "Các con thân mến, bây giờ chúng ta là con Thiên Chúa, và chưa được tỏ ra như thế nào. Nhưng khi Đức Kitô xuất hiện, chúng ta sẽ nên giống như Người, vì Người thế nào, chúng ta sẽ thấy Người như vậy. (1Ga 3,2).

Tôi lấy làm ngạc nhiên: thế giới ngày nay khâm phục thuyết tiến hóa, mà lại không thấy ơn thánh Chúa Giêsu mang xuống cho thế gian là câu trả lời đầy hy vọng! Một trong các lý do thuyết tiến hóa được đánh giá cao là vì những lời hứa hẹn của nó cho tương lai. Nhưng cho dù ở hình thức thô thiển nhất nó cũng chỉ giải nghĩa sự tiến hóa bên dưới con người. Nhưng ơn thánh là sinh thái siêu nhiên, hiện hữu một khả năng, một hứa hẹn vinh quang cho con người. Vinh quang vượt trên mọi tương tượng. Khả năng không phải trở nên siêu nhân mà con cái Thiên Chúa. Trong lĩnh vực tiến hóa chẳng có thể hiện nào sánh được với thể hiện "tạo vật mới" của bí tích rửa tội. Cho nên sự vĩ đại thực sự của cuộc sống không phải trôi lên từ bên dưới mà là ân huệ từ trời cao: "Ta đến để cho chúng được sống và sống dồi dào".

Con người có khả năng sống ở một trong ba cấp bậc: súc vật, ở mức này người ta hài lòng với thân xác mà thôi, tức các khoái lạc xác thịt, ăn uống, vui chơi, giới tính, sinh sản. Khi tất cả một xã hội đều sống ở mức độ này. Ông Sorokin gọi là "văn hóa cảm giác". Nếu như lý trí được sử dụng đi nữa thì chỉ có mục tiêu là khám phá các phương tiện giải trí tốt hơn, tìm kiếm nhiều sung sướng xác thịt hơn, cho hợp với bản năng súc vật. Mức thứ hai cao hơn là mức độ trí khôn. Lúc này hẳn theo đuổi một đời sống tự nhiên tốt, bênh vực các đức tính nhân bản nhưng không nhiệt tâm lắm. Dưới ảnh hưởng chỉ nguyên của lý trí mà thôi hẳn sống khoan dung, thương người, nhường nhịn và đóng góp vào các công việc chung. Nhưng hẳn từ chối tin rằng còn có những sức sống cao hơn nữa mà trí khôn của hẳn không với tới được. Thứ ba, mức độ cao hơn hai mức trên, tức sống thiêng liêng, ở

mức này, nhờ ơn Thiên Chúa chúng ta được nâng lên trật tự siêu nhiên và trở thành con cái Thiên Chúa.

Ba mức độ này có thể so sánh với ngôi nhà ba tầng. Tầng thứ nhất sơ sài không trang bị gì hết trong. Tầng thứ hai có chút tiện nghi, bàn ghế. Tầng thứ ba sang trọng, có nhiều tiện nghi, ngăn nắp, đầy yên vui và bình an. Một linh hồn sống chỉ ở mức cảm giác sẽ chế cười đề nghị rằng còn có mức sống cao hơn. Họ bảo đó chỉ là tưởng tượng ngu xuẩn, chẳng làm chi có tầng thứ hai. Họ chỉ sống theo dục vọng của mình mà thôi. Đa số nhân loại sống trong mức này. Cao hơn nữa, nếu bạn đề nghị với những người sống ở mức thứ hai, biết dùng lý trí, thì họ sẽ cười vào mặt bạn, làm gì có chuyện như thế, (truyện ngớ ngẩn). An bình của trí khôn trở thành bình an của tâm hồn. Họ không hề có tư tưởng nào về trật tự siêu nhiên. Họ coi các điều ở tầng thứ ba là phi lý, là kết quả của trí tưởng tượng nơi mấy ông tu trì điên khùng, giống như tuyết lạnh trên các cửa sổ bằng kính hay tầng kem trên các bánh ngọt, không cần thiết bao nhiêu. Họ chấp nhận trong vũ trụ có một sự đảm nhận đồng hóa. Và tiến trình là từ thấp lên cao theo đường thẳng đứng, đất đá cho đến con người. Nhưng khi đến con người thì họ dừng lại không tiến thêm hơn nữa. Họ không chấp nhận còn khả năng phát triển nào khác. Họ nhìn tiến trình quá khứ cho đến khi con người thành hình, từ đây họ chỉ chấp nhận phát triển chiều ngang, không còn chiều dọc nữa. Tiến bộ của con người lúc này là về các kỹ thuật điều khiển thiên nhiên, của cải, tài sản và thu tích thêm giàu sang - tất cả ở bên ngoài con người mà thôi. Những người từ chối leo lên tầng thứ ba, giống như hai con nòng nọc ếch nhái. Một hôm chúng tranh luận với nhau rằng thiên hạ bảo có khả năng hiện hữu một vương quốc cao hơn vương quốc nòng nọc. Con nòng nọc tiến bộ nói với bạn: " Tôi nghĩ tôi sẽ ngóc đầu khỏi mặt nước để xem thế giới bên trên ra sao?" Bạn nó trả lời: "Ngu xuẩn vừa vừa chứ. Làm gì còn thế giới nào khác ngoài vương quốc thủy quái?".

Cho nên con người có trí khôn phải đặt câu hỏi căn bản: Nếu khoáng chất có thể bước lên đời sống thực vật, thực vật lên động vật và động vật bước vào con người thì tại sao con người không thể tiến xa hơn nữa? Con người là đỉnh cao của toàn thể hữu hình tại sao lại không được thâm nhập vào một trật tự tiến bộ hơn? Cây bông hồng không được phép nói rằng, không có sự sống nào khác cao hơn mình, thì con người cũng không có thẩm quyền nói mình là tận cùng tạo vật. Thực tế con người luôn ấp ủ khát vọng sống vĩnh cửu, sự thật và tình yêu.

Ở mức độ thứ ba, cuộc sống siêu nhiên không phải là cuộc sống lớn lên từ thiên nhiên giống như cây sồi lớn lên từ hạt sồi. Nó là cuộc sống hoàn toàn ở bình diện khác, một khởi sự hoàn toàn mới. Sự phát triển của nó khác với sự tiến triển dần dần của thiên nhiên, phát triển tự nhiên làm cho con người trở nên dần dần tốt hơn, dần dần khoan dung, dần dần rộng lượng, dần dần công bình, bác ái, bớt ích kỷ, bớt ghen ghét, bớt tham lam đến độ hẳn được thiên hạ coi là người tín hữu và công dân của nước trời. Đời sống siêu nhiên không như vậy. Nó theo một tiến trình khác.

Trong thế giới vật lý, có định luật gọi là luật quán tính. Một vật nào đó ở thể tĩnh, hoặc thể động đường thẳng, chỉ có thể thay đổi trạng thái nhờ một lực từ bên ngoài tác động vào. Con người cũng chịu ảnh hưởng của luật này. Nghĩa là hẳn sẽ ở mãi mãi trong tình trạng hiện thời cho đến khi một

lực từ bên ngoài lôi kéo hẳn. Hẳn sẽ ở mãi trong dòng chảy tự nhiên, cho đến khi ơn Chúa thay đổi hẳn. Hòn đá sẽ không biến đổi thành con voi, con voi thành người, người theo bản tính, chỉ là một tạo vật của Thượng Đế, cũng giống như hòn đá, con chim, là thụ tạo của Thiên Chúa. Nhưng ở con người phản ánh một vài thuộc tính của tạo hóa cách rõ rệt hơn. Các thụ tạo khác như trăng sao, cây cối cũng phản ánh nhưng mờ nhạt. Nói cho ngay, con người không có danh hiệu để sống bậc siêu nhiên. Nhưng một khi Thiên Chúa đã ban cho nó từ thuở ban đầu, thì nó được hưởng vĩnh viễn. Cho nên trong ý nghĩa nào đó, hiện tại mỗi người là một hoàng đế sống lưu vong. Đặc ân làm con Thượng Đế, được phép gọi Thượng Đế là Cha không còn nữa, mà hẳn thì bất lực không chuộc lại danh nghĩa ấy được, tựa như chiếc ly thủy tinh đòi có sự sống vậy.

Cho nên làm thế nào con người lại được ơn huệ thần linh? Câu trả lời không khó, con người phải tuân thủ một qui luật khác xem ra là luật chung của vũ trụ. Trong khi giữ nguyên sự phân biệt giữa tự nhiên và ơn thánh, chúng ta suy gẫm về con đường mà khoáng vật tiến vào đời sống thực vật và thực vật vào đời sống động vật. Con đường ấy như Chúa Giêsu dạy phải chết đi cho chính mình. Trước khi thực vật được sống cuộc đời động vật, nó phải nhỏ rế lên và đi qua hàm răng sự chết của súc vật để biến thành xương thịt của động vật. Cùng một cách thế, động vật muốn sống cuộc đời lý trí của con người, thì phải trải qua cái chết trong nước, lửa và răng miệng con người tức qua vườn cây dầu và núi sọ của chúng mà đến kiếp làm người. Như vậy bất cứ cái chi trên mặt đất này phải chết đi cho chính mình, hiến tế chính mình để được sống đời hoàn hảo hơn. Chẳng có chi "sinh ra" cho cuộc sống cao hơn, trừ phi "sinh ra" từ trời cao. Nếu cây cỏ biết nói, nó sẽ khuyên nhủ khoáng sản: "Trừ phi các bạn sinh ra lần thứ hai, các bạn không có khả năng tiến vào vương quốc của chúng tôi đâu". Và nếu súc vật biết nói, chúng sẽ chỉ cho các thực vật và khoáng vật: "Trừ phi các bạn sinh ra lần nữa, các bạn không thể nhập bọn với chúng tôi trong vương quốc động vật". Những thăng cấp này mang dấu vết loại suy mờ nhạt và xa xôi với số phận của chúng ta. Ở trong trường hợp của Chúa Giêsu, Ngài biết nói, Ngài là Ngôi Lời, Ngài nói với mỗi người dương gian: "Trừ phi các anh sinh ra lần nữa bởi nước và Thánh Thần, các anh không được vào nước Thiên Chúa". Sinh lại như thế là Bí tích Rửa Tội. Dìm mình vào nước tái sinh của Bí tích này, chúng ta chết cho cuộc sống tự nhiên và khởi sự cuộc sống thần linh, không như thụ tạo nữa, mà như con cái trong gia đình của Thiên Chúa Ba Ngôi, lúc ấy chúng ta được quyền gọi Thiên Chúa là "Cha". Như cây cỏ chết đi và được chôn vùi đối với kiếp sống thực vật, thì con người trong đường lối cao hơn, cũng phải chôn vùi với Đức Kitô trong phép rửa vào cái chết của Ngài, để được sống lại với Ngài từ cõi chết, bằng vinh quang của Chúa Cha, ngõ hầu chúng ta có thể "bước đi trong đời sống mới" (Rm 6,4).

Đời sống thiêng liêng thông ban cho chúng ta chủ yếu qua các bí tích. Cuộc sống thường nhật của chúng ta liên kết xoắn xít với các "bí tích" trong nghĩa rộng. Nghĩa là chúng chứa đựng, cất giấu và bảo tồn những chi chúng che lấp. Thí dụ: Việc vỗ tay hay ôm hôn đều có ý nghĩa dấu ấn. Chúng ta không nên bực dọc về chuyện đó, tuy nhiên cái hôn có thể là một lối diễn tả nghèo nàn tình yêu, như Giuđa ôm hôn Chúa Giêsu để trao nộp Ngài. Ngược lại, những người yêu nhau thực sự không bao giờ cảm thấy hành động ôm hôn của họ chia rẽ họ, cản lối họ, hay nhạo báng tình yêu của họ. Chỉ vì chúng là những việc bề ngoài và vật lý. Nó là những chi diễn tả tình cảm bên trong của trái tim.

Cũng vậy, các bí tích là những nụ hôn của Thiên Chúa, để Ngài đổ tình yêu vào tâm hồn nguội lạnh và làm no thảo các kẻ đói khát đời sống thiêng liêng.

Như vậy các bí tích truyền thông đời sống của Thiên Chúa cho chúng ta. Có tiến trình song song giữa đời sống vật lý và đời sống thiêng liêng. Những yếu tố nào cần thiết cho cuộc đời thể xác? Có 5 yếu tố cho cá nhân và hai cho toàn xã hội. Như mọi người, chúng ta phải sinh ra, lớn lên, ăn uống, bệnh nạn, và tử vong. Đời sống chung là trật tự xã hội hay chính phủ và truyền sinh cho thế hệ kết tiếp, tức hôn phối. Bảy biến cố này có tiến trình song song trong đời sống siêu nhiên, gọi là bảy bí tích. Trước hết chúng ta phải sinh lại trong đời siêu nhiên gọi là bí tích Thánh tẩy hay Rửa tội. Thứ hai phải lớn lên trong đàng thiêng liêng và đạt tới mức trưởng thành của người tín hữu. Đó là bí tích Thêm sức. Muốn lớn lên thì phải nhờ lương thực nuôi dưỡng bằng bánh bởi trời hay bí tích Thánh Thể. Sống thì cũng có lúc trở trời trái gió, bệnh nạn xảy tới, chúng ta phải chữa trị các vết thương thiêng liêng. Đó là bí tích Thông hối, Hòa giải. Cuối cùng là sự chết, chúng ta phải nhổ rễ mọi dấu vết của tội lỗi, tức là các yếu đuối tinh thần. Hay là bí tích Xức dầu bệnh nhân. Xét về cuộc sống xã hội, bởi từ bản tính chúng ta là con vật xã hội, sống thành tập thể chứ không sống riêng lẻ thì lấy đâu ra nhu yếu phẩm cho sự sinh tồn? Phải sống cùng người khác. Cho nên cần có sự quản trị chung. Đời sống thiêng liêng cũng vậy, đó là bí tích Truyền chức thánh. Và cuối cùng phải tiếp tục truyền sinh cho các thế hệ kế tiếp nhờ bí tích hôn phối. Chúng ta có đầy đủ bảy biến cố trong đời sống siêu nhiên cũng như trong trật tự vật lý. Và như vậy đời sống thiêng liêng là sự hoàn hảo của đời sống tự nhiên. Chúa Giêsu thiết lập bảy bí tích như những máng chuyển ơn cho nhân loại. Bể chứa ơn là trên ngọn núi Calvario. Hồng Y Newman viết: "Chúng ta tiến đến bể chứa và mặc dầu sự tăm tối, chân tay chúng ta, đầu óc chúng ta, mặt mũi chúng ta, môi miệng chúng ta trở nên nhạy cảm với sự gì thiêng liêng hơn vật chất. Chúng ta chẳng biết mình ở đâu, nhưng đang tắm trong nguồn Nước, và tiếng từ trời nói với chúng ta đây là Máu. Hoặc chúng ta được ghi dấu trên trán và tiếng đó lại nói đây là Núi Sọ, hoặc chúng ta nhớ lại một bàn tay đã đặt trên đầu và chắc chắn nó in dấu vết của đánh sắt, và giống như bàn tay của Đấng đã cho người mù xem thấy, kẻ què được đi, xác chết sống lại. Hoặc chúng ta đã từng ăn, từng uống, không phải mộng mị, mà là Đấng nuôi dưỡng chúng ta từ cạnh sườn bị đâm thủng và bánh bởi trời để canh tân bản tính của chúng ta".

Hãy dùng Bí tích Thánh tẩy làm ví dụ. Nó không phải là nghi lễ tự ý bày đặt. Nhưng là một luật của sự sống. Luật đặc biệt của trật tự siêu nhiên. Đúng vậy, nhưng vẫn là một luật. Thiên Chúa có thể dùng phương tiện khác để tháp nhập chúng ta vào thân thể máu nhiệm Chúa Kitô. Nhưng chắc chắn phương tiện Ngài hiện dùng là hoàn toàn hòa hợp với trật tự mà thiên nhiên hoạt động. Sự cần thiết của Bí tích Rửa tội như là phương tiện cứu độ đời đời có nguồn gốc thần linh. Chính Chúa Giêsu đã tuyên bố với nhân loại như vậy. Nó không phải chỉ là lệnh truyền để thực hiện một nghi thức tùy tiện, như nhiều học giả tân thời muốn chúng ta tin. Nhưng có thực chất từ Thiên Chúa. Xin nhìn về nguồn gốc mạc khải, chúng ta có thể khẳng định toàn thể thiên nhiên kêu gào sự cần thiết của nó, trong ý nghĩa nó đòi hỏi chết đi để làm điều kiện tái sinh. Tiến trình chết đi ngõ hầu tái sinh, khởi sự từ Bí tích Rửa tội trong mỗi người tín hữu, phải được và nên được tiếp tục suốt cuộc đời, là khổ chế hay hy sinh hãm mình. Nó là một phương diện của tiến trình chuyển hóa đời sống Kitô hữu. Chuyển

hoá từ tự nhiên sang siêu nhiên. Không có tiến trình này người tín hữu không đạt tới sự sống thần linh.

"Hạt lúa miễn rơi xuống đất mà không thối đi thì nó nằm tro tro một mình. Nếu nó thối đi, mới sinh nhiều bông hạt". Khả năng tìm thấy sự sống qua cái chết làm cho hạt giống cao sang hơn viên kim cương nhiều lần. Khi rơi xuống đất, hạt giống mất cái vỏ ngoài. Vỏ này kìm hãm sức sống bên trong nó. Nhưng một khi đã mất đi, vỏ ngoài thối ra đất và sự sống nảy mầm thành cây lúa. Cũng một luận lý ấy, trừ phi chúng ta chết cho thế gian, rũ bỏ tính hư nết xấu và khát vọng xác thịt, chúng ta không thể đạt tới đời sống vĩnh cửu. Nếu muốn sống đời cao hơn, chúng ta phải diệt trừ nếp sống cũ. Ngược lại nếu muốn giữ nguyên nếp sống trần tục, chúng ta chẳng có hy vọng trong Chúa Kitô. Đó là lẽ đương nhiên, nhưng nhiều linh hồn không nhận ra, vì còn u tối. Xin đặt qui luật này trong ngôn từ của Chúa Giê-su: Nếu chúng ta muốn cứu mạng sống mình thì sẽ mất, ngược lại, nếu chúng ta đành mất mạng sống ở đời này, sẽ được lại nó cho kiếp sống muôn đời. Nghĩa là, nếu cứu lấy nó cho vương quốc của Chúa Cha, chúng ta phải hy sinh nó ở thế gian buồn chán này. Nếu chúng ta muốn có đời sống hạnh phúc hoàn hảo, thì phải trút bỏ các vui sướng xác thịt chóng qua của kiếp phù sinh. Francis Thompson viết:

Sự ngã xuống đem giá trị cho việc trỗi dậy.
Bởi lẽ sự sinh ra đã mang trong mình mầm mống sự chết.
Và sự chết lại gói ghém mầm mống sinh ra.
Hạt giống rơi xuống nảy sinh cây xanh lá mới
Nước mưa đem đến phát triển cho đồng cỏ xanh non,
Cây dương xỉ già cỗi âm ỉ lá dương xỉ xanh tươi
Bởi lẽ chẳng có chi sống động mà không có cái chết đi.
Không có cái gì chết đi lại chẳng nảy sinh mầm sống mới,
Cho đến khi các tầng trời tan chảy.
Cho đến khi thời gian, nguồn gốc của mọi đổi thay, héo tàn.
Phải chăng sống chết không tách rời trên trái đất?
Như thế chúng xoắn xuýt vào nhau như hai sợi dây leo, chết đi để rồi lại sinh ra.

(phỏng theo ý thơ).

Linh hồn sẽ cảm nghiệm thế nào khi gặp gỡ ơn thánh Chúa?

1. Lâm vào khủng hoảng.

Một đảng nhận ra rằng mình hoàn toàn bất lực. Đảng khác xác tín rõ ràng chỉ Thiên Chúa mới đủ khả năng cung cấp các nhu cầu cho linh hồn. Nếu như chỉ cảm nghiệm bất lực suông, thì sẽ nảy sinh thất vọng, nhiên hậu đưa đến tự tử. Đây là tình trạng của các người ngoại đạo sau kỷ nguyên Công Giáo, hẳn cảm thấy hoàn toàn thiếu thốn về mặt tâm linh, tức những sức mạnh nội tâm chống lại nghịch cảnh của thế giới và vũ trụ, hẳn rơi vào thất vọng. Hẳn chỉ có một nửa điều kiện để trở lại, tức chỉ có khủng hoảng tâm lý. Nhưng hẳn không liên kết tình trạng của linh hồn mình với quyền

phép Đức Chúa Trời, Đấng có khả năng nâng đỡ và nuôi dưỡng linh hồn hẳn. Nếu làm được như vậy, tư tưởng ngoại giáo tan biến mất, một tia hy vọng thể chỗ cho thất vọng sáng tạo. Thất vọng vì nếu vẫn còn cảm nghiệm căn bệnh của mình. "Sáng Tạo" bởi vì đương sự nhận ra chỉ có bác sĩ Thần linh bên ngoài mới mang đến được liều thuốc chữa cho mình đôi cánh. Tính chất thất vọng không luôn nổi lên từ ý nghĩa dốt nát, ngu xuẩn, lỗi lầm mà thường là sự thiếu thốn, bất lực, lệ thuộc và ngay cả từ sự biết mình tội lỗi.

2. Có nội chiến lớn trong linh hồn trong suốt thời kỳ chuẩn bị trở lại.

Có cuộc vật lộn giữa ý thức và tiềm thức, giữa cái tôi và hoàn cảnh bên ngoài thôi chưa đủ. Bởi lẽ đó chỉ là sự căng thẳng tâm lý. Căng thẳng tâm lý này sẽ chẳng bao giờ sâu sắc đủ cho việc trở lại, nếu không nhận được sự trợ giúp từ bên ngoài. Những chiến đấu giữa các lực lượng đối nghịch chỉ ở trong tâm trí mà thôi. Sự trở lại không bao giờ có tính tự phát. Nó là quyết định bất ngờ được ơn trên phù trợ. Sự căng thẳng chỉ trở nên quyết liệt khi đương sự đối mặt với vô nghĩa, khi tâm trí được yếu tố bên ngoài thay đổi, khi bất lực của con người so sánh với toàn năng của Thiên Chúa.

Cho đến khi cuộc kéo co khởi sự với một bên là Thiên Chúa, bên kia là đương sự thì lúc ấy mới đủ điều kiện trở lại. Trong linh hồn, đương sự phải có xác tín rằng mình đang nắm chặt đầu dây và Thiên Chúa kéo lên, điều khiển, chứ mình chẳng làm được chi, rằng trước mặt mình, có Đấng Tối Cao hiện diện mà mình cảm thấy hạnh phúc khi làm điều tốt và xấu hổ khi làm điều xấu. Điều không mấy quan trọng trong cuộc khủng hoảng này mà người ta cảm thấy giằng co, là nó xảy ra dần dần hay bất ngờ. Điều thực sự quan trọng là sự vật lộn giữa Thiên Chúa và linh hồn. Trong đó Thiên Chúa toàn năng không hề phá hủy tự do con người. Đây là vở kịch lớn nhất trong cuộc sống con người.

3. Bị săn đuổi.

Lúc này linh hồn luôn cảm nghiệm mình bị săn đuổi bởi ai đó. Thi sĩ Thompson gọi là "chó săn từ trời". Con vật săn mồi này không để ai yên ổn. Cái thảm họa là rằng nhiều linh hồn, lúc cảm thấy sao xuyên, lại tìm cách giải thích đi nẻo khác, thay vì theo đuổi cho đến cùng và kết quả của việc theo đuổi, là họ được nhìn xem người săn đuổi đó là Thiên Chúa. Và ơn thánh Ngài hành động trong linh hồn. Tiếng nói của Thiên Chúa khuấy động linh hồn ngõ hầu linh hồn tìm tòi hơn nữa và được cứu. Nó làm cho linh hồn bối rối bởi sự thật và xé toang mọi mặt nạ, mọi che đậy của tính giả hình. Nhưng nó cũng an ủi linh hồn làm cho linh hồn hòa hợp với bản thân, với thiên nhiên và với Thiên Chúa. Cho nên tùy vào đương sự chấp nhận hay từ chối tiếng nói của Thiên Chúa. Khi hai luồng sinh lực, một, lòng xót thương của Thiên Chúa, hai, sự thất vọng nội tâm, gặp nhau. Linh hồn nhận ra chỉ Thiên Chúa mới cứu vãn được tình thế, ban cho linh hồn những gì cần thiếu, lúc ấy khủng hoảng thiêng liêng sẽ đạt tới điểm phải làm một quyết định. Ở đây, khủng hoảng lên tới đỉnh cao nhất và đó là thánh giá phải chịu đựng. Thánh giá dưới nhiều hình thức khác nhau, tùy theo tình trạng linh hồn, linh hồn lương thiện hay linh hồn tội lỗi, nhưng cả hai đều có điểm chung là họ nhận

ra thất bại, hay chiến đấu không thể giải quyết, không vượt thắng bằng cố gắng riêng của mình. Nó cần ơn Chúa trợ lực. Các hình thức chung của sao xuyên là luân lý, tinh thần và vật lý nữa.

4. Thoát khỏi tội lỗi.

Điều mà linh hồn cần lúc này là gỡ mình ra khỏi vòng nô lệ tội lỗi. Từ trước cho đến bây giờ, linh hồn vẫn còn bao che cho tội lỗi. Ở giai đoạn này linh hồn khám phá ra rằng, phải phơi bày chúng, lật tẩy chúng và gột rửa chúng. Điều chi đã vướng mắc, thì nay phải tháo cởi. Điều chi cản lối thì nay phải đập đổ. Điều chi giết chết thì nay làm sống lại. Lòng khắc khoải đến tột độ khi linh hồn trở nên ít màng tưởng về việc quyết tâm bên ngoài, hơn là các độc lòng bên trong. Linh hồn quay ngọn giáo vào trong chứ không ra ngoài nữa. Ngọn giáo để chặt đứt các dục vọng thấp hèn và nâng cao lòng hào hiệp. Nó ít kêu ca về thế gian giả dối và bắt đầu quyết định không lừa đảo như trước nữa. Ở bình diện luân lý có hai thái cực. Một, ý nghĩa nội tại của sự dữ hay thất bại. Hai, quyền năng siêu việt của lòng thương xót Chúa, vực thẳm bất lực kêu gào vực thẳm của ơn cứu độ. Đúng như Kinh thánh nói: *Ơn cứu thoát nơi Ngài phong phú biết bao (Copiosa apud eum redemptio)*. Lúc này linh hồn nhìn thánh giá trong ánh sáng mới. Lúc trước thánh giá là biểu tượng sự dữ đã giết chết Chúa Giêsu. Lúc này nó mạc khải sự thất bại của ác thần cách mạnh mẽ nhất. Nó tan biến đi không phải bằng lời cầu nguyện của Chúa Giêsu trên thập tự, mà nhất là bằng chiến thắng vinh quang của việc Ngài phục sinh. Nhưng trận mưa ân huệ của quyền lực Thiên Chúa không thể hoạt động trên con người, nếu hấn còn sống trong các ảo tưởng rằng hấn là một thiên thần, hoặc rằng tội lỗi không phải do hấn gây nên. Thực chất hấn còn quá kiêu căng. Cho nên điều kiện tiên quyết là hấn phải khiêm tốn chấp nhận mình có tội. Sau đó, mặc dầu ý thức tội lỗi chưa tan biến, nhưng bắt đầu được thanh thoả. Đây là điều mà tác giả Charles Péguy đã kinh nghiệm và phát biểu như sau: "Tôi là một kẻ tội lỗi, nhưng là kẻ tội lỗi tốt lành."

Khi đã chê ghét tội lỗi, linh hồn lúc này ý thức mình có thể được Thiên Chúa Cứu Chuộc chấp nhận không phải vì linh hồn tốt lành mà vì Chúa Cứu Thế nhân hậu. Trong các tôn giáo khác, người ta phải tự thanh tẩy trước khi gõ cửa nhà chùa; nhưng trong Thiên Chúa giáo, người ta đến nhà thờ khi còn là tội nhân, và ông từ mở cửa chính là Thiên Chúa chữa lành. Lo âu xao xuyên chấm dứt ngay khi linh hồn gặp gỡ Chúa Kitô, không phải theo luật pháp nhưng theo lòng thương xót của Thiên Chúa. Lúc ấy họ nghe theo tiếng gọi của Chúa Giêsu: "Hãy đến với ta, hỡi tất cả những ai vất vả mang gánh nặng nề. Ta sẽ bổ sức cho các ngươi" (Mt 11,28).

5. Thay đổi cuộc sống.

Tới giai đoạn này hồi nhân dứt khoát thay đổi tâm tư, tình cảm và hạnh kiểm. Không những thay đổi cái nhìn về các giá trị mà còn đảo ngược nếp sống, khuynh hướng, năng lực của mình. Hướng dẫn chúng về mục tiêu khác, mục tiêu cứu rỗi. Nếu trước khi hồi cải, người ta đã có một cuộc đời tốt lành, thì giờ đây người ta sẽ ít chú tâm vào việc giữ lễ luật, mà nhấn mạnh vào việc nuôi dưỡng tình yêu. Nếu trước đây là một tội nhân, thì bây giờ đời sống thiêng liêng giải phóng hấn khỏi tính mê nết xấu, những hoang đàng, làm linh hồn trĩu nặng tội lỗi. Linh hồn không còn cần đến thuốc ngủ hay

rượu chè để bớt phần lo lắng. Linh hồn thường nhận ra rằng nghiện ngập như vậy không phải là phương thế tốt để trốn tránh các trách nhiệm hoặc bảo đảm thoát khỏi các lựa chọn khó khăn. Trước khi trở lại, đa phần nếp sống quyết định lòng tin, sau khi trở lại lòng tin quyết định nếp sống, như vậy người ta không còn ưa thích dùng vật tế thần để đổ lỗi cho các thiếu sót của mình, nhưng dùng ý thức mà nhận ra rằng thế giới này có biến đổi hay không, là do cá nhân, cá nhân phải chỉnh đốn mình trước. Hối nhân còn sợ hãi Thiên Chúa trừng phạt. Nhưng không phải là cái sợ nô lệ, mà là lòng sợ của con cái. Sợ nô lệ là cái sợ thần dân đối với nhà độc tài. Sợ con cái là cái sợ đối với người cha nhân lành, mà con cái không bao giờ muốn xúc phạm, không hề chạy trốn khỏi tình yêu ấy. Những hành vi tránh né không còn được sử dụng nữa.

Một khi linh hồn đã trở về cùng Chúa, thì không còn phải vật lộn với các thói quen xấu nữa, không phải chúng bị đánh bại, mà các lợi ích khác đã đẩy chúng ra ngoài. Cũng không cần dùng đến các phương tiện ru ngủ hay trốn tránh nữa. Bởi vì người ta không còn chạy trốn chính mình, mà sống với các thực tại nơi mình. Lúc trước họ ương gàn thực hiện ý mình, thì bây giờ ngoan ngoãn thi hành ý Chúa. Lúc trước họ làm tội mọi cho tội lỗi thì nay ghét bỏ chúng. Lúc trước chán ngán tư tưởng Thiên Chúa, cho là khôn khan vô bổ, thì bây giờ cố gắng tìm kiếm thánh nhan Người. Sự thay đổi linh hồn trải qua rất rõ ràng giống như từ cõi chết qua cõi sống. Không những linh hồn tránh xa tội lỗi mà còn sẵn sàng đầu hàng các đòi hỏi của Thiên Chúa. Họ rút lui khỏi tội lỗi vì sợ làm tổn thương Đấng mình yêu mến.

6. Linh hồn nhận được cảm giác chắc chắn.

Triết học công hiến bằng chứng Thiên Chúa hiện hữu. Môn hộ giáo cho động lực tin vào Đức Kitô là Con Thiên Chúa hằng sống. Nhưng tất cả các chứng cứ bất khả tranh luận ấy vẫn thiếu tính vững chắc. Còn cần ơn soi sáng bởi trời, đó là đức tin siêu nhiên. Xin tưởng tượng một thanh niên có người cha mất tích nhiều năm, một người hàng xóm đi xa về bảo đảm với anh ta đã trông thấy cha anh đang sống ở lục địa khác. Nhưng người thanh niên chẳng thể vững bụng cho đến khi chính mắt được xem thấy cha mình. Khi chưa thấy cha lòng anh vẫn bồn chồn khắc khoải, chưa thể có bình an. Cùng một tình trạng cho linh hồn mới trở lại. Trước đây nó chỉ biết "về" Thiên Chúa. Bây giờ nó thấu hiểu Thiên Chúa là ai. Kiểu biết trước là các khái niệm trừu tượng. Kiểu biết thứ hai cụ thể, thực tiễn, và chân thật. Hiểu biết này gắn liền với tình cảm, đam mê, thói quen và cảm xúc. Trước khi trở lại chân lý còn xa tắp, nó chưa đụng chạm đến ngôi vị đương sự. Sau khi trở lại, chân lý trở nên rõ nét, ngôi vị hóa đến nỗi trí khôn biết mình đã tìm được nơi cư trú vĩnh viễn. Trí khôn định cư lại, không còn phải lang thang dong duổi kiếm tìm nữa. Trí khôn an tâm xây tổ ấm. Linh hồn trở lại vững bụng đến nỗi tâm hồn không còn cảm thấy "các" câu trả lời nữa mà là câu trả lời duy nhất đã được Chúa ban cho. Một giải quyết tuyệt đối, cuối cùng, mà người ta thà chết chứ không từ bỏ. Những ai chưa từng trải qua kinh nghiệm này, kinh nghiệm trở về với Thiên Chúa trọn vẹn, tưởng tượng rằng lý trí bị triệt tiêu trong tiến trình như vậy. Họ phát biểu như sau: "Tôi chẳng thể hiểu được điều ấy. Tôi cứ ngỡ anh ta thông minh lắm kia". Nhưng những ai đã trải qua nó nhận ra rằng cũng như một chớp mắt, không xem thấy ánh sáng nữa là để giây phút nhìn thấy tỏ rõ hơn, sáng ngời hơn. Cũng vậy cái chớp mắt của lý trí để nó nhận ra mình không thể biết mọi câu trả lời cho cuộc

đòi. Nhưng khi đức tin đến, lý trí thấy mình còn nguyên vẹn và sáng tỏ hơn trước bội phần, lúc này cả hai, đức tin và lý trí đều nhìn thấy mình từ Thiên Chúa phát xuất ra. Cho nên không thể đối nghịch nhau đặng. Từ đó linh hồn tiêu tan hết mọi nghi ngờ, sợ hãi, lòng tin cậy của linh hồn không chi lay chuyển nổi. Mọi khái niệm cũ của nó sẵn sàng để đức tin siêu nhiên quét sạch.

7. Hậu quả cuối cùng của ơn thánh là bình an tâm hồn.

Giữa hai loại bình an, của trí tuệ và của linh hồn có sự khác nhau đáng kể. Bình an trí tuệ là kết quả tất yếu của việc lập lại trật tự, theo nguyên tắc, cho những bất ổn loài người cảm nghiệm, tức hoà bình ngoại vi. Việc này có khả năng đạt tới bằng lòng bao dung, hoặc can đảm chịu đựng những bất hạnh, bằng giết chết lương tâm, bằng phủ nhận tội lỗi, bằng tìm ra các tình yêu mới để làm nhẹ bớt các cay đắng cũ.

Bình an tâm hồn khác hẳn. Nó không tìm sống cho chính mình nữa, nhưng là sống cho Thiên Chúa, không tìm sống luân lý mà thôi, nhưng cao hơn tức sống vì tình yêu vĩnh cửu. Luân lý lúc này chỉ là sản phẩm phụ của lòng kết hợp mật thiết với Thiên Chúa. An bình này thúc đẩy linh hồn đoàn kết với láng giềng, thăm viếng bệnh nhân, nuôi dưỡng người nghèo đói và an táng kẻ qua đời.

Trước kia, mọi năng lực đều dồn vào việc giải quyết chiến tranh nội tâm để tìm ra mục tiêu thật của cuộc đời, hay tranh đấu thắng các nét xấu, thì nay cố gắng đó được dùng phục vụ mục tiêu đã tìm thấy. Hối hận, cắn rứt, sợ hãi, lo âu của tình trạng tội lỗi, thì nay hoàn toàn biết mất, nhường chỗ cho lòng thống hối, ăn năn. Linh hồn không còn ân hận về quá khứ hay hiện tại. Chúa Thánh Linh đã đổ đầy linh hồn dự kiến sẽ làm chi với ơn thánh Ngài. Hy vọng lớn lao sẽ kèm theo sự quan tâm thiêng liêng. Và mặc dù linh hồn có thể hối hận vì đã phải chờ đợi quá lâu như thánh Augustinô nói: "Lạy Chúa, lạy vẻ đẹp cổ kính, con đã yêu mến Ngài quá muộn". Nhưng sự thực, ở tuổi nào việc trở lại cũng xảy ra được. Bởi lẽ ơn thánh Chúa luôn trẻ hóa tâm hồn, làm cho nó nhanh lẹ phục vụ công việc Thiên Chúa ngay cả ở tuổi già.

Còn nhiều đường lối khác nữa, mà linh hồn trở lại có thể thực hiện để biểu lộ an bình tâm hồn. Khi phục vụ, linh hồn sẽ trở nên tăm tiếng mà trước kia vô danh. Nó dấn thân vào các công việc tôn giáo để biểu lộ căn tính làm con Chúa. Nó cố gắng nhỏ rẻ hết các tính hư thói xấu như tức giận, tự ái, ghen ghét bằng cách vượt thắng tội lỗi. Ông thánh còn ban cho linh hồn lòng tin tưởng tha nhân, mà họ coi như các con cái tiềm năng của Thiên Chúa. Nếu bị đau ốm vì căng thẳng tinh thần, ông thánh có thể chữa khỏi hoặc cải thiện đáng kể, bởi giảm bớt bất an, bồn chồn và các xáo trộn khác của tâm hồn. Đối với các thử thách và khó khăn trong cuộc sống, ông thánh trợ giúp linh hồn bằng sức mạnh thiêng liêng, mang đến cho linh hồn sự hoà hợp với các tín hữu anh em, yên ủi và khích lệ họ vững tin vào quyền bính Thiên Chúa. Nó thắng hoa các dục vọng con người ta, không thất vọng vì những thiếu sót tinh thần, thiếu sót của thế giới bên ngoài, bởi lẽ linh hồn dồn toàn lực vào sự tiến bộ thiêng liêng. Ngoài ra, ông thánh còn khiến người ta luôn cảm nghiệm sự hiện diện của Thiên Chúa ở khắp mọi nơi. Giống như trái đất khi chạy trốn mặt trời, thì cũng mang theo bầu không khí chung quanh nó. Tất cả các sinh hoạt trong công việc làm ăn, xí nghiệp, xưởng làm, trường học, gia đình đều

được thực hiện trước nhan thánh Chúa. Tư tưởng của linh hồn luôn xoay quanh các chân lý của Thiên Chúa. Linh hồn sẽ kiên nhẫn chịu đựng mọi chỉ trích, hành tởi, nói xấu, ghen tương, giận dữ vì danh Chúa, giống như Chúa Giêsu đã chịu đựng trên cây thánh giá, ngõ hầu tình yêu được ngự trị và Thiên Chúa được hiển vinh trong cay đắng cũng như trong ngọt ngào. Dựa vào Ngài để được mạnh mẽ, linh hồn không còn sợ chi mà chẳng dám gánh vác những việc anh hùng và ý thức rằng Ngài sẽ cung cấp thời gian, tiền bạc, sức khỏe, các phương tiện cần thiết. Nhưng trên hết mọi sự vẫn là bình an sâu thẳm trong linh hồn. Bình an này mang theo ơn kiên trì, giúp chúng ta theo đuổi các mục tiêu thiêng liêng và cao thượng, như tinh thức, can đảm, lạc quan, vượt khó. Linh hồn luôn tiến về phía trước trên con đường ơn gọi trong đức Giêsu Chúa chúng ta.

Bất kể bối cảnh tôn giáo của bạn, bạn đều dễ dàng nhận ra sự khác biệt về quan điểm sống giữa những linh hồn có đức tin chân thật qua ơn thánh của Thiên Chúa và những linh hồn không có. Thí dụ: Liệu bạn đã từng quan sát một cuộc tranh luận luân lý nào về các đề tài quan trọng trong cuộc đời như đau khổ, buồn sầu, tội lỗi, hạnh phúc, hôn nhân, con cái, giáo dục, mục tiêu cuộc sống, ý nghĩa cái chết chưa? Hẳn bạn nhận ra quan điểm của người công giáo khác xa ý kiến của những vị tự nhận là tân thời, cấp tiến?

Nếu bạn là Công giáo, có đức tin vào Thiên Chúa bạn sẽ cảm nghiệm thiếu sót ở những ai không có đức tin, như thể hai bên không có đất đứng chung. Hai bên sống ở hai thế giới riêng biệt. Bạn bất lực không thâm nhập được vào tâm trạng của kẻ vô đạo gặp trên đường phố. Nó giống như miêu tả màu sắc cho người mù. Hai bên không nói cùng ngôn ngữ. Chúng ta giống như những thợ xây tháp Babel, ăn nói lộn xộn, chẳng ai hiểu ai! Mới vài năm trước đây, những kẻ chối bỏ vài chân lý công giáo, được coi như dè dặt về vấn đề ly dị kết hôn lại, về vô thân, về kẻ thù của gia đình, về quan điểm luật pháp do ý muốn áp đặt chứ không phải lý trí, thì bây giờ chúng ta là kẻ cân nhắc vấn đề chứ không phải họ. Họ ủng hộ hết mình những sự kiện ấy. Ngày nay người tín hữu chân chính là kẻ phải tự vệ với mỗi một lý do là thiếu số bênh vực sự thật.

Cái nhìn thông suốt và chắc chắn của những linh hồn có ơn đức tin đôi khi bị hiểu lầm, ngay cả bởi những tín hữu khác. Cho nên đôi khi người công giáo mất kiên nhẫn với những kẻ thiếu đức tin. Họ nghĩ sai lầm rằng lý do họ trông thấy sự thật rõ ràng là bởi tài khéo của mình. Người khác không thấy chân lý bởi hoặc ngu dốt hoặc ương ngạnh. Xin luôn nhớ đức tin là ân huệ Chúa ban, không lệ thuộc vào sự khôn ngoan thông suốt của chúng ta. Thiếu đức tin cũng không là kết quả của ngu dốt. Chúa Giêsu đã tuyên bố: "Xác thịt và máu huyết không mạc khải cho anh điều đó nhưng là cha Thầy, Đấng ngự trên trời" (Mt 16,17).

Giả dụ bạn ở ngoài Giáo Hội và không có đức tin, liệu bạn đã từng coi người có đạo là mê tín, ngớ ngẩn, vô lý, khó nghe, trong các phán đoán của họ chứ? Trong triết lý và trong quan điểm nhân sinh của họ chứ? Họ tưởng rằng người có đạo đã từ bỏ lý trí và tự do để đổi lấy lề luật của Hội Thánh và chấp nhận chân lý của Chúa Kitô trong Giáo Hội của Ngài? Nếu vậy bạn giống như người đứng ngoài nhà thờ nhìn vào các cửa sổ kính màu. Bạn chỉ thấy các đường vẽ ngoằn ngoèo vô nghĩa, xấu xí không coi được, màu sắc âm đạm, tối xịt khó nhìn. Nhưng một khi bước vào bên trong là cả một

bản vẽ nhiều màu rực rỡ, các gân ghép bằng chì biến mất chỉ còn ảnh tượng hiện ra rõ nét, đẹp đẽ, huy hoàng, sống động, làm cho du khách ngất ngây. Cũng vậy ở bên ngoài Hội Thánh xem ra người ta bối rối, thắc mắc, lúng túng. Nhưng đã vào bên trong, bạn sẽ ngỡ ngàng khám phá ra vẻ đẹp thiêng liêng của nó. Trật tự và hòa hợp đến không ngờ. Hay như một tác giả nói: "Nó đánh chết mọi vẻ đẹp khác."

Thế giới ngày nay xem ra thống nhất trong việc từ bỏ đức tin hơn là chấp nhận nó. Các thế hệ đi trước có thể chỉ cho bạn tối thiểu mười lý do cho một đức tin sai lầm, như việc tin tưởng vào thuyết duy vật. Nhưng ngày nay người ta chẳng thể chỉ ra một lý do yếu ớt cho việc không tin. Một sự thật ngỡ ngàng là người tín hữu có đức tin, trong tình trạng ơn thánh có nhiều nét chung với người Trung Hoa, Do Thái, Hồi Giáo hơn là với các tín hữu ngoại lạnh khác mà bạn gặp thường ngày trong hộp đêm, vũ trường, quán rượu hay bàn ăn của lán giềng. Bởi lẽ khi bạn nói về Thượng Đế với người Tàu, người Do Thái hay Hồi Giáo họ còn thể hiểu được bạn. Họ cũng tôn thờ Thượng Đế như bạn, tin Ngài là chúa tể vũ trụ, quan án nhân loại. Nhưng với kẻ không tin hay chỉ tin con người bởi sức vật tiến hóa lên và hành động như súc vật, thì bạn phải chào thua. Họ không hiểu gì ráo trọi. Đối với họ, câu truyện của bạn chỉ là hoang đường, vô nghĩa và ngu xuẩn của mấy ông già. Điều này chứng tỏ đức tin của chúng ta phải đối mặt với những đạo quân khổng lồ của duy vật, hiện sinh, thực dụng v.v... Chúng tạo nên một mặt trận chung.

Tại sao vậy? Tại sao lại có sự khác biệt giữa những kẻ tin kính và những kẻ không tin? Câu trả lời nằm ở chỗ linh hồn có ơn thánh, trí khôn họ được ơn trên soi sáng. Nó có khả năng nhìn thấy sự thật siêu nhiên mà linh hồn bình thường không thấy được, vì không có khả năng. Ôn thánh Chúa thần linh hóa các cơ năng con người, lòng muốn và trí khôn, ban cho nó sức mạnh thiêng liêng để hành xử thiêng liêng. Trí tuệ vẫn có khả năng hiểu biết, nhưng ơn thánh qua đức tin hành động trong các cơ quan đó, để nó thấu hiểu cao xa hơn trí khôn bình thường. Giống như vậy, lòng muốn vẫn khát khao điều tốt lành, nhưng ơn thánh hoạt động cùng nó, làm cho nó cậy dựa nhiều hơn vào Thiên Chúa, nghĩa là yêu mến Ngài thắm thiết hơn là khi chưa được trợ giúp.

Một thí dụ lấy từ thực tế cho dễ hiểu. Ban đêm chúng ta có đôi mắt như ban ngày. Nhưng ban đêm chẳng trông thấy gì, vì không có ánh sáng mặt trời trợ giúp. Ban ngày thấy rõ vì có ánh sáng mặt trời soi sáng. Vậy thì giả dụ chúng ta có hai trí khôn ngang bằng nhau, cùng học tập như nhau, cùng có khả năng như nhau, đoán xét như nhau, nhìn lên tấm bánh trắng trên bàn thờ. Người thì chỉ cho nó là bánh, kẻ khác cho là Chúa Kitô, dĩ nhiên không bằng mắt thịt, mà bằng con mắt đức tin. Bây giờ lại cho hai cặp mắt ấy nhìn sự chết. Người chỉ xem thấy một cái xác không hồn nằm đấy, bất động. Kẻ có đức tin coi đó là một tạo vật bất tử, đang được Thiên Chúa xét xử xem trong cuộc đời dài đã sử dụng tự do ra sao? Lý do của sự khác nhau là: Một bên có ánh sáng, bên kia không. Dĩ nhiên ánh sáng ở đây là đức tin.

Ánh sáng đức tin hoạt động trên tâm hồn con người gần giống như tia X trên thân xác. Bằng mắt trần, bạn nhìn vào chiếc hộp, nó xem ra chỉ là gỗ, đai sắt bọc giấy rẻ tiền và như vậy chẳng có giá trị gì. Nhưng với tia X bạn nhìn vào bên trong thì nào là vàng bạc, đá quý chói lọi. Cũng vậy, những ai

chỉ nhìn với trí óc phàm tục vào một con người bệnh tật, ốm đau chỉ thấy khốn khổ, vô nghĩa, như lời chúc dữ. Nhưng với tâm trí được ơn đức tin soi sáng, thì qua đống đau, là kho tàng phúc đức, hoặc là phương tiện quý báu để bước lên gần Thiên Chúa chí tôn, chí thánh, Đấng "sự chết làm nên đau khổ, đau khổ làm nên tình yêu, tình yêu làm nên sự sống".

Bạn có học thức cao, nhưng không có ánh sáng của đức tin, thì liệu bạn có khả năng liên kết kiến thức với tính thống nhất của đời sống không? Liệu tâm lý học của bạn đi đôi với luân lý của bạn? Liệu cường điệu của bạn về phẩm giá con người rõ nét như bạn từ chối linh hồn hiện hữu? Hoặc giả trí óc bạn chỉ là chiếc đèn lồng Nhật Bản bị xẹp, một đống lộn xộn màu sắc nhạt nhẽo không mầu mã, không mục tiêu? Cho nên điều bạn cần làm là có luồng ánh sáng của đức tin thấp lên trong tâm hồn bạn, tức trong chiếc đèn lồng để bạn có thể nhìn thấy mọi đường nét của các kiến thức hợp nhất với nhau thành một mẫu mực đẹp để đưa bạn đến cùng Thiên Chúa.

Học thức không luôn là điều kiện cần và đủ để đón nhận ánh sáng đức tin, mặc dầu người học thức có khả năng tiếp thu đức tin tốt hơn. Bởi lẽ ánh sáng của đức tin hoàn toàn do Thiên Chúa ban và không hề lệ thuộc vào công nghiệp của loài người. Cho nên chúng ta không thể cung cấp cho ai. Giống như chúng ta không thể hoàn lại khả năng nhìn xem khi đã làm hư đôi mắt. Do đó, để trở thành tín hữu chân chính, không đòi hỏi phải có một giáo dục tốt, chính nó là tiến trình giáo dục.

Một cháu nhỏ buổi sáng hôm nay trả bài cho dì phước ở lớp giáo lý trong trường học. Em nói rằng Thiên Chúa đã dựng nên em, rằng Ngài tạo thành em để yêu mến và phụng sự Ngài ngõ hầu sau này được sống hạnh phúc với Ngài trên thiên đàng. Thực chất, em biết nhiều hơn và được giáo dục sâu xa hơn tất cả các giáo sư ngang dọc đất nước Hoa kỳ. Những giáo sư bập bẹ thuyết tương đối của Instein về biến đổi không gian thành thời gian, hoặc áp dụng về luân lý mới am hợp với lối sống vô luân của những kẻ không tin, thậm chí triệt tiêu hết mọi thứ luân lý để được buông thả theo các đòi hỏi của xác thịt. Tuy nhiên họ không biết rằng bên kia thời gian là vĩnh hằng, bên kia không gian là vô biên, bên kia xác thịt là Thiên Chúa, đáng xét xử toàn thể vũ trụ. Cho nên Chúa chúng ta đã cầu nguyện: "Lạy Cha, là Thiên Chúa trời đất, con xưng tụng Cha, vì đã không cho kẻ hiền triết và khôn ngoan biết những điều ấy, mà mặc khải cho những kẻ bé mọn. Vâng lạy Cha vì ý Cha muốn như vậy" (Lc 10,21). Thánh Phao lô sau này còn phân biệt rõ hơn hai hạng người, hai hạng khôn ngoan: Hạng khôn ngoan giả hiệu, dùng lý trí để chối bỏ Thiên Chúa, Đấng ban cho họ có trí khôn. Hạng khác chân thật hơn, cao thượng hơn, sinh ra từ ơn thánh Chúa. Ông nói: "Cái điên rồ của Thiên Chúa còn hơn cái khôn ngoan của loài người, và cái yếu đuối của Thiên Chúa còn hơn cái mạnh mẽ của loài người" (1Cor 1,25).

Do đó, những ai sống ở mức độ ánh sáng đức tin luôn đòi hỏi giáo dục tôn giáo, bởi lẽ xét cho cùng, nếu người ta không biết tại sao mình sống, thì các mục tiêu của cuộc sống chẳng ý nghĩa. Nhưng có những kẻ lập luận rằng không nên có giáo dục tôn giáo cho đến khi con trẻ già dặn đủ để lựa chọn cho mình. Nếu vậy cũng không nên di chuyển những đứa trẻ sống trong khu ổ chuột bản thủ tới các môi trường lành mạnh hơn mà giữ chúng nguyên trạng cho đến khi chúng lớn đủ để quyết định cho mình. Bất hạnh thay, tới lúc đó, có lẽ đứa trẻ đã mắc bệnh ho lao. Hơn nữa tại sao không lý luận: Trẻ

con không nên sinh ra trong thế gian này cho đến khi chúng lớn đủ để lựa chọn cha mẹ? Để rằng chúng có thể được sinh vào gia đình tốt hơn, cấp bậc kinh tế, chính trị khỏe khoắn hơn? Luật pháp nào nó sẽ theo, hoặc ngay cả nó có thể chọn lựa sinh ra trên trái đất này hay không?

Cho nên, mặc dầu đức tin là một ơn huệ quý giá vô cùng, Thiên Chúa ban cho loài người, và mặc dầu Ngài ban cho ai cầu khẩn Ngài, nhưng có một cản trở do loài người gây nên ngăn cản nhiều trí khôn không nhận được đức tin. Đó là lòng kiêu căng. Đây là tội phổ thông nhất ở thời hiện đại, vậy mà ít linh hồn ý thức về nó. Chúng ta thường được nghe thiên hạ nói: "Tôi uống rượu nhiều quá, tôi hay nóng giận". Nhưng có bao giờ được nghe: "Tôi tự phụ nhiều quá!" Kiêu ngạo là phong mình làm tiêu chuẩn tuyệt đối của sự thật, sự tốt lành và của luân lý. Không ai đúng như mình, đạo đức như mình, công lý như mình, kể cả Đức Chúa Trời, không ai sánh kịp mình. Nó phán xét mọi sự và vì thế mọi người đều là đối thủ, đặc biệt Thiên Chúa. Người kiêu căng không thể nào nhận biết Đức Chúa Trời. Nếu tôi thông suốt mọi sự, thì Thiên Chúa còn có thể dạy bảo tôi điều gì nữa? Nếu tôi đầy tràn bản thân, thì làm chi còn chỗ cho Thiên Chúa? Cũng giống như các quán trọ ở thành phố Belem, tôi nói với vị khách thần linh đến thăm viếng: "hết chỗ rồi".

Kiêu ngạo có hai hình thức: biết hết và chẳng biết gì cả. Kiêu ngạo biết hết cố gắng thuyết phục thiên hạ hẳn thông suốt mọi sự, không cần ai dạy bảo. Kiêu ngạo chẳng biết gì cả làm cho người ta có ý tưởng hãnh chối hết mọi sự, chẳng chấp nhận chi cả. Kiêu ngạo chẳng biết là một kỹ thuật trẻ con của những kẻ nguy hiểm cho rằng con người không biết gì hết. Do đó họ nghi ngờ mọi sự và chỉ việc nghi ngờ là chắc chắn. Họ xem ra không biết rằng điều ấy là vô lý. Bởi vì nghi ngờ chỉ là cái bóng. Nếu không có ánh sáng thì cũng chẳng có cái bóng!

Như vậy, kiêu căng là trở ngại lớn nhất của đức tin. Cho nên ngược lại, khiêm nhường là điều kiện cốt yếu để người ta tiếp nhận ơn thánh Chúa. Đó là về phần con người. Không khiêm tốn, người ta chẳng bao giờ được Thiên Chúa ban cho đức tin. Khiêm tốn không có nghĩa lượng giá thấp về bản thân, nhưng là sự thật bình dị, không thay đổi, không thêm thắt cho sự thật. Một người cao hai thước không khiêm nhường khi nói mình chỉ cao thước sáu. Nếu khi nào tới giây phút trong đời bạn mà nhận ra rằng mình chẳng biết hết mọi sự, hoặc nói: "Lạy Chúa, con chỉ là kẻ ngu dại" bạn đã tạo ra một khoảng trống trong linh hồn để Thiên Chúa đổ ơn thánh vào, và trước khi tiếp nhận ơn đức tin, sẽ có giây phút bạn nghĩ từ bỏ lý trí, nhưng đó chỉ là thoáng qua, không có thật.

Giống như cái chớp mắt là để tạo điều kiện cho đôi mắt nhìn rõ hơn, cũng vậy trí khôn bạn phải bị che khuất để đức tin sáng tỏ hơn. Trong tiến trình trở lại có những lúc trí khôn nghi ngờ khả năng nhận biết chân lý và phải giục lòng tin cậy Thiên Chúa ban cho ánh sáng, nhưng đó chỉ là cái chớp mắt của lý trí. Ôn đức tin sẽ đến với bạn và một khi đón nhận rồi, bạn sẽ ngỡ ra thay vì bị phá hủy, trí khôn trở nên hoàn hảo hơn. Lúc này đức tin đến với lý trí giống như chiếc viễn vọng kính đến với đôi mắt, nó mở ra chân trời mới, thế giới mới mà trước đây còn bị che khuất, không biết đến.

Đừng nên nghĩ rằng đón nhận đức tin thì bạn mất tự do. Vài năm trước, tôi nhận được lá thư của một thánh giả Radio TV nói rằng: "Tôi mừng tượng hồi còn nhỏ, ông bị bao vây bằng các di phước, các

linh mục. Họ chẳng bao giờ cho phép ông được suy nghĩ tự do. Cho nên ông có não trạng như vậy. Hãy ném cái ách Roma đi và ông sẽ được tự do suy nghĩ". Tôi trả lời lá thơ như sau: "Có một hòn đảo giữa biển, trên đảo các trẻ em nô đùa thỏa thích, múa hát om sòm, bởi vì chúng được bảo vệ an toàn, chung quanh đảo là những bức tường dày, ở đây từng nhiều thế kỷ. Một hôm vài du khách chèo đến đảo trên một cái thuyền nhỏ. Họ nhìn ngang nhìn ngửa rồi nói bọn trẻ: "Ai đã dựng nên những bức tường này? Các cháu thấy không, nó hạn chế tự do của các cháu, vậy hãy phá nó đi!" Bọn trẻ con nghe bùi tai, hè nhau kéo sập các bức tường. Hậu quả là, nếu bạn ra đảo, bạn sẽ thấy bọn trẻ co cụm lại giữa hòn đảo mà ôm lấy nhau, không dám nô đùa, hát xướng như trước nữa. Chúng sợ hãi sóng đại dương ập vào cuốn chúng xuống biển, tự do của mấy du khách là như vậy".

Đức tin không phải là con đập giữa dòng, ngăn cản lối chảy của tư tưởng và trí tuệ. Nó là con đê không cho lũ lụt tràn vào đồng quê. Nó điều tiết nước sông cho hợp lý, không phá hoại mùa màng. Đôi khi chúng ta có những ngộ công về tư duy. Đức tin sẽ hướng dẫn các cơ quan của chúng ta, được Thiên Chúa dựng nên, để trí khôn làm cho hoàn thiện. Cho nên những người say sưa làm mất trí khôn, không hành xử theo lẽ phải, nhưng theo dục vọng như những con vật, chúng ta gọi hấn là kẻ đã đánh mất giác quan. Lúc ấy hấn chỉ còn là con vật dữ tợn. Lý trí điều khiển giác quan, nhưng nếu bị xóa nhòa, thì giác quan không hoạt động bình thường nữa. Con người trở nên kém súc vật vì giác quan súc vật không khi nào bị tổn hại. Tương tự như vậy, một khi lý trí mất đức tin, thì chỉ còn hoạt động tự nhiên, không còn soi sáng là điều mà Thiên Chúa đã có ý định phú ban cho mỗi người. Nó hoạt động tự nhiên không đức tin cho nên chẳng thể gỡ mình ra khỏi rắc rối của thế gian, không thể giải thích nổi các câu hỏi của đời sống, từ đâu mà đến, sống để làm gì, chết rồi đi đâu? Mất ánh sáng đức tin người ta sẽ sử dụng sai lý trí và rơi vào nếp sống tội lỗi. Sau đây là những sự kiện của đức tin.

1/ Đức tin không phải là tin rằng điều gì sẽ xảy ra hoặc chấp nhận điều trái nghịch lý trí, hoặc thừa nhận sự kiện con người không thể hiểu hoặc trí khôn của mình hiện thời không nắm bắt được như thuyết tương đối chẳng hạn. Đức tin, thực ra là chấp nhận vô điều kiện sự thật siêu nhiên vì uy tín của Thiên Chúa mạc khải. Như vậy đức tin là nhân đức đối thần do Thiên Chúa linh hứng và trợ giúp. Chúng ta tin những điều Thiên Chúa mạc khải là chân lý, không phải tự nó sáng tỏ, nhưng nhờ thẩm quyền Thiên Chúa, Đấng không lừa dối ai và cũng không ai lừa dối nổi. Trước khi tin chúng ta có khảo sát bằng lý trí, giống như người cho vay nợ phải xem xét lý do của công việc làm ăn, không ai tin thực vào người khác mà không đòi lý do, trước khi chấp nhận đức tin, bạn phải khảo sát các động cơ đưa đến đức tin, là tại sao tôi phải tin vào Chúa Kitô Giêsu?

Trí khôn xem xét các phép lạ Ngài thực hiện. Các lời ngôn sứ tiên báo về Ngài và sự am hợp của những lời người giảng dạy với trí khôn. Tất cả những điều ấy bạn xây dựng một phán đoán về tính khả tín: "Chân lý Chúa Kitô là Con Thiên Chúa xứng đáng để tin". Rồi chuyển sang lãnh vực thực tế bạn thêm: "Tôi phải tin điều đó". Từ ấy về sau, bạn đồng ý tin rằng: Ngài là Con Thiên Chúa. Sau đó bất cứ sự gì Ngài mạc khải, tôi đều chấp nhận là chân lý của Thiên Chúa, cái động lực căn bản để bạn đồng ý tin, luôn luôn là thẩm quyền của Thiên Chúa. Đấng nói sự thật với bạn. Bạn chẳng bao giờ tin trừ phi bạn thấy lý do bắt buộc phải tin.

Bạn tin vào sự thật của lý trí bởi vì nó có chứng cứ nội tại. Bạn tin vào sự thật của Thiên Chúa bởi vì chứng cứ ngoại tại. Bạn tin mặt trời cách xa trái đất mười năm triệu cây số, nhưng thực sự bạn không hề đo đạc khoảng cách đó. Bạn tin Maskova là thủ đô của nước Nga, mặc dầu bạn chưa hề đến đó. Tương tự, bạn chấp nhận các chân lý Thiên Chúa Giáo trên căn bản thẩm quyền của Thiên Chúa mặc khải trong con của Ngài là đức Giêsu Kitô Chúa chúng ta. Như vậy đức tin không phải mù quáng. Bởi vì lý trí của bạn lệ thuộc vào sự thật siêu nhiên tức lý trí toàn năng. Hậu quả là trí tuệ của bạn phải cúi mình trước những chi Thiên Chúa tỏ lộ. Bây giờ bạn tin không phải do tranh luận nữa, tranh luận chỉ là điều kiện cần thiết đi trước, bạn tin bởi vì Thiên Chúa đã tuyên phán. Ngọn đuốc lúc này sáng ngời do ân huệ Thiên Chúa.

Cho nên cốt cán của hành động tin, được Chúa Giêsu mặc khải, nhờ thái độ của Ngài đối với những người biệt phái không tin. Họ đã chứng kiến Chúa làm phép lạ và lời tiên báo của các ngôn sứ đã ứng nghiệm. Họ không thiếu lý do và động cơ để tin Chúa, nhưng họ từ chối, Chúa Giêsu đặt một đũa bé giữa các môn đệ và nói: "Sự thật, sự thật tôi nói với anh em: Bất cứ ai không đón nhận nước trời như em nhỏ này thì sẽ chẳng được vào nước đó" (Mc 10,15). Bằng những lời này Chúa muốn ám chỉ hành động tin giống như em bé phó thác vào vòng tay mẹ, hơn là sự đồng thuận của các phê bình gia. Đứa trẻ tin thật vào bất cứ điều gì mẹ nói với nó chỉ nguyên vì mẹ nói. Sự tín tưởng của bé xét cho đúng lý là một cử chỉ tôn kính của tình yêu không lay chuyển. Cho nên người tín hữu khi tin vào Thiên Chúa, không phải vì các phép lạ Chúa thực hiện còn phảng phất trong trí nhớ, mà là uy tín của Đấng không ai lừa dối được và cũng chẳng thể lừa dối ai. "Nếu chúng ta vẫn nhận lời chứng của người phạm, thế mà lời chứng của Thiên Chúa còn cao trọng hơn, vì đó là lời chứng của Thiên Chúa, lời Thiên Chúa đã làm chứng về con của người. Ai tin vào Con Thiên Chúa, người đó có lời chứng ấy nơi mình. Ai không tin Thiên Chúa, thì coi Thiên Chúa là kẻ nói dối, vì kẻ ấy không tin vào lời Thiên Chúa đã làm chứng về con của Người" (1Ga 5,9-10).

2/ Bạn chẳng thể dùng khổ chế, tranh luận, khảo sát, trí tuệ, thôi miên hay trừng phạt thân xác để có được đức tin. Nó là ân huệ nhưng không của Thiên Chúa. Nếu một ai đó dạy dỗ bạn các học thuyết của Kitô Giáo, người đó không tặng bạn đức tin đâu. Họ chỉ là kẻ vun trồng đức tin, đào xới mảnh đất linh hồn bạn, nhổ cỏ dại, đập vỡ đất kiêu căng nơi bạn. Nhưng Thiên Chúa mới là người gieo hạt: "Quả vậy, chính do ân sủng và nhờ lòng tin mà anh em được cứu độ. Đây không phải bởi sức anh em, mà là ân huệ của Thiên Chúa" (Ep. 2,8).

Giả như đức tin là do lòng muốn, thì bạn có thể sản xuất đức tin của bạn dễ dàng, chỉ cần bạn muốn là đủ. Nhưng không phải vậy. Bạn muốn có đức tin thì mọi việc bạn có thể làm là dự bị linh hồn để đón nhận từ tay Thiên Chúa. Giống như chiếc que củi khô, sẵn sàng đốt cháy hơn chiếc que ướt, cũng vậy một linh hồn khiêm tốn đón nhận đức tin dễ hơn kẻ kiêu ngạo. Nhưng cả hai trường hợp ngọn lửa thiêu đốt đến từ bên ngoài hai thanh củi. Đức tin của bạn không thể nảy sinh từ tâm hồn bạn, nó đến từ bàn tay Thiên Chúa.

Khi bạn cố gắng làm cho mọi vấn đề sáng sủa, tôi bảo đảm, cuối cùng bạn chỉ rơi vào tối tăm hơn, lộn xộn trong tư tưởng, nghi ngờ trong niềm tin, nhưng một khi bạn yên tâm trong một màu nhiệm,

mọi sự sẽ trở nên rõ ràng trong màu nhiệm ấy. Mặt trời là một "màu nhiệm" trong vũ trụ. Nhưng ánh sáng của nó quá chói chang đến nỗi bạn không thể ngắm nhìn nó, bạn không "thấy" nó. Vậy mà ánh sáng của nó làm cho mọi sự rõ ràng, tác giả Chesterton có lúc đã nói : "Bạn có khả năng nhìn mặt trăng và mọi sự dưới mặt trăng. Tuy nhiên mặt trăng lại là mẹ đẻ của những kẻ đăng trí".

3/ Đặc tính thứ ba. Đức tin là duy nhất và sống động. Trên thế giới này có nhiều niềm tin khác nhau của các tôn giáo, nhưng chỉ có một niềm tin chân thật, gọi là niềm tin siêu nhiên. Thánh Phaolô nói: "Chỉ có một Chúa, một đức tin và một phép rửa" (Eph. 4,5). Đã từng xuất hiện hàng triệu sinh linh trên mặt hành tinh này, nhưng chỉ có một Thiên Chúa nhập thể. Đã từng hiện hữu trên bầu trời nhiều triệu triệu ngôi sao, nhưng chỉ có một mặt trời soi sáng trái đất. Chúa nói: "Trên tảng đá này, Thầy sẽ xây dựng Hội Thánh của Thầy". Ngài không nói các Hội Thánh của Thầy.

Đức tin giống như đời sống, phải được trân trọng như một đơn vị. Hai bà mẹ kiện nhau tại toà Salomon về một đứa con trai. Cả hai đều nói nó là của mình. Salomon truyền cắt đứa bé làm đôi, rồi trao cho mỗi bà mẹ một nửa. Một bà mẹ phản đối và nói: "Thôi xin để cho bà kia giữ trọn đứa bé". Nghe được như vậy, vua Salomon khôn ngoan đã quyết định người nói những lời ấy là mẹ thật của con trẻ. Bởi lẽ lòng thương xót thật sự, khát khao đứa trẻ sống. Cũng vậy Hội Thánh không muốn chia đôi sự thật tức đức tin. Nó phải là sự thật toàn vẹn mới có sức sống.

Do đó bạn không thể chọn một phần của đức tin và nẩy ra vài điều từ những lời Chúa Giêsu phán. Chẳng hạn bạn nói: "Tôi xin chấp nhận bài giảng trên núi mà thôi. Không chấp nhận lời Ngài về vấn đề hoả ngục", hoặc: "Tôi đồng ý tin vào học thuyết chức làm mẹ, nhưng không tin vào lề luật cấm ly dị". Các sự thật của Thiên Chúa giống như đức con trai ở trên. Hoặc là toàn bộ hoặc là chẳng có chi hết.

Bất cứ tôn giáo nào trên thế giới, dù thô sơ đến mấy, thì cũng có vài nội dung phản ánh sự thật siêu nhiên nào đó. Từng hệ thống triết học, từng tôn giáo nhân bản, từng hệ phái tin lành, đều là hòn bia chứa đựng vài sự thật tự nhiên và siêu nhiên xoay quanh mặt trời công chính. Hệ thống luân lý Khổng tử có điều cao siêu về bản chất quân tử, hệ thống khổ chế Ấn độ có điều đáng quý về từ bỏ bản thân. Mỗi giáo phái, mỗi niềm tin đều có vài nét về sự thật Chúa Kitô. Cho nên khi tiếp xúc với các tín đồ ấy, chúng ta không nên chê bai họ, chỉ ra những sai lầm của họ, nhưng tốt hơn nêu ra những giáo lý tích cực của các tôn giáo ấy, những quan điểm chung với sự thật toàn vẹn. Thí dụ, đừng nên nói với các tín đồ Khổng giáo: Bạn sai lầm ở chỗ bỏ quên chức vụ làm cha của Đức Chúa Trời mà khai triển thuyết quân thân. Đúng hơn chúng ta nên nói: "Tôn giáo của bạn tuyệt vời ở điểm nêu cao tình anh em bạn hữu giữa nhân loại: Tứ hải giai huynh đệ, hiểu ngầm chức vụ làm cha của Đức Chúa Trời, nhấn mạnh về điểm ấy nữa, thì tình huynh đệ trở nên hoàn hảo. Thiên Chúa là Cha muôn thuở và con của Ngài là Đức Giêsu Kitô, hiệp nhất với Đấng ban sự sống là Thánh Linh Thiên Chúa.

Như vậy cùng với mọi tôn giáo, mọi hệ phái ngày nay cả nhân loại đang đói khát. Đừng đến với họ mà tuyên bố rằng: "Thuốc độc đó, không nên ăn, ăn vào sẽ chết". Điều họ đang cần là bánh nuôi

sống. Chúng ta hãy tặng họ bánh ấy. Trong đạo chúng ta cũng thường xảy ra thái độ nhân mạnh quá nhiều về các sai lầm của kẻ không tin và không lưu tâm đủ đến khía cạnh tích cực của họ. Hãy bẻ bánh ra cho họ, bẻ bánh tích cực và lời dạy bảo lạc quan. Ông thánh Thiên Chúa sẽ lo liệu những gì còn lại.

Đây là vẻ đẹp lớn lao của Hội Thánh Công giáo, của đức tin mạc khải, đó là ý nghĩa về tính cân đối, tính chừng mực, cũng có thể gọi là tính hài hước. Nó không đi quá trớn tới cực đoan. Thí dụ nó không xử lý cái chết quá quắt đến độ lãng quên tội lỗi, cũng không quá thiên về đau khổ đến độ loại trừ vật chất, không chú ý đến tội lỗi mà không bao gồm tự do của con người, không chủ trương xã hội hóa tư hữu đến độ xóa bỏ quyền lợi cá nhân, không bàn về thực tại của thân xác và giới tính đến độ bỏ quên linh hồn và các sinh hoạt của nó. Không quá chủ trương thực tại của vật chất mà quên tinh thần. Nó chẳng bao giờ cho phép một giáo điều thâm nhập đầu óc bạn quá đáng như rượu mạnh thâm nhập bao tử trống rỗng. Đức tin công giáo luôn giữ một sức cân đối trong mọi sự, bởi lẽ chân lý là điều bấp bênh. Giống như các tảng đá lớn trên dãy núi Alps, có hàng ngàn vạn góc cạnh để rơi xuống, nhưng lại chỉ có một thế đứng vững. Trong thế kỷ này rất dễ mà trở nên "đỏ", cũng như trong thế kỷ 19 người ta trở thành "tự do" không mấy khó khăn. Ngày hôm nay phong trào duy vật đang nắm vị trí thượng phong, cũng như ở thế kỷ trước phong trào duy tâm hiện đại. Nhưng chúng ta phải giữ được thế quân bằng giữa những đổi thay của thế giới, giữa những cuồng cuồng của người đời, ngõ hầu không phải "đúng" khi thế giới "đúng", nhưng "đúng" khi thế giới "sai", lúc ấy sẽ được hưởng cảm giác ly kỳ hồi hộp của những nghệ sĩ biểu diễn trên dây cáp. Sự hồi hộp của ý nghĩa lãng mạn nảy sinh từ tính chính thống giáo lý.

4/ Đặc tính thứ tư của đức tin siêu nhiên. Sự chấp nhận chân lý trọn vẹn có một hiệu quả bất hạnh là thế gian sẽ thù ghét, tẩy chay, thậm chí bách hại bạn. Để cho rõ vấn đề, chúng ta hãy tạm quên lịch sử Hội Thánh, tạm quên Chúa Giêsu đã từng có mặt tại Palestine, và giả dụ chính ngày hôm nay một nhân vật xuất hiện trên trái đất, tự xưng mình là sự thật thần linh. Nhân vật ấy công khai tuyên bố với bàn dân thiên hạ rằng: "Tôi không được sai đến để dậy đồng bào về sự thật nhưng chính tôi là sự thật". Rồi giả dụ ông ta đưa ra bằng chứng mình nói đúng do các hành vi của mình. Chúng ta và cả thế giới sẽ phản ứng ra sao? Những người ôm ấp thuyết tương đối, hiện sinh, duy vật, duy tâm, lãnh đạo tôn giáo, thực dụng, tôn thờ xác thịt sẽ phản ứng ra sao đối với nhân vật tự nhận là chân lý vĩnh cửu ấy? Chắc chắn ông ta sẽ lãnh lấy vô vàn chống đối, thù ghét, khinh bỉ, ghê tởm, vu khống, đổ vạ, tẩy chay, xảo trá, hẹp hòi, ám đầu, bất khoan dung, cuối cùng hành xích và trừ khử khỏi mặt đất.

Đó là số phận của Chúa Giêsu hơn hai ngàn năm trước tại đất Palestine và của tất cả những ai ôm ấp chân lý mạc khải. Ngày nay cũng vậy, người công giáo khắp năm châu vẫn bị xua đuổi, bắt bớ, hạ sát vì sự thật thiêng liêng, đúng như Chúa Giêsu tiên báo: "Nhưng vì anh em không thuộc về thế gian và Thầy đã chọn, đã tách anh em ra khỏi thế gian, nên thế gian ghét anh em. Hãy nhớ lời Thầy nói với anh em. Tôi tớ không lớn hơn chủ nhà. Nếu họ đã bắt bớ Thầy, họ cũng sẽ bắt bớ anh em: Nếu họ tuân giữ lời Thầy, họ cũng sẽ tuân giữ lời anh em" (Ga 15,19-20).

Do đó, tôi tin rằng nếu ơn Chúa không ban cho tôi trọn vẹn sự thật và tôi phải tìm kiếm nó. Tôi sẽ đi khắp thế giới để tìm kiếm một giáo hội không thỏa hiệp với sự dữ. Nếu Giáo Hội đó bị vu khống bởi muôn vàn lời nói dối, vì nó từ chối thỏa hiệp với thế gian, bị chế nhạo vì không hành xử am hợp thời đại, nhưng với mọi thời đại. Như vậy tôi nghi ngờ rằng nó bị thế gian chống đối và căm ghét. Do đó Giáo Hội ấy là chân thật, tốt lành và thánh thiện. Nếu là thánh thiện thì ắt phải từ trời mạc khải và có tính chất thần linh. Tôi sẽ quỳ xuống uống nước trường sinh chảy ra từ nguồn mạch của nó, ngõ hầu được sống muôn đời. Như vậy đức tin sẽ làm những gì cho chúng ta ?

1/ Đức tin bảo toàn tự do cho nhân loại. Hiện thời bạn còn được sống trong thế giới tự do. Bạn còn có thể nêu lên những câu hỏi. Nhưng nếu chúng ta không xây dựng một vài lực lượng chống lại mạng lưới tuyên truyền của những đảng phái cực đoan, độc tài. Chúng ta sẽ làm mồi cho luật pháp, quyền lực của họ. Cuối cùng tự do của chúng ta sẽ bị tước đoạt. Bởi đó là mục tiêu của bất cứ thế lực chuyên chính nào.

Xét về mặt thiêng liêng, Chúa Giêsu đã tuyên bố: "Sự thật sẽ giải phóng anh em" (Ga 17,17). Xét ngược lại, nếu chúng ta không biết sự thật, chúng ta còn sống trong vòng nô lệ. Nếu bạn không thấu hiểu luật cộng trừ bạn không được tự do giữ sổ sách. Nếu bạn không biết con ngựa có vằn, bạn đâu được tự do vẽ ngựa vằn? Nếu bạn không thấu hiểu sự thật về bản tính con người, bạn đâu có tự do hành động như con người!

Cho nên khi người ta trở nên lãnh đạm về những điều phải trái, thì xã hội trở nên lộn xộn vô trật tự. Chính phủ phải lập lại bình an bằng võ lực. Đó là căn bản của độc tài, chuyên chính. Chúng ta đặt tên là những tổ chức cưỡng bách của vô trật tự. Hơn bao giờ hết, ngày nay Hội Thánh đã thông với đám đông quần chúng trong nhiều quốc gia, chịu khuấy động vì chiến tranh, lúc đầu tưởng nghĩ cách mơ hồ, rồi cương quyết rằng, giải pháp cần thiết là kiểm soát và chỉnh lý chương trình chính trị của các thẩm quyền công cộng, thì thế giới không rơi vào chiến tranh. Đúng vậy các chế độ dân chủ lần lượt khai sinh, và dân chủ chỉ có ý nghĩa khi dân chúng ngày càng được tự do bày tỏ ý kiến, ngay cả làm cho nó trở nên phổ thông để phục vụ lợi ích chung.

2/ Đức tin trả lời thỏa đáng các vấn đề của cuộc sống: từ đâu đến, tại sao sống, rồi sẽ đi về đâu? Nếu không có đức tin, bạn giống như người mất trí nhớ và bị nhốt vào căn phòng tối tăm, chờ đợi trí nhớ trở lại. Có hàng trăm công việc bạn có thể làm trong phòng: Cào xé giấy phủ tường, khắc tên trên sàn, sơn quét trần nhà. Nhưng nếu như bạn khám phá ra tại sao bạn ở trong phòng, và bạn sẽ đi về đâu. Bạn sẽ mở rộng thế giới của mình ra ngoài, tức thời gian và không gian. Thế nào cũng có cánh cửa ra ngoài căn phòng đó. Trí khôn bạn sẽ tìm ra. Tuy nhiên tự nó trí khôn không tạo thêm ánh sáng để soi rọi căn phòng và thế giới mới. Nơi chứa đầy dấu chỉ tới Thành Trì Bình Yên và phúc thật vĩnh cửu ở bên Thiên Chúa, trí khôn không làm được, chỉ đức tin mới đủ khả năng dẫn lối cho bạn.

3/ Đức tin sẽ mở rộng kiến thức của bạn. Bởi lẽ nó bao gồm nhiều sự thật ngoài khả năng của trí tuệ. Thí dụ, bạn nhìn vào bức tranh đẹp. Bạn có thể học từ bức tranh ấy kỹ thuật vẽ, kỹ thuật tạo hình,

pha màu, ánh sáng v.v tức tài năng và trình độ của người họa sĩ. Nhưng cho dù bạn ngắm bức tranh từ sáng tới tối, bạn cũng không thể khám phá ra tư tưởng của người nghệ sĩ. Ông ta nghĩ gì, yêu ghét chi trong đầu. Nếu bạn muốn biết những thứ ấy, bạn phải hỏi ông ta, và ông ta sẽ bật mí cho bạn. Tương tự, bạn nhìn vào vũ trụ và thấy được công trình của tạo hóa, trăng sao, quyền phép, khôn khéo của Ngài, nhưng bạn chẳng khi nào biết được ý nghĩ và đời sống của Ngài, trừ phi Ngài mạc khải. Thực tế Ngài đã bộc lộ. Và những điều Ngài bộc lộ về đời sống nội tại của mình cho nhân loại, gọi là mạc khải.

Như vậy tại sao chúng ta vẫn tiếp tục tuyên bố "Tôi là quan tòa duy nhất, tôi là tiêu chuẩn độc nhất của chân lý". Những lời phát biểu kiểu đó làm tôi sực nhớ đến câu truyện một khách du lịch đi thăm các phòng triển lãm tranh ở thành phố Florence, Ý đại lợi, khi lướt qua các dãy tranh ảnh, ông ta nói với hướng dẫn viên: "Tôi không đánh giá cao về những tác phẩm này". Hướng dẫn viên trả lời: "Tranh ảnh này treo ở đây không phải để cho Ngài lượng giá, mà chính chúng nó lượng giá ông bạn". Cũng vậy bạn từ chối sự thật siêu nhiên, thì chính sự thật siêu nhiên là quan tòa của bạn về lòng khiêm tốn, lòng yêu sự thật, và kiến thức.

4/ Đức tin bảo tồn phẩm giá con người. Bạn hãy quan sát một người từ bỏ tôn giáo, không tin vào Thiên Chúa nữa, lúc ấy họ cũng nghi ngờ mọi người. Ngược lại, bạn cảm thấy gì, khi làm việc với hoặc cho một ông chủ có đầy đủ đức tin vào Chúa Kitô? Bạn sẽ nhận ra, mình được đối xử nhẹ nhàng, tử tế, bác ái và bình đẳng. Hơn nữa, xin đố bạn tìm ra một người trên thế gian này có lòng yêu mến Chúa thực sự, lại đối xử tồi tệ với đồng bào mình? Tôi dám chắc cho đến thiên thu bạn chẳng thể nào tìm ra.

Thực sự, một người đã mất đức tin vào Thiên Chúa thì họ chẳng còn ăn ở tốt lành được. Vì thiếu ơn Chúa, cho nên họ sẽ có những hành vi ích kỷ, vô luân và tàn ác. Trên bình diện toàn cầu, khi tôn giáo lụi bại, là lúc tàn ác phát triển, các bạo chúa xuất hiện nhan nhản trong nhân loại. Khi người ta mất tin tưởng vào Thiên Chúa, người ta cũng mất luôn lòng tin vào nhân loại. Ở nước nào người ta gạt Thiên Chúa ra ngoài xã hội, nước đó nhân dân bị xiềng xích. Cho nên thế giới sẽ phí công kiếm tìm bình đẳng, bao lâu chưa xây dựng được con người có đức tin. Đức tin dạy rằng mọi người, bất kể sang hèn, giàu nghèo, bệnh tật hay khỏe mạnh, xấu đáng hay đẹp đẽ, cụt chân tay hay nguyên vẹn, đều mang hình ảnh Thiên Chúa trong con người mình, và đã từng được mua lại bằng giá Máu Châu Báu của Chúa Giêsu. Khi sự thật này bị quên lãng, con người ta sẽ được định giá trị bằng những việc họ làm, chứ không bằng hiện hữu nữa.

Mà bởi vì con người ta không thể bình đẳng về công việc mình làm. Thí dụ, chơi vĩ cầm, lái máy bay, dạy triết học, chạy máy nổ. Nên muôn đời họ không bình đẳng. Từ cái nhìn của người tín hữu, mọi người không có khả năng như nhau, vì vậy có một số nghề nghiệp họ không được làm như đội cầu Toscanini không có quyền bắt banh cho đội New York Yankees. Nhưng mọi người có quyền đòi hỏi nhân phẩm giống nhau, có đời sống xứng đáng và mục tiêu hợp pháp trong kiến trúc cộng đồng mà Thiên Chúa đã đặt họ vào. Lý do trước nhất và trên hết các lý do, là nhân phẩm của họ. Con người đã được tạo dựng theo hình ảnh và họa ảnh của Thượng Đế.

Lý thuyết sai lầm về tính chất trội vượt của một số màu da, sắc tộc, giai cấp nằm ở chỗ người ta lãng quên nền tảng tinh thần của quyền bình đẳng. Người da trắng hãnh diện vì có một nền văn minh cao độ, trội vượt hơn các nền văn minh khác. Nhưng lý do chúng ta đưa ra để biện minh sự kiện ấy lại không đúng. Chúng ta cho rằng đó là vì chúng ta là những tín hữu Chúa Kitô. Nếu lúc nào đó không còn là tín hữu nữa, chúng ta sẽ trở lại lối sống man rợ mà tổ tiên chúng ta đã sống.

Cũng tương tự, nếu các sắc dân đen, đỏ, nâu, vàng của trái đất trở lại theo Kitô Giáo, thì họ sẽ thành lập nên các nền văn minh, văn hóa còn trội vượt hơn chúng ta. Nếu chúng ta bỏ quên Đấng là nguyên nhân mọi vĩ đại. Giả tưởng chúng ta đi vào tương lai 1000 năm và nhìn lại 1000 năm ấy. Chúng ta sẽ thấy một nền văn minh công giáo vĩ đại được xây dựng ở Trung Hoa, khi ấy các nhà thờ to lớn đẹp đẽ của họ còn hơn vương cung thánh đường Đức Bà ở Paris hay Chartres.

5/ Cuối cùng, Đức tin sẽ ban khả năng cho bạn chiếm đoạt tâm tình của Chúa Giêsu Kitô. Thơ thánh Phaolô gửi giáo đoàn Philipphê (2,5) viết: "Giữa anh em với nhau, anh em hãy có những tâm tình như chính đức Kitô Giêsu". Nghĩa là mặc dù bạn suy ngẫm đời sống của Chúa trên trần gian, bạn không nên dừng lại ở các sự kiện quá khứ một cách loại trừ các điều thiêng liêng khác, bởi vì đức tin sẽ nâng bạn lên trên những người và những sự việc chóng qua, để đến với tâm tình vĩnh cửu Chúa Kitô. Mọi sự trong vũ trụ này sẽ ăn khớp vào một nhịp độ rộng lớn hơn. Đó là nhịp độ thiêng liêng của Thiên Chúa mà mắt trần không coi thấy được. Từ nay trở đi, bạn sẽ thôi không tìm kiếm Thiên Chúa trong tạo vật nữa, trái lại, tìm kiếm tạo vật trong Thiên Chúa. Và như vậy, mọi giá trị, mọi điều xứng đáng với tình yêu của bạn cũng ở trong Ngài. Giữa muôn vàn nhiệm vụ của cuộc sống tân thời, bạn sẽ không làm chi mà chẳng dâng lên Thiên Chúa lời cầu nguyện tâm tình, bạn sẽ nghiệm ra nếp sống thánh thiện cá nhân ảnh hưởng xã hội hơn là các hành động. Tư tưởng của bạn về các giá trị sẽ thay đổi hẳn.

Bạn sẽ ít nghĩ về kho tàng trần thế, mà nhiều hơn về những gì bạn mang theo khi nhắm mắt lia đời. Tính khí phản loạn của bạn sẽ nhường chỗ cho tâm tình tùng phục Thiên Chúa. Khuynh hướng thiên về thất vọng buồn chán khi thất bại, con đẻ của kiêu căng, sẽ trở thành yếu tố phụ giúp để bạn ném mình vào vòng tay yêu thương của Thiên Chúa, như đứa trẻ bị nạn chạy đến bên cha hiền của nó để xin che chở. Bạn sẽ ngưng là một kẻ cô đơn và khởi sự tìm sức mạnh trong tín điều các thánh cùng thông công, tức trong tình bạn hữu với các thánh và thân thể Mầu Nhiệm Chúa Kitô.

Bạn sẽ suy ngẫm về tình yêu Thiên Chúa không với cảm xúc nữa, nhưng với lòng nhiệt thành hiến dâng, ngay cả khi chịu khổ, bạn cũng vẫn tùng phục thánh ý. Bạn sẽ hưởng bình an, không những khi được ý mà cả khi trái ý, bởi vì bạn hiểu rằng mọi sự xảy ra đều bởi thánh ý Chúa. Bạn chấp nhận tất cả. Bạn sẽ tẩy trừ khỏi tâm hồn mọi khát khao quá độ, mọi trông đợi kiêu căng, mọi nuông chiều xác thịt. Bởi vì chúng ngăn cản bạn tiến tới cùng Đấng là đường, là sự thật là sự sống của bạn. Với thánh Phaolô bạn sẽ nói trong sức mạnh của đức tin: "Tôi tin chắc rằng: cho dầu là sự chết hay sự sống, thiên thần hay ma vương quỷ lực, hiện tại hay tương lai, hoặc bất cứ sức mạnh nào, trời cao hay vực thẳm hay bất cứ một loài thọ tạo nào khác, không có gì tách được chúng ta ra khỏi tình yêu của Thiên Chúa, thể hiện nơi đức Giêsu Kitô, Chúa chúng ta" (Rm 8,38-39).

Chương 4

CHỨC VỤ ĐỨC KITÔ: TIÊN TRI, TƯ TẾ, VƯƠNG ĐẾ

Một số tín hữu đã từng được nghe lời phát biểu của thánh Augustinô: "Hãy cho tôi một người yêu mến và tôi sẽ chỉ cho biết Thiên Chúa là ai". Những kẻ từng yêu đương đều khát khao kết hợp với người mình yêu. Trong hôn nhân, tình yêu lý tưởng là cả hai trở thành một xác thịt. Trong tôn giáo, tình yêu lý tưởng là kết hợp với Đức Kitô. Chẳng có linh hồn nào yêu mến Chúa Kitô mà không cố gắng kết hợp nên một với Người trong tư tưởng và ước muốn ngay cả thể xác và tâm trí. Nhưng vấn đề là làm thế nào nên một với Chúa Kitô?

Đời sống dương thế của Ngài kết thúc đã hơn 20 thế kỷ nay. Cho nên đối với một số người, Ngài chỉ là khuôn mặt đã ngang qua sân khấu lịch sử loài người như Caesar, Aristote và rồi biến mất không ai trông thấy nữa. Những linh hồn ấy tin rằng con đường duy nhất để kết hiệp với Ngài là đọc sách những người đã viết về Ngài hoặc hát thánh ca, thánh vịnh ngợi khen Ngài hay nghe người ta giảng về đời sống của Ngài.

Cho nên những linh hồn đó nghĩ về Chúa chúng ta như một tôn sư dạy luân lý hay như một người cải cách nhân loại lớn giống như đức Phật hay triết gia Socrates, vì những vị này đã sống, giảng dạy, xây dựng và chết đi, để lại ký ức đẹp đẽ cho người đời. Những trí khôn kém cỏi không mấy khả năng thấu hiểu sẽ nói rằng Chúa chúng ta chỉ là một người "tốt". Cho phép tôi đưa ra ý kiến là ở điểm này chứng minh ngược lại. Chúa chúng ta như vậy chẳng là "tốt" chút nào. Bởi lẽ người tốt không bao giờ nói dối. Nếu Ngài chẳng phải như Ngài tuyên bố, như các phép lạ chứng tỏ các lời tiên báo của Do thái và dân ngoại về Ngài tức là con Thiên Chúa hằng sống, thì ngài chỉ là người lừa đảo, nói sí gạt chứ không phải là người tốt. Nếu Ngài thực sự không phải là Đức Kitô, Con Thiên Chúa hằng sống thì Ngài là tên phản Kitô. Cho nên Ngài không chỉ là người tốt mà thôi, Ngài còn hơn thế nữa ngàn trùng.

Chúng ta hãy tìm hiểu Chúa Giêsu thực sự là ai? Bắt đầu từ chính bản thân mình. Bạn có khi nào nghĩ mình đã được tạo dựng lạ lùng thế nào chưa? Rằng trong bạn có những điều hữu hình và vô hình. Hữu hình như thân xác có thể sờ mó, nếm ngửi. Vô hình như trí khôn, linh hồn, tư tưởng, tình yêu, ước muốn. Không ai trông thấy cả, nhưng vẫn hoạt động. Như vậy ở ý nghĩa nào đó, linh hồn "nhập thể" vào thân xác. Tức là linh hồn làm cho thân xác sống động và hợp nhất các phần thân thể với nhau. Chuyển sang Đức Kitô, Ngài là Ngôi Vị nhập thể theo đúng nghĩa, không chỉ như linh hồn nhập thể thân xác, mà là Thiên Chúa xuống thế làm người. Ngài cũng có phần trông thấy tức bản tính loài người, có thể sử dụng như một dụng cụ xoa đầu đứa trẻ, đói khát, ước muốn như bao người dương thế khác. Nhưng cũng có phần vô hình. Đó là bản tính thần linh của Ngài. Bản tính ấy cũng không trông thấy được giống như linh hồn mỗi người. Mặc dầu linh hồn hoạt động nhờ thân xác. Thân xác và linh hồn kết hợp với nhau thành một ngôi vị. Bản tính thần linh và bản tính nhân loại

cũng kết hợp mật thiết với nhau mà làm nên Ngôi vị Chúa Giê-su, nhưng một cách hoàn hảo vô cùng. Ngôi vị Chúa Giê-su Kitô là Ngôi Vị Con Một Thiên Chúa hằng sống. Thiên Chúa thật và là người thật.

Như vậy, chúng ta được sửa soạn để đọc lại Phúc âm của thánh Gioan. Ngài kết thúc cuốn sách của mình bằng những lời tóm tắt những chi Chúa đã làm ở trần gian: "Cả thế giới chẳng đủ chỗ chứa hết các sách viết ra về Ngài" (Ga 21,25). Tuy nhiên chúng ta có thể chia các lời nói việc làm khác nhau của Chúa Giê-su ra thành ba khối: Ngài thánh hóa, dạy dỗ và điều hành. Ngài thánh hóa bởi vì Ngài là Đấng Cứu Độ. Dạy dỗ bởi vì Ngài là tôn sư, và điều hành bởi vì Ngài là hoàng đế. Nói cách khác Chúa chúng ta là Tư Tế, Tiên Tri và Vương Đế của toàn thể nhân loại.

Trước hết Ngài là tôn sư dạy dỗ chúng ta. Ngài chính là sự thật, là Thiên Chúa. Như vậy Ngài là sự thật thần linh, tuyệt đối và không thể sai lầm. Ngài tuyên bố công khai: "Ta là sự thật". Lần đầu tiên trong lịch sử nhân loại sự thật đồng hóa với ngôi vị. Từ ngàn xưa đến lúc ấy, và từ lúc ấy về sau, các vị triết gia chỉ có thể nói: "Đây là học thuyết của tôi, đây là hệ thống tư tưởng của Aristote, của Platon, của Karl Max". Những lý tưởng này dầu sao vẫn ở bên ngoài tác giả chứ không phải là ngôi vị của tác giả. Nói chung nó hoàn toàn có tính chất trừu tượng. Cho nên chẳng ai yêu mến nó, cũng như chẳng ai yêu mến các lý thuyết hình học, toán học, siêu hình. Chân lý phải là một nhân vật để người ta yêu mến, tôn thờ, Chúa Giê-su nói rõ Ngài là chân lý. Chẳng ai dám tuyên bố mình là ngôi vị hóa của sự thật. Đức Phật và các vị khác truyền bá giáo thuyết tách biệt khỏi ngôi vị của mình. Nhưng nơi Chúa Giê-su Chân lý và ngôi vị là một. Không có sự thật nào bên ngoài Chúa Giê-su, Ngài là sự thật. Do đó chẳng ai nói: "Tám mối phúc thật là cốt yếu của giáo lý Chúa Giê-su", nói như thế là không chính xác. Chẳng có chi được rao giảng, dạy dỗ, đề nghị mà ở bên ngoài ngôi vị Chúa Kitô. Bởi lẽ mọi đường lối, mọi hệ thống đều múc nguồn mạch nơi Chúa Cứu Thế. Bất cứ ai khác chỉ là tín hiệu. Ngài mới là nội dung lẫm mạn như tình yêu. Tất cả mọi chân lý, triết học, thần học, khoa học, nghệ thuật, luật khoa đều ở nơi Ngài, Ngài là sự khôn ngoan, Ngài là tất cả vẻ đẹp nghệ thuật, là mọi khoa học. Nơi Ngài là đại học cho mọi môn thánh khoa cũng như phạm tục. Mọi kiến thức tụ xoay quanh Ngài. Tóm lại Ngài là chân lý chúng ta yêu mến.

Liệu bạn thực sự tin rằng chân lý thần linh này đã đến trái đất, rao giảng vài lời rồi để cho gió biển Galilêa thổi bay đi? Thật là nghịch lý khi tin rằng Đấng chỉ viết một lần trong đời, mà lại viết trên cát, Đấng chẳng bảo ai viết, lại có ý định rằng sự thật của Ngài chỉ gồm trong vài trang giấy cho cộng đồng bé nhỏ tín hữu tiên khởi và chỉ cho họ mà thôi, do vài môn đệ hai mươi năm sau khi Ngài chết. Và cũng không thuê thợ thành bản văn chính thức cho tới ba trăm năm sau? Cho rằng những sự thật đó là mạc khải và được linh hứng đi nữa, và tôi tin vào nó, tuyên xưng nó, đọc nó hàng ngày. Nhưng cho phép tôi tuyên bố rằng khó mà nghĩ được những sách này chẳng được viết ra cho đến khi Hội Thánh, Thân thể Mầu nhiệm của Ngài, đã được thành hình và lan rộng khắp đế quốc La Mã, sẽ là phương tiện duy nhất truyền bá sự thật. Nếu Ngài không dùng phương tiện ấy bảo đảm vững chắc các chân lý quá thánh thiện, quá cao siêu đến nỗi Ngài phải hy sinh tính mệnh cho chúng, thì người ta có thể cho rằng chúng chẳng đáng giá gì đối với Ngài. Hơn nữa nếu Ngài không kéo dài chân lý cho tới ngày nay, thì có thể quả quyết Ngài không phải là Thiên Chúa. Cho nên chúng ta phải tin

rằng: hoặc là chân lý không sai lầm của Chúa Giêsu Kitô hiện thời đang sống động, đang sẵn sàng cho nhân loại đón nhận. Hoặc Ngài không là Thiên Chúa. Bản phận chúng ta là tìm ra chân lý thần linh vĩnh cửu ấy. Ôi lạy Chúa Giêsu, xin hãy đến không phải với sự thật đã chết, mà là với chân lý đang sống, đang thở và đang nói với chúng con và toàn thể loài người trên trái đất này. Chân lý của Thiên Chúa đưa dẫn thế giới từ bóng tối mịt mù tới ánh sáng chói loà. Lạy Chúa xin hãy đến, với sự thật, ngay cả Ngài phải dùng bản tính nhân loại để thông truyền, như Ngài đã không dùng trong những ngày qua.

Thứ hai, Đức Kitô làm đầy đủ chức vụ là vua hay vương đế. Như là vua, Ngài là nguồn mạch mọi quyền bính. Ngoài chức vụ là Thầy dạy, là sự thật, Ngài còn nhiệm vụ loan truyền sự thật với thẩm quyền: thẩm quyền ấy là chức vị vương đế của Ngài. Như Con Thiên Chúa Ngài tuyên bố: "Mọi quyền năng trên trời dưới đất đã được ban cho Thầy" (Mt 28,18). Biển và gió phải vâng lời Ngài. Khi Philatô huênh hoang về quyền bính của ông ta có thể tha hoặc kết án Chúa Giêsu (các nhà độc tài thường nói kiểu đó) thì Chúa Giêsu nhắc nhở ông: "Ông chẳng có quyền gì trên tôi, nếu từ trên không ban cho" (Ga 19,11). Không thể tin được rằng quyền bính này, quyền thay đổi lòng người, thay đổi thế gian lại tắt ngúm với cái chết? Chúng ta đang sống trong một thế giới mà quyền bính giả tạo đòi buộc chúng ta phục tùng, mà ý kiến chung của thiên hạ làm chúng ta choáng váng, mà quyền bính các quốc gia xâm phạm mọi quyền lợi cá nhân, thì chúng ta cần một ai đó nhắc nhở cho các Philatô tân thời biết có một quyền bính ở trên cao. Chúng ta có chán vạn quyền bính nói với chúng ta điều chi là đúng khi thế gian đúng. Nhưng chúng ta cần Chúa Giêsu sống động hôm nay chỉ cho chúng ta điều phải lẽ khi thế gian sai lầm. Ôi lạy Chúa Kitô, xin hãy đến với quyền bính của Ngài. Xin giải phóng chúng con khỏi mọi kìm kẹp, ngay cả phải sử dụng đến bản tính nhân loại lúc này như Chúa không dùng những ngày qua.

Thứ ba, Chúa Kitô Giêsu làm tròn chức vụ tư tế hay Đấng Cứu Chuộc. Vì Ngài là Đấng thánh hóa chúng ta. Khi Ngài sống trên hành tinh này, Ngài chữa lành không những phần xác, mà cả phần hồn. Những người mắc bệnh bại liệt, mù què, Ngài đều cho được bước đi, nhìn thấy ánh sáng, thậm chí kẻ chết được sống lại. Ngài còn tẩy sạch linh hồn, đuổi quỷ dữ ám ảnh người ta. Khi đồng hóa với sự thật, với quyền bính thì Ngài cũng đồng hóa với sự thánh thiện nơi bản thân mình. "Ta là sự sống". Và sự sống không những thể xác, mà còn thiêng liêng, tinh thần, thánh thiện nữa, Ngài đến trái đất như là mối dây liên kết giữa Thiên Chúa và loài người. Con người thì tội lỗi. Thiên Chúa thánh thiện. Nhưng Người vừa là Thiên Chúa thật vừa là người thật, cho nên là trung gian giữa trời và đất. Đây là ý nghĩa của chức vụ Chúa Kitô là tư tế, sự nối kết giữa Thiên Chúa và nhân loại, mang Thiên Chúa đến cho nhân loại và mang nhân loại lên cùng Thiên Chúa.

Thật vô lý khi nghĩ rằng Thiên Chúa đến trần gian để tha thứ, để thánh hóa chúng ta, để nâng chúng ta lên một mức sống cao hơn mà lại để mặc chúng ta hiểu biết một vài trang Kinh thánh, một vài bài hát, khúc ca để đạt tới mức sống thần linh. Liệu các Maria Macđala của đường phố bây giờ có từ chối sự tha thứ mà người phụ nữ thành Macđala ngày xưa bước vào nhà ông Simon với bình thuốc thơm? Liệu những kẻ vô vọng, chán nản, rượu chè, dữ tợn, trác táng mãi mãi sẽ không được thứ tha vì Chúa Kitô quên không kéo dài quyền năng tha thứ của Ngài cho tới ngay nay? Liệu các kẻ nặng

chịu vì quá khứ hư hỏng không thể gỡ mình ra khỏi nét xấu vì nghĩ rằng Chúa Kitô thuộc về quá khứ không giúp đỡ mình được chi chằng?

Vì lý do này nên một số người nghĩ rằng Chúa chúng ta phải lưu lại trên trái đất, nhưng Thiên Chúa biết rõ hơn. Ngài nói: "Thầy ra đi thì có lợi cho anh em hơn, vì nếu Thầy có ra đi, thì Đấng bảo trợ mới đến với anh em" (Ga 16,7), để trả lời cho những ai muốn Ngài ở lại mãi mãi trên trái đất. Ý Ngài muốn nói là như thế này. Nếu Ngài ở lại vĩnh viễn thì chúng ta chẳng bao giờ được gần với Ngài hơn là tiếp xúc bên ngoài: nắm tay, ôm hôn, nghe tiếng nói. Những cảm giác đó thấp so với sự thân mật Thiên Chúa muốn tỏ ra với các linh hồn. Và các linh hồn khát khao kết hợp với Thiên Chúa. Cho nên Ngài về trời để sai thần trí của Ngài xuống ở với chúng ta luôn mãi thì tốt đẹp hơn nhiều. Lúc ấy Ngài không chỉ là một gương mẫu để chúng ta bắt chước, nhưng còn là sự sống đích thực để chúng ta sống. Tâm trí của Ngài sẽ là tâm trí của chúng ta, đời sống của Ngài là đời sống chúng ta!

Những điều nói trên là chắc chắn. Chúng ta sống xa Ngài tới hơn hai ngàn năm không phải là điều bất hạnh về không gian và thời gian. Hơn nữa hiện lúc này chúng ta có nhu cầu về Ngài hơn bao giờ hết, còn hơn cả các người đồng thời với Ngài. Tôi sẽ nghi ngờ về thần tính của Ngài, nếu Ngài không vượt được cản trở của năm tháng và nơi chốn, mà tưới gội ơn lành cho chúng ta hôm nay. Những ơn mà Ngài đã ban cho cư dân Galilê và Giuđêa cũng phải được sẵn sàng cho London, New York, Matcova. Cho các người chăn chiên ở Texas cũng như ở Belem. Cho các ngư phủ ở Massachusetts cũng như ở Capharnaum! Nếu Đức Kitô chỉ còn là tượng niệm về một nhân vật đã sống, chịu khổ nạn và chết, nhân vật bỏ mặc chúng ta mồ côi, thì chúng ta nên quên khuấy đi là hơn. Nếu đạo công giáo chỉ hoài niệm đến một tôn sư đã giảng dạy, cai trị và thánh hóa cách đây hơn hai ngàn năm rồi để lại vài dòng tiểu sử do người khác viết thì chúng ta nên lờ đi càng sớm càng tốt ngõ hầu tìm kiếm một thần thánh khác.

Nhưng Đức Kitô thực sự đang sống, đang hiện diện như Ngài đã nói: "Này đây Thầy ở cùng anh em cho đến tận thế". Vấn đề của chúng ta là làm thế nào tìm ra Ngài? Tìm ra Ngài đang ở đâu hôm nay? Câu trả lời không khó khăn. Chúng ta hãy khởi sự qua sự kiện Ngài dậy dỗ, thánh hóa và cai trị đầu tiên qua bản tính nhân loại của Ngài, được Đức Maria mang thai bởi quyền năng Chúa Thánh Thần Ngài giảng dạy qua thân xác được mẹ Ngài ban cho. Ngài cai trị qua thân xác Đức Mẹ đã dưỡng nuôi. Ngài thánh hóa qua xác phàm Đức Mẹ đã dâng lên Thiên Chúa trên thập tự để cứu chuộc thế gian.

Khi thấu hiểu như vậy, tôi sẽ không ngạc nhiên về những đường lối Ngài tiếp tục sống và hoạt động qua mọi thời gian và không gian. Nói rõ hơn qua một thân thể khác. Thân thể này không còn tính chất vật lý hay xác thân mà Ngài nhận được từ Đức Maria nữa. Nhưng một thân thể xã hội và mầu nhiệm mà Ngài lấy từ cung lòng nhân loại cũng được rọi bóng bởi cùng Thánh Thần Chúa. Như vậy, Ngài đã dậy dỗ cai trị, thánh hóa bằng thân xác hữu hình tại Palestine, thì hôm nay Ngài còn tiếp tục hành động như vậy qua một thân xác xã hội là Hội Thánh mà Ngài đổ Thần Khí của mình

xuống và vẫn cai trị như thủ cấp của thân thể. Nếu Ngài gọi Thần khí vào thân thể này, nhân loại phải gọi nó là thân mình mầu nhiệm của Chúa Kitô.

Cho nên, khát khao được hiệp nhất với Chúa Kitô không thể thỏa mãn bằng sách vở, bài giảng, thánh thi, thánh vịnh, bài ca, mà còn bằng điều chi căn bản hơn. Nếu chúng ta tin rằng Ngài chỉ là ký ức thì tôi không khát khao Ngài. Tôi biết điều tôi khát khao và điều tôi không khát khao. Tôi không khát khao một sự thật đã chết từ 21 thế kỷ qua. Những điều viết trong các sách của bạn, trong sách triết lý Aristôte, Platon làm thỏa lòng bạn chẳng qua được một tiếng đồng hồ rồi hết. Điều tôi khát khao là một sự thật có lưỡi sống động và linh hoạt. Điều tôi khát khao là một quyền năng và sức mạnh trên tôi. Quyền năng đối xử với thần dân như những chiến cừu yêu dấu mà không uy quyền nào được đổ xuống cho đến khi người thụ hưởng nói với bạn như Phêrô nói với Chúa Giêsu: "Lạy Thầy, Thầy biết con yêu mến Thầy, yêu mến Thầy, yêu mến Thầy trên hết mọi sự".

Tôi khao khát trở nên tốt hơn trong ý nghĩa được thánh hóa, chứ không trong ý nghĩa tâm lý. Tâm lý không làm ai tốt hơn về luân lý. Bởi vì nỗ lực một mình không ai giúp đỡ. Tôi không muốn sự thánh hóa hời hợt bên ngoài thấy an tâm trong bụng, mà là thứ thánh hóa tha thứ tội lỗi cho tôi. Lúc này, ôi! Lạy Chúa Giêsu, con muốn đời sống Chúa hiện diện trong con, ngõ hầu con sống nhưng không phải con mà là Chúa sống trong con. Con chỉ là phạm nhân. Quá phạm nhân, nhưng con ước ao là kẻ chia sẻ bản tính thần linh của Chúa. Chỉ như vậy mới là thánh hóa. Nếu như ai hỏi tôi làm thế nào để được hạnh phúc, tôi sẽ trả lời phải có ba điều kiện:

Một là, khôn ngoan vượt xa mọi kiến thức bất toàn của trái đất. Hai là, quyền năng mạnh mẽ hơn từng người và mọi người hiệp lại. Ba là, tình yêu nếu cần chết thì chết để cứu độ chúng ta khi chúng ta thất bại. Ba điều kiện này đều có mặt trong Đức Kitô, Đấng là chân lý vĩnh cửu, là quyền bính thần linh và là tình yêu tinh tuyền.

Chân lý của Ngài sẽ không thần thánh hơn chân lý của Đức phật, nếu nó chỉ là mấy mảnh kinh thánh do vài người viết lại sau cái chết của Ngài. Quyền năng và uy tín của Ngài không thiêng liêng hơn uy tín của Abraham Lincoln nếu nó không phong phú hơn vài dòng tiểu sử. Và tình yêu của Ngài không thánh thiện hơn lòng yêu của Socrates nếu tội lỗi của chúng ta bây giờ không được tha thứ như Ngài đã thứ tha cho Maria Macđala và người trộm lành. Nếu Ngài không kéo dài sự thật, quyền bính và sự thánh thiện của mình đến bây giờ cho chúng ta, thì Ngài chẳng tốt lành chút nào, và nếu Ngài không thể thực hiện như vậy, thì Ngài chẳng là Thiên Chúa.

Điều đó không thể được, vì Ngài chính là Thiên Chúa chân thật. Ngài ban cho chúng ta sự thật, quyền năng và sự sống của mình trong thế kỷ 20 y như những thế kỷ trước. Nhưng làm cách nào? Giống hệt như Ngài đã thực hiện khi xưa qua bản tính nhân loại của Ngài. Khi bạn viết lách có phải cánh tay, bàn tay bạn là dụng cụ hữu hình cho trí khôn vô hình của bạn không? Ngài cũng vậy nhưng trong đường lối hoàn hảo hơn vô cùng. Ngài là Thiên Chúa đang dậy dỗ, cai trị và thánh hóa chúng ta qua bản tính nhân loại của mình. Bản tính này cũng là dụng cụ hữu hình của bản tính thần

linh vô hình. Trong ngôn ngữ bình dân, bạn xem thấy thân xác Ngài, nhưng bạn thực chất được dạy bảo vâng lời và tha thứ bởi Thiên Chúa trong Đức Kitô.

Chúa chúng ta đã từng tuyên bố Ngài sẽ mặc lấy một thân thể mới và qua thân thể đó Ngài tiếp tục kết hiệp với chúng ta cho đến tận cùng thời gian. Chắc chắn nó không phải là thân xác vật lý như thân xác Mẹ Maria sinh ra. Thân xác ấy hiện đang được vinh hiển ngự bên hữu Đức Chúa Cha. Ngài nói đến một loại thân thể khác. Nếu bạn coi trong từ điển, bạn sẽ thấy chữ "thân thể" có hai nghĩa: nghĩa vật lý và nghĩa tập hợp. Nghĩa cụ thể vật lý gồm các cơ quan, máu huyết và xác thịt. Linh hồn làm sống động thân xác này. Nghĩa thứ hai là một nhóm người cùng một lợi ích, tư duy. Họ cũng hợp thành một thực thể. Thí dụ. Thực thể chính trị, văn hóa, giáo dục. Thực thể chính trị còn có nghĩa là quốc gia, văn hóa là một nhóm sắc tộc, giáo dục là các giáo sư, giáo viên của một trường học sự hợp nhất này chỉ có nghĩa tinh thần mà thôi, tức ý chỉ con người gom lại với nhau. Tuy nhiên, thân thể mới của Chúa Giêsu không phải như vậy. Nó không do ý muốn người ta quy tụ và liên kết với Chúa Giêsu. Nó được thần khí từ trời thiết lập. Thần khí mà Ngài sai đến khi Ngài rời xa trái đất. Dưới đây tôi xin liệt kê 7 điểm mà Ngài nói về thân thể mới của mình, ngoài các điểm khác:

1/ Người tuyên bố với loài người rằng để làm thành viên của thân thể này, người ta phải sinh lại. Dĩ nhiên không qua sinh nở vật lý được nữa bởi vì sinh nở phần xác sẽ làm cho chúng ta trở nên con cháu ông Adong. Sinh nở làm thành viên của Hội Thánh là qua Thần khí và nước của phép Thánh tẩy. Nó biến đổi chúng ta thành con cái Thiên Chúa.

2/ Sự liên kết chúng ta với thân thể mới này và với Ngài không phải là hát thánh ca, thánh vịnh dâng kính Ngài, cũng không phải tiệc tùng, chè chén tôn vinh Ngài, cũng không phải dạ hội âm nhạc mà là qua sự chia sẻ cuộc sống của Ngài: "Ta là cây nho, các con là ngành nho Các con phải sống trong ta, và ta trong các con" (Ga 15,5).

3/ Thân thể mới của Ngài có tính hữu cơ như một hữu thể sống động. Đầu tiên là nhỏ bé như Ngài mô tả "Giống như một hạt cải", nhưng nó sẽ lớn lên dần thành vĩ đại và phức tạp cho đến ngày tận thế, Ngài nói: "Trước hết cây lúa mọc lên, rồi trở đồng đồng, và sau cùng thành bông lúa nặng trĩu hạt" (Mc 4,28-29).

4/ Một ngôi nhà bình thường thành hình từ bên ngoài vào trong, cứ thêm gạch ngói, viên nọ xếp trên viên kia: Các tổ chức, hội đoàn lớn mạnh nhờ người này thêm người khác, tức từ ngoại vi vào trung tâm. Ngược lại, thân thể của Ngài thành hình từ bên trong như một bào thai rồi lớn dần thành người. Ngài nhận được sự sống từ Đức Chúa Cha và chúng ta từ Ngài. Ngài diễn tả nó thế này: "Ngõ hầu chúng trở nên một trong chúng ta, như lạy Cha, Cha ở trong con và con ở trong Cha" (Ga 17,21).

5/ Ngài tuyên bố chỉ một thân thể. Nếu có nhiều thì Ngài là một quái vật tinh thần với nhiều đầu, nhiều thân xác, nhiều chân tay. Và để gìn giữ hợp nhất Ngài sẽ là chủ chăn, Đấng chăn dắt cả chiên con lẫn chiên mẹ. "Chỉ có một đàn chiên và một người chăn" (Ga 10, 16).

6/ Thân thể mới của Ngài không xuất hiện công cộng cho đến lễ 50, khi Ngài sai Thánh Thần chân lý đến: "Ngài chỉ đến với chúng con khi thầy sai Ngài" (Ga 16,7). Như vậy bất cứ cái gì khởi sự 24 giờ sau ngày lễ 50 hoặc 24 giờ trước đây sẽ chỉ là tổ chức tự quyền, và chỉ có thần khí loài người chứ không có Thần Khí của Chúa Giêsu. Nó giống như sợi giây điện không gắn vào máy phát.

7/ Câu nói thú vị nhất Ngài tuyên bố về thân thể mới là nó sẽ bị thế gian ghét bỏ như thế gian đã ghét bỏ Ngài. Mọi sự thuộc về thế gian thì được thế gian yêu mến. Nhưng mọi sự thuộc về thần linh, thế gian ghét bỏ: "Bởi vì Thầy đã chọn anh em ra khỏi thế gian, nên anh em sẽ bị thế gian chê ghét" (Ga 15,19).

Hạt nhân xây dựng thân thể xã hội của Chúa là các Tông đồ. Họ là những chất liệu thô sơ để Chúa gọi Thần khí của Ngài vào, ngõ hầu thúc đẩy họ nhanh chóng trở nên Thân thể kéo dài của Ngài. Họ sẽ đại diện Ngài khi Ngài vắng mặt. Đặc quyền rao giảng Tin Mừng cho thế giới được trao cho họ. Như vậy thân thể mới mà các Tông đồ là nòng cốt chính là cái tôi của Ngài sau khi qua đời. Cái tôi này kéo dài ngôi vị Ngài qua muôn thế kỷ. Sau đây chúng ta được nghe những điều lạ lùng Ngài tuyên bố vì thân thể đó, nhưng xin luôn nhớ Ngài là tôn sư dạy dỗ sự thật, là vua và là Đấng Cứu Thế hay linh mục thượng phẩm. Tuy nhiên lúc này Ngài thông truyền cho thân thể mới đầy đủ chức vụ là tư tế, tiên tri và vương đế của Ngài cho Hội Thánh. Đấng là tôn sư tự xưng là "sự thật" bây giờ nói với thân thể xã hội của mình: "Ta sẽ gọi Thần khí sự thật để dẫn đưa chúng con vào chân lý" (Ga 16,8). Như vậy là Ngài đã đồng hóa mình với thân thể mới, đến nỗi bất cứ ai nghe Hội thánh nói là nghe Ngài nói: "Ai nghe các con là nghe Ta, ai khinh dể các con là khinh dể Ta. Mà ai khinh dể Ta là khinh dể Đấng đã sai Ta" (Lc 10,15). Cho nên chân lý của Hội thánh là chân lý của Ngài và chân lý ấy có tính thần linh không sai lầm được.

Thứ hai, Chúa chúng ta là Vua cai trị đến muôn đời: "Mọi quyền năng trên trời dưới đất đã được ban cho Thầy. Vậy anh em hãy ra đi và làm cho muôn dân trở thành môn đệ Thầy" (Mt 28,18). Quyền năng này Ngài cũng ban cho thân thể mới của Ngài đến độ mệnh lệnh của Hội Thánh cũng là mệnh lệnh của Ngài, giới răn của Hội thánh cũng là giới răn của Ngài. Chính Ngài đã chuẩn nhận: "Ta hứa cùng anh em, sự gì anh em ràng buộc dưới đất, trên trời cũng ràng buộc. Sự gì anh em cởi mở dưới đất, trên trời cũng cởi mở." (Mt 18,18).

Cuối cùng, Chúa chúng ta là Thượng tế hay là Đấng trung gian. Bởi lẽ Ngài đã cứu chuộc thế giới về cho Đức Chúa Cha qua cái chết và sự sống lại của Ngài. Sự thánh thiện và quyền năng thánh hóa này bây giờ Ngài cũng trao lại cho Giáo Hội, thân thể mới của Ngài, qua Bí tích Rửa tội, qua việc cử hành mầu nhiệm sự chết và sống lại của Đức Kitô, và qua sự tha thứ - một ơn huệ vĩ đại: "Bất kỳ khi nào anh em tha tội cho người ta, thì họ được tha. Anh em cầm buộc ai, thì tội họ bị cầm giữ lại" (Ga 20,23). Cốt yếu của thân thể xã hội này là các Tông đồ. Nhưng Chúa chúng ta đã gọi Thần khí của Ngài đến với họ 50 ngày sau khi Ngài phục sinh. Họ giống như những nguyên tố trong một phòng thí nghiệm hóa học. Chúng ta biết rằng gần một trăm nguyên tố hợp thành thân xác loài người. Tuy nhiên không làm cho thân xác sống động. Bởi còn thiếu một nguyên lý hợp nhất. Đó là linh hồn, các Tông đồ tự thân cũng không thể cho thân thể mới của Chúa Giêsu một sức sống, giống như bao

nguyên tố hóa học không làm thành một người. Còn cần một Thần khí thiêng liêng và vô hình của Thiên Chúa mới làm nên Hội thánh. Thần khí kết hợp các bản tính nhân loại của họ với nhau.

Cho nên mười ngày sau khi Chúa lên trời, Đấng Cứu Độ vinh hiển mới sai Thần khí của Ngài xuống trên họ, không phải dưới hình dáng của một cuốn sách mà là những lưỡi lửa sống động. Khi Thiên Chúa thổi hơi vào một bào thai thì các tế bào của con người lập thành một người có sự sống. Cũng vậy khi Thánh Thần đến với tập hợp các Tông đồ như là thân xác mới của Chúa Kitô thì họ lập thành thân thể xã hội sống động của Ngài. Chúa Thánh Thần hợp nhất các Tông đồ lại thành một thực thể duy nhất giữa loài người. Kinh thánh và Thánh truyền gọi họ là Đức Kitô toàn thể hay sự viên mãn của Chúa Kitô Giêsu.

Lúc này thân thể mới của Chúa Giêsu đã sẵn sàng xuất hiện trước công chúng. Giống như Con Thiên Chúa mặc lấy xác phàm trong lòng trinh nữ Maria, được rợp bóng bởi Chúa Thánh Thần, thì thân thể mới của Chúa Giêsu thành hình từ cung lòng nhân loại, rợp bóng bởi Thần khí thánh. Cho nên Ngài dạy dỗ, cai trị, thánh hóa khi xưa thể nào qua nhân tính thì vẫn tiếp tục các công việc đó qua các môn đệ mà Ngài đã thánh hóa. Và bởi vì thân thể này không có tính vật lý như một người ta, cũng chẳng có tính thuần luân lý như một hội bài cao, nhưng hoàn toàn thiêng liêng và tinh thần nhờ Thánh Thần kết hiệp nên một, cho nên nó được gọi là thân mình mầu nhiệm Chúa Kitô, và giống như thân xác tôi do hàng triệu triệu tế bào thiết lập nên nhưng vẫn là một, bởi vì nó được linh hồn làm cho sống động và một cái đầu hữu hình trụ trì, một trí óc vô hình điều khiển. Cũng vậy thân thể mới của Chúa Giêsu là do triệu triệu con người thiết lập nên và được phép rửa tội tháp nhập vào Chúa Kitô Giêsu cũng duy nhất là một, bởi vì nó được Thánh Thần của Thiên Chúa làm cho sống động, trụ trì bởi một đầu hữu hình và một bộ óc vô hình điều khiển đó là Đức Kitô Phục sinh.

Như vậy, Thân mình mầu nhiệm là ngôi vị Đức Kitô kéo dài. Ngài tiếp tục sống bây giờ qua thân mình đó. Xin nhớ lại truyện thánh Phaolô. Tên Do thái của ông là Saolô. Có lẽ các người sống trên thế gian này chưa ai ghét Đức Kitô bằng Saolô. Các tín hữu tiên khởi khiếp sợ ông ta và cầu xin Chúa gọi ai đó đến để trừng phạt Saolô. Thiên Chúa nghe lời họ van xin và đã gọi Phaolô đến để bách hại chính ông. Một hôm, ông đi trừng phạt các tín hữu Chúa Kitô, trong lòng bùng bùng lửa giận ghét các tín hữu. Ông xin giấy phép các thượng tế xuống Damascus để bắt bớ họ, trói đem về Giêrusalem trừng trị. Thời gian là phỏng vài năm sau biến cố lên trời của Chúa chúng ta. Lúc này thân xác Ngài đã vinh hiển bên Chúa Cha. Bất chợt một luồng ánh sáng lớn chiếu trên Saolô. Ông ngã ngựa rơi xuống đất. Một tiếng nói lớn từ trời phát ra mà ông nghe rõ: "Saolô, Saolô tại sao ngươi bắt bớ ta?" Saolô hỏi tên Đấng quyền phép: "Thưa ông, ông là ai?". Tiếng từ trời đáp: "Ta là Giêsu, Đấng Saolô đang bắt bớ". Câu hỏi là làm sao Saolô bách hại được Chúa chúng ta đang vinh hiển trên trời? Thanh niên Saolô không làm gì hơn các lãnh tụ độc tài làm cho thần dân mình! Vậy tại sao tiếng từ trời lại nói: "Saolô, Saolô, tại sao ngươi bắt bớ Ta?".

Kinh nghiệm thường cho hay rằng, khi ai đó giẫm lên chân bạn, lập tức cái đầu của bạn mở miệng phàn nàn, bởi vì chân cũng là một phần của thân thể. Vậy thì Chúa Giêsu cũng cho Saolô hay chém giết thân thể Ngài là chém giết chính Ngài. Khi Thân mình mầu nhiệm Ngài bị bách hại, thì chính

thủ cấp vô hình, tức Đức Giêsu Kitô, lên tiếng phản đối! Đó là phản ứng thường tình. Cho nên Thân mình màu nhiệm Chúa Kitô không chen vào giữa tôi và Chúa Kitô, tôi là phần thân thể của Ngài. Cũng như thân xác phàm trần của Ngài đứng giữa Maria Macđala và lòng thương xót của Đức Chúa Trời, hoặc bàn tay của Ngài chen giữa các cái đầu trẻ em và lời chúc lành của Chúa cho chúng. Ngài đến với nhân loại bằng thân xác loài người, thì bây giờ Ngài cũng đến với chúng ta qua Thân mình màu nhiệm được Thần khí ban sức sống, đang dậy dỗ, đang cai trị và đang thánh hóa nhân loại, Ngài có những khoảnh khắc vinh hiển của ngày lễ lá khác trên trần gian. Ngài có những giây phút bị các Giuđa khác phản bội trong lịch sử. Ngài có những thời gian khổ nạn lúc này như trong thứ sáu tuần thánh hai nghìn năm qua, dưới triều quan Phongxiô Philatô.

Nếu bạn gỡ mồm hỏi tôi Thân mình Chúa Giêsu Kitô lúc này liên hệ với tôi ra sao? Tôi sẽ hạnh phúc trả lời bạn: Tôi tin rằng nó là đèn thánh của tình yêu mà tôi là một viên đá sống động và Chúa Kitô là viên đá góc tường. Nó là cây của cuộc đời hằng sống, mà tôi là cành. Nó là Thân thể Đức Kitô trên hành tinh từ khi Ngài về trời, mà tôi là một tế bào của thân thể đó. Như vậy Thân mình màu nhiệm của Chúa đối với tôi cũng thiết thân như chính bản thân tôi vậy. Đời sống của Thân mình đó phong phú hơn đời sống của riêng tôi. Kinh thánh gọi nó là hiện thể của Chúa Giêsu. Tôi phải liên kết với cô dâu này mới có sự sống thần linh, không liên kết với cô, tôi chỉ có sự sống vật lý. Cho nên từ nay, tình yêu của cô là tình yêu của tôi, chân lý của cô là chân lý của tôi. Tâm trí của cô là tâm trí của tôi. Tôi coi như phúc lành Thượng Đế ban cho tôi là lớn nhất khi được liên kết với cô dâu của Đức Kitô. Ngược lại đau đớn lớn nhất của tôi là không được phục vụ cô. Không có cô, tôi chỉ là gốc cây cỏ bị nhổ rễ, là một cây cột đơn chiếc giữa kẻ chết và đồng cỏ nát bị bỏ quên. Với cô, tôi công bố đời sống vĩnh cửu và không bao giờ sợ hãi. Từ bàn tay săn sóc của cô, là dầu thơm kiên cường, chúc phúc và thánh hóa. Từ ngọn đèn châu leo lét nơi cung thánh của cô, là bảo đảm rằng Chúa Kitô không bỏ mặc chúng ta mồ côi!

Bạn có biết trong lịch sử dân thánh có ba nhân vật được Thiên Chúa đổi tên? Nhưng chắc chắn bạn biết tôn giáo được thành lập cách đây một giờ thì không có giá trị. Bởi lẽ tôn giáo ấy do người trần làm nên. Ngay cả một tôn giáo khởi sự một ngàn chín trăm năm trước đây cũng không chắc gì chân thật thần linh. Tôn giáo phải khởi sự ngay khi Thượng Đế tạo dựng loài người. Bởi vì lúc ấy chúng ta có ý tưởng của Đức Chúa Trời về tôn giáo, không phải của tôi hay của bạn. Giả như bạn khảo sát kỹ lưỡng về tôn giáo mạc khải, bạn sẽ khám phá ra hai sự kiện: 1/ Thiên Chúa ban phát lòng thương xót cho nhân loại qua một cộng đồng Ngài chọn. 2/ Ngài chỉ định một nhân vật trụ trì dân riêng đó như thủ lãnh và đại diện của mình.

Từ lúc khởi đầu lịch sử Thiên Chúa đã dựng nên Adong như thủ cấp của nhân loại, và như tội của người cha làm cho toàn thể gia đình xấu hổ, thì trong nghĩa rộng lớn hơn tội của Adong trở thành tội của mọi người. Nhưng lòng thương xót của Thiên Chúa đã hứa ban cho nhân loại một Đấng Cứu Thế, sinh bởi một phụ nữ và sẽ đạp nát đầu quỷ dữ.

Khi tội ác lan tràn khắp mặt hành tinh, Thiên Chúa đã trừng phạt loài người bằng một cơn đại hồng thủy. Tuy nhiên cứu vớt họ không phải ban cho mỗi người một phao cứu sinh. Nhưng Ngài chọn

một cộng đồng nhỏ bé là gia đình ông Noe, gồm cả thầy là tám người. Ngài đã chỉ định ông Noe từ gia đình ấy. Qua cộng đồng xã hội bé tí này mà Ngài hứa phúc lành cho thế giới. Sau này, Chúa lại chọn một người khác là Abram làm đầu một dòng giống mới, bây giờ có thể gọi là cộng đồng tôn giáo, với Abram Chúa ký kết một giao ước mới: "Trong người mọi sắc dân trên thế giới sẽ được chúc phúc" (St 12,3). Đây là lần đầu tiên trong lịch sử Thiên Chúa đổi tên cho một người, Thượng Đế quyền năng và chân thật đổi tên ông Abram thành Abraham. Tên này có nghĩa: "Là cha mọi dân tộc". Qua ông không những dân tuyển mà cả dân ngoại đều được chúc phúc. Theo thói tục, đổi tên một người là hết sức quan trọng, và Thiên Chúa đã đổi tên Abraham để ông nhớ tương quan của ông với cộng đồng Chúa lựa chọn. Tương quan của ông không chỉ cá nhân tức quyền lợi riêng của ông ta với cộng đồng mà còn có tính chức năng nghĩa là vai trò ông phải thi hành trong dân chúng như là đại diện của Thiên Chúa.

Sau khi Abraham chết, vai trò lãnh đạo dân riêng mới được chuyển sang Isaac, cũng được Thiên Chúa chọn, rồi đến Giacóp. Một đêm vật lộn nghiệt ngã với Thiên thần Chúa cho đến hừng đông để thử sức chịu đựng thiêng liêng "như một người chiến đấu". Như đức tin Abraham mặc khải sức mạnh thiêng liêng của Thiên Chúa, thì Giacóp thắng biểu lộ sức mạnh tinh thần của loài người. Và lần thứ hai trong lịch sử Thiên Chúa lại đổi tên một người nữa. Lần này, Ngài thêm sức mạnh mới cho cộng đồng mà sứ mệnh của nó là thế giới qua Đấng Cứu Tinh sắp đến. Chúa nói với ông Jacob: "Tên người không còn là Jacob nữa, mà là Israel" (st 35,10). Muộn về sau, Chúa chọn Môisen làm thủ lĩnh của dân riêng Ngài khi nói: "Ta sẽ nhận các người làm dân riêng của Ta và Ta sẽ là Thiên Chúa các người" (Xh 6,7). Dân riêng của Ta! Một từ khó nghe đối với dân ngoại. Người Ai Cập sẽ tố cáo dân Do Thái là thiếu cần và bất khoan dung vì dám cậy mình là dụng cụ của Đấng Chí Tôn. Qua đó Ngài ban ơn lành cho trái đất! Nhưng thôi, cứ cho là như thế đi vì chúng ta lưu tâm đến đường lối Thiên Chúa, chứ không phải ganh tỵ của loài người. Thiên Chúa dựng nên hành tinh này của chung mọi người chứ chẳng riêng ai! Và cũng chỉ có một mặt trời soi sáng cả trái đất.

Sau ông Môisen là ông Giôsuê, rồi đến vua David, các tiên tri và vua chúa kế tiếp. Nhưng điều cần lưu ý là Thiên Chúa không hề thông ban ơn lành của Ngài cho cá nhân xét vì cá nhân, hoặc cho thế giới nói chung. Ngài luôn ban phép lành qua một tập thể liên kết chặt chẽ với Ngài bằng giao ước mà chính Ngài chọn người làm đầu. Trung thành hay bất trung, đức độ hay tội lỗi, nhưng định mệnh của dân tộc tôn giáo này không hề sai lầm. Thiên Chúa luôn hiện diện với dụng cụ mà Ngài đã tuyển chọn. Mặc dầu dân tộc ấy làm chi, ngay cả nó rơi vào thờ ngẫu tượng và một vài người lãnh đạo ăn ở tội lỗi, dân chúng ưa thích vui thú xác thịt làm cho sinh hoạt kém hiệu quả, thì ý định của Thiên Chúa vẫn tiến bước và thắng thế, vì như người ta thường nói: "Một mình Thiên Chúa mới có thể viết thẳng hàng những dòng chữ cong queo". Bạn sẵn sàng thấy rằng lời quan trọng nhất trong Cựu ước là lời chỉ về tập thể tôn giáo mà Thiên Chúa đã chọn làm dân riêng mình, với người đứng đầu do chính Ngài chỉ định, và qua đó Thiên Chúa sẽ đến cứu độ loài người khỏi tội. Tiếng Do thái cổ là qahal.

Chừng hai trăm năm trước Chúa Giáng Sinh, người Do Thái phân tán khắp thế giới Hy Lạp để sinh sống, cho nên việc dịch Kinh thánh từ tiếng Do Thái sang tiếng Hy Lạp là cần thiết. Bản dịch này gọi

là bản 70 vì tương truyền do 70 người soạn ra. Khi đến chữ qahal họ không biết dịch làm sao. Nó chỉ một cộng đồng hữu hình nhưng vô hình trong Thần khí của Thiên Chúa. Thần khí này coi sóc và bảo vệ nó. Chữ qahal dùng trong Cựu Ước là 96 lần. Vậy những nhân vật thông thái này đã dịch nó sang tiếng Hy Lạp là Ecclesia một từ quan trọng để chỉ một tập thể vừa tôn giáo vừa trần tục của Thiên Chúa.

Cuối cùng thì Thiên Chúa đến cứu dân Ngài khi thời gian đã viên mãn, Đấng mà các tiên tri không ngừng nói đến sẽ sinh ra tại làng nhỏ Bethlehem, chịu thai bởi một trinh nữ, thì nay xuất hiện như một Thiên Chúa trong hình dạng con người. Đó là Chúa chúng ta, Đức Giêsu Kitô, Cứu tinh của nhân loại. Ngài sinh ra giữa lòng qahal hay Ecclesia nhưng làm cho nó nên vẹn toàn và hoàn hảo. Tuy nhiên, trước khi thực hiện chương trình đó, nhân loại phải nhận ra Ngài là ai? Là đấng tác động mạnh mẽ vào lịch sử thế giới, chế nó ra làm hai mảng.

Biên cố xảy ra ở thành phố Cesarea - Philipphê, một thành phố nửa dân ngoại, nửa tôn giáo, khi Đức Giêsu, chúa tể vũ trụ, dùng chân để đặt một câu hỏi - câu hỏi quan trọng nhất trong đời Ngài: Thiên hạ nói con người là ai? Họ nghĩ Ngài là chi? (Mt 16,13). Xin lưu ý cụm từ "thiên hạ nói?" Nó là câu thăm dò tôn giáo xem ý kiến chung của thiên hạ về Ngài hoặc giải thích cá nhân về các kinh nghiệm của người ta khi gặp Ngài. "Người ta nói chi" đòi hỏi một câu tuyên xưng, và nó đã gây nên rất nhiều lẫn lộn: kẻ thì bảo là Gioan Tẩy Giả, người khác lại bảo là Elia, hay Gierêmia, hay một trong các tiên tri thời xưa sống lại" (Mt 16,14). Toàn là những phỏng đoán thô thiển của các kẻ dốt nát ngu xi. Chẳng có hợp nhất, chẳng có chắc chắn, chẳng có đồng tâm nhất trí, điều mà Thiên Chúa quý trọng. Hãy trao phó bí mật bản tính thần linh của Ngài cho các viện thăm dò, cho đám đông và cho các thùng phiếu bạn sẽ nhận được kết quả là trăm ý kiến trái ngược và lộn xộn. Người này phủ nhận điều kẻ khác tuyên bố. Chúa chúng ta chỉ tỏ thái độ yên lặng, khinh bỉ trước những ý kiến lộn xộn đó.

Bây giờ Chúa thu hẹp những người được hỏi ý kiến từ đám đông xuống một nhóm nhỏ, từ số lượng xuống chất lượng. Ngài hỏi những linh hồn thông thái hơn, những thượng viện, ban cố vấn, nghị viện, quý tộc. Ngài hỏi họ: "Còn các anh, các anh bảo Thầy là ai?" (Mt 16,13). Các anh là ban cố vấn của thầy, là những kẻ theo thầy, không phải thiên hạ, nhưng chính các anh. Tuy nhiên, 12 tông đồ cũng không trả lời. Tại sao họ giữ im lặng? Có lẽ bởi vì nếu tất cả cùng nói, sẽ lại là lộn xộn không hơn gì đám đông. Giả dụ một tông đồ nói thay cho các bạn. Họ sẽ đặt nghi vấn ông ta lấy quyền năng ở đâu để nói? Cho nên không ai dám phát biểu nhân danh mình. Họ biết từ thâm tâm câu trả lời phải là sự thật tuyệt đối của Thiên Chúa, vậy nếu chỉ dựa trên ý kiến đa số thì không chắc gì là ý kiến của Thiên Chúa, do đó chưa chắc gì là sự thật tuyệt đối.

Trường hợp này thì ý kiến cá nhân cũng giống như ý kiến tập thể. Ý kiến của ban cố vấn cũng không hơn ý kiến của một thành viên. Xưa nay ở trên đời có mấy khi thiên hạ đồng ý được với nhau? Chỉ cần hai người đã có chia rẽ. Cho nên đường lối hay nhất là liên hiệp ý kiến. Sự liên hiệp phỏng đoán này giống như vòng xoắn của các quần đảo. Nó là những hòn đảo nhỏ tách rời nhau, chỉ có mặt nước là xoáy chung quanh chúng. Trong trường hợp các tông đồ mặt nước chung là không khí bí quan,

không kiếm được câu trả lời chính xác. Họ chỉ liên kết với nhau bằng các tên tưởng tượng: môn đệ Chúa, không có đại diện chính thức nói thay, không có lãnh đạo, không có quyền bính, chưa có thủ lãnh (vì Chúa chưa chỉ định ai). Cho nên chưa có đoàn kết thành một. Một thân thể không đầu là quái vật, dù là thân thể vật lý, chính trị hay tôn giáo.

Bỗng dung một người bước ra phía trước. Có lẽ do Thần linh thúc đẩy hơn là sáng kiến nhân loại. Ông ta luôn đứng đầu trong danh sách các tông đồ. Thực tế trong Tân ước tên ông được kể tới một trăm chín mươi lăm lần, trong khi tất cả các tông đồ khác gộp lại chỉ có một trăm ba mươi lần. Ông cũng là người duy nhất, ngoài Đức Chúa Cha, mà Chúa Giêsu kết hiệp mật thiết đến độ gọi chung tên "chúng ta". Sự kiện thứ ba về ông ta trong Phúc âm là Thiên Chúa đã đổi tên cho. Đây là lần đổi tên thứ ba trong lịch sử. Và như vậy bạn có thể đoán ra rằng với Abraham và Jacob, Thiên Chúa đã thêm điều gì đó mới và hoàn hảo cho qahal hay Ecclesia của Ngài. Tên cũ của vị tông đồ đó là Simon, con ông Giona. Một năm rưỡi trước đây khi gặp ông lần đầu tiên, Chúa nói: "Anh là Simon, con Giona, bây giờ anh sẽ được gọi là Cephas nghĩa là đá tảng. Như vậy Chúa Giêsu đã đổi tên cho ông từ Simon sang Cephas, Capha (Phêrô) đá tảng. Trong tiếng Anh chúng ta không có được ý nghĩa tế nhị của tên Phêrô. Bởi lẽ tên Phêrô khác với từ rock (tảng đá). Nhưng nguyên văn Aramic, ngôn ngữ mà Chúa Giêsu sử dụng lúc ấy, thì Cephas là tên mới cho Simon, môt mạc là tảng đá. Trong tiếng pháp tên Pierre vừa là tên một đàn ông vừa là khối đá.

Người Tông đồ đã được đổi tên là khối đá đứng ra, không phải do các bạn hữu Tông đồ khác thúc đẩy mà cũng không do trí thông minh của mình hơn kẻ khác, hoặc do bản thân biết rõ câu trả lời, mà do một luồng sáng mạc khải, luồng sáng biến ông ở vị trí đầu tiên trong nhân loại cho đến muôn thuở. Mạc khải thần linh đó đã cho ông câu trả lời chắc chắn và không sai lầm được: "Thầy là Đức Kitô Con Thiên Chúa hằng sống" (Mt 16,17).

Tông đồ Phêrô biết rõ Chúa Giêsu là ai. Chúa không phải là Gioan Tẩy Giả. Cũng không phải là Elia. Nhưng là Đấng người Do Thái và dân ngoại đợi trông hàng nhiều thế kỷ. Ngài là Emmanuel (Thiên Chúa ở cùng chúng ta), là Con Thiên Chúa hằng sống, là Đức Giêsu Kitô, Thiên Chúa thật và là người thật. Ở khoảnh khắc Tông đồ tuyên bố câu ấy, ông chắc chắn mình đã được ơn soi sáng, và Chúa Giêsu xác nhận, Phêrô biết điều ấy là do từ trời ban cho: "Này anh Simon, con ông Giona anh thật là người có phúc, vì không phải phàm nhân mạc khải cho anh điều ấy. Nhưng là Cha của Thầy, Đấng ngự trên trời" (Mt 16,18). Như vậy ở lúc này Simon, con cháu Abraham, người đã tỏ lộ sức mạnh của Thiên Chúa, và Jacob, kẻ biểu diễn sức mạnh của loài người, kết hiệp nơi mình sáng kiến mạnh dạn của lòng trí nhân loại, cộng tác với sự trợ giúp từ trời của Chúa Cha, được Thiên Chúa nhập thể, Đấng đã đổi tên cho ông, đặt làm thủ lãnh của cộng đồng tôn giáo mới và hoàn hảo hơn tức Giáo hội ngày nay, Israel mới, qahal của Chúa Kitô, Ecclesia thần thánh, với những lời sau đây: "Và phần anh, Ta nói với anh, anh là khối đá, trên khối đá này Ta sẽ xây dựng Hội Thánh của Ta, dù các cửa hỏa ngục cũng không thắng nổi. Ta sẽ ban cho anh chìa khóa Nước Trời, sự gì anh cầm buộc dưới đất trên trời cũng cầm buộc, sự gì anh cởi mở dưới đất trên trời cũng cởi mở" (Mt 16,17-19). Học giả ngày nay dịch từ qahal hay Ecclesia thành Hội Thánh. Như vậy Chúa Giêsu muốn nói: "Anh là Phêrô và trên khối đá này Ta sẽ xây Giáo Hội của Ta".

Xin hỏi ý kiến quý vị: Ngày nay trên thế giới nguy hiểm nào là lớn nhất? Theo thiên ý của tôi nguy hiểm lớn nhất nhân loại nên sợ hãi là chủ nghĩa độc đoán. Nó thể hiện dưới nhiều hình thức, chuyên chính, độc tài, chuyên quyền, quân phiệt, tài phiệt nhưng nói chung là uy quyền tuyệt đối của các chế độ chính trị, quân sự. Nó phá hủy mọi tự do của con người. Chủ nghĩa này nô lệ hóa người ta bằng ba cách: 1/ Khuất phục trí óc vào một học thuyết, hay hệ thống tư tưởng. 2/ Tạo nên sợ hãi thâm quyền chính phủ. 3/ Triệt tiêu tự do tư tưởng.

Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng ta, đã sống và lớn lên dưới một hệ thống độc đoán khắc nghiệt, biến toàn bộ đồng bào Ngài thành nô lệ chính trị. Cho nên khi thiết lập Giáo Hội, Thân mình mầu nhiệm của Ngài. Ngài đã có chủ ý biến nó thành pháo đài vững chắc chống lại mọi hình thức độc đoán. Những lời sau đây nói lên sự tương phản của hai ý thức hệ: "Anh em biết trong dân ngoại, những thủ lãnh thì dùng uy quyền mà thống trị dân, người làm lớn thì lấy vũ lực mà cai quản dân. Giữa anh em thì không được như vậy. Ai muốn làm lớn giữa anh em, thì phải làm người phục vụ anh em, và ai muốn làm đầu anh em thì phải làm đầy tớ anh em". (Mt 20,25-27). Chúng ta phải tạ ơn Chúa cứu chúng ta như những thành viên của Thân mình mầu nhiệm Ngài khỏi mọi đe dọa của chủ nghĩa độc đoán, Ngài thực hiện quan điểm đó trong ba đường lối: 1/ Trong Giáo Hội chúng ta không tuân phục một hệ thống tư tưởng mà là một người được Thiên Chúa chỉ định. 2/ Trong Hội Thánh căn bản của vâng phục không phải là sợ hãi, nhưng là tình yêu mến. 3/ Trong Giáo Hội tự do tư tưởng được cứu vãn khỏi tính thiên cận khi phải tìm cho biết mặt trái, mặt phải của một vấn đề.

1/ Trong chủ thuyết độc đoán chúng ta phải tuân phục một hệ thống tư tưởng nghĩa là mạng lưới phức tạp của các giáo điều, luật lệ, qui chế, mệnh lệnh, dị đoan, giả định những điều này hoàn toàn trừu tượng và vô ngời vị. Thí dụ: Biện chứng duy vật, đấu tranh giai cấp, lao động tư bản. Nhưng người Công giáo không ủng hộ một loại hệ thống chủ thuyết nào. Chúng ta khởi sự với một người, một nhân vật. Đó là Đức Giêsu Chúa Cứu Thế, Ngài kéo dài ngời vị của mình trong Thân thể Mầu nhiệm, chứ không phải trong hệ thống tư tưởng. Đức tin của chúng ta là sự gặp gỡ giữa hai ngời vị: Bạn và Chúa Giêsu. Như vậy không phải gắn bó với một điều trừu tượng hay học thuyết nào mà là sự hiệp thông với một nhân vật không lừa dối ai, và cũng không ai lừa dối được. Chủ nghĩa độc đoán khởi sự với một đảng phái. Chúng ta với Đức Kitô, Con Thiên Chúa hằng sống. Đáng đã tuyên bố: "Ta là chân lý" như vậy chân lý của đạo chúng ta là ngời vị, chứ không phải lý thuyết trừu tượng của các triết gia. Giống như tình yêu của một đứa trẻ đối với gia đình, nó không phải chỉ là các mệnh lệnh của cha mẹ, mà hơn thế nhiều. Tình yêu của chúng ta đối với Hội thánh có nội dung phong phú hơn là tổng số các sự thật diễn tả đức tin của chúng ta. Đức tin của người tín hữu trước hết và trên hết là Đức Giêsu Kitô, sống động trong Thân mình mầu nhiệm của Ngài. Sau đó là những công thức tin kính cụ thể. Nếu Ngài không mạc khải chúng, chúng ta không buộc phải tin. Nếu đánh mất Ngài, chúng ta đánh mất luôn các điều mình tin. Vậy trên hết là Đức Kitô, các điều khác phụ thuộc.

Cho nên không có giáo thuyết nào, luân lý nào, phụng vụ nào, tin kính nào bên ngoài Chúa Kitô, Ngài là đối tượng đức tin của chúng ta chứ không phải một học thuyết. Học thuyết chỉ ví như chiếc nhẫn cưới mà một thanh niên trao cho cô dâu của mình. Nhân vị cô ta là thứ nhất, cái nhẫn là thứ hai trong câu chuyện tình yêu của hấn. Hấn yêu cô ta trước, cái nhẫn là bằng chứng, dấu chỉ. Cũng vậy,

đối với chúng ta chẳng có chi đáng tin ngoài Chúa Kitô trong Thân thể màu nhiệm của Ngài. Nếu chúng ta không tin Đức Kitô là Thiên Chúa, nhưng chỉ là một nhân vật tốt, sống cách đây hơn hai nghìn năm, thì chúng ta chẳng bao giờ tin vào Phép Thánh Thể hay màu nhiệm Ba Ngôi. Nếu chúng ta tin rằng tất cả mọi sự Chúa Giêsu để lại là một vài trang giấy tiểu sử mà các thư ký của Ngài viết mấy chục năm sau cái chết của Ngài thì chúng ta chẳng tin vào sự thứ tha tội lỗi. Nhưng bởi vì chúng ta biết rằng Chúa Giêsu đã một lần dạy dỗ, trị vì và thánh hóa qua một thân xác sinh bởi cung lòng Đức nữ đồng trinh Maria, rợp bóng bởi Chúa Thánh Linh, thì nay vẫn sống, cai trị và thánh hóa qua thân thể màu nhiệm, lấy từ cung lòng nhân loại được Thần khí Chúa rợp bóng, cho nên chúng ta chấp nhận mọi lời Ngài, không những do các môn đệ Ngài viết ra mà cả ký ức hay truyền thống của hai nghìn năm qua. Chúng ta không muốn một cơ chế nào đứng làm trung gian giữa chúng ta và Chúa Giêsu Kitô. Thân thể màu nhiệm Chúa không đứng giữa chúng ta và Ngài, cũng như thân xác tôi không đứng giữa tôi và thủ cấp hữu hình của tôi hoặc giữa tôi và trí óc vô hình của tôi, chúng là một. Một nghìn sáu trăm năm trước đây thánh Augustinô đã gọi Thân mình màu nhiệm Chúa Giêsu hay Hội Thánh là Đức Kitô toàn thể (totus Christus). Nhờ đức tin của bạn vào ngôi vị Đức Kitô sống động, Đấng vĩnh cửu trong thời gian mà thế giới có hy vọng chống lại chủ nghĩa độc đoán tàn bạo.

2/ Hội Thánh, Thân Thể Màu Nhiệm Chúa Kitô cứu chữa chúng ta khỏi chủ thuyết độc đoán cùng với hệ thống cảnh sát đàn áp và tuyên truyền dối trá, vì căn bản của đức tin là tình yêu chứ không phải sợ hãi. Chuyên chính bao giờ cũng là một hệ thống, một guồng máy luôn sản sinh khiếp sợ. Chúng ta khởi sự với Chúa Kitô, một ngôi vị trong Thân mình màu nhiệm của Ngài, nên Chúng ta tin kính với lòng mến yêu chứ không qua sợ hãi. Người ta chẳng thể nào yêu mến hệ thống duy vật biện chứng, thế giới đại đồng hay nhân bản thực tiễn. Nhưng người ta chỉ yêu mến một người, một nhân vật mà thôi. Cho nên có một sự gắn bó thiết yếu về tình yêu giữa ngôi vị Đấng tạo hóa và ngôi vị thụ tạo của chúng ta. Tình yêu này không tách rời nhau được, đến nỗi Chúa Giêsu đã không trao cho Phêrô quyền bính điều khiển và cai trị Hội Thánh cho đến lúc Phêrô tuyên xưng ba lần yêu mến Thầy trên hết mọi sự.

Sự tùng phục Chúa Giêsu trong Hội Thánh của chúng ta giống như sự tuân phục đầy yêu thương mà chúng ta tỏ ra với người bạn tốt nhất, khôn ngoan nhất và nhiều tuổi nhất hay của những đứa trẻ ngoan ngoãn đối với cha mẹ chúng. Chúng ta không cảm thấy một khoảng cách nào giữa mình được giáo dục và Hội Thánh dạy bảo. Nó tựa như các học sinh càng tiếp thu kiến thức của thầy giáo, càng cảm thấy gần gũi thầy hơn, khoảng cách giữa thầy trò dần dần được thu hẹp lại, cho đến khi họ trở nên bạn hữu, bởi lẽ cả hai đều yêu mến sự thật chung. Chúng ta càng thấu hiểu Chúa và tùng phục chân lý Thân mình màu nhiệm của Ngài biểu lộ, chúng ta càng thấy nhẹ nhõm, không bị căng thẳng dưới "ách" của Ngài nữa. Khi chân lý của Ngài trở thành chân lý của chúng ta, thì lúc ấy chúng ta yêu mến Ngài hơn. Ngược lại, càng tách khỏi sự thật Ngài dạy dỗ trong Thân mình màu nhiệm của Ngài chúng ta càng xa lánh tương giao bạn hữu với Ngài, với Thánh kinh của Ngài và với những vật dụng thờ phượng. Tôi không thể tưởng tượng được còn chi lạnh giá hơn, nô lệ hơn, tê liệt hơn cho lý trí con người, và hủy hoại tự do của con người hơn là hai từ "thiên hạ" mà triệu triệu người trên mặt đất thờ lạy. Nó là một thẩm quyền tuy vô danh nhưng độc đoán kinh khủng. "Thiên hạ nói, thiên hạ bảo rằng" là một quyền lực ghê gớm. Năm nay thiên hạ sẽ yêu thích màu xanh thủy quân, thiên hạ

bảo rằng người công giáo tôn thờ đức Maria, thiên hạ nói Freud có giá trị. Thiên hạ đó là ai? Vô vàn sinh linh hàng ngày cúi lạy trước bạo chúa, độc tài, vô hình "thiên hạ". Cho nên chẳng lạ gì thế giới nảy sinh các thủ lĩnh cực kỳ chuyên chính để cụ thể hóa huyền thoại "thiên hạ", một hình thức nô lệ quá u độc ác cho nhân loại. Nhưng chúng ta biết chúng ta tin tưởng vào ai? Vào Đức Giêsu Kitô đang sống động trong Thân mình màu nhiệm của Ngài, tức Hội Thánh đầu yêu.

3/ Hội Thánh, thân mình màu nhiệm Chúa Kitô cứu chúng ta khỏi chủ nghĩa chuyên chính, bởi nó tặng ban không phải tự do khỏi tư tưởng mà là tự do để suy nghĩ. Trong lịch sử Satan đã khuyến dụ được nhiều đồ đệ không chấp nhận thẩm quyền của Chúa Kitô. Bởi lẽ nhận như vậy làm cho lý trí héo hắt đi. Nó dạy rằng bất cứ giới hạn nào đặt cho lý trí đều vì mục tiêu ám muội. Trong vườn địa đàng nó nói với ông bà nguyên tổ rằng không biết sự dữ dưới bất cứ hình thức nào của lý trí như hiện sinh, duy vật hay của thân xác như ho lao, ung thư, là phá hủy tự do. Cho nên nó dụ dỗ ông bà: "Mục tiêu của Thiên Chúa là ngăn cản tự do khảo sát. Ngài muốn nhân loại sống trong u tối, dốt nát. Đừng ngu xuẩn. Ngài là một gã già cổ lỗ và phản động. Nên khôn khéo giành lấy tự do". Như vậy Satan đã khéo vẽ lên một Thiên Chúa đối nghịch với sự thật và tự do tìm tòi. Cũng trong lối nguy hiểm như vậy người ta bảo rằng ông bố từ chối tự do của con cái khi không cho chúng đùa nghịch với xì ke, ma túy, bạn bè xấu nét, hoặc cho đứa trẻ năm tuổi chơi súng đạn!

Cái sai lầm của quý sứ và các đồ đệ nằm ở chỗ họ coi lòng trung thành và tình yêu là kim hãm trí khôn phát triển. Đối với họ tiếp tục trung tín với bạn trăm năm, với xóm làng, với tổ quốc, với lý tưởng cao đẹp là dấu chỉ của kiếp nô lệ, của thiếu vắng tự do!

Tuy nhiên, có một lãnh vực mà xem ra Giáo Hội giới hạn tự do của lý trí và cũng là con đường mà mọi thứ luân lý đều hạn chế tự do. Đó là, trước khi đến trường tôi được tự do tin rằng kịch gia Shakespeare sinh năm 1224. Nhưng sau khi được trường học dạy dỗ tôi phải vất bỏ thứ tự do sai quấy ấy mà tin rằng ông ta thực sự sinh năm 1564. Cũng vậy, trước khi đi học tôi được tự do tin rằng ký hiệu H₂O là chữ đầu của một tổ chức gián điệp. Nhưng sau khi đến học đường "phản động" tôi phải ngưng tự do suy nghĩ kiểu đó và bắt đầu định ninh rằng đó là ký hiệu của nước sạch mà tôi uống hàng ngày.

Cho nên tự do không phải là giải phóng khỏi sự thật, nhưng là chấp nhận sự thật. Tôi được tự do vẽ hình tam giác chỉ với điều kiện tôi chấp nhận sự thật về tam giác. Nó có ba cạnh, chứ không phải của trí khôn phóng khoáng cho nó ba mươi ba cạnh. Đó là điều mà Chúa chúng ta ám chỉ khi tuyên bố: "Sự thật sẽ cho chúng con được tự do" (Ga 8, 32).

Chương 5

ĐỜI SỐNG ĐỨC TIN VÀ CUỘC CHIẾN ĐẤU LIÊN LÝ

Ngang qua vũ trụ có một qui luật bất biến, nếu không chiến đấu người ta chẳng bao giờ được đội triều thiên vinh hiển. Những người nhút nhát không dám vật lộn với cuộc đời thì không có hào quang. Tảng băng trôi lênh bênh trong nước lạnh ở bắc cực không lôi kéo chú ý của ai cả. Nhưng nếu nó trôi giạt trong dòng nước ấm mà vẫn không tan chảy thì làm cho mọi người kinh ngạc và thán phục. Nếu lại còn làm như vậy vì chủ ý thì người ta coi nó có một cá tính.

Đường lối duy nhất để minh chứng tình yêu là hành động chọn lựa, lời nói xuông chẳng đủ. Do đó, cái thử thách nguyên thủy của Adam, cũng áp dụng cho mọi người. Ngay cả thiên thần cũng phải chịu thử thách. Đá lạnh chẳng xứng đáng ca ngợi vì lạnh, lửa nóng cũng vậy, đâu có ai khen nó vì nóng? Nhưng chỉ những ai đủ can đảm làm việc lựa chọn mới xứng đáng được ca ngợi vì hành động của mình, chỉ qua những cám dỗ và thử thách của nó mà chiều sâu tính nết được biểu lộ. Kinh Thánh nói: "Phúc thay người biết kiên trì chịu đựng cơn thử thách, vì một khi đã được tôi luyện, họ sẽ lãnh phần thưởng là sự sống Chúa đã hứa ban cho những ai yêu mến Người" (Gc 1,12). Người ta chỉ thấy sức kháng cự của linh hồn mạnh nhất khi bị quỷ dữ tấn công cao độ. Sự có mặt của cám dỗ không nhất thiết ám chỉ kẻ bị cám dỗ chẳng hoàn thiện. Chúa chúng ta chẳng khi nào cám dỗ ai, cám dỗ là do khuynh hướng nội tại của con người thiên về sự dữ, mà mọi người đều có. Tuy nhiên khuynh hướng không luôn là điều kiện cần thiết để chịu tấn công. Cám dỗ của Chúa Giêsu hoàn toàn đến từ bên ngoài, chứ không từ bên trong. Chúng ta nhiều khi cũng vậy. Điều chính xác xảy ra trong các cơn cám dỗ của Chúa Giêsu không phải sự hư hỏng của bản tính, mà loài người chúng ta phải chịu đựng. Nhưng là do lời qui sứ kêu gọi Ngài bác bỏ sứ mệnh thiêng liêng và chương trình thiên sai của mình. Cám dỗ đến từ bên ngoài không nhất thiết làm cho cá tính yếu đi, ngược lại, khi chiến thắng, nó tăng cường khả năng trở nên thánh thiện hơn.

Chúng ta có thể dễ dàng phân tích các cám dỗ nhân loại. Bởi lẽ nó luôn rơi vào một trong ba loại. Một, thuộc xác thịt như đam mê ăn uống, dâm dục. Hai, thuộc trí khôn như kiêu ngạo, ghen tương. Ba, thuộc tình yêu ngẫu tượng như tham lam, say mê tiền tài vật chất. Suốt cuộc sống con người bị bầm dập bởi những cám dỗ này. Nhưng tùy theo tuổi tác mà cường độ của chúng có thay đổi. Ở tuổi thanh xuân, cám dỗ thường xuyên là xác thịt, chống lại thanh sạch và khuynh hướng phạm tội dâm ô. Tuổi trung niên, xác thịt bắt đầu tàn lụi và cám dỗ chuyển sang phần tâm trí. Người ta khởi sự thống trị, thí dụ kiêu ngạo và thèm khát quyền lực. Về mùa thu của cuộc đời, cám dỗ hà tiện bắt đầu nổi lên và khẳng định mình. Cảm thấy rằng kết thúc cuộc đời đã đến gần, nên người ta cố gắng xua đuổi nghi ngờ về an toàn đời đời tức sự cứu rỗi, bằng cách tích lũy của cải vật chất và an ninh kinh tế. Kinh nghiệm thường thức cho hay, những ai sống buông thả xác thịt ở thuở trẻ, thì cũng tham lam ở tuổi già.

Những linh hồn tốt lành bị cám dỗ khác với hạng phạm phụ tục tử. Và Con Thiên Chúa, Đấng đã trở thành người, không bị cám dỗ giống người phạm ngay cả các linh hồn thánh thiện. Cơn cám dỗ của kẻ say sưa "trở về với nôn mưa của hấn" như Kinh Thánh gọi, thì không giống cám dỗ của các thánh về kiêu ngạo. Mặc dầu cả hai đều rất thực. Chúng ta có khuynh hướng nghiêng về sự dữ, cho nên cần hãm mình, hy sinh, từ bỏ, để lôi mình ra khỏi "các cớ đại", ngõ hầu cuộc sống thiêng liêng có thể phát triển.

Chính thiên nhiên cũng giải bày nhu cầu hy sinh hãm mình. Ngoài tiến trình vươn lên của sự sống thì còn tiến trình phân hủy, giống như sự co lại của các kim khí. Thí dụ thanh sắt nung nóng lên thì nở ra, khi nguội đi thì co lại, sự sống không những cần nuôi dưỡng mình, nhưng còn trở nên đồ ăn thức uống nuôi dưỡng các hình thức sống khác nữa. Luật này tìm thấy khắp nơi trong tạo vật. Thực vật không những tiêu thụ khinh khí, dưỡng khí, ánh sáng mặt trời, nước, để duy trì sự sống nhưng nó cũng là thức ăn cho trâu bò, dê cừu. Đến lượt mình trâu bò, dê cừu sau khi nuôi dưỡng mình bằng cỏ ngoài đồng thì lại trở nên thức ăn cho loài người, hiển sự sống mình cho loài người được sống. Và khi đã được dưỡng nuôi ở dưới thế, con người phải hy sinh vì nước trời. Nếu định luật này không tồn tại thì mọi sự sống trên địa cầu chấm dứt ngay. Nếu như thế giới vô cơ ích kỷ từ chối không cho cây cỏ ăn, nếu bầu trời từ chối không tưới mưa cho cây cối. Mọi cây cối trên trái đất sẽ chết, nếu cây cối ích kỷ không làm thức ăn cho động vật ngoài đồng, nếu mọi hạt giống ích kỷ không làm thức ăn cho chim chóc, nếu biển cả từ chối không nuôi nấng tôm cá, thì mọi đời sống động vật biển khỏi mặt đất này. Nếu loài vô cơ và súc vật cũng như thực vật không cống hiến cho người ta năng lực và sự sống của mình. Con người sẽ chết, bị xóa sạch khỏi hành tinh nhỏ bé này. Nói cách khác sự sống không những bành trướng bằng cách lớn lên, nhưng cũng phải chết đi theo luật co rút, để cống hiến mình cho bậc sống cao hơn. Toàn thể vũ trụ sẽ là thiên đường, nếu mọi sự, mọi vật trong đó biết hy sinh, dâng hiến sự sống mình vì lợi ích chung.

Nhưng lợi ích nào của các hy sinh? Thứ nhất, liệu hợp lý không khi sự sống chỉ tồn tại vì sự sống khác? Chúng ta trả lời câu hỏi này bằng nghi vấn khác. Liệu thực vật có sự sống trong chính mình? Liệu động vật tự mình có đời sống hoàn hảo? Liệu sự kiện thực vật, động vật và người ta cần thức ăn nuôi dưỡng, chứng minh rằng: Chúng không có cuộc đời hoàn hảo, nhưng phải lệ thuộc vào một đời sống khác? Đúng ra, chỉ Tạo Hóa mới có đời sống đầy đủ. Nếu chẳng tạo vật nào có sự sống hoàn hảo cả, và duy chỉ Thiên Chúa có mà thôi. Thì chúng ta không thể phủ nhận sự thật là đời sống bất toàn không có quyền sống cho chính mình, mà phải hy sinh vì lợi ích chung. Nếu chúng ta công nhận quyền được sống ích kỷ thì cũng phải công nhận quyền ấy trong các bậc sống thấp hơn. Do đó liệu chúng ta dám từ chối tính lệ thuộc hỗ tương của các hiện hữu sống động? Thật là chính đáng, nếu loài vật nuôi dưỡng trong sự hy sinh của loài vật khác, rồi đến lượt mình, hy sinh cho cấp sống cao hơn. Nói cách khác, thật chính đáng nếu loài này tiêu thụ loài kia để rồi mình lại bị loài khác tiêu thụ. Nếu chúng hiển tế kẻ khác thì chúng cũng phải sẵn sàng để bị hiển tế. Nhận rồi lại cho đi, mới theo đúng luật lệ Thiên Chúa thiết lập cho vũ trụ này.

Vậy thì đâu là lợi ích và mục tiêu của tất cả những tiến trình? Thiên Chúa áp đặt luật lệ tự hiến tế lên vũ trụ này làm chi? Nếu chúng ta suy nghĩ kỹ thì nhận ra đây là chương trình lạ lùng nhất của Ngài. Chương trình an bài mỗi cấp bậc sống được Ngài quan phòng cho một bậc sống cao hơn. Thế giới vô cơ như không khí, ánh sáng mặt trời, các khí khác sẽ chẳng bao giờ có sự sống nếu không đi vào cây cỏ, hay vương quốc thực vật nói chung. Cây cỏ không phá hủy chúng, không làm cho chúng hết hiện hữu, cũng chẳng lấy đi phẩm giá hay vai trò nào của các chất vô cơ đó. Nhưng ban thêm cho chúng cái gì mới, đó là sự sống vương quốc thực vật cao thượng hóa thế giới vô cơ bằng cách kết nạp nó vào đời sống của mình, cho nó chia sẻ niềm vui sự sống mà trước kia nó chẳng hề có. Thế

giới thực vật ban cho thế giới vô cơ những luật lệ mới, qui tắc mới của cuộc sống thực vật. Nói cách khác, vương quốc thực vật đã nâng cao vương quốc vô cơ lên một bậc.

Cũng vậy, cùng một tiến trình áp dụng cho thế giới thực vật bước lên đời sống động vật. Giống như các chất vô cơ phải hy sinh chính mình để làm chất dinh dưỡng cho cây cối và bước vào thế giới thực vật thì thực vật cũng phải tự hủy để nuôi sống động vật và như vậy được nâng cao lên cấp bậc động vật. Rau cỏ, cây cối phải được nhổ rễ lên khỏi cánh đồng màu mỡ để làm thức ăn cho trâu bò, heo gà. Chúng bị nghiền nát nơi răng, nơi dạ dày thú vật để làm chất dinh dưỡng cho động vật và từ đây bước lên bậc sống cao hơn, gia nhập vương quốc động vật. Tuy nhiên làm như vậy thực vật không mất phẩm giá của mình như là cây cỏ, nếu không nó không thể nuôi dưỡng động vật. Điều xảy ra là lúc này có những luật lệ và qui tắc khác điều khiển nó ngõ hầu đạt chủ đích mới, tức sắp xếp thành các cơ quan mới. Nói gọn lại, cây cỏ lúc này có hình thức sống cao hơn, tức động vật.

Nhưng cái chi có thể nâng tồn tại của con người lên cao thượng hơn? Liệu có mục tiêu nào đó để con người hi sinh tính mạng ngõ hầu đạt mục tiêu cao thượng hóa, bước lên mức tồn tại cao hơn? Giả dụ như không có, thì thế giới này quả là một nơi khủng khiếp. Lúc ấy chúng ta sẽ chẳng có quyền quyết đoán có mức sống nào cao hơn con người? Nhiên liệu, bông hồng cũng không có quyền nói rằng có chi sống cao hơn nó. Giả dụ tiến trình của vũ trụ chấm dứt nơi con người, thì phải chấp nhận cây cỏ sẽ ở trên con người, bởi lẽ nó tiếp tục tồn tại cách cao thượng nơi động vật. Và động vật cũng hơn con người, bởi sự tồn tại của nó phong phú hơn nơi con người. Nhưng con người thì lại chẳng tồn tại nơi đâu cao thượng hơn mình. Rõ ràng là điều phi lý. Cho nên, phải có một trật tự nào cao hơn sự sống của con người để rằng con người có thể tiến vào. Đó là trật tự siêu nhiên, nghĩa là phải có hình thức sự sống khác hoàn hảo hơn hình thức hiện tại, cao thượng gấp trăm hình thức vô cơ, cây cỏ và súc vật để con người thỏa mãn ước vọng của mình. Hình thức sự sống mới đó là gì?

Xin thưa, là đời sống của Thiên Chúa Ba Ngôi, một đời sống vô cùng cách xa và cao thượng hơn con người. Chúng ta đã khảo sát các tiến trình khác nhau của tạo vật tham dự vào đời sống cao hơn mình. Nhưng khi suy gẫm về mầu nhiệm ấn dấu trong Thiên Chúa từ thuở đời đời "Tức con người được nâng lên để chia sẻ bản tính Thiên Chúa". Thì trong công trình tạo dựng không có chi giống như vậy. Chúng ta được phép nhìn lại vài thí dụ loại suy yếu ớt trong các tạo vật đã nói đến ở trên. Còn đời sống thần linh của Thiên Chúa, tạo vật đến muôn đời bị loại trừ, ngay cả các thiên thần. Nhưng Thiên Chúa đã thông ban đời sống quý báu này cho các thụ tạo thông minh một cách tự do và nhưng không. Ngài có thể thực hiện điều lạ lùng này bằng nhiều đường lối khác nhau. Nhưng Ngài đã mạc khải đường hướng Ngài chọn. Là trở nên Đáng chia sẻ nhân tính của chúng ta, ngõ hầu chúng ta được thông hiệp với bản tính của Ngài. Đức Kitô Giêsu Chúa chúng ta là chiếc cầu nối kết nhân loại với bản tính Thiên Chúa. Bởi vì Ngài mang bản tính loài người về mọi sự, ngoại trừ tội lỗi. Bởi vì Ngài có bản tính Thiên Chúa hợp nhất với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, nên Ngài là Thiên Chúa. Cái yếu tố định hình chung giữa chúng ta và Ngài là bản tính nhân loại nơi Ngài, cho nên nó là mối dây nối kết chúng ta với đời sống Thiên Chúa Ba Ngôi.

Bây giờ nếu chúng ta muốn sống đời cao hơn, nếu chúng ta muốn tháp nhập vào Thiên Chúa, nếu chúng ta muốn nâng cao đời sống mình, thì bằng phương tiện nào đó, chúng ta phải thâm nhập đời sống thần linh của Thiên Chúa. Chúng ta phải nên một với Ngài, nếu muốn chia sẻ sự sống của Ngài. Nhưng điều chi đã gọi hứng cho luật chết đi để được sống cao hơn? Năng lực màu nhiệm nào thúc đẩy Ngôi Lời Nhập Thể, biến sự chết của mỗi người thành viên đá quá độ đến đời sống siêu nhiên? Đó là tình yêu, tình yêu đã gọi hứng cho tất cả mọi hy sinh. Và tình yêu chính danh không phải là khao khát chiếm hữu, sở hữu, có được - đây là ích kỷ - mà mong ước bị chiếm hữu, bị sở hữu, bị có. Nó hy sinh bản thân vì người khác. Biểu tượng của tình yêu thế gian là một vòng tròn, liên tục xoay quanh mình bởi cái tôi, luôn luôn suy nghĩ về cái tôi. Biểu tượng của tình yêu như Chúa Giêsu mạc khải, là cây thập giá. Nó giang tay đến tận đời đời, ôm ấp mọi linh hồn vào vòng tay mình. Tình yêu tội lỗi của thế gian có mẫu mực là ông Giuđa trong đêm phản bội: "Các ông cho tôi bao nhiêu tiền tôi sẽ nộp hấn cho các ông". Tình yêu chân thật có hình tượng nơi Chúa Giêsu vài giờ sau đó, khi Ngài nghĩ đến các Tông đồ và bảo quân dữ, các bạn của Giuđa kẻ ôm hôn Ngài giả dối: "Vậy nếu các anh tìm bắt ta, thì để cho các người này đi".

Tình yêu, như vậy, là ban tặng bản thân và bao lâu chúng ta còn thân xác, còn hướng đến ơn cứu độ thì nó luôn đồng nghĩa với hy sinh trong truyền thống công giáo của từ đó. Tình yêu hy sinh một cách tự nhiên như mắt xem tai nghe. Đó là lý do chúng ta nói tới tên nhọn, lao phóng của tình yêu. Nghĩa là cái chi đó làm người ta bị thương, chú rể khi yêu cô dâu của mình thì ban tặng nàng chiếc nhẫn bằng vàng, bạch kim chứ không bằng đồng, sắt. Bởi lẽ vàng, bạch kim đắt giá, phải trả bằng giá cao hy sinh. Người mẹ ngồi canh đứa con đau yếu suốt đêm, không gọi nó là nhọc nhằn, mà là tình yêu. Nếu ngày nào đó các ông chồng quên tình yêu đồng nghĩa với hy sinh, ngày ấy họ sẽ cho vợ là giống vật quái gở, ích kỷ đòi đóng góp tiền bạc trong hình thức những bó hoa xinh đẹp, hoặc là mũ bà chằng hà tiện, bắt mua vàng mua bạc dưới nhãn hiệu nhẫn hôn phối. Cũng vậy họ sẽ bụng bảo dạ Thiên Chúa là cái giống gì ác độc, luôn đòi hỏi hy sinh, hãm mình. Ngược lại, nếu tôi cho rằng Thiên Chúa quá yêu nhân loại, đến nỗi gọi con Ngài xuống trần để cứu chuộc loài người, là điều quá hợp lý, và nếu tôi tìm ra một người cha hy sinh mạng sống mình vì đứa con yêu, thì tôi biết chắc rằng Con Thiên Chúa thí mạng sống mình vì bạn hữu là điều chấp nhận được: Bởi vì "chẳng có tình yêu nào lớn hơn tình yêu của người phó mạng sống vì bạn hữu".

Sự so sánh như vậy thật bất toàn. Bởi vì Chúa chúng ta làm nhiều hơn là chỉ theo luật lệ thiên nhiên. Tình yêu của Ngài quá lớn lao. Việc hạ mình, hy sinh của Ngài quá vĩ đại, đến nỗi mọi cố gắng để so sánh theo kiểu trí khôn loài người đều xa sự thật muôn trùng. Nếu như mọi tình nhân đều cố gắng trở nên giống người mình yêu, thì tôi không lấy làm ngạc nhiên khi thấy ai đó dâng hiến mạng sống mình vì Thiên Chúa, và những ai nên giống Ngài đến độ mang nơi thân thể mình những dấu thánh của cuộc khổ nạn Chúa Giêsu. Tình yêu là nguyên lý cho hết mọi cuộc hiến tế. Vậy thì những người yêu cuộc đời hoàn hảo trong Chúa Kitô sẽ chết đi cho chính mình. Việc chết đi này, việc thuần hóa các chi thể mình như vô vận các con thú hoang dã, việc in dấu thánh giá trên thân xác mình này, được gọi là khổ chế. Như vậy Chúa Giêsu không ra luật nào mới khi nói chúng ta phải rơi xuống đất và chết đi như hạt lúa. Ngài chỉ đơn giản công bố lại kinh nghiệm chúng ta đã trải qua ngàn vạn lần

trong cuộc sống, nhưng chưa học áp dụng nó trong mọi góc ngách của vũ trụ. Đặc biệt những tình huống mà linh hồn chúng ta cần thiết nhất.

Tình yêu, bởi nó gây cảm hứng hy sinh, cho nên đối với quan điểm thế gian, là ngu xuẩn. Chẳng ai thấu hiểu người đang yêu hơn chính họ. Họ sống trong một thế giới riêng biệt. Họ hít thở ở bầu không khí khác. Họ thực hiện những điều bất ngờ, không thực, nghịch lý, và ngay cả ngu muội. Đó là luật lệ của tình yêu. Tình yêu hiểu ngầm hy sinh và hy sinh xem ra là đại đột đối với thế gian. Nếu như hiểu tình yêu là vậy, tương đương với hy sinh, khổ chế, hãm mình. Thì mọi hy sinh là ngu xuẩn theo quan điểm thế gian. Đức Giêsu Kitô bước lên thập tự là kẻ ngu dại nhất hoàn cầu, dưới mắt thế gian. Ngài là kẻ thất bại lớn nhất lịch sử. Theo tiêu chuẩn lượng giá của loài người, Chúa chịu đựng một thất bại chưa từng thấy. Trước hết, không giữ được các bạn hữu trung thành. Phêrô tông đồ cả chối bỏ Ngài trước một cô hầu gái của thầy thượng phẩm. Gioan ngã mình vào lòng Ngài trong bữa tiệc ly giữ im lặng khi thầy bị kết án. Giuđa, một trong mười hai quan tòa xét xử Israel mà Ngài chọn lên, bán đứng Ngài với 30 đồng bạc. Trong 4 phiên xử, trước 4 thẩm phán, Ngài chẳng có lấy một nhân chứng ủng hộ mình. Ngài chẳng giữ nổi các bạn hữu. Phải chăng như vậy là bằng chứng tính không thành công trước cuộc đời?

Hơn nữa, nếu như Ngài là Thiên Chúa, tại sao không thắng nổi tình cảm của Philatô, khi hắn tuyên bố: "Ông không biết rằng ta có quyền tha ông sao?" Ngài có thể được tự do nếu Ngài về phe với viên thái thú toàn quyền Roma. Nhưng Ngài không làm như vậy. Cho nên, thế gian kêu rằng: "ngu xuẩn". Nếu như quyền năng vô cùng tại sao Ngài không đánh phạt cho chết hết đám binh lính đánh đòn và nhạo báng mình? Vậy thì đúng là

- "Ngu xuẩn", thế giới kêu to.

Nếu Ngài có khả năng làm cho các hòn đá trở thành con cái tổ phụ Abraham mà lại không tập hợp bạn bè lúc bị bắt giữ?

- "Ngu xuẩn" thế gian hô.

Nếu có thể làm một phép lạ trước mặt Hêrôđê để hắn tha mình, tại sao Ngài không làm?

- "Ngu xuẩn" thiên hạ kêu lên.

Nếu như Ngài nâng đỡ cả vũ trụ trong lòng bàn tay, tại sao lại để mình vấp ngã dưới sức nặng của cây thập tự?

- "Ngu xuẩn" thế giới la to.

Nếu tay Ngài có quyền phép phục hồi ánh sáng cho đôi mắt mù loà, âm thanh cho đôi tai điếc, thì tại sao cho phép đánh sắc thâu qua?

- "Ngu xuẩn" thế gian kết án.

Nếu Ngài có thể chứng minh thần tính của mình bằng cách leo xuống: "Hãy xuống khỏi thập tự và chúng tôi sẽ tin" Tại sao Ngài không làm theo lời họ, bước xuống khỏi cây gỗ như bước xuống ngai vàng?

- "Ngu xuẩn" thế giới cùng hô.

Nếu như một lãnh tụ kích động quần chúng có lẽ Ngài thành công rực rỡ. Nhưng như một Thượng Đế Ngài bị thiên hạ đóng đinh. Thánh giá là một sự điên rồ. Và Chúa Giêsu Kitô là một thất bại cay đắng. Đó là ý kiến của thế giới. Như vậy tất cả những ai yêu mến Chúa Kitô Đấng chịu đóng đinh phải biết chia sẻ cái ngu dại của Ngài. Định luật đau khổ không phân biệt giữa trò và thầy. Thế giới gán nhãn hiệu "khùng" cho tất cả những ai từ bỏ giàu sang, phú quý, bạn bè, thân thích, rượu chè, khoái lạc để gia nhập nhà dòng, tu viện. Đôi gấm vóc lụa là lấy áo thô vải nhặm và kỷ luật khắc khe. Thế giới sẽ gọi là "gã điên" những ai không đánh trả khi bị tấn công, không nguyên rủa khi bị chửi bới. Bởi lẽ làm như vậy không xứng đáng với sự điên dại của Thiên Chúa, Đấng từng tuyên bố: "Nếu người ta vả má bên phải các ngươi, thì đưa luôn má bên trái nữa". Thế gian sẽ chê là "ám đầu" bất cứ những ai kiên quyết tuân theo luật lệ cổ hủ, lỗi thời của Giáo Hội về thánh thiện hôn nhân và khước từ quan điểm đương thời truyền bá dâm ô phóng dãng. Thế giới sẽ khinh khi những ai treo mình trên thập tự hy sinh khi hẳn có cơ may trèo xuống chơi ván xóc đĩa với các quân lính La mã để thắng bộ y phục của Chúa Kitô.

Đúng vậy, nhưng "sự ngu dại của Thiên Chúa còn hơn khôn ngoan loài người" và "sự khôn ngoan của thế gian này làm sao sánh được với ngu dại của Thiên Chúa?". Nhưng chỉ trong quan điểm của thế gian, mà chúng ta là những kẻ "ngu xuẩn", tựa như Thầy mình dại dột trước Hêrôđê! Hay như lời thánh Phaolô: "Vì Chúa Kitô chúng ta là những kẻ điên dại". Ý niệm chung không làm ai trở thành người điên, quan điểm chung là hợp lý, tốt đẹp. Nhưng nó không khuyên ai leo núi để chịu vất vả, cũng chẳng ném ai xuống biển. Ý kiến chung là không bạo động, vậy mà "Nước trời phải cướp lấy bằng sức mạnh, và những kẻ nào mạnh mẽ mới được vào". Ý kiến chung không bảo ai phải thí mạng sống mình. Nhưng Chúa nói: "Ai mất mạng sống mình vì Thầy và vì Phúc âm, sẽ tìm lại được nó". Đôi khi đời sống chỉ được cứu khi bước vào nguy hiểm, liều chết trong gang tấc, nhảy xuống vực thẳm (như cháy nhà chẳng hạn). Nhưng quan điểm chung không khuyên ai làm một bước nhảy nguy hiểm. Đôi lần binh sĩ phải mở đường máu qua vòng vây quân thù. Nhưng lúc ấy phải liều chết. Ý kiến chung chẳng bao giờ khuyên người ta quyết định liều lĩnh như vậy. Để vào nước trời đôi khi người ta phải móc mắt bỏ đi. Nhưng ý kiến chung không ai làm như vậy. Quan điểm chung là người ta chết vì bắt buộc phải chết. Nhưng tình yêu khiến người ta chết để được sống. Và cũng luân lý đó mà tình yêu Chúa Kitô, Đấng chịu đóng đinh, đã sản xuất ra thượng trí khôn ngoan của thiên đàng ở cái giá "ngu dại" trước mặt người đời. Nó làm cho người ta từ bỏ sự sống mình, để được lại đời sau, làm cho người ta bán hết gia tài để mua viên ngọc quý, làm cho người ta ném thế giới đi như đồ vật vĩnh, cưỡi vào mặt thần chết và phát biểu như một vị thánh tân thời nói: "Tôi chẳng cần tuân phục để

chết, nhưng cần để sống". Điều này không có nghĩa Tin Mừng của Chúa Giêsu là Phúc âm của khổ đau.

Xin suy nghĩ kỹ những dòng sau đây của Đức Hồng Y Newman: "Quan điểm cuộc đời này để hưởng thụ khoái lạc và hạnh phúc mang nặng tính nông cạn. Đối với những ai nhìn kỹ bên dưới bề mặt của sự việc thì dễ dàng nhận ra câu truyện khác hẳn. Một cách sâu sắc hơn nhiều, học thuyết thánh giá cũng dạy cùng một bài học mà thế gian dạy cho những ai sống lâu và có nhiều kinh nghiệm sống, thấu hiểu về đau khổ. Thế gian này chỉ ngọt ngào ngoài miệng, trong lòng đầy đắng đót, chua cay. Nó làm cho chúng ta đầu tiên là hài lòng, nhưng cuối cùng không được vậy. Bề ngoài coi nó vui vẻ trẻ đẹp, nhưng bên trong toàn xấu xa, khổ ải! Khi người ta sống đủ lâu, họ sẽ la to lên với sách giảng viên: "Phù vân, mọi sự thay đều phù vân". Nếu không được tôn giáo hướng dẫn, họ buộc phải đi xa hơn và nói:

Mọi sự thay là phù vân, là lao tâm khổ tứ, là thất vọng, là buồn sâu, là khổ đau." Sự phán xét nghiêm ngặt của Thiên Chúa về tội lỗi con người ta, đã nằm sẵn trong thế giới này rồi. Nó bắt buộc người ta phải khóc than đau đớn dù muốn hay không. Vậy thì thánh giá Chúa Kitô đã dạy chúng ta ném trước cái kinh nghiệm thâm sâu ấy của thế giới... Phúc âm ngăn cản chúng ta nhìn nó cách hời hợt, mà tìm những vui thú chóng qua trong sự vật. Nó cấm chúng ta tìm kiếm vui sướng tức thời, để ban cho chúng ta niềm vui trong sự thật và viên mãn đời sau. Nó khước từ chúng ta thỏa mãn ban đầu và nói rằng nếu bạn khởi sự bằng vui sướng, bạn sẽ kết thúc trong đau khổ. Nó khuyên chúng ta nên khởi sự với thánh giá Chúa Giêsu, và nơi thánh giá ấy chúng ta sẽ tìm thấy đầu tiên là khổ đau, nhưng sau đó là bình an và vui mừng nổi lên từ đau khổ đó. Thánh giá sẽ dẫn đưa chúng ta từ khóc than, hối cải, khiêm tốn đến cầu nguyện, ăn chay, đánh tội và phục sinh. Chúng ta sẽ than khóc vì tội lỗi, chịu đau khổ với Đức Kitô, nhưng sẽ được vui mừng và hạnh phúc lớn lao hơn các nỗi thống khổ cũ, lớn lao hơn những lời hứa của thế gian, mặc dù thế gian chẳng thể hiểu, chẳng thể tin được điều này. Nó còn chế nhạo ý niệm về chân lý ấy, bởi nó chưa hề ném thử. Có người còn cho là ngôn từ rỗng tuếch mà các tu sĩ nam nữ thấy tiện nên dùng, cố gắng tự thuyết phục về nội dung của nó. Và đem ra tuyên truyền cho người khác. Nhưng thực tế chẳng có chứng cứ nào cả, chẳng ai cảm nhận được ý nghĩa.... Nhưng sự thật là, chỉ kẻ nào khởi sự với thế giới vô hình mới hưởng được đầy đủ thế giới hữu hình, kẻ nào đầu tiên khước từ nó, mới thụ hưởng nó chân thật hơn. Kẻ nào trước hết, chay tịnh, rồi mới tận hưởng bữa tiệc linh đình. Kẻ nào học biết không lạm dụng nó, mới thừa hưởng sự giàu sang của nó. Và chỉ những ai coi nó như chiếc bóng của thế giới đang tới và vì vậy không ngần ngại khước từ nó, thì đạt được điều chân thật.

(Thập giá Chúa Kitô và thế giới)

Như vậy chủ đích của hãm mình không phải để hủy hoại tự do, nhưng kiện toàn nó: Tự do không có nghĩa muốn làm chi cũng được, nhưng có nghĩa làm điều xứng đáng. Người ta không tự do khi sống phóng túng, tăng cường ảnh hưởng của tội nguyên tổ. Hãm mình là bóc trần cái "bản ngã" ích kỷ và làm chúng ta tự do hơn để theo chân Chúa. Linh hồn càng tháo cởi được các xiềng xích buộc mình với các thói xấu thế gian, thì càng tự do hơn, càng trở về với chính mình. Như tên say sưa luôn bị ám

ảnh bởi rượu chè, thì các thánh luôn bị cái "bản ngã" thanh sạch chiếm cứ. Như thế có khả năng tất cả chúng ta đều trở nên thánh thiện hay thiêng liêng hóa như con cái Đức Chúa Trời, giống như viên đá sù sì có khả năng trở thành một pho tượng đẹp. Nhưng trước khi nó trở nên pho tượng nó cần được đục, đẽo gọt trong tay các nghệ sĩ tài hoa. Các nghệ sĩ này biết cách loại bỏ đi những phần thừa thãi của tính ích kỷ, ngõ hầu tỏ lộ ra hình ảnh xinh đẹp mới mẻ của Chúa Kitô.

Cho nên hy sinh hãm mình tự nó không phải là mục tiêu nhắm tới, nhưng là phương tiện cần thiết để đạt mục tiêu. Những ai tự thực hành kỷ luật như cốt yếu của tôn giáo, và sẵn sàng khước từ tạo vật của Thiên Chúa như sự dữ, thì luôn tỏ ra kiêu căng. Nhưng từ bỏ vật chất hiểu theo đúng nghĩa lãnh mạnh là phương tiện duy nhất để gắn bó với Thiên Chúa. Tuy nhiên không có hy sinh thực sự, nếu thiếu tình yêu Thiên Chúa. Thánh Phaolô đã nói rằng bác ái, thương người, hy sinh, bố thí và ngay cả tử đạo nếu thiếu lòng yêu mến Thiên Chúa thì không đáng phần thưởng đời đời: "Giả như tôi có đem hết tài sản và cơ nghiệp ra bố thí, hay nộp cả thân xác tôi để chịu thiêu đốt, mà không có đức mến, thì cũng chẳng ích gì cho tôi" (1 Cor 13, 3). Người thanh niên trong trường tình bỏ hết mọi tình bạn khác và tập trung vào một cô gái để diễn tả tình yêu của mình với cô ta. Thì trong trật tự siêu nhiên linh hồn cũng phải từ bỏ lòng quyến luyến các tạo vật thể gian, để bày tỏ tình yêu của mình với Thiên Chúa. Nó chỉ gắn bó với một mình Thiên Chúa mà thôi.

Quá khứ tồn tại nơi chúng ta như những thói quen, như những căn rút lương tâm vì tội lỗi, như những khuynh hướng lặp lại tội quen phạm. Các kinh nghiệm quá khứ lưu thông trong máu huyết, trong tiềm thức, ngay cả trong lối ăn vận hàng ngày của chúng ta. Cho nên phán xét của ngày mai cũng luôn ám ảnh chúng ta, gây nên những lo âu, và sợ hãi, kinh khiếp và bồn chồn nơi mỗi người, làm cho chúng ta cảm thấy bất an và thấp thỏm. Con bò hay con ngựa chỉ sống trong giây phút hiện tại, không hề căn rút lương tâm hoặc lo lắng. Nhưng con người không được an bình như vậy. Họ không những kéo lê quá khứ mà còn mang gánh nặng tội lỗi trên mình, lo âu về tương lai vĩnh cửu!

Và bởi vì quá khứ có mặt ở trong con người dưới hình thức lương tâm căn rút và tương lai trong các lo lắng. Cho nên phương pháp duy nhất để con người thoát khỏi gánh nặng là hạ quyết tâm vững chắc tránh xa tội lỗi. Bước đầu tiên là phải tẩy rửa quá khứ. Ở bước này phải phân biệt tha thứ và đền bù vì những tội lỗi nhớ được. Nhiều người nghĩ rằng một khi trót phạm tội, điều cần thiết là quên nó đi, cái gì là quá khứ hãy để nó trôi vào dĩ vãng. Nghĩ như vậy là sai lầm. Số người khác cũng sai lầm tương tự khi cho rằng, một khi phạm tội và được tha thứ, chẳng cần phải làm chi xa hơn nữa. Cả hai cái nhìn này đều chưa đầy đủ. Bởi nó thiếu tình yêu, ngay khi linh hồn tiếp xúc với Chúa Giêsu và nhận ra rằng đã xúc phạm nghiêm trọng đến Ngài, một tình yêu vô bờ, thì công việc đầu tiên nghĩ tới, sau khi được thứ tha là giống như ông Giakêu "Tôi xin đền bù mọi sự". Chúa chúng ta, khi thiết lập bí tích hòa giải đã nói rõ ràng rằng: Có sự khác biệt giữa tha thứ và tháo gỡ quá khứ, đó là lý do sau khi xưng tội, thì lãnh nhận công thức giải tội, hay hòa giải, và là lý do, một khi đã được thứ tha, thì linh mục giải tội nói: "Việc đền tội là " tức phải đọc bao nhiêu kinh cầu nguyện. Bao nhiêu việc lành, hãm mình, để đền vì phần tội đã xưng thú.

Tính hợp lý của việc đền bù này tỏ hiện rõ ràng, nếu chúng ta diễn giải các xúc phạm đến Thiên Chúa bằng một thí dụ cụ thể. Giả dụ tôi ăn cắp của bạn chiếc đồng hồ đeo tay. Khi lương tâm ray rứt, tôi quyết định thú nhận với chủ nhân và nói "liệu anh tha tội cho tôi không?" Dĩ nhiên bạn tha, nhưng chắc chắn sẽ đòi lại chiếc đồng hồ và nói: "Vậy thì xin trả lại nó cho tôi." Trả chiếc đồng hồ là bằng chứng rõ ràng lòng hồn hận chân thành của tôi. Ngay cả các con trẻ chơi với nhau cũng vậy. Chúng cũng bồi thường xứng đáng hay cân bằng khi bị ray rứt vì tội lỗi: Đứa trẻ chơi đá banh chẳng may làm vỡ kính cửa sổ. Hấn tự động nói: "Con sẽ mua đèn tấm khác". Chỉ tha thứ mà thôi không tháo gỡ được xúc phạm. Nếu chúng ta nói với ai đó sau khi phạm tội, đóng một chiếc đinh vào cột, mỗi lần được tha thứ thì nhổ chiếc đinh ra, chẳng bao lâu khám phá ra rằng, chiếc cột đầy các lỗ đinh, lúc đầu, chúng đâu có lỗ đinh nào? Tương tự như vậy, chúng ta chẳng thể nào trở lại thời trong trắng khi mà tội lỗi chưa phá huỷ. Khi chúng ta quay lưng với Thiên Chúa do phạm tội chống lại Ngài, chúng ta đã đốt cháy chiếc cầu nối kết. Bây giờ phải kiên nhẫn bắc lại chiếc cầu. Một doanh gia mắc nợ khổng lồ, sẽ thấy mình mất hết uy tín, chẳng còn khả năng tiếp tục buôn bán. Tội của chúng ta cũng vậy, phải thực hồi cho Thiên Chúa nếu muốn còn tiếp tục công việc của sự sống.

Cho nên, đền bù là hành động trả nợ cho các tội đã phạm. Khi việc đó đã làm, Thiên Chúa nói lại tình nghĩa với chúng ta. Lòng tha thứ của Ngài là sự phục hồi mối tương quan yêu mến. Giống như khi chúng ta xúc phạm đến bạn hữu, chúng ta sẽ chẳng cảm nghiệm được bạn thứ tha, cho đến khi lại giao tiếp với nhau trong tương kính. Lòng thương xót của Thiên Chúa luôn sẵn sàng. Sự tha thứ của Ngài luôn hiện diện. Nhưng chúng không hoạt động cho đến khi chúng ta tỏ bày cho Ngài biết chúng ta thực sự cần đến. Người cha trong dụ ngôn đứa con hoang đàng luôn có lòng thứ tha, chờ đợi hấn trở về. Những đứa con chưa trở về thì làm sao ông ban bố sự tha thứ ấy? Cho tới lúc hấn thay đổi ý kiến, hối hận và trở về xin tha thứ. Hấn đã thực hiện như vậy và việc đền bù là hấn xin chỉ làm một tội tớ trong gia đình mà thôi. Bao lâu chúng ta còn gắn bó với sự dữ, bấy lâu việc tha thứ vô phương thực hiện. Điều đó thật đơn giản giống như luật của sự sống vậy. Nếu chúng ta sống thăm sâu trong hang tối thì làm sao ánh sáng mặt trời có thể chiếu tới chúng ta? Và chẳng bao lâu đôi mắt chúng ta sẽ đui mù. Việc thứ tha như vậy không có tính tự động để được ơn ấy, chúng ta phải sẵn sàng đón nhận. Cái bằng chứng của lòng đón đau vì lỗi phạm là việc chúng ta vui lòng nhổ sạch rễ của nét xấu trong mình. Nét xấu thúc đẩy chúng ta phạm tội. Người ghen ghét hàng xóm láng giềng và đi xưng tội, nhưng chỉ được tha nếu hấn sẵn lòng tha thứ cho kẻ thù: "Nếu anh em không tha thứ, thì Cha của anh em, là Đấng ngự trên trời, cũng sẽ không tha lỗi cho anh em" (Mc 11, 26).

Tự yêu mình là nguồn gốc mọi hỗn loạn. Sai lầm trong lối sống, đưa đến một loạt những thói xấu mà các nhà đạo đức gọi là bảy mối tội đầu. Chúng thuộc tính ích kỷ mà người có đức tin phải tránh xa. Bảy mối tội đầu là 7 ngọn cờ của các tính xấu. Chúng là: Kiêu ngạo, hà tiện, ganh tị, dâm ô, giận ghét, tham ăn và lười biếng. Để có thể chống lại bảy thói xấu này. Chúng ta cần sáng suốt nhận diện chúng nơi bản thân.

* **Kiêu ngạo:** Là tự đánh giá cao, vượt xa cả sự thật. Hình thức cao nhất của nó là biến mình thành luật lệ cho mọi người. Tiêu chuẩn xét đoán luân lý là hấn, thượng đế là hấn. Hấn là trung tâm vũ trụ, không ai bằng hấn.

Trong văn hóa tân thời, kiêu ngạo núp dưới hình thức đẹp đẽ hơn: Thành công và nổi tiếng. Khao khát của đàn ông tân thời là được người ta phục vụ rượu tốt nhất, của phụ nữ tân thời là quần áo bảnh bao nhất, của học sinh tân thời là đầu tóc bù xù nhất. Ở điểm này, chúng ta thấy hiện tượng diêm dúa cực kỳ nhất của ích kỷ. Nó khiến những kẻ hành động như vậy phải được chú ý, nếu không họ chẳng thể chịu nổi. Ngoài ra phê bình, chỉ trích, nói xấu, lăng nhục, lời chua cay là những việc làm khác của cái tôi ích kỷ, mục tiêu của nó là nâng cao bản thân lên trên xác chết của tiếng tăm thiên hạ. Mỗi sự hạ thấp danh giá người khác là một sự bành trướng bản thân mình. Nếu người ta càng cảm thấy mình quan trọng thì càng nổi giận nếu không được trọng vọng. Những ai nịnh hót mình, thì được coi là khôn ngoan, ngược lại, những ai phê bình thì bị gán cho là ngu ngốc.

Kiêu ngạo lại có bảy nhánh: 1/ Khoe khoang hay tự tôn vinh bằng lời nói. 2/ Lòng yêu nổi tiếng tức yêu thích lời khen của kẻ khác. 3/ Giả hình: giả vờ đạo đức, thánh thiện. 4/ Cứng cổ, từ chối ý kiến kẻ khác. Ý kiến của mình là hơn hết. 5/ Bất hòa, không từ bỏ ý kiến sai lầm. 6/ Cãi cọ, gây gổ bất cứ ai khác ý kiến với mình. 7/ Không vâng lời, khước từ từng phục bề trên. Thường khi những người ưa thích nổi tiếng, coi ý kiến mình quan trọng hơn, hay hơn kẻ khác, thường không hay vâng lời. Họ coi trọng thắng lợi hơn là ích chung. Đó là lý do tại sao họ hay từ chối quà cáp không giao đúng giờ, đúng lúc khi họ tỏ ý muốn có. Họ ưa thích trừng phạt thiên hạ khi không vừa ý. Khi tranh cãi họ không cần biết sự thật nhưng chỉ cần thắng cuộc, làm như mình hay ho nhất, khẳng định ý kiến mình đâu nó sai.

* **Hà tiện:** Là thói xấu thứ hai gây nên muôn vàn giống tội. Nó là biến thể của bản ngã cá nhân, lan sang chiếm hữu của cải vật chất, để thỏa mãn các nhu cầu vật chất, tinh thần của mình. Sự suy đồi bắt đầu từ thu tích tài sản như mục tiêu, chứ không như phương tiện, cách mà tài sản được thu tích. Họ bất chấp quyền lợi kẻ khác, bủn xỉn trong việc tiêu dùng. Họ làm giàu không giới hạn. Họ không dám dùng của cải phục vụ các nhu cầu tha nhân.

Hà tiện là dấu hiệu người không tin cậy vào Thiên Chúa nữa. Họ tự quan phòng cho mình: "Nó đích thị là người chẳng lấy Chúa làm nơi ẩn náu, nhưng chỉ tin cậy vào đồng tiền đồng của và khoe khoang mưu độc của mình" (Tv 52,9). Nếu không sửa chữa sớm, tính hà tiện sẽ gây nên các nét xấu khác nữa trong đời sống con người. Thí dụ vô cảm trước đau khổ tha nhân, lo lắng bồn chồn trước tương lai, ước muốn không đúng có nhiều hơn nữa. Bạo lực chống kẻ khác để bảo vệ tài sản của mình. Nói dối để thu tích thêm nhiều, phản bội, lừa đảo như trường hợp của Giuđa.

Ưa thích quá đáng đời sống nhưng lựa cũng là dấu chỉ của hà tiện. Nó chứng tỏ linh hồn trần trụi phải lấy khoái lạc vật chất che đậy. Con người càng cần đến trang diêm bên ngoài như vàng bạc kim cương, ngọc ngà, châu báu càng chứng tỏ sự nghèo nàn của tâm hồn. Hội hè, đình đám thường xuyên cũng là dấu chỉ trống rỗng trong tâm hồn. Người ta phải lấy những náo loạn vật chất để bù đắp lại. Lúc ấy cái "có" bên ngoài lẫn lộn với hữu thể căn bản. Người ích kỷ luôn tưởng rằng mình có giá trị bởi vì mình chiếm hữu nhiều của cải! Đây là giống tội tà đình gây nên nhiều khinh bỉ khi chúng ta xem thấy nó nơi kẻ khác, và kiêu ngạo nơi bản thân mình. Tâm lý thông thường chứng tỏ rằng con người hà tiện tàng hình dưới cái vỏ "tận tụy công việc", rất khó sống đời sống tinh thần.

Hắn có nhiều ảo tưởng và sai lầm rằng mình chẳng thiếu thốn điều chi, đầy đủ mọi sự, tự mãn hết cỡ. Cái mà hắn công nhận mình còn thiếu, là những thứ thỏa mãn cho thân xác hắn. Phúc âm Marco kể (10,23): "Và Chúa Giêsu nhìn chung quanh, và nói với các môn đệ: Người giàu có khó vào nước Đức Chúa Trời biết bao".

* **Ganh tỵ:** Là thói xấu có tâm lý buồn rầu trước hạnh phúc của tha nhân, nhất là hạnh phúc đó lại vượt trên tính cao ngạo của mình. Người giàu thường khi hà tiện, thì kẻ nghèo hay ghen tương. Người ghen tương căm ghét bất cứ ai hạnh phúc, vui vẻ. Hắn coi như người khác ăn cắp của hắn, nếu họ có tiền bạc, sắc đẹp, hạnh phúc, bình an, duyên dáng, học thức. Ganh tỵ thúc đẩy đàn bà xấu xí ném những lời chua cay vào các phụ nữ khác đẹp hơn họ và gọi những người khôn ngoan là ngu dại ngớ ngẩn. Các kẻ ghen tương không với lên được, thì họ kéo thiên hạ xuống. Tính ganh tỵ khiến người ta hợm mình, thấp kém học làm sang, luôn ghen ghét, luôn đòi hỏi, sở hữu. Đối với kẻ hay ganh tỵ, những ai lịch sự họ gán cho hai chữ "ngạo nghễ", những ai đạo đức hai chữ "giả hình", những ai giáo dục tốt ba chữ "con nhà nòi", những ai học thức hai chữ "mọt sách". Ganh tỵ khởi đầu bằng câu hỏi: "Tại sao tôi không sở hữu những thứ người khác có?" Và kết luận: "Tại vì họ có những khả năng mà tôi không hề có". Thế rồi sinh ra thù oán. Nó không bao giờ tôn trọng, kính nhường ai và nhất là không khi nào biết nói "cám ơn".

Ganh tỵ khởi sự quá trình của mình bằng cách hạ bệ thanh danh tha nhân hoặc kín đáo hoặc kẻ truyện bịa đặt, nói xấu, lép xép, rỉ tai và các nội dung khác tương tự, nghĩa là khi thấy có hiệu quả, người khác bị hạ bệ là mình vui mừng. Sẽ là tội trọng nếu ghen tương tấn công sự tiến bộ thiêng liêng hay tông đồ của kẻ khác. Đau đớn vì thành công của họ.

Một trong những đường lối chữa trị biểu hiện của ganh tỵ trong bản thân chúng ta là đọc một kinh cầu nguyện ngay sau khi cảm thấy cơn bệnh nổi lên, vì thành công của ai đó. Dâng họ lên Thiên Chúa và cầu chúc họ tốt đẹp hơn nữa. Lúc ấy chúng ta đập nát cơn ghen tỵ tâm lý tự nhiên. Phương thế thứ hai là cố gắng ganh đua với đối tác gây ghen tương cho mình. Hội Thánh có nhiều gương sáng của các thánh không phải để dè dặt chúng ta, nhưng để khích lệ con cái mình, không phải để làm chúng ta nhát胆 vì các yếu đuối của mình, nhưng thúc đẩy chúng ta tiến lên. Chúng ta hãy để ý đến nhau, làm sao cho người này thúc đẩy người kia sống yêu thương và làm những việc tốt." (Dt 10,24).

* **Dâm ô:** Là ước ao vô độ những khoái lạc xác thịt, là dĩ điểm trong tình yêu, là bành trướng ích kỷ tới độ cái tôi chiếu rọi vào thân thể người khác. Cái tôi yêu đương dưới ảo tưởng rằng "em" đang được yêu đương, nhưng thực sự đang bị lợi dụng để thỏa mãn cái tôi. Tình yêu thực hướng về người mình yêu như đối tượng duy nhất và không thay thế được. Nhưng dâm ô loại bỏ mọi suy nghĩ về người khác, vì thế, chỉ kinh nghiệm thỏa mãn thú tính của mình. Ngày nay người ta đồng hóa dâm ô bằng nhiều nhãn hiệu diêm dúa, như văn chương, nghệ thuật, tâm lý, với cái cố rằng tội ấy là cần thiết cho sức khỏe, khẳng định mình, viên mãn thói đời. Thực ra, dâm ô là một bệnh biến dạng nhân cách từ tinh thần đến xác thịt, từ cái tôi cao thượng đến cái tôi thấp hèn. Nhiều trường hợp dâm ô quá độ sinh ra từ lương tâm bất an, từ ước muốn trốn thoát bản ngã sang nhân vật thứ hai. Đôi khi

ngược lại, bắt người ta từng phục sự ích kỷ của mình, làm nô lệ tính dục mình. Ở mức độ cuối cùng này, tính dâm ô thấy rằng trốn thoát khỏi bản thân hay biến mình thành ngẫu tượng không kéo dài được lâu. Bởi vì linh hồn bị lương tâm cắn dứt, bắt trở về với bản thân và như vậy bản thân trở thành hỏa ngục nội tại. Kết quả của dâm ô là lòng ghét bỏ Thiên Chúa và từ chối cuộc sống vĩnh hằng vì Thiên Chúa là quan tòa và cuộc sống đời đời là nỗi thất vọng. Quá độ của xác thịt xóa bỏ mọi nguồn nghị lực tinh thần đến mức, cuối cùng người ta không còn khả năng phán đoán lành mạnh trong bất cứ lãnh vực nào nữa.

Chẳng có dục vọng nào gây nên kiếp nô lệ nhanh chóng như dâm ô. Chẳng có nét xấu nào phá hủy nhân cách, trí khôn, lòng muốn nhanh lẹ như tội xác thịt. Nó làm bại hoại lý trí con người theo 4 mặt: 1/ Sự hiểu biết: Dâm dục làm cho trí khôn ra đần độn, mù quáng, không còn khả năng hiểu biết sự thật; 2/ Thiếu khôn ngoan và giảm giá trị cuộc sống. Như vậy người ta trở nên vội vàng, hồ đồ trong phán đoán; 3/ Vô tâm do quá tập trung vào hưởng thụ ích kỷ nên không nghĩ đến người khác nữa; 4/ Bất thường, hay đổi thay, bởi vì lòng muốn đã ra yếu đuối, mất khả năng quyết định vững chắc.

* **Giận dữ:** Là thói xấu ước muốn mạnh mẽ trừng phạt người khác. Ở đây tôi không đề cập đến nỗi nóng chính đáng như Chúa chúng ta khi Ngài đuổi con buôn ra khỏi đền thờ, những thứ giận dữ trái phép. Nó thể hiện trong những nét xấu, trả thù, đê bụng, giận hờn, âm mưu, đập phá, kéo bè đảng. Hình thức đối trá của nóng giận nơi những kẻ ích kỷ là ước muốn "ngang bằng" ăn miếng trả miếng, mắt đền mắt, răng đền răng, xin tí huyết cho biết tay nhau. Trên mặt báo chí và sân khấu người ta gán cho giận dữ nhãn hiệu "phần nộ công chính". Nhưng sự thật, nó vẫn là căn bệnh ám ảnh người ta đe dọa, thịnh nộ, ác độc, tà ý và cuối cùng là bất bình nổi loạn. Những người có lương tâm xấu thường là những kẻ hay nóng giận. Thí dụ kẻ trộm cướp sẽ nổi sùng khi người ta nói đến tội xấu của hắn, nói hắn là tên ăn trộm. Người lương thiện không có thái độ ấy. Người phôi ngẫu bất trung sẽ nổi sùng khi bị bắt quả tang ăn vụng. Đàn bà hay ghen tương và độc ác sẽ đổ giận lên đầu người ăn kẻ ở trong gia đình. Những người mắc thói xấu ích kỷ thường phản ứng cực kỳ tàn bạo khi đụng chạm đến tự ái của họ và khi các người tốt khiển trách họ bằng các nhân đức thì bị bôi xấu cách ma quái.

Có những mức độ giận dữ khác nhau. Đầu tiên là cảm xúc mạnh - tức nhạy bén và bất nhẫn với những bất tiện nhỏ nhặt. Cà-phê lạnh buổi sáng, báo chí đến chậm, cũng làm họ cần nắn giận dữ. Mức độ thứ hai là nổi sùng với những cử chỉ đe dọa, mặt đỏ gay, sôi máu và ngay cả phá phách đồ dùng. Những biểu hiện này chứng tỏ tội cấu giận không cho phép ai can thiệp vào việc thỏa mãn khát vọng ích kỷ của họ. Mức độ thứ ba cũng là cuối cùng, khi có một thể hiện bạo lực thể xác chống lại người khác. Nói rõ hơn là dùng chân tay ẩu đả tha nhân. Lúc ấy lòng hận thù tìm đền bù, làm thiệt hại đối phương hoặc bằng tự vẫn. Nhiều người không nhận ra tác hại quỷ quái của nóng giận trong linh hồn mình, cho đến khi tự ái bị xúc phạm. Giận dữ ngăn cản nhân cách phát triển, làm ngưng mọi tiến bộ thiêng liêng - không những vì nghĩ nó khuấy động tâm trí và thiếu phán đoán công bằng, nhưng nó còn làm mù quáng trước quyền lợi tha nhân, phân tán suy tư, điều kiện cần thiết để được ơn thánh Chúa soi dẫn. Nóng giận luôn luôn là hậu quả của một vài thất bại do cái tôi

xây dựng nên. Sửa chữa nó nơi tha nhân là việc rất khó khăn. Bởi vì nó đã đâm rễ sâu vào tính kiêu ngạo của con người ta rồi, mặc dầu ít kẻ ích kỷ chấp nhận lý thuyết này. Nhiều người thà cho thân xác bị tổn thương hơn là cái tôi bị hạ nhục.

* **Mê ăn uống:** Là lạm dụng khoái lạc hợp pháp Chúa đã gắn liền với việc ăn uống. Sinh hoạt ăn uống là phương tiện cần thiết để duy trì sự sống. Cái xấu của nó là quá độ, tìm sự sung sướng trong ăn uống quá mức. Ăn uống để bảo tồn sự sống. Nó có hai hình thức: ngoài giờ qui định và tìm cao lương mỹ vị. Tham lam ăn uống núp dưới hình thức sức khỏe tốt, nhưng lụy, tình dục, sống sang trọng tiện nghi, hợp thời đại. Thế hệ hai cằm, bụng bự, coi dục tính này là đương nhiên, không coi nó tội nặng. Chúng chẳng nghĩ gì đến hy sinh, hãm mình, khổ chế nữa. Tính quý quái của nét xấu này nảy sinh từ sự kiện nó làm cho linh hồn nô lệ thân xác và như vậy làm suy yếu đời sống trí thức và luân lý của người ta.

* **Lười biếng:** Là thói xấu cuối cùng của bảy mối tội đầu, tức bảy nguyên nhân chủ yếu sinh sản ra tội lỗi. Lười biếng là bệnh của lòng muốn, làm cho người ta bỏ bê bổn phận. Về phương diện thường thức lười biếng có dạng ương ái, yêu dễ dãi, nhàn hạ, ở không, lãnh đạm, vô cảm, trốn tránh công việc, lờn khươn, trì hoãn, chần chừ, lãng phí thời gian, dông dài về mặt tinh thần lười biếng biến dạng thành lạnh nhạt, góm ghét đọc kinh cầu nguyện, ương lười thờ lễ, không ưa đời sống thiêng liêng. Lười biếng ghét sống kỷ luật. Họ ưa nhìn xem các hình ảnh trên báo chí và không bao giờ đọc một dòng chữ. Nếu có đọc thì sách họ ưa thích là tiểu thuyết dâm ô, lãng mạn, tục tằn. Họ chẳng khi nào đọc nội dung nặng nề, nhưng hữu ích, như triết học, thần học, toán học. Họ tự gán cho mình là bao dung, tiến bộ, tầm nhìn rộng rãi. Tuy nhiên họ không có nghị lực tinh thần để sáng tác, tìm tòi chân lý. Họ khờ khạo trong mọi sinh hoạt, ở không, chẳng muốn vận dụng thân thể. Người ương lười không yêu mến ai ngoài cái thân thể của mình, cũng chẳng ghét ai, chẳng sợ nguy hiểm. Họ sống là để sống và cũng chẳng có mục tiêu nào để chết. Họ tự mục nát với thời gian, chứ không phải vì lao động mệt nhọc. Người lười biếng quả là gánh nặng cho mọi người chung quanh, vì họ không hề phục vụ ai, mục tiêu nào, mà chỉ tiêu thụ và đòi người khác hầu hạ. Xã hội càng nhiều người lười biếng càng trở nên tồi tệ. Người ương lười là kẻ ích kỷ nhất vì họ tập trung mọi sự vào thân thể mình. Về căn bản, người ương lười tìm lối thoát khỏi các trách nhiệm tinh thần và xã hội, với trông đợi ai đó sẵn sóc cho mình. Thực chất hẳn là một tay ăn bám, sống nhờ lao động của kẻ khác. Hẳn đòi hỏi thiên hạ nuôi nấng hẳn, cung cấp lương thực thực phẩm và nhu cầu khác cho hẳn để sống dễ dãi, nhưng lụy. Hẳn yêu cầu đặc quyền ăn bánh mà không phải kiếm ra! Hẳn là một kẻ vô ích trong cộng đồng.

Việc cất vắn lương tâm hàng ngày phải dựa trên một trong bảy nét xấu chủ yếu của tính ích kỷ. Nó rất khó khăn, bởi lẽ con người ta không mấy khi chấp nhận sự thật về bản thân. Chúng ta thường thiếu lương thiện với mình, lừa dối mình bằng những biện minh tâng bốc: Vua Đavit cầu xin Thiên Chúa lục xét lương tâm mình, kéo nếu làm lấy, vua sẽ bỏ qua vài tội nghiêm trọng. Tuy nhiên biết mình chân thật lại là một phần thưởng. Bởi lẽ biết mình và mạc khải từ Thiên Chúa thường đi đôi với nhau. Càng khám phá ra mình như sự thật khách quan càng cảm thấy cần đến Thiên Chúa và lúc ấy Thiên Chúa tỏ mình ra cho linh hồn tốt lành ấy. Họ trở nên đơn sơ chân thành và dễ mến, ngược

lại càng mù mờ về mình, con người ta càng trở nên lắt léo phức tạp. Tâm hồn không chịu phân tích mình là tâm hồn chứa đầy ngấm ý và quan tâm rắc rối. Cái phức tạp của nó sinh ra bởi thiếu sự thâm nhập sâu xa vào tính nết của mình. Họ thất bại không phơi bày được hết sự thật bản thân và không hội tụ năng lực vào một mục tiêu. "Tôi có tính khí xấu, tôi uống rượu quá nhiều, tôi hay chì chiết, hay chỉ trích người, tôi lười biếng" là những lời than phiền của miệng của những tâm hồn còn chút cao thượng, chúng là những mục tiêu quan trọng phải trừ khử. Người ta không dễ dàng chấp nhận nếu không có quyết tâm mạnh mẽ hòng thoát ra khỏi các thói quen xấu. Sau đó chúng ta phải nhận diện chúng và bất cứ nét xấu nào khác để xóa bỏ. Có bốn bước để gỡ mình ra khỏi tính hư nết xấu.

Thứ nhất: Soi rọi vào tâm hồn. Đây là bước cần thiết ngõ hầu chúng ta cách ly các nét xấu và xem nó như một tội nặng. Chúng ta ngạc nhiên khi người khác chỉ trích mình về một vài khuyết điểm chúng tỏ chúng ta chưa tỉnh táo đủ để biết rõ mình. Một số người còn sợ không dám khám xét lương tâm, bởi những hậu quả tai hại của việc tìm ra các nét xấu. Họ giống như người hèn nhát kia không dám mở phong thư, vì khiếp sợ tin buồn của nó. Nhưng can đảm nhìn vào nội tâm lại tương đương với chuẩn bệnh phần xác. Nó là bước đầu tiên tiến tới sức khỏe. Người con hoang đàng trong Phúc âm đã đi vào nội tâm mình trước khi anh quyết định cất bước về nhà cha, và nhận lỗi cùng gia đình. Cầm chiếc đèn pha soi rọi vào bản thân chúng ta mới nhận ra các thói xấu của mình và sửa chữa, nó sẽ làm cho chúng ta thấy mình, không như chúng ta muốn thấy, mà thực tế chúng ta đang sống.

Thứ hai: Tránh các dịp tội. Đây là đường lối dễ dàng nhất để không phạm tội. Kinh nghiệm thường ngày cho chúng ta hay đường lối giữ mình khỏi các rắc rối ngoài xã hội, là tránh các hoàn cảnh gây nên chúng. Người hay bị phỏng mỗi khi gần lửa, thì tốt nhất là tránh xa lửa. Người say sưa muốn chừa rượu thì đừng la cà quán rượu, người phóng đãng muốn chừa thói xấu thì đừng gần đàn bà nhan sắc, người có đầu óc gian ác phải chạy khỏi các bạn bè trác nết lôi cuốn mình vào tội lỗi. Chúa Giêsu nói: "Kẻ nào yêu nguy hiểm sẽ chết vì nguy hiểm". Khi tội lỗi ở trong tầm tay thì khó mà thắng được cám dỗ. Nhưng chúng ta thắng dễ dàng, nếu cương quyết tránh xa các hoàn cảnh đưa đến cám dỗ. Môi trường có khả năng gây thuận lợi hay không. Bởi lẽ hoàn cảnh chung quanh ảnh hưởng đến chúng ta rất nhiều. Tuy nhiên chúng ta được quyền lựa chọn môi trường và có thể loại bỏ hoàn cảnh dẫn đến rắc rối. Chúa chúng ta đã phán rằng: "Nếu con mắt người làm cơ cho người vấp phạm thì tốt hơn hãy móc nó ra và ném xa người, vì thà mất một mắt mà được vào Nước Trời, còn hơn có đủ cả hai mắt mà bị ném xuống hỏa ngục". Câu nói này có nghĩa nếu cuốn sách chúng ta đọc, nơi chốn chúng ta thăm viếng, trò chơi chúng ta tham gia gây nên hòn đá vấp phạm luân lý, thì hãy cắt đứt và ném ra xa.

Thứ ba: Hành động của lòng muốn là cốt yếu cho bất cứ thành công nào. Các bác sĩ nhất trí rằng chẳng giúp đỡ nào hữu hiệu hơn cho bệnh nhân là ý chí muốn sống. Vì vậy muốn thắng các nét xấu chúng ta phải cương quyết chống lại chúng. Chúng ta mắc phải nét xấu trước hết là vì đã đồng ý để nó xâm nhập vào tính nết chúng ta, cho đến khi trở thành các thói quen hoặc ngay cả thành vô thức, để làm chủ được chúng, cần một tiến trình ngược lại, và dùng ý chí để phá vỡ sinh hoạt tự phát của chúng. Hạnh kiểm của chúng ta không phải hệ tại những chi chúng ta biết mà hệ tại những điều chúng ta lựa chọn. Mà lựa chọn lại là việc của lòng muốn. Sau khi đưa con phụng pháp đã suy nghĩ

lại và bỏ môi trường tội lỗi thì bước kế tiếp hẳn phải làm là quyết định vững chắc "Tôi sẽ đứng dậy và trở về với cha tôi".

Thứ tư: Bước cuối cùng là phải có triết lý đúng về cuộc sống. Điều kiện này cần thiết để hoàn thành công trình trở lại. Bởi lẽ ý chí cương quyết suông không đủ để thắng các thói quen xấu. Còn cần tình yêu nữa, kẻ nghiện rượu không thể bỏ say sưa khi chưa tìm được lý tưởng cao hơn sự lười cuốn của thần lưu linh. Người ta không thể từ bỏ sự dữ cho đến khi tìm được một sự thiện mà họ đánh giá cao hơn tội của mình. Chúa chúng ta cảnh cáo rằng nếu nhà nào dọn sạch và sắp xếp gọn gàng mà không có người ở thì bầy quỷ trước đây sẽ trở lại, và tình trạng còn tồi tệ hơn cũ. Đây là hậu quả không tránh khỏi, khi sự dữ được xóa bỏ, nhưng không có điều tốt thay thế. Ngay trong triết lý có câu ngụ ngôn rằng Thiên Chúa ghét sự trống rỗng.

Các thói quen xấu không thể xóa bỏ nguyên chỉ do lòng chê ghét chúng (bởi lẽ thực tế chúng ta không ghét nó nghiêm túc). Chúng ta phải tẩy trừ chúng bằng một nội dung tốt nào đó. Tình yêu mới nơi chúng ta phải lớn hơn tính nết cũ. Bởi vì chính bản thân chúng ta cần sửa chữa. Bất cứ cái chi dễ dãi cũng không thay thế an toàn bằng tình yêu. Một người cố gắng sửa chữa thói kiêu ngạo hoặc tham vọng xấu có thể trở nên tồi tệ trong tiến trình hơn là tội của hắn. Lúc này, chẳng tình yêu nào lớn hơn ngoại trừ tình yêu Thiên Chúa, kể cả những khát khao mà tình yêu thôi thúc thực hiện. Thánh Augustinô tóm gọn chân lý ấy khi viết: "Hãy yêu mến Thiên Chúa, rồi bạn muốn làm chi thì làm". Bởi lẽ khi bạn thực sự yêu mến Thiên Chúa, bạn chẳng thể nào làm điều chi xúc phạm đến Ngài, và bạn cũng chẳng bao giờ muốn làm hại ai nữa. Chúng ta phải có một triết lý sống lành mạnh để chiến thắng các nết xấu. Triết lý này giúp chúng ta sống xoay quanh Thiên Chúa, Đấng đã dựng nên chúng ta cho Ngài và Đấng nếu không có tình yêu Ngài, chúng ta buộc phải sống kiếp nô lệ buồn thảm của sự bất toàn quái ác.

Người thu thuế "hấp dẫn" nhất trong lịch sử thế giới là ông Giakêu - nếu chúng ta được phép gọi người thu thuế nào là hấp dẫn. Ông ta thấp bé đến độ phải trèo lên cây sung để xem các cuộc điểu hành. Tên Giakêu có nghĩa là tinh ròng (pure). Nhưng cuộc sống luân lý của ông ngược lại với tên ấy. Người ta gán cho ông cái tên lão "hai mươi lăm phần trăm". Bởi lẽ ông được phép rút 25% tiền thu thuế của nhân dân. Đó là mức độ lúc bấy giờ. Còn thực tế thì ông chiếm đoạt nhiều hơn. Tuy nhiên ở cuối câu truyện, Phúc âm cho hay ông ta còn tốt hơn các thượng tế, luật sĩ và đồng bào khác.

Một ngày đặc biệt nào đó, Chúa Giêsu đi tới làng của Giakêu. Như thói quen Giakêu leo lên một cây sung để coi đám đông đi ngang qua. Những người thiếu chiều cao luôn dùng mưu mẹo để đền bù. Thời buổi chúng ta có rất ít người làm nghề thu thuế bắt chước Giakêu hạ mình bằng cách leo cây, để được nâng lên. Tuy nhiên Giakêu đã được đền bù xứng đáng. Bởi vì Chúa chúng ta nhìn thấy ông và yêu cầu ông cho nghỉ lại nhà. Xin lưu ý bất cứ khi nào Chúa Giêsu muốn ban ơn thì Ngài thường xin một ơn huệ trước đã.

Khi cửa đã đóng, đám đông bên ngoài trở nên giận dữ, không phải vì ông thu thuế bắt lương mà vì Chúa Giêsu. Ngài ăn uống với kẻ tội lỗi, mang tiếng xấu, bị xã hội khinh bỉ. Việc này là một gương

mù to lớn, người đạo đức không bao giờ hành động như vậy. Nhưng Chúa Giêsu lại nhìn vấn đề khác đi, Ngài coi như mình tìm thấy con chiên lạc. Sau mấy phút chuyện vãn, lương tâm ông thu thúế khởi sự thức tỉnh - bởi lẽ trước đây nó chỉ ngủ mê chứ không bao giờ chết hẳn - Giakêu đứng lên tuyên bố mình sẽ sửa chữa tất cả những thiệt hại đã làm cho người khác. Ông sẽ làm phúc nửa phần gia tài cho kẻ nghèo khó và trả lại gấp bốn lần cho những ai ông gian lận.

Đền bù là bổn phận luân lý. Xã hội văn minh ngày nay vì quá quan tâm đến tiền bạc lợi lộc cho nên hầu như sẵn sàng bỏ qua đền bù, không nhớ đến bổn phận nữa. Người ta chẳng bao giờ đền bù cho bất cứ ai bị gian lận. Thí dụ nhà tư bản trả lương quá thấp cho công nhân, chủ tịch công đoàn đổ xăng vào bình sữa chuyển đến bệnh viện trong một cuộc đình công. Công nhân TV radio chòng chát chi phí, vì một linh kiện thay thế cho cái đã hư. Một ngày làm việc không xứng đáng với tiền công. Lúc này công bằng kể như mất dạng, công bằng mà thế giới cần đến để sống hòa bình và thịnh vượng. Lương tâm cắn rứt không đủ, hổ thẹn không đủ, che đậy bất lương bằng mặc cảm chàng Oedipus, hay sợ ông, sợ bà, sợ cha mẹ không đủ. Phải có sự hoàn lại tài sản đã bị cướp đi cho khổ chủ. Nếu không tìm thấy khổ chủ thì số tiền phải làm phúc cho các kẻ nghèo khổ. Đền bù là phục hồi cho tha nhân nguyên trạng quyền lợi và bổn phận mà chúng ta đã lấy đi.

Lý do mà chúng ta phải đền bù vì những bất lương của mình thì quá rõ ràng. Luật tự nhiên, cũng như luật đất nước xác nhận quyền sở hữu mỗi cá nhân, trên các cửa cái. Nếu chúng ta ăn cắp các vật ấy đêm nay, sáng mai không đương nhiên thuộc về mình. Thời giờ qua đi không làm cho vật bất hợp pháp trở thành hợp pháp. Trong Cựu Ước luật Lêvi qui định rằng người Do thái buộc phải trả 5 con bò vì ăn cắp một con, 4 con cừu cho một con bị ăn trộm". Thời gian không hề xóa bỏ bổn phận đền bù, nếu đã ăn cắp đồ vật của hàng xóm.

Kiểm tiền một cách bất lương rồi bỏ vào ngân hàng bằng tên vợ, không hề thoát khỏi bổn phận đền bù. Bởi vì những người như vậy chẳng bao giờ làm chủ tài sản mình bóc lột kẻ khác. Hẳn chẳng hề làm một dịch vụ nào trên tài sản như vậy một cách hợp pháp. Thí dụ một người bán khăn tay giả vờ bằng lụa quý, nhưng thực chất là bằng sợi hóa học. Người bán bắt buộc phải đền bù cho khách hàng. Một người buôn xe hơi cũ nói dối với khách hàng rằng xe còn trong tình trạng hoàn hảo, nhưng thực sự hắn đổ mạt cưa vào bộ số để làm cho xe chạy ngon êm được vài cây số rồi hư. Người gian dối buộc phải đền bù.

Có một câu truyện hư cấu về một người đàn ông đi xưng tội. Trong lúc kể tội hắn thó lẹ chiếc đồng hồ đeo tay của Cha xứ, rồi nói với Cha hắn đã ăn cắp chiếc đồng hồ. Cha xứ nói: "Con phải trả lại người ta". Tên trộm thưa: "Con đưa cho Cha được không?" Cha xứ nói: "Không, đưa cho chủ nó". Hối nhân thưa: "Nhưng chủ nó không lấy lại". Cha xứ trả lời: "Trong trường hợp này, con có thể giữ".

Nếu đây không phải là truyện hư cấu, thì hối nhân vẫn có trách nhiệm đền bù, không những khổ chủ mà còn Thiên Chúa nữa. Lương thiện không chỉ là chính sách, nó còn là bổn phận.

Chương 6

HÔN NHÂN VÀ TÌNH YÊU

Về căn bản, tình yêu phát xuất từ lòng muốn chứ không phải cảm xúc hay các bộ phận thân thể. Lòng muốn là tiếng nói, cảm xúc là tiếng vang. Khoái lạc ngày nay gọi là tính dục, liên kết với tình yêu như lớp kem trên chiếc bánh ngọt. Mục tiêu của lớp kem là quyến rũ chúng ta nhớ đến cái bánh, chứ không quên nó. Áo tưởng lớn nhất của các đôi uyên ương là cứ ngỡ cường độ hấp dẫn nhau, bảo đảm cho tính bền vững của hôn nhân. Bởi vì thiên hạ thất bại không phân biệt được sự khác nhau giữa tính dục mà chúng ta cùng chung với súc vật, và tình yêu tinh thần mà chúng ta chia sẻ với Thiên Chúa. Cho nên hôn nhân có nhiều rắc rối. Điều mà nhiều người yêu thích không phải là nhân vật, mà là kinh nghiệm yêu đương. Tình yêu không thay thế được. Nhưng tính dục có thể thay thế. Như đàn ông nhiều vợ, đàn bà nhiều chồng. Đối với tín hữu, tính dục không tách rời khỏi người yêu và nếu giảm thiểu một người thành tính dục, thì cũng ngớ ngẩn như giảm thiểu nhân cách vào buồng phổi hay cái ngực. Thời luân lý Victoria nhiều người chối phát tính dục như một yếu tố của nhân cách. Ngược lại, bây giờ người ta lại chối bỏ nhân cách và biến tính dục thành ông thần. Trong giới súc vật, con đực bị lôi cuốn đến với con cái một cách máy móc. Nhưng con người, nhân cách nó hấp dẫn nhân cách kia. Sự hấp dẫn của giới động vật chủ yếu là vật chất. Nhưng sự lôi kéo nơi con người là vật chất, tâm lý và tinh thần.

Tính dục tách rời khỏi con người thì không tồn tại! Một cánh tay sống và cử động độc lập với thân thể là điều không có được. Người ta không thể cử động các cơ năng mà không có linh hồn. Toàn thể nhân cách sinh hoạt chứ không riêng một cơ quan nào. Không chỉ tâm lý trộn lẫn với xác thịt hơn là sự kết hợp hai vợ chồng nên một. Chẳng chỉ đôi thay trí khôn lòng muốn nên tốt hoặc xấu hơn là hôn nhân. Sự phân rẽ linh hồn và thân xác là sự chết, cho nên những ai chủ trương phân tách tính dục và tinh thần thì đang sửa soạn cho sự chết. Vui hưởng nhân cách người khác thông qua nhân cách của mình gọi là yêu. Sự thỏa mãn của súc vật qua cơ quan thân xác là tính dục không phải là tình yêu.

Cho nên khi tách tính dục ra khỏi tình yêu, người ta sẽ có cảm giác như mình chỉ đứng ở tiền đường của lâu đài khoái lạc, hoặc như trái tim vượt cầu rồi mà không được vào thành phố. Buồn phiền và sầu muộn nảy sinh từ sự kiện như vậy, tức không đạt mục đích. Bởi lẽ bản chất con người ta là sầu buồn khi bị lôi kéo khỏi bản ngã gọi là vong thân, khỏi cái tôi cố hữu, mà không gần được mục tiêu. Có sự liên quan sâu sắc giữa tính chao đảo của tinh thần và cái nhìn vật chất của tính dục hơn là người ta thường nghĩ.

Những ai tiêu hao sức lực của mình vào những hoạt động bên ngoài mà không hiểu thấu màu nhiệm bên trong của nó thì sẽ cảm thấy không hạnh phúc, cho đến độ sầu muộn, xót xa. Nhiều lúc ăn xong mà vẫn cảm thấy đói, hoặc chán chường thức ăn. Bởi lẽ thức ăn lúc ấy không tiêu hoá để nuôi dưỡng

cơ thể. Kinh nghiệm này xảy ra nơi chính mình, thân xác người khác hay trong hôn nhân. Nơi phụ nữ, u sầu là vì nhục nhã nhận ra rằng hôn nhân chẳng qua để thỏa mãn tính dục. Và vai trò của bà có thể được người khác thay thế, chẳng có chút chi cá nhân, không truyền thông được linh hồn, và do đó không xứng hợp nhân vị. Do ơn gọi Thiên Chúa ban người phụ nữ luôn có nhu cầu tiến sâu vào màu nhiệm sự sống, bắt nguồn từ Tạo hoá, cho nên lúc này bà cảm nghiệm mình chỉ là dụng cụ cho khoái lạc giới tính chứ không phải là bạn đường của tình yêu. Hai chiếc ly rỗng không thể làm đầy cho nhau, phải cần đến nguồn nước ở bên ngoài, để chúng có thể thông hiệp với nhau. Cũng vậy phải cần tới ba nhân vật để phối hiệp tình yêu.

Tự bản tính tình yêu hướng đến tha nhân để người khác được hoàn thiện. Còn tính dục hướng về chính mình để thỏa mãn bản thân. Tính dục vuốt ve đối tượng không phải vì nó xứng đáng, nhưng vì nài nỉ cho mình thỏa mãn đòi hỏi của thân xác. Bản ngã trong tính dục bày tỏ rằng nó yêu người khác phái, nhưng thực chất nó tìm thỏa mãn cho chính nó. Nơi người khác chỉ cần thiết để nó trở lại bản ngã của mình. Trái lại, tình yêu khi nhấn mạnh đối tượng, thì tìm ra mình trong đối tượng, nghĩa là tương quan phát triển không ngừng. Tình yêu mạnh mẽ đến độ vượt qua tất cả mọi nhỏ nhen, bằng tận tâm và quên mình.

Tính dục bị tác động bởi khao khát thỏa mãn trong giây lát giữa có và không. Nó là một kinh nghiệm tựa như ngấm mặt trời lặn hay búng ngón tay để giết thời gian. Nó an nghỉ sau một kinh nghiệm. Nó no thỏa trong giây phút rồi lại chờ đợi kinh nghiệm khác và thỏa mãn với đối tượng khác. Tình yêu gồm ghét thái độ này, bởi nó biết rằng như vậy là giết chết người yêu về tình cảm, để đôi lấy thỏa mãn cho riêng mình. Tính dục thả rông con heo lòng hay để chim bay mà không có tổ. Nó khiến trái tim thổn thức mà không có gia đình, ném cả thế giới xuống biển mà không có bến đậu. Thay vì theo đuổi vĩnh hằng có tính cố định. Nó theo đuổi vĩnh hằng giả tạo mà chẳng bao giờ no thỏa. Điều vĩnh hằng lúc này là sự theo đuổi tình yêu viễn vông, không có thực chứ không phải chiếm hữu tình yêu đích thực. Đó là nguyên nhân chính gây nên các bệnh tâm lý, thần kinh. Nơi nhiều người nam nữ thời nay, ước ao hạnh phúc vững bền trở nên tâm thần bồn chồn, lo lắng giống như chiếc bánh xe lạng tữ luôn quay tròn đến chóng mặt. Trái lại, tình yêu chân thật cũng có những nhu cầu, khao khát, đam mê, thôi thúc. Nhưng nó chỉ chấp nhận thỏa mãn có tính bền bỉ, gắn bó với giá trị siêu việt khỏi thời gian và không gian. Tình yêu gắn liền với tồn tại và như vậy có tính hoàn hảo. Tính dục liên kết với phù vân, cho nên luôn lo âu, khắc khoải. Trong yêu mến, nghèo khó đưa đến giàu sang, nhu cầu đưa đến tròn đầy, khao khát đưa đến niềm vui, khiết tịnh đưa đến ngắt ngậy. Trái lại, tính dục vắng bóng niềm hoan hỷ của việc hiến dâng. Con chó sói chẳng dâng hiến chi cả khi nó giết con cừu để ăn, niềm vui hy sinh không có. Bởi lẽ tính ích kỷ tìm kiếm phòng to chính mình. Tình yêu cho đi để nhận lại. Tính dục nhận lại mà không cho đi. Tình yêu là linh hồn tiếp xúc với linh hồn ngõ hầu cả hai nên hoàn thiện. Tính dục là thân xác cọ sát thân xác để được khoái lạc cực độ.

Thượng Đế khi dựng nên con người, không có ý định kéo dài sức mạnh nơi đàn ông và sắc đẹp nơi phụ nữ mãi mãi. Nó phải được truyền sang con cháu, tái xuất hiện nơi chúng. Ở điểm này chúng ta được chứng kiến rõ ràng sự quan phòng của Thiên Chúa. Đứng vào lúc sức mạnh và vẻ xinh đẹp xem ra phai nhạt nơi cha mẹ, thì Thiên Chúa cho chúng xuất hiện nơi con cái, làm sống lại vẻ cường

tráng và yêu kiều vĩnh cửu nơi nhân loại. Khi đưa con trai đầu lòng sinh ra, sức mạnh của người cha ẩn hiện trong nó. Thi hào Virgil đã viết: "Từ trời cao, một giống người xứng đáng hơn đã xuống trần". Khi một bé gái chào đời, bao nhiêu vẻ đẹp, vẻ yêu kiều của bà mẹ lại tái xuất nơi bé. Ngay cả khi đưa bé bập bẹ thì toàn thể vẻ vui tươi của thế gian lại khởi sự một lần nữa. Người chồng lúc ấy có ý nghĩ vợ mình là nguồn mạch duy nhất tạo ra dáng yêu kiều của con gái. Một đứa bé hạ sinh, là một hạt ngọc trong tràng chuỗi Mân Côi của tình yêu ra đời. Em cột chặt cha mẹ hơn nữa trong tràng hoa hồng của tình yêu tận tụy và ngọt ngào!

Tình yêu ấy không hề bị xáo trộn, sợ hãi. Nó thỏa hay tràn đầy vì họ không hề hái quả chưa chín, hoặc đập bể đàn làm hỏng âm nhạc. Tình yêu bay bổng từ bình diện giác quan qua sự kiện nhập thể thân xác, lên bình diện thần linh trở về với Thiên Chúa, khi cha mẹ giáo dục con cái về những sự quê hương trên trời, về Thiên Chúa Ba Ngôi. Từ Ngài họ nhận được lửa thiêng và lòng mến. Từ khi đứa trẻ làm dấu thánh trên mình và kêu tên cực trọng Giêsu, đi học giáo lý, môn học cao trọng hơn mọi khôn ngoan thế gian, cho tới lúc chết, chúng lại khởi sự tiến trình hành hương theo ơn gọi thiêng liêng mới, thì cha mẹ đã tàn tạ cảm nhận được ý thức về công khó trước mặt Đức Chúa Trời.

Cho nên đức trong sạch là lòng kính trọng phải có đối với màu nhiệm tính dục, mỗi màu nhiệm thường gồm hai phần: Phần trông thấy và phần không trông thấy. Ví dụ ở Bí tích rửa tội, phần trông thấy là nước lã, phần không trông thấy là ơn tái sinh của Chúa Giêsu. Cũng thế, nơi tính dục là màu nhiệm, bởi nó cũng gồm hai đặc tính: Đặc tính mọi người đều biết và đặc tính ẩn dấu không ai biết được, cái biết được thật rõ ràng, tức đàn ông hay đàn bà. Cái không biết được là khả năng tạo dựng, yếu tố đến muôn đời ẩn dấu. Nó là yếu tố loài người được chia sẻ quyền năng với Tạo Hóa. Quyền năng Ngài tác tạo vũ trụ và muôn loài trong đó. Giống như tình yêu của Thiên Chúa là nguyên lý tạo dựng vũ trụ, thì Ngài cũng muốn rằng tình yêu giữa người nam và người nữ là nguyên lý tác tạo gia đình. Cái quyền năng loài người để sản sinh ra hình ảnh và họa ảnh của mình, tương tự như quyền năng tác tạo đất trời của Thiên Chúa, là ở tính cách tự do. Hành động tạo dựng của Ngài là hoàn toàn tự do.

Việc chúng ta thở không khí, tiêu hóa thức ăn, lưu thông máu huyết là hoàn toàn vô ý thức, lòng muốn không dự phần vào. Những tiến trình đó có tính máy móc, vô tư. Nhưng quyền năng sáng tạo dù là một bài thơ, một pho tượng hay một đứa bé, thì tuyệt nhiên tự do. Trong giây phút tự do được sinh ra, Thiên Chúa nói: "Hỡi tạo vật hãy tác tạo chính mình". Và ủy thác "hãy lớn lên và sinh sản ra nhiều" qua tình yêu thực chất là chia sẻ quyền năng tạo dựng muôn loài của Thiên Chúa. Do đó, loài người là cộng tác viên của Thiên Chúa trong việc tạo dựng sự sống mới. Sự sống tự do.

Cho nên, màu nhiệm tác tạo luôn được bao quanh bằng kính sợ. Một lòng kính sợ đặc biệt bao quanh quyền năng cộng tác với Thiên Chúa. Các yếu tố ẩn dấu này thuộc riêng về Thiên Chúa như ơn thánh của Ngài trong các bí tích. Những ai nói về tính dục mà thôi, không kể các yếu tố khác, nghĩa là chỉ tập trung vào khía cạnh vật lý thấy được, thì đã quên hẳn tính dục còn là một màu nhiệm của quyền năng tạo dựng. Trong các bí tích, loài người cung cấp phần trông thấy, bánh, rượu, nước, hành động, Thiên Chúa cung cấp ơn thánh và sự nhiệm màu. Trong việc tạo dựng sự sống mới, đàn

ông và đàn bà cung cấp chất liệu vật lý. Thiên Chúa ban linh hồn và màu nhiệm sự sống. Đó là bản chất của tính dục.

Trong tuổi thanh xuân, lòng khiếp sợ trước màu nhiệm giới tính được biểu lộ qua sự e thẹn của cô gái. Nó làm cho cô rút lui khỏi những tỏ lộ quá sớm bí mật của mình. Trong người con trai, màu nhiệm diễn tả bằng lòng hào hiệp đối với con gái, đàn bà. Không phải rằng anh ta tin thật nữ giới là phái yếu hơn, nhưng vì anh ta cảm thấy kính sợ trước hiện diện của một nhiệm màu. Và cũng bởi lòng tôn kính bao quanh quyền năng bí nhiệm đến từ Thiên Chúa, cho nên nhân loại luôn cảm thấy tính dục chỉ được sử dụng khi Thiên Chúa cho phép một cách đặc biệt và dưới những điều kiện nào đó. Đó là lý do, theo truyền thống, hôn nhân luôn liên kết với lễ nghi tôn giáo, để tỏ ra dấu chỉ rằng khả năng tính dục đến từ Thiên Chúa, được sử dụng thích hợp và Thiên Chúa chấp nhận. Mục tiêu của nó là làm tròn dự tính tạo dựng của Ngài.

Do vậy, sự thanh sạch không chỉ là nguyên vẹn phần xác. Nơi phụ nữ, nó là quyết tâm vững chắc không sử dụng tính dục cho đến khi Thiên Chúa ban người chồng. Nơi người nam, nó là ước ao bền vững chờ đợi cho tới lúc Chúa muốn ban cho một hiền thê, để hai người chu toàn chương trình của Ngài. Trong sạch không khởi sự ở thân xác mà ở ý chí. Từ ý chí, thanh sạch chảy ra bên ngoài, tẩy rửa trí khôn, óc tưởng tượng rồi đến thân xác. Đồng trình thân xác phản ánh tiếng vọng của linh hồn. Cuộc sống như bản là vì ý chí như bản trước.

Thanh sạch trên hết là tâm lý, rồi đến thể lý. Nó bắt nguồn từ trí khôn và trái tim, rồi tràn ra thân xác. Nó khác với vệ sinh. Vệ sinh là một hành động tẩy rửa bên ngoài. Đồng trình là thái độ phải có đối với tính dục. Chúa Giêsu phán: "Nhưng ta nói cho các người hay kẻ nào nhìn phụ nữ mà thèm muốn, thì trong lòng đã ngoại tình với người ấy rồi" (Mt 5, 28). Chúa chúng ta không đợi cho đến khi ý tưởng trở thành hành động mới kết án. Ngài kết án ngay từ trong lương tâm, gán cho những ý nghĩ dâm ô là phạm tội rồi. Những con sông sạch chảy ra biển sẽ làm cho biển sạch, biển bản là vì các con sông bản. Nếu làm việc nào đó là sai, thì trong ý nghĩ đã sai rồi. Trong sạch là do ý tưởng lành thánh, thành kính tự bên trong, chứ không phải nguyên vẹn thể xác. Nó không phải chuyện cá nhân, nhưng là chuyện bí mật, không được tiết lộ cho đến lúc Chúa muốn. Thanh sạch là một ý thức rằng mỗi người đều có một món quà quý báu, chỉ nhận được một lần và cho đi cũng một lần. Trong việc hiệp nhất thân xác, người nam biến cô gái thành đàn bà và cô gái biến người nam thành đàn ông. Họ có thể lặp đi lặp lại ân huệ nghìn lần. Nhưng khi đã cho đi rồi, thì không bao giờ lấy lại được nữa, cả hai bên phụ nữ và đàn ông. Nó không nguyên là kinh nghiệm sinh dục, nó là màu nhiệm không tháo gỡ được. Ở thời điểm nào đó chúng ta đi từ ngu dốt đến kiến thức qua kinh nghiệm học hành, thì cũng ở lúc nào đó chúng ta phá ngu trong kinh nghiệm giới tính đi từ vụng dại đến đầy đủ kiến thức về mình mà người phối ngẫu dạy bảo. Từ lúc vượt ranh giới về sau, không ai còn là chủ nhân toàn vẹn thân xác mình nữa. Sự hổ tương đã dựng nên tính lệ thuộc, câu đố của thiên nhiên đã được giải mã. Bí mật đã được vén màn. Hai thân xác đã được hợp nhất hoặc là thuận theo ý Thiên Chúa hoặc là chống lại ý Ngài.

Thiên Chúa không dựng nên địa cầu và muôn vật mà không có tình yêu. Đức Maria không thể mang thai phi tình yêu, Ngài đã thụ thai không cần tình yêu loài người, nhưng cần tình yêu thần linh. Mặc dầu thiếu tình yêu nhân loại, nhưng đầy tràn tình yêu thần linh. Thiên thần đã nói với bà: "Thần khí Thiên Chúa sẽ ngự trên cô, và quyền năng Đấng Tối Cao sẽ rợp bóng trên cô" (Lc: 1,35). Và bởi vì đức thanh khiết là lòng thành kính màu nhiệm tạo dựng. Vậy ai thanh sạch hơn Đức Mẹ? Ai cư mang Đấng tạo thành hơn Ngài? Ai ngất ngây trong tình yêu hơn Ngài? Đấng có thể mượn lời G.K.Chesterton mà nói với thế giới: "Trong nhà người, dục vọng không tình yêu sẽ chết. Nơi nhà của ta, tình yêu không dục vọng sẽ sống mãi mãi."

Bởi lẽ, đức thanh tịnh là lòng thành kính màu nhiệm tạo dựng, cho nên chiều rộng của nó từ tuổi thơ cho đến thanh niên, từ bàn thờ cho đến tổ ấm, từ góa bụa cho đến thánh hiến, khác nhau về mức độ, chứ không về ý thức tính cao siêu. Do vậy cần có phép Thiên Chúa để mở tấm màn bí mật của nó, và bởi vì đức trong sạch bảo vệ tình yêu, cho nên Giáo hội thường kêu gọi con cái mình nhìn lên Đức Maria như mẫu mực và quan thầy. Đức Mẹ là bản sao của tình yêu Thiên Chúa, hào quang diệu hiền của Chúa Giêsu, trung tâm lò lửa mến của Ngài, là hòm bia Đa-vít. Bởi vì Đức Mẹ đã dấu kín bí mật của Ngài, cho đến thời viên mãn, khi thiên thần truyền tin cho Ngài, nên Ngài đã là niềm hy vọng của những ai bị cám dỗ khai thác sớm quá màu nhiệm tạo dựng. Chẳng có lớp người nào, hoàn cảnh nào, điều kiện nào, của tín hữu mà Mẹ không dạy dỗ rằng thanh sạch phần xác là tiếng vọng của khiết tịnh linh hồn. Tác giả Francis Thompson viết như sau:

*Bởi vì Mẹ, Đấng biết điều bí ẩn
mà dạy con ca hát
xin chỉ cho con đường trở nên một người đồng trinh mới.*

*Với bàn tay bao bọc
xin che chở ngọn lửa mà hơi Mẹ thổi lên
xin cho trái tim con bùng cháy ánh lửa hồng
như mặt trời làm thẹn mặt tuyết sương.*

*Và nếu người ta nói tuyết sương giá lạnh
Ôi! Lay Đấng thanh khiết, xin cho họ biết
rằng tay dù vương sương tuyết
thì cũng nóng gấp đôi.*

*Rằng sương tuyết dù bốc cao như hơi nóng
Thì xin kéo con đến gần trái tim Mẹ
con sẽ cảm thấy dâng lên
lòng khiết trinh như tuyết.*

*Hỡi Mẹ, lay bà chúa khiết trinh ngọt ngào
xin đem hết tình yêu
nâng đỡ con trên gối Mẹ*

và con sẽ ngủ yên.

(phỏng dịch thơ)

Thời kỳ thai nghén là thời kỳ được thắp sáng với màu nhiệm, khi người mẹ trẻ nghe hát bài ca phụng vụ: "Non horruisti virginis uterum: Ngài đã không kinh chê tác dạ đàn bà". Mỗi đứa trẻ thành hình trong bụng mẹ chỉ có thể sống nhờ linh hồn Chúa ban, do hành động sáng tạo của Ngài. Đứa trẻ không phải là ngôi vị của Thiên Chúa, như ngôi vị Đức Giêsu trong lòng Trinh Nữ, nhưng dấu sao vẫn là kết quả hành động của Thiên Chúa, hành động này có mặt khi bà mẹ thụ thai. Chẳng nơi nào trong vũ trụ, Thiên Chúa cộng tác mật thiết đến thế khi tạo dựng một thai nhi trong lòng người phụ nữ, phụng vụ khi nói về sự thụ thai của đức Trinh nữ, đã viết rằng: "Đáng mà cả đất trời không chứa nổi, đã thụ thai trong lòng Đức Mẹ". Như vậy mỗi người mẹ, mẫu gương là Đức Maria Mẹ Thiên Chúa, đã nhìn mình như mang hành động tạo tác của Thiên Chúa, Đáng cả vũ trụ không chứa nổi.

Vì vậy, khi cô dâu chú rể tiến lên bàn thờ trong thánh đường, Giáo Hội đã nói với họ: "Hai chúng con sẽ trở thành một thân xác". Cô dâu sẽ nhìn vào màu nhiệm nhập thể và thoáng thấy ý nghĩa tượng trưng của Đức Mẹ khi thừa vâng làm mẹ Ngôi Lời xuống thế. Đức Mẹ và Chúa Giêsu thực sự cùng xương thịt trong cung lòng trinh khiết. Đây là biểu tượng sáng ngời của hôn nhân Công giáo. Trong Đức Mẹ, các giới tính hoà lẫn với nhau, đàn ông, đàn bà trở nên một. Như vậy mang thai con, người mẹ nhận ra thế nào là sự hợp nhất của hai người nên một xác thịt. Sự hiệp nhất này khi trước tồn tại riêng rẽ nơi bà và chồng bà. Nhưng bây giờ truyền sang đứa con, hai nên một tạo vật mới, có sinh khí và linh hồn, bà mẹ và đứa con chưa sinh chỉ là một xác thịt.

Các bà mẹ thế gian, dốt nát về thiêng liêng trong tính dục chỉ có thể nhìn mình như đang chứa đựng một sinh vật cao cấp, một đứa bé mới. Nhưng Hội Thánh Công giáo dạy rằng các bà có mẫu gương mang thai là Đức Trinh Nữ, Mẹ đã mang Thiên Chúa đến cho nhân loại. Do vậy, các thử thách thể lý lúc mang thai có cơ may giảm nhẹ khi ý thức mình cộng tác với Thượng Đế trong việc tạo dựng sự sống mới. Ở một miền quê nước Pháp, một tín hữu hấp hối, không còn khả năng rước lễ, ông đã xin người ta mang đến bên ông một người nghèo khổ, để rằng ít ra ông được tiếp xúc với Chúa Giêsu cách bất toàn. Một phụ nữ với một đứa bé trong bụng, có lúc không thể tiến lên bàn thánh rước lễ được, cũng có thể dùng đức tin, xem thấy mình đang cur mang bánh thánh kém chất lượng hơn trong lều tạm là xác thịt mình.

Trong Thánh kinh, không có nơi nào nói về hôn nhân hoàn toàn tính dục. Ngược lại, khi nói về nó Thánh kinh dùng ngôn ngữ kiến thức, Adam biết vợ mình. Eva thụ thai, sinh con trai là Cain, bà nói: "Nhờ Đức Chúa tôi đã được một người" (St 4,1) và khi thiên sứ báo tin cho Đức Mẹ: "Ngài đã được Thiên Chúa kén chọn làm mẹ Đức Chúa Trời". Đức Mẹ hỏi: "Việc ấy xảy ra thế nào được, vì tôi không biết đến người nam" (Lc 1,35). Vậy thì ở đây không có chuyện thụ thai ngu dốt, mà là màu nhiệm sâu xa hơn. Theo Kinh Thánh, hôn nhân có liên hệ đến kiến thức, tương quan chặt chẽ nhất giữa con người và vũ trụ là qua kiến thức. Khi trí khôn hiểu biết bông hoa, cây cối là lúc có hình ảnh chúng trong trí khôn. Nó không đồng hóa với trí khôn, nhưng phân biệt khỏi trí khôn. Những đối

tượng này tồn tại trong trí khôn như một thể thức hiện diện mới. Như vậy một vật ngoài trí khôn có thể tồn tại trong trí khôn mà không cần tự hủy. Sự kết hợp giữa ngoại vật và trí khôn, là kết hợp khăng khít nhất trong thiên nhiên: vật được biết và người biết nên một.

Kinh Thánh khi nói về hôn nhân, luôn luôn là một kiến thức, bởi lẽ nó biểu trưng một sự kết hợp sâu xa, bền vững hơn thực tế bên ngoài, khăng khít hơn kiến trúc tâm lý, hay sinh lý xảy ra giữa hai con vật phối hiệp. Mà bởi vì nó là kiến thức cho nên sự hiệp nhất của nó đòi hỏi trung tín. Giả dụ một sinh viên dốt nát, cho đến khi đi học, hẳn học những vần thơ độc thoại của Hamlet. Khi đã thuộc rồi, mà trước kia hẳn chưa hề "biết". Hẳn luôn lệ thuộc vào nhà trường cho hẳn kiến thức ấy. Và như vậy hẳn gọi trường hẳn là "mẹ yêu" (Alma mater). Bởi nhà trường đã xây dựng kiến thức cho hẳn, việc này là độc nhất. Anh ta có thể thưởng thức văn thơ độc thoại suốt đời mình, không cần học lại bao giờ nữa. Cũng vậy khi người đàn ông, đàn bà có "kiến thức" về nhau, khi đã như thụ tạo có trí khôn, biết về nhau theo xác thịt, nên một với nhau theo tính dục, mà trước đây họ chưa từng được biết, thì họ tiếp tục hưởng thụ kiến thức ấy mà không cần học lại. Và bao lâu thời gian còn kéo dài, người chồng tặng cho vợ hiểu biết về đàn ông và người vợ cho người chồng hiểu biết về đàn bà. Như vậy họ cho nhau kiến thức tính dục, kiến thức về hợp một, không giống như trí khôn và đối tượng, nhưng xác thịt với xác thịt. Người ta có thể nhắc lại kinh nghiệm nhiều lần, ngay cả vô luân, nhưng luôn luôn có ai đó đầu tiên vén màn màu nhiệm sự sống.

Như vậy sự liên kết giữa vợ chồng là kinh nghiệm không thể quên được. Nó là kiến thức vĩnh viễn, nói cách khác, là một dấu ấn mãi mãi, không xóa nhòa được. Họ là hai nên một xác thịt. Trên quan điểm này, khi đàn bà kinh nghiệm đàn ông thì đàn ông cũng kinh nghiệm đàn bà. Những "tai nạn" của sự kết hợp là biểu tượng của thay đổi thực sự nơi hai người. Chẳng người nào trong hai sống mà không nhớ đến sự kiện đã xảy ra. Có một mối dây sinh học nào đó nối kết hai người liên hệ, nhưng khác với sự liên hệ giữa mẹ và con. Do bản tính của hành động, chỉ một người có thể mang kinh nghiệm này cho người kia và nó là kinh nghiệm hiệp nhất cá nhân hơn kinh nghiệm xác thịt. Điều này quá rõ ràng, không ai khinh chê việc ăn uống nơi công cộng bởi lẽ không phải là kết hợp cá nhân giữa thức ăn và dạ dày. Nhưng làm tình công khai thì quá là xấu hổ, vô luân, bởi vì do bản tính, làm tình có tính chất hoàn toàn cá nhân. Nó là việc của hai người và chỉ do hai người. Và vì vậy công khai là lỗi bịch. Tình yêu của họ trở nên hư hỏng, bởi lẽ người ngoài biết đến. Như vậy hôn nhân không còn ý nghĩa khi có phần tử thứ ba biết được bí mật.

Sự hiệp nhất giữa hai thân xác vợ chồng là một trong những lý do tại sao Chúa chúng ta ngăn cấm bề gãy mối dây hôn phối. Cả hai người nam nữ trong khoảnh khắc biết nhau đã nhận được ơn huệ mà họ không hề biết trước, và cũng chẳng hay lần nữa, trừ phi nhắc lại. Hậu quả của sự thay đổi tâm lý cũng lớn như thân xác. Người đàn bà chẳng trở lại thời con gái được nữa. Người đàn ông cũng chẳng thể trở lại thời ngu dốt. Có điều chi xảy ra làm cho cả hai nên một, và từ sự nên một ấy đòi hỏi tính trung thành, bao lâu họ còn thân xác.

Cho nên việc sinh sản của nhân loại không phải là sự đẩy lên cao của súc vật. Nó là món quà từ Ba Ngôi ban xuống. Sinh sản con cái không phải là bắt chước súc vật, nhưng là phản ánh mờ nhạt của

việc Chúa Cha sinh ra Chúa Con trên thiên đàng. Việc này đưa chúng ta đến định luật thứ nhất của tình yêu. Định luật đó phát biểu như sau: Mọi tình yêu kết thúc ở nhập thể, kể cả tình yêu của Thiên Chúa. Tình yêu chỉ đúng nghĩa khi vượt khỏi giới hạn cá nhân để tồn tại vĩnh viễn. Nó cũng chỉ đúng nghĩa khi đạt tới tính đời đời trong việc truyền sinh. Nơi đó sự sống đánh bại thần chết. Đàng sau sự thúc đẩy truyền sinh là khao khát thâm kín của mọi cá nhân dự phần vào tính vĩnh hằng. Và bởi vì cá nhân không có khả năng làm điều này, cho nên hấn bù trừ trong cuộc sống của thế hệ sau. Sự bất lực vĩnh hằng của cá nhân có thể vượt được nhờ Chúa ban ơn vĩnh cửu cho toàn thể nhân loại.

Vậy thì hành động sinh sản, khi nhìn như là quà tặng Chúa ban, và thực hiện trong ơn thánh, thì có khả năng thăng tiến ơn thánh và trợ giúp cho đôi vợ chồng. Họ cứu vớt linh hồn mình bằng hành động đó. Thánh Thomas viết như sau: "Hành động gia đình sẽ đầy công nghiệp nếu người ta thực hiện hoặc vì công bằng trả nợ cho người phối ngẫu, hoặc vì lý do tôn giáo, sinh sản con cái để có người tiếp tục thờ phượng Thiên Chúa". Tuy nhiên, sinh sản con cái là dấu hiệu rằng trái tim người ta tràn đầy hạnh phúc và tình yêu, đến độ nó sẽ chết yếu nếu không được bày tỏ ra bên ngoài. Một dòng sông tù túng hay bị chặn lại sẽ thu tích cặn bã, rác rến, nhưng sẽ thanh sạch khi có những dòng suối từ các núi đồi chảy siết qua các tảng đá ngầm đổ vào, rồi các cánh đồng được nó tưới tiêu xanh tốt. Thượng Đế dựng nên con người có tính xã hội, không đơn độc và cũng không vì tính tập thể, Ngài dựng nên họ để sống thành nhóm, thành gia đình, thành cộng đồng, quốc gia và Giáo Hội. Tuy nhiên để sống trong các tập thể đó, người ta phải góp phần vào đời sống chung. Người có gia đình sinh sản và dạy dỗ con cái. Người độc thân như tu sĩ, giáo sĩ lo lắng về phần thiêng liêng, xã hội và hối cải. Như vậy sinh sản phần xác hay phần hồn là điều kiện để được toàn vẹn nhân phẩm, khỏe mạnh, trật tự xã hội. Người linh mục sa đọa không sinh sản đời sống mới cho Chúa Kitô bằng giảng dạy, hy sinh, hãm mình thì giống như vợ chồng cần cỗi vô sinh. Họ chịu hình phạt của thiên nhiên, vì chống lại định luật của sự sống.

Đời sống phong nhiêu không gặp chán chường bao giờ. Nó là màu nhiệm. Thời gian càng trôi đi, con sông hạnh phúc càng mở rộng. Các dự vọng có thể bớt cường độ nhưng dòng chảy không bao giờ ngưng. Tình bạn trong ngát ngây thể xác lúc này trải rộng vào lãnh vực chia sẻ cuộc sống tình cảm và tinh thần, trái tim và lòng muốn, khi họ vui hưởng sự ngọt ngào bên nhau. Tình yêu lúc này thực chất là tính nên một hơn là tính hấp dẫn lẫn nhau của tuổi trẻ. Vẻ hào nhoáng bên ngoài dần dần tàn tạ, nhưng bí mật hôn nhân trở nên sâu sắc hơn, cho tới khi họ hoàn toàn nên một, do chia sẻ ý nghĩa của cuộc đời trong màu nhiệm tình yêu vĩnh cửu. Tình yêu cho đi để nhận lại.

Nếu như tình yêu nhân loại không luôn luôn ngây ngất, là vì Thiên Chúa còn giữ lại yếu tố căn bản, chính là Ngài, Đấng ngự trong vĩnh hằng. Ngài cho phép chúng ta đôi khi gặp khó khăn như húc đầu vào tường đá. Lúc ấy chúng ta cảm thấy khủng hoảng nhất thời và bị áp đảo bởi cảm thức đơn côi, hư không, trống rỗng, ngỡ hầu họ hiểu ra đời này không phải là thành phố kiên cố mà là chiếc cầu bắc tới vĩnh cửu. Cuộc khủng hoảng hư không này gây nên do lý tưởng viễn vông và thực tế, do tình yêu chân thật gặp lòng ích kỷ mình là cái chi chi.

Suốt trong khủng hoảng này những điều mà trái tim phàn nàn và phiền muộn không phải là định mệnh, cũng chẳng phải bản chất mà là giới hạn, yếu đuối, và thiếu sót của mình khát khao yêu thương. Trái tim không thể nhầm khi khát khao yêu đương. Nhưng nghĩ rằng vật chất có thể hoàn toàn thỏa mãn nó. Điều mà linh hồn người ta ước mong trong lúc tuổi già là ánh sáng cho tình yêu, tức Thiên Chúa, chứ không phải bóng mờ mà thôi. Cảm giác hư vô là lời kêu gọi yếu ớt trở về nguồn gốc mọi sự là Đức Chúa Trời. Vực thẳm của con người kêu gào vực thẳm của tình yêu Thiên Chúa, thay vì nghĩ rằng người phối ngẫu có lỗi vì sự trống rỗng của mình, người ta cần nhìn sâu vào thâm tâm mình. Người ta muốn uống cả đại dương, trong khi chỉ có một ly. Nếu như thân xác luôn có một cái gai của cuộc đời, như Chúa đã ban cho Phaolô để thanh luyện ông, thì cái gai đó là lời mời gọi chúng ta trèo lên ngọn lửa tình yêu là Thiên Chúa.

Nếu trong kinh nghiệm đời sống trọn lành tới lúc nào đó người ta cảm thấy như đi trong đêm tối, thì cuộc sống hôn nhân cũng có đêm đen của xác thịt. Cả hai loại thử thách đều không vĩnh viễn. Cả hai đều là cơ hội thanh luyện cho con người nhìn vào tình yêu cách mới mẻ hơn. Nếu cây vả của tình yêu muốn ra hoa quả thì người ta phải đào hố bón phân. Sự khô khan trong đời thiêng liêng cũng như trong hôn phối thực chất là thiếu ơn thánh Chúa. Ngón tay của Ngài khuấy động mặt nước của linh hồn, tạo ra những bất mãn, ngõ hầu phát sinh những cố gắng mới. Phụng hoàng mẹ phải hát con ra khỏi tổ để chúng có thể bay. Thiên Chúa cũng tạo cơ hội, tạo cánh cho tình yêu, thay vì đôi chân bằng đất sét. Trong những ngày đầu say đắm, Thiên Chúa nhấn mạnh về tính bền vững của hai trái tim trong tình yêu. Trong những buổi chiều của trống vắng yếu tố then chốt là Thiên Chúa, chứ không phải là bản ngã. Bây giờ tình yêu nói: "Anh yêu em luôn mãi, bởi lẽ em đáng yêu muôn đời qua Thiên Chúa." Đáng bày tỏ và hứa hẹn tình yêu muôn thuở, thực chất gán cho mình thiên chức Thiên Chúa. Cho nên, suốt trong đêm tối của hôn nhân, Ngài sắp đặt chính xác tính đời đời vào vị trí của nó, tức Thiên Chúa.

Một khi đã được thanh luyện, vượt qua mọi thử thách. Tình yêu chân thật sẽ trở về với hai người. Đôi phối ngẫu yêu mến nhau vượt trên các cảm giác khao khát và dục vọng trước kia. Người chồng yêu đương vì lợi ích bản thân, thì bây giờ vì ích lợi của vợ và của Thiên Chúa. Xưa kia anh ta đụng đến chiều sâu của thân xác vợ, nhưng bây giờ anh ta khám phá linh hồn của vợ. Đây là sự vô biên thay vì thân xác. Đây là cái "luôn luôn" mới mẻ, gần cận hơn với vĩnh hằng chân thật, bởi lẽ linh hồn luôn là tinh thần và vĩnh cửu. Trong khi thân xác không phải như vậy. Người phối ngẫu không còn là bức tượng dày đặc mà bắt đầu trong suốt, là tấm kính qua đó Thiên Chúa và mục tiêu của Ngài tỏ hiện. Vì không còn nhiều ý thức về khả năng phát sinh tình yêu trong người khác, anh ta nhìn ra sự nghèo nàn của mình và khởi sự lệ thuộc vào Thiên Chúa để bù đắp sự nghèo nàn đó. Thứ sáu tuần thánh đã tiến sang Chúa Nhật phục sinh với sự sống lại của tình yêu.

Tình yêu xưa kia là thỏa mãn và vui sướng, lúc này đổi sang yêu đương vì Thiên Chúa. Người phối ngẫu không còn là nhu cầu cho đam mê nữa, mà là người bạn của linh hồn. Chúa Cứu Thế đã nói rằng trừ phi hạt lúa rơi xuống đất thối đi, thì mới sinh ra nhiều sự sống mới. Chẳng có chi tái sinh cho bậc sống cao hơn, mà không phải chết đi cho sự sống thấp hơn. Trái tim người ta có những vòng tròn và cũng có những vệ tinh. Nhưng hoạt động của nó lại hướng thượng như vòng xoắn ốc, chứ

không phải như vòng tròn quay lại điểm phát xuất, các vòng xoáy của vệ tinh xoay mãi, đôi đời rồi trở về khởi điểm.

Nhưng nếu như người chồng rơi vào hoàn cảnh nghiện ngập, hoặc bất trung, hoặc hành hạ vợ con? Và nếu như người vợ cần nhẫn, vô luân và bỏ bê con cái thì làm thế nào? Giả dụ lời thề hôn phối "nên tốt hay nên xấu" mà nay trở nên "nên xấu" thì làm sao? Hoặc giả dụ chồng hay vợ bại liệt hoặc không thích giao tiếp xã hội? Trong các trường hợp ấy tình yêu thể xác chẳng cứu vãn nổi. Ngay cả khi người phối ngẫu sa đọa đến độ không xứng đáng nữa, thì xác thịt khó mà chịu đựng. Lúc ấy cần đến tình yêu siêu nhiên. Tôn giáo phải bước vào để người phối ngẫu được coi như món quà từ Thiên Chúa. Đa phần quà của Ngài là ngọt ngào. Nhưng lúc này nó lại cay đắng. Nhưng dù đắng hay ngọt, mạnh khoẻ hay đau yếu, trẻ hay già, đàn ông hay đàn bà, vẫn là quà Chúa ban cho, thì người phối ngẫu kia vẫn phải hy sinh chấp nhận. Tình yêu ích kỷ sẽ tìm cách loại bỏ gánh nặng. Nhưng tình yêu Công giáo không hề nhàm chán và ôm lấy trách nhiệm, để chu toàn lời Chúa: "Anh em hãy mang lấy gánh nặng cho nhau. Như vậy anh em đã chu toàn luật Chúa Kitô" (Gl 6, 2). Nếu có vấn nạn rằng Chúa chẳng bao giờ xếp đặt như vậy, chẳng ai phải ghé vai gánh lấy khó khăn quá sức như vậy. Câu trả lời là "Ai muốn theo Thầy, phải từ bỏ chính mình, vác thập giá mình mà theo. Quả vậy ai muốn cứu mạng sống mình thì sẽ mất, còn ai liều mất mạng sống mình vì Thầy, thì sẽ được mạng sống ấy" (Mt 16,24). Bệnh tật xảy ra cho từng cá nhân thế nào, thì bất hạnh cũng thường xảy đến cho hôn nhân như vậy. Nghĩa là Chúa gởi cho họ thử thách để kiện toàn cả hai người về đàng thiêng liêng. Không có những thử thách ấy, nhiều khả năng thiêng liêng của chúng ta không được phát triển. Như lời Kinh Thánh nói với chúng ta: "Chúng ta vẫn tự tin ngay cả khi gặp gian truân, vì biết rằng, ai gặp gian truân thì quen chịu đựng. Ai quen chịu đựng thì được kể là người trung kiên, ai được công nhận là trung kiên thì có quyền trông cậy, trông cậy như thế, chúng ta sẽ không phải thất vọng, vì Thiên Chúa đã đổ tình yêu của Người vào lòng chúng ta, nhờ Thánh Thần mà người đã ban cho chúng ta" (Rm 5,3-5). Tình yêu tín hữu, về phía người phối ngẫu này, sẽ giúp đỡ cứu chuộc người phối ngẫu kia. Nếu như người cha sẵn lòng trả nợ cho con trai để cứu hắn khỏi vào tù. Nếu người ta vui vẻ truyền máu của mình để cứu bạn hữu sống còn, thì đối với hôn nhân cũng vậy. Họ cứu độ lẫn nhau.

Kinh Thánh còn nói: "Người chồng ngoại đạo được thánh hóa nhờ vợ có đạo, và người vợ ngoại đạo được thánh hóa nhờ chồng có đạo" (1 Cor 7,14). Đây là bản văn Thánh kinh thường bị lãng quên nhất về vấn đề hôn nhân. Nó áp dụng vào lãnh vực siêu nhiên. Những kinh nghiệm của thế giới vật lý, nếu người chồng đau ốm người vợ có bổn phận nuôi nâng cho lành. Ở lãnh vực tinh thần cũng vậy. Người có đức tin và tình yêu Thiên Chúa, sẽ mang lấy gánh nặng của kẻ không tin, như say sưa, bất trung, bạo tàn, vì lợi ích của linh hồn hắn. Ý nghĩa của việc truyền máu đối với thân xác thế nào, thì sự bồi hoàn tội lỗi của người khác, về phần thiêng liêng cũng vậy. Thay vì chia lìa nhau khi gặp khó khăn, thử thách, giải pháp của hôn nhân Công giáo là mang lấy thánh giá, vì sự thánh hóa của linh hồn phối ngẫu. Như vậy chồng cứu độ vợ, và vợ cứu độ chồng, với sự trợ giúp của ơn Thiên Chúa.

Sự chuyển hóa của ơn thánh hóa từ người vợ tốt sang người chồng xấu hay từ người chồng tốt sang vợ xấu, là hậu quả của sự kiện cả hai đã trở nên một xác thịt. Giống như da mặt có thể ghép từ da đùi. Cũng vậy công nghiệp có thể áp dụng cho đôi vợ chồng. Sự truyền thông thiêng liêng này có thể không đạt tới mức độ lý tưởng như kết hiệp thân xác. Nhưng dầu sao nó có giá trị vĩnh cửu. Nhiều đôi vợ chồng, sau những lần bất trung và phản bội, ăn năn thống hối, sẽ ngộ ra rằng cả hai đều được cứu chuộc trong ngày phán xét chung, khi bên trung tín không ngừng tuôn đổ lời cầu nguyện cho phần rỗi của chồng hay vợ bất trung.

Chương 7

CẦU NGUYỆN VÀ SUY NGẪM

Cốt yếu của cầu nguyện không phải cố bắt Chúa ban cho mình điều chi - cũng như căn bản của tình bạn hữu lành mạnh không là xin xỏ - tuy nhiên vẫn có những lời cầu nguyện xin ơn hợp pháp. Thiên Chúa có hai loại ơn huệ: Thứ nhất ơn Ngài ban cho chúng ta dù xin hay không. Thứ hai ơn với điều kiện chúng ta phải xin. Loại thứ nhất giống như nhu cầu con cái nhận được trong gia đình: Thực phẩm, quần áo, chỗ ở, sự săn sóc, canh chừng. Loại này đứa con nào cũng nhận được từ cha mẹ, dù chúng xin hay không. Nhưng có loại ơn khác, với điều kiện chúng phải xin. Người cha có thể nóng lòng cho con vào đại học, nhưng nếu nó từ chối học hành hoặc là đứa hư hỏng thì dù người cha có ý định ban cho đi nữa, cũng không bao giờ trở thành hiện thực. Không phải người cha rút lại ý định, nhưng bởi vì tính nết đứa con làm cho việc ban ơn vô hiệu. Chúa Giêsu nói về loại ơn thứ nhất trong Matthêu (5,45) khi phán: "Mưa rơi xuống trên kẻ dữ người lành", về loại ơn thứ hai khi phán: "Hãy xin thì sẽ được, hãy gõ thì sẽ mở cho".

Như vậy, cầu nguyện không nguyên báo tin Thiên Chúa về những nhu cầu của ta. Ngài quá biết chúng: "Anh em có Người Cha trên trời, Ngài biết rõ anh em cần đến những thứ đó" (Mt 6,32). Nhưng mục tiêu của cầu nguyện là để cho Ngài cơ hội ban ơn. Ngài sẽ đổ ơn xuống khi chúng ta sẵn sàng lãnh nhận. Chẳng phải đòi mất làm nên ánh sáng chung quanh chúng ta. Chẳng phải hai lá phổi làm ra không khí bao bọc chúng ta, nhưng là ánh sáng mặt trời đã hiện diện sẵn ở đó nếu chúng ta không nhắm mắt để nhìn và không khí luôn có sẵn, nếu chúng ta không muốn thở, ơn lành của Thiên Chúa ở khắp mọi nơi nếu chúng ta không nổi loạn chống ước muốn ban ơn của Ngài.

Người ích kỷ, chỉ nghĩ đến mình thì sẽ cầu nguyện kiểu xin xỏ. Người rộng lượng nghĩ đến hàng xóm, sẽ cầu nguyện kiểu xin ơn trợ giúp. Người yêu thương và phục vụ Chúa sẽ cầu nguyện kiểu phó thác cho Thánh ý của Chúa. Đây là kiểu cầu nguyện của các vị thánh. Cái giá phải trả cho lối cầu nguyện này khá cao đối với đa số tín hữu, bởi lẽ nó đòi hỏi từ bỏ bản thân. Nhiều linh hồn ước ao Thiên Chúa thực hiện ý họ, họ báo cáo những chương trình trọn vẹn lên Ngài và cầu xin Ngài chuẩn y nguyên bản, không thay đổi. Kinh Lạy Cha sẽ được họ sửa lại: "Ý con thể hiện dưới đất cũng như trên trời". Thật khó khăn cho Thiên Chúa muôn thuở ban mình cho những kẻ chỉ thích

điều chóng qua. Những linh hồn sống ở mức "tôi" và từ chối bước lên mức thần linh, thì giống như quả trứng, vĩnh viễn giữ trong tủ lạnh, không bao giờ được ấp nở, đến nỗi chẳng bao giờ được sống ngoài cái vỏ của sự phát triển thiếu sót của riêng mình. Mỗi cái "tôi" đều chỉ là bào thai.

Ở đâu có tình yêu, ở đâu có tư tưởng về nhân vật chúng ta yêu: "Kho tàng người ở đâu thì lòng trí người ở đó" (Mt 6,21). Mức độ dẫn thân và yêu mến tùy thuộc vào giá trị mà chúng ta đặt trên đối tượng. Thánh Augustino nói: "Amor meus pondus meum" (tình yêu là sức nặng của tôi). Tình yêu chính là lực hấp dẫn. Mọi sự đều phải có tâm điểm. Một học sinh cảm thấy học hành rất khó nhọc, bởi lẽ cậu yêu thích thể thao hơn kiến thức, người doanh nhân khó nghĩ về hạnh phúc trên trời, bởi vì ông ta đang bận tâm làm đầy kho lẫm. Một người yêu thích cảm giác xác thịt thấy khó mà yêu mến tinh thần, bởi vì kho tàng của anh ta nằm nơi thân xác. Người ta trở nên giống cái người ta yêu thích. Nếu anh ta yêu mến vật chất, anh ta trở nên giống vật chất. Ngược lại, nếu yêu mến tinh thần, anh ta sẽ trở nên tinh thần trong quan điểm, tư tưởng và khát vọng của mình. Sau khi đã nêu ra tương quan giữa tình yêu và cầu nguyện, chúng ta dễ hiểu tại sao lại có những người nói: "Tôi không có thời gian để cầu nguyện". Họ thực sự không có, bởi lẽ đối với họ các bổn phận khác khẩn thiết hơn, các kho tàng khác quý báu hơn, các lợi ích khác vui thỏa hơn. Giống như những cái đồng hồ đeo tay, nếu bạn để sát vào chiếc nam châm, nó ngưng chỉ đúng giờ. Cũng vậy những trái tim quá mãi mê những sự vật bên ngoài chẳng bao lâu sẽ mất khả năng cầu nguyện. Tuy nhiên một người thợ kim hoàn có thể lấy nam châm ra khỏi cái đồng hồ và lấy lại giờ giấc theo xoay vần bầu trời thì con người tự kỷ cũng có thể giải trừ cái "tôi" bằng cầu nguyện, và có khả năng yêu mến những điều vĩnh hằng và tình yêu thần linh.

Một hình thức cầu nguyện cao hơn xin xỏ - và là phương thuốc chữa trị tính vọng ngoại là suy ngắm. Suy ngắm giống như mộng mơ giữa ban ngày hay nhật du, nhưng với hai sự khác biệt quan trọng. Trong suy ngắm chúng ta không nghĩ đến mình hay ngoại cảnh mà tập trung vào Thiên Chúa. Thứ hai thay vì tưởng tượng xây dựng những lâu đài ươn lười trong nước Tây Ban Nha thì chúng ta dùng lòng muốn để hạ những quyết tâm, lôi kéo mình đến gần một trong các dinh cơ của Thiên Chúa. Suy ngắm như vậy là hành động tiến bộ hơn đọc kinh. Nó có thể so sánh với thái độ của một đứa trẻ chạy vào lòng mẹ nói: " Con sẽ không phá phách nếu mẹ bằng lòng cho con ở đây và xem mẹ làm việc", hay giống như một người lính nói với cha sở họ Ars: " Con chỉ đứng trước nhà tạm, Chúa nhìn con và con ngắm Chúa".

Nguyện ngắm cho phép linh hồn ngưng chiến đấu phân tán bề ngoài bằng nhận biết bề trong sự hiện diện của Thiên Chúa. Nó đóng cửa, loại thế giới ra, và để thần khí lọt vào linh hồn. Nó khuấy phục ý muốn mình trước tác động của Thánh ý Chúa. Nó cho phép chân lý siêu nhiên soi rọi mọi hành động, suy nghĩ, nói năng, của chúng ta, thâm nhập bên dưới những tầng lớp của tính tự lừa dối mình và ích kỷ. Nó lôi chúng ta ra trước tòa án Thiên Chúa, ngõ hầu xem thấy rõ chân tướng của mình chứ không phải tưởng tượng. Nó bịt miệng cái "tôi" đáng ghét của chúng ta để rằng có thể nghe thấy các ước mong của trái tim Thiên Chúa. Nguyện ngắm còn có thể sử dụng các tài năng của chúng ta, không phải để tưởng nghĩ những vấn đề xa lìa Thiên Chúa, nhưng để thúc đẩy ý chí đáp ứng hoàn hảo hơn Thánh ý Chúa. Nó thực sự trau dồi hiểu biết Thiên Chúa như chân lý tối cao. Nó giải phóng

chúng ta khỏi những thành kiến, định ý sai lạc ngõ hầu giúp loại bỏ những tư tưởng ngông cuồng của mình!

Nguyện gãm tẩy trừ khỏi đời sống mỗi người những cản trở cho đời sống kết hiệp mật thiết với Thiên Chúa, đồng thời kiên cường những khát mong làm mọi việc vì Chúa, vì vinh quang của Ngài. Nó lấy khỏi đôi mắt chúng ta những phù vân đời này để nhận thức đầy đủ tính tạo vật, lệ thuộc hoàn toàn vào Thiên Chúa trong những công việc của Ngài, như tạo dựng, tồn tại từng giây phút về ơn cứu chuộc. Như vậy, suy gãm không phải là xin xỏ (một kiểu sử dụng Thiên Chúa) và xin Ngài ban cho điều chi, nhưng là đường lối từng phục Ngài, xin Ngài sử dụng chúng ta.

Trong việc nguyện ngắm, đôi tai của linh hồn quan trọng hơn chiếc lưỡi, thánh Phaolô dạy chúng ta rằng: Đúc tin đến từ lắng nghe. Đối với nhiều người họ phạm lỗi với Thiên Chúa như kiểu họ phạm lỗi với bạn bè, nghĩa là nói toàn thời gian. Chúa Giêsu đã cảnh cáo những ai nói nhiều giống như dân ngoại, họ tưởng cứ nói nhiều là được nghe lời (Mt 6,7). Chúng ta có thể lịch sự với Thiên Chúa bằng cách hấp thụ các cuộc chuyện trò của Ngài và áp dụng cho mình lời Kinh thánh: "Lạy Chúa xin hãy nói, vì tôi tớ Chúa đang lắng tai nghe". Thiên Chúa có rất nhiều điều phải nói với chúng ta, những điều luôn soi sáng chúng ta. Cho nên phải chờ đợi để Ngài nói: Chẳng ai có bệnh mà chỉ nhảy bỏ vào văn phòng bác sĩ, rũ bỏ các triệu chứng, rồi lại chạy ngay ra ngoài, mà không cần bác sĩ khám bệnh. Không ai bật máy radio rồi lại lập tức rời căn phòng. Đúng là ngu xuẩn khi bấm chuông cửa Thiên đàng, rồi chạy biến mất. Đúc Chúa Trời sẵn sàng lắng nghe chúng ta hơn là chúng ta nghĩ. Chúng ta cần cải tiến việc lắng nghe Ngài. Người ta thường phàn nàn Chúa không nghe lời mình. Xin nói ngược lại, điều thường xảy ra là chúng ta không kiên nhẫn đủ để nghe Ngài trả lời.

Lời giải bày tốt nhất về những bước của suy niệm, là trình thuật buổi sáng ngày phục sinh trong Tin Mừng. Ngày đó các môn đệ hoàn toàn lạc lõng, nỗi buồn đưa họ đến câu chuyện về Chúa với một khách lạ mà họ tình cờ gặp trên đường đi làng Emmaus. Đây là bước thứ nhất của suy niệm, họ nói chuyện "về" Chúa, mà không ý thức sự hiện diện của Ngài, tiếp theo là Chúa tỏ mình ra cho các ông. Như vậy, giống các môn đệ, chúng ta lắng nghe Ngài giải thích ý nghĩa cuộc khổ nạn và cái chết của Ngài. Cuối cùng là giai đoạn kết hiệp, được biểu trưng bằng việc bẻ bánh trong bữa ăn tối của Tin Mừng. Lúc này linh hồn kết hiệp mật thiết với Chúa Giêsu và Chúa với linh hồn. Đây là lúc linh hồn ngàen ngài chia tay, mặc dầu trời đã tối và mệt nhọc lớn dần.

Suy gãm có khả năng thăng tiến hạnh kiểm của chúng ta. Người ta thường cho rằng hành động là tất cả, chẳng cần lòng tin. Nhưng quan điểm ấy không có ý nghĩa. Bởi lẽ chúng ta hành động theo lòng tin. Hit-le đã hành xử theo chủ thuyết Đức quốc xã và sản sinh ra chiến tranh, Stalin hoạt động vì ý thức hệ Marx và Lenin, ông đã đẻ ra chế độ nô lệ. Nếu tư tưởng của chúng ta xấu, chắc chắn hành động của chúng ta cũng chẳng tốt, nguyên nhân của các việc đòi bại là những tư tưởng đòi bại. Đường lối tốt để ngăn cản vụ cướp ngân hàng là làm chia trí người chủ trương, không nghĩ đến nữa. Nói chung các bất công xã hội, chính trị, kinh tế là những cái xấu trong tâm hồn trước đã, chúng phát xuất từ trí khôn. Chúng trở nên cái xấu xã hội bởi cường độ của chúng trong đầu óc con người.

Chẳng có chi xảy ra trên thế giới mà không bắt nguồn từ tư tưởng. Vệ sinh sạch sẽ không phải là thuốc chữa bệnh vô luân lý, nhưng nếu nguồn mạch tư tưởng được giữ gìn trong sạch, thì chẳng cần chăm lo cho phản ánh của nó trên thể xác. Một giờ mỗi ngày nguyện gẫm sẽ đổ đầy tâm hồn các tư tưởng lành thánh và các quyết tâm yêu mến Chúa, yêu mến tha nhân, trên hết mọi sự. Khi ấy dần dần sẽ tuôn tràn tình yêu đến mức độ người ta gọi là tiềm thức. Cuối cùng phát sinh hành động tốt mà không cần cố gắng. Mọi người đã từng xác nhận, hàng ngàn lần trong cuộc sống mình, tính phát sinh hành vi của các tư tưởng. Thí dụ khi coi bóng đá, nếu thấy có cơ hội tốt để sút bóng, khán giả sẽ uốn éo mình hơn là cầu thủ đang dong bóng, tư tưởng lúc ấy khá mạnh đến nỗi ảnh hưởng đến thân xác. Nói chung các tư tưởng thường có những biểu hiện như vậy. Ý nghĩ sợ hãi thường gây nên "nổi da gà" và đôi khi làm cho máu dồn xuống chân tay. Chúa đã tạo dựng chúng ta như vậy, để rằng khi sợ hãi chúng ta hoặc chiến đấu hoặc chạy trốn.

Tư tưởng của chúng ta tạo nên những ước muốn và ước muốn xây dựng cuộc sống hàng ngày. Ước muốn chủ lực là định mệnh rõ nét nhất, ước muốn được thành hình trong tư duy và suy gẫm. Và bởi vì hành động được ước muốn hướng dẫn, cho nên linh hồn tràn ngập những khao khát thánh thiện sẽ cảm thấy dần dần xa lánh thế gian, không còn làm môi cho những đề nghị của quân thù nữa. Hạnh phúc sẽ tăng trưởng. Các khao khát thế gian thực ra chẳng bao giờ được thỏa mãn hoàn toàn và do đó sự loại bỏ chúng làm cho người ta bớt lo âu.

Nếu người ta không ngớt suy niệm về Thiên Chúa, thì sẽ có một cuộc cách mệnh toàn bộ trong hành vi của họ. Nếu ban sáng hấn nhớ đến Chúa khiêm nhường mặc lấy số phận người tội hèn mọn, thì hấn chẳng thể có thái độ kiêu căng đối với thiên hạ suốt ngày hôm ấy. Nếu suy niệm về ơn Ngài cứu rỗi mọi người, chắc chắn hấn ngưng ngay kiêu ngạo. Bởi vì Chúa đã gánh lấy tội trần gian nên những ai suy tư về chân lý này sẽ sẵn sàng vác lấy gánh nặng của láng giềng, mặc dù nó không phải do mình gây nên. Cũng như Chúa gánh tội không do Ngài làm ra. Suy gẫm về lòng Chúa xót thương, tha thứ cả những kẻ đóng đinh mình, người ta sẽ dễ thứ tha cho những ai xúc phạm đến họ, để rằng họ cũng được Thiên Chúa khoan dung. Những tư tưởng như vậy không phải của chúng ta vì chúng ta không có khả năng nghĩ tới, thế gian cũng thế, bởi vì là những tư tưởng siêu nhiên chỉ có thể đến từ Đức Chúa Trời.

Một khi tính yếu hèn của chúng ta phục tùng quyền năng Thiên Chúa, thì cuộc đời thay đổi và chúng ta không còn lệ thuộc vào tâm trạng mình nữa. Thay vì để thế gian quyết định não trạng của chúng ta thì chúng ta quyết định não trạng của linh hồn mà thế gian phải đối mặt. Trái đất mang theo bầu không khí với nó, khi quay quanh mặt trời. Cũng vậy linh hồn mang theo bầu khí thần linh bất chấp những xáo trộn của thế giới bên ngoài. Có những giây phút nguyện ngắm tốt, đời sống Thiên Chúa thâm nhập linh hồn, và có những giây phút linh hồn thâm nhập vào đời sống Thiên Chúa. Những diễn biến này biến đổi chúng ta. Người ốm đau, sợ sệt, yếu thần kinh, có thể được khỏi bệnh bởi sự hiệp thông giữa tạo vật và Tạo hóa của mình, tức để Thiên Chúa ngự vào lòng. Nhà tâm lý trị liệu nổi tiếng, bác sĩ J.D.Hadfield nói: "Tôi đã từng cố gắng chữa trị các bệnh nhân bồn chồn lo lắng bằng cách khuyên họ ở tĩnh mịch và tự tin, nhưng thất bại, cho đến khi tôi liên kết các đề nghị ấy với

lòng tin vào quyền năng Thiên Chúa Đấng là điểm tựa, tin tưởng và hy vọng của các tín hữu, lập tức các bệnh nhân được lành mạnh".

Không có thời gian suy gẫm là một câu nói dối hoàn toàn. Người ta càng ít nghĩ đến Chúa, càng ít thời gian cho Ngài, thời gian dành cho cái gì lệ thuộc vào giá trị người ta lượng định. Tư duy xác định việc sử dụng thời gian, thời gian không điều khiển tư duy của chúng ta. Như vậy vấn đề đời sống thiêng liêng không phải của thời gian. Nó là vấn đề của tư tưởng. Không cần nhiều thời gian để nên thánh, chỉ cần tình yêu mà thôi.

Thuốc chữa của căn bệnh thiếu thời gian suy gẫm là thánh hóa từng giây phút hiện tại. Chúa Giêsu đã ban nguyên tắc cho chúng ta khi nói: "Vậy anh em đừng lo lắng về ngày mai, cứ để ngày mai lo, ngày nào có cái khổ của ngày ấy" (Mt 6,34). Nghĩa là từng ngày có thử thách riêng của nó. Chúng ta chẳng thể mượn những rắc rối của ngày hôm sau. Bởi lẽ ngày hôm sau cũng có những thánh giá riêng. Chúng ta nên trao phó quá khứ vào lòng thương xót Chúa và ký thác tương lai với những thách thức của nó cho sự quan phòng đầy yêu thương của Ngài. Mỗi giây phút của cuộc sống đều có bản phận, bất chấp diện mạo của giây phút đó ra sao, khoảnh khắc hiện tại là khoảnh khắc cứu độ. Mỗi lời phàn nàn về nó là một thất bại, ngược lại hành động chấp nhận là chiến thắng.

Khoảnh khắc hiện tại bao gồm những biến cố, sự việc mà chúng ta có quyền điều khiển, nhưng cũng có nhiều khó khăn không thể tránh khỏi. Các khó khăn như làm ăn thất bại, bệnh tật, mưa nắng, thời tiết, khách không mời mà tới, chiếc bánh trượt xuống đất, điện thoại hư, con ruồi trong ly sữa, cái nhọt trên mũi trước đêm dạ hội. Luôn luôn chúng ta không biết được lý do tại sao những điều tai hại như bệnh tật, những thất bại, xảy ra cho mình. Bởi lẽ trí khôn chúng ta quá bé nhỏ để có thể nắm bắt chương trình của Thiên Chúa.

Như vậy chúng ta giống như con chuột bên trong chiếc dương cầm. Nó không hiểu tại sao mình lại bị quấy rầy khi người ta chơi nhạc Chopin và bắt nó rời khỏi các dây đàn. Khi ông Gióp gặp hoạn nạn ông ta đặt câu hỏi với Thiên Chúa, tại sao ông ta được sinh ra, tại sao ông ta phải đau khổ? Thiên Chúa xuất hiện, nhưng thay vì trả lời các câu hỏi của ông, Ngài yêu cầu ông trả lời những nghi vấn lớn hơn về vũ trụ bao la. Khi thượng đế đã đổ tràn ngạt đầu óc tạo vật với những tư tưởng rộng lớn, thì Gióp nhận ra rằng câu hỏi của Thượng Đế khôn khéo hơn của ông. Bởi đường lối của Thiên Chúa không phải là đường lối của chúng ta. Ôn cứu rỗi của linh hồn quan trọng hơn các giá trị vật chất. Sự khôn ngoan của Thiên Chúa có quyền năng kéo điều tốt ra khỏi sự dữ. Trí khôn của loài người phải phát triển để chấp nhận giây phút hiện tại, dù khó khăn thế nào đi nữa, ngõ hầu hiểu đựng sức mạnh của đau khổ. Chúng ta không bước ra ngoài rạp hát bởi vì diễn viên chính bị bắn ngay hồi thứ nhất, vì chúng ta tin vào cốt truyện của tác giả, ông sắp đặt mọi sự trong đầu óc mình, cũng vậy linh hồn không thối lui ở cảnh đầu tiên của vở kịch cứu độ Thiên Chúa an bài, cảnh cuối cùng mới là cao điểm của vở kịch. Những sự việc xảy ra cho chúng ta không phải lúc nào cũng dễ hiểu và có tính thuyết phục. Nó luôn luôn nằm trong khả năng chấp nhận của đức tin và từng phục của lòng muốn.

Mỗi giây phút đem lại nhiều kho tàng cho chúng ta tiếp nhận. Nhìn một cách siêu nhiên, giá trị lao của hiện tại là nó mang tin thư Chúa gửi đến cho từng cá nhân. Sách vở, bài giảng, giờ phút phát thanh tôn giáo, có thể ví như những lá thư luân lưu cho từng linh hồn. Đôi khi những lời hiệu triệu chung chung như vậy động đến lương tâm cá nhân, người ta phản ứng giận dữ, viết những ý kiến chửi tạt để tập hợp đồng minh, lương tâm bất an, luôn luôn có những nguy hiểm cho việc quên lãng luật Chúa. Tuy nhiên dù những lời kêu gọi tinh thần hay luân lý ấy, mang theo sứ điệp chung cho mọi người lắng nghe, thì điều này không đúng đối với giây phút hiện tại. Chẳng ai khác ngoài "tôi" ở trong những hoàn cảnh, chẳng ai mang gánh nặng như nhau, dù là yếu đau, người thân qua đời hoặc nghịch cảnh khác. Chẳng có chi cá nhân hóa nhu cầu thiêng liêng của người ta hơn khoảnh khắc hiện tại. Bởi vậy nó là cơ hội hiểu biết cho một mình cá nhân đó mà thôi. Giây phút hiện tại là trường học, sách giáo khoa và là bài học của tôi. Ngay cả Chúa Giêsu cũng không từ chối học từ giây phút hiện tại. Ngài thông suốt mọi sự, trừ một loại kiến thức Ngài phải học như một người phạm. Thánh Phaolô đã viết: "Mặc dầu là con Thiên Chúa, Người đã trải qua nhiều đau khổ, mới học được thể nào là vâng phục" (Dt 5,8).

Chương 8

TÌNH YÊU THIÊN CHÚA VÀ TUÂN PHỤC THÁNH Ý

Tình yêu Thiên Chúa có ba đặc điểm: Thứ nhất, Nó là Tình yêu không bao giờ cạn. Tình yêu của nhân loại có thể giải thích, thấu hiểu, tìm về nguồn gốc, giống như dòng suối chảy từ ngọn núi, có thể truy tìm đến nguồn mạch trong hốc đá. Nhưng tình yêu thần linh là vô cùng. Nếu chúng ta bắt đầu từ nguồn mạch - trong rước lễ và cầu nguyện - chúng ta sẽ khám phá ra rằng, nó chảy vào đại dương hạnh phúc vô hạn. Điều mà chúng ta hiểu về nó chỉ là một giọt nước nhỏ xíu của đại dương ấy. Tình yêu Thiên Chúa tồn tại trước vũ trụ, và còn tồn tại sau khi chúng ta chết. Trái tim chúng ta được chia sẻ chỉ một phần rất nhỏ, như trong tình yêu của Romeo và nàng Juliet hay của Dante cho nàng Beatrice. Tình yêu vượt ra khỏi các lời của thi sĩ tài tình nhất, và lớn hơn các tác phẩm thần bí.

Thứ hai, Tình yêu Thiên Chúa vĩ đại ở thể hiện hơn là ở ước mơ. Điểm này lần nữa nó khác biệt với tình yêu trần tục, tình yêu trần tục to lớn trong tình cảm hơn trong thực tế. Các bài ca phổ thông về tình yêu đều nói: "Chúng ta sẽ được hạnh phúc biết bao." Ngược lại tình yêu Thiên Chúa không khi nào xem ra hấp dẫn hay ngất ngây thuở ban đầu. Thánh giá làm chúng ta sợ hãi. Hy sinh không ích kỷ, không phạm tội, đối với chúng ta là những cái chết nho nhỏ (Mortificatio). Tình yêu thanh sạch không tính dục, coi giống như vẻ duyên dáng bên ngoài. Nhưng khi người ta chấp nhận hy sinh thừa ruộng, để được viên ngọc, lúc ấy mới đạt tới niềm vui tuyệt vời, không lưỡi nào tả xiết. Sự khám phá

ra hạnh phúc, khiến chúng ta hành động khác biệt, đến nỗi bạn bè lầm tưởng chúng ta điên, nhưng thực tế chúng ta đã tìm lại được linh hồn mình. Lúc này chúng ta nhất quyết không đổi nó để lấy bất cứ sự gì trên thế gian.

Thứ ba, Tình yêu Thiên Chúa không bị đau khổ ảnh hưởng. Những linh hồn yêu mến Tình Yêu vĩ đại này, đôi khi cảm nghiệm đau khổ có khả năng đổ thêm dầu vào ngọn lửa. Gian nan kết hợp linh hồn với Thiên Chúa. Thánh Têrêsa gọi mỗi thử thách là một món quà Thiên Chúa gửi cho. Những linh hồn tràn ngập đau khổ, cảm thấy Thiên Chúa ngọt ngào. Một phụ nữ lớn tuổi bị bệnh phong thấp, cặp chân nhỏ bé của bà vẹo như cây ô liu trong vườn Giethsemani đã cầu nguyện tới 50 tràng chuỗi mỗi ngày. Một cô dâu trẻ tuổi viết trong nhật ký như sau: "Lạy Chúa xin giữ con trong nước Chúa ngõ hầu con thánh hóa xác thịt, con làm cho nó thành chiếc xe chạy trên đường đi tới triều thiên vinh phúc". Một người chồng trẻ có vợ bất trung, đã quyết tâm ăn ở tiết độ, hàng ngày rước lễ, cầu Chúa cho vợ ăn năn hối lỗi mà trở về với gia đình, với đức tin. Một nữ tu trong đan viện dâng lời ngợi khen Chúa khi được tin mắc bệnh hiểm nghèo, ngõ hầu dâng mạng sống như binh lính ngoài mặt trận, để đền thay cho tội lỗi thế gian. Những người lính trở về từ trận chiến thế giới đã xin đi tu, ngõ hầu lúc này họ chiến thắng quyền lực tối tăm qua cuộc đời cô tịch và đền tội. Một phụ nữ trẻ, anh hùng của một cuộc chiến tranh, cứu giúp các binh lính, nuôi dưỡng những bệnh nhân và cuối cùng lây bệnh nguy hiểm đã nói: "Tất cả những chi tôi ước ao là yêu mến Chúa hơn". Một nhà tâm lý học Do Thái rời bỏ nghề nghiệp béo bở để xin vào tu trì trong tu viện nghiêm ngặt nhất, để xin ơn trở lại cho dân tộc ông. Một phụ nữ đã hứa ăn chay kiêng thịt suốt đời để cầu cho các người công giáo bỏ đạo trở về với Thầy chí thánh.

Chỉ có tình yêu vô biên mới giải thích nổi các trường hợp đầu hàng như vậy. Bởi vì tất cả họ đều là những người hạnh phúc. Thực thế, sống ở mức độ thần linh là niềm vui khôn tả. Tôn giáo không bao giờ là vui thú đối với những ai không leo lên đỉnh cao, bằng cách từ bỏ tính ích kỷ, để nhìn thấy phong cảnh bao la. Tôn giáo mặc khải với phép Thánh Thể, thì quá hạnh phúc cho những ai kinh nghiệm. Nó vui thoả hơn là thế giới cho những người đăm đuổi tội nơ. Người tân tòng hay người thống hối là người yêu mến Chúa thật, vì đã ném mùi cả hai thế giới xác thịt và thiêng liêng. Những người chỉ sống cho xác thịt, sung sướng và lợi lộc chẳng bao giờ kinh nghiệm được hoan lạc của đời sống thiêng liêng, hẳn không thể so sánh hai thế giới, bởi chẳng hề ném cả hai.

Thực tế, tận điểm của mọi tình yêu nhân loại đều là thi hành thánh ý Chúa. Ngay cả những tình yêu phù phiếm nhất, thì cũng nằm trong nội dung vĩnh cửu. Bởi tình yêu là vĩnh hằng. Khi tình yêu chân thật phát triển, tối thiểu phải có hai nhân vật diện kiến nhau, hai nhân vật đều tìm kiếm đối tượng bên ngoài mình. Họ say mê kết hiệp với khách thể, tức Thiên Chúa. Đó là lý do tại sao khi có tình yêu Kitô giáo tinh ròng, trưởng thành, thì hai vợ chồng trở nên ngày càng đạo đức theo thời gian. Thoại kỳ thụ hạnh phúc của họ hệ tại làm theo ý muốn của người phối ngẫu, dần dần nó hệ tại làm theo ý muốn của Thiên Chúa. Như vậy tình yêu chân thật là hành động tôn giáo. Tôi yêu người phối ngẫu là vì Chúa muốn tôi yêu như vậy. Đó là sự diễn tả cao nhất của tình yêu.

Lời nói cuối cùng của Đức Mẹ trong Kinh thánh là lời phó thác hoàn toàn vào tay Thiên Chúa: "Bất cứ Ngài truyền gì, các anh hãy làm theo". Và như thi sĩ Dante nói: "Bình an của chúng ta là ở trong thánh ý Thiên Chúa". Mục tiêu của tình yêu là vâng phục Chúa Kitô. Trái tim con người bị xé nát giữa một bên là trống rỗng, một bên là nhu cầu làm đầy, giống như những chum đá ở Cana. Trống rỗng vì chúng ta là loài người. Quyền năng làm đầy thuộc về Đấng đổ nước. Kéo có trái tim nào đó không được đổ đầy, cho nên lời chia tay cuối cùng của Đức Mẹ là: "Bất cứ Ngài truyền điều gì, các anh hãy làm theo". Trái tim có nhu cầu làm trống rỗng và nhu cầu làm đầy. Khả năng làm trống rỗng thuộc nhân loại - làm trống rỗng vì tình yêu người khác - quyền phép làm đầy thuộc về Thiên Chúa mà thôi. Do đó, mọi tình yêu hoàn hảo đều kết thúc bằng câu nói: "Lạy Chúa, xin đừng theo ý con, nhưng theo Ý Cha".

Vâng lời không chỉ là thi hành những mệnh lệnh người trung sĩ trưởng ban ra. Đúng hơn nó nảy sinh từ lòng yêu mến huấn lệnh và người trao ban huấn lệnh. Công lao của vâng lời không nằm trong hành động, mà trong tình yêu. Sự tùng phục, sự sùng mộ và phục vụ mà đức vâng lời đòi hỏi, không phát sinh từ tính nô lệ mà từ hiệu quả việc kết hiệp với tình yêu. Vâng lời có tính nô lệ khi người ta không hiểu sự lệ thuộc của tình yêu.

Chúa Giêsu cứu chuộc nhân loại trong ba giờ, rao giảng trong ba năm, nhưng vâng lời trong ba mươi năm, để dạy cho thế gian kiêu ngạo, nổi loạn và độc tôn quý quyết, giá trị của vâng lời. Đời sống của gia đình là trường dạy tính nết, từ trường học này đưa trẻ dần dần hình thành hoặc tốt hoặc xấu. Hành động duy nhất của Chúa Giêsu lúc tuổi trẻ, được ghi lại là vâng lời Thiên Chúa, người Cha trên trời, Đức Mẹ Maria và thánh Giuse. Như vậy, Ngài chỉ dạy rõ bốn phạm đặc biệt của tuổi thơ và tuổi thanh niên, là vâng lời cha mẹ như đại diện Thiên Chúa. Ngài là Thiên Chúa đất trời không chứa nổi, mà lại phục tùng cha mẹ thế gian: Nếu người ta sai trẻ Giêsu đi nhắn tin cho hàng xóm, thì chính người ta sai bảo Đấng gọi các môn đệ đi rao giảng nước Trời. Nếu thánh Giuse sai trẻ Giêsu đi kiếm một dụng cụ đã mất thì chính là sai sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời và người mục tử duy nhất kiếm tìm các linh hồn thất lạc. Nếu thánh Giuse dạy trẻ Giêsu nghề thợ mộc, thì chính Ngài thiết kế vũ trụ và rồi sẽ bị giết chết bởi các phần tử cùng nghề. Nếu người ta thuê thanh niên Giêsu làm cái ách bò cho lán giềng thì chính Anh sẽ tự gọi là cái ách của thiên hạ, nhưng cái ách đó nhẹ nhàng êm ái. Nếu cha mẹ bắt con lao động trên mảnh vườn sau nhà, thì chính Ngài là thợ vườn nho của Chúa Cha. Ngài sẽ cầm bình tưới và dụng cụ làm vườn. Mọi người sẽ suy nghĩ về ý nghĩa của một đứa trẻ hết lòng tùng phục cha mẹ, để hiểu ra rằng chẳng ơn gọi từ trời nào lại trao phó cho kẻ chênh mảng bốn phạm.

Ở phương Đông có câu châm ngôn: "Các vị thần linh đầu tiên mà đứa trẻ phải khâm phục là cha mẹ nó". Câu châm ngôn khác: "Những đứa trẻ vâng lời ví như cao lương mỹ vị của các bậc thần linh". Như vậy đối với đứa trẻ thì cha mẹ đại diện cho Thiên Chúa. Và để cha mẹ không phải gánh bốn phạm quá nặng nề thì Thiên Chúa ban cho mỗi đứa trẻ một linh hồn, giống như nắm đất sét. Cha mẹ sẽ nhào nặn trong sự thật và tình yêu. Khi Thiên Chúa ban cho cha mẹ con trẻ, thì một triều thiên đã kết cho bé ở trên Thiên đàng. Khốn nạn cho cha mẹ nào, nếu con trẻ không được giáo dục để đạt tới triều thiên đó.

Có những lợi điểm lớn lao trong hành động tùng phục thánh ý Chúa. Trước hết, chúng ta tránh được quyền lực gieo tai giáng hoạ cho mình, tức những tai nạn làm cản trở đời sống bình thường và chương trình hành động, như bất ổn, bệnh tật, sự bắt buộc hủy bỏ du ngoại, hoặc điện thoại reo khi đang nghe chương trình radio yêu thích. Y khoa đã minh chứng rằng căng thẳng và lo lắng thường gây tai nạn gãy xương cho người ta hơn là những ai có lương tâm trong sạch và mục tiêu thánh thiện. Một số đàn ông, đàn bà phàn nàn rằng, không bao giờ được nghỉ ngơi, rằng thế giới là kẻ thù của mình, rằng họ chỉ có vận xấu. Những người phục tùng thánh ý Chúa không khi nào thốt ra những lời than phiền như vậy. Bất cứ điều chi xảy ra, họ đều hài lòng đón nhận.

Sự khác nhau giữa những người không bao giờ được nghỉ và những người biến giây phút hiện tại thành cơ hội để tạ ơn Thiên Chúa là như thế này: Hạng người sau sống trong môi trường tình yêu rộng lớn hơn là ước muốn theo ý riêng mình. Như một đứa trẻ lang thang chịu nhiều bất hạnh hơn đứa trẻ trong gia đình ấm cúng, cũng vậy kẻ không học biết đặt tin cậy vào Thiên Chúa gặp nhiều nghịch cảnh và hoạn nạn hơn những linh hồn yêu mến Chúa. Xem ra Thiên Chúa không tỏ mình ra ngang bằng cho mọi tạo vật. Người tỏ mình ra nhiều hơn cho những ai biến mọi sự thành niềm vui. Điều này không có nghĩa Ngài thiên vị, nhưng chỉ có nghĩa việc Ngài tỏ mình ra cho một số tâm hồn dưới những điều kiện không tốt là điều Ngài không thực hiện được. Tựa như ánh sáng mặt trời không thiên vị ai, nhưng không thể chiếu vào tấm gương bụi bặm và tấm gương trong sạch giống nhau. Trong trật tự thiêng liêng không có chi ngẫu nhiên, không có sự tranh đấu giữa các lực mù quáng để làm đau đớn chúng ta một cách tình cờ.

Tình yêu coi người mình yêu là đương nhiên và đón nhận mọi sự cuộc đời ban tặng, không cần mặc cả. Nhưng nó có thể được đối xử hoặc như một đồ cổ không cần săn sóc hoặc như bông hoa cần tưới tía. Tình yêu có thể quá ích kỷ đến nỗi không biết đến quyền lợi của kẻ khác và kéo chúng ta xuống thấp đến độ chỉ còn là sự trao đổi giữa những bản ngã. Tình yêu cần liên tục lan toả tới tha nhân gọi là tính ly tâm, tức luôn tìm kiếm tăng trưởng, đào tạo các bản ngã vị tha hơn. Tình yêu Thiên Chúa không thể tách rời yêu mến tha nhân. Lời nói yêu tha nhân, phải được chuyển dịch thành hành động và phải vượt ra ngoài ranh giới gia đình. Những nhu cầu của hàng xóm, láng giềng có khi rất cấp thiết đến độ chúng ta phải hy sinh lợi ích riêng của mình, tình yêu không lan rộng tới tha nhân sẽ chết ngay trong trứng nước vì tính ích kỷ của mình.

Đức Mẹ đã vâng theo định luật thứ ba của tình yêu. Ngay cả khi còn mang thai, Ngài đã thăm viếng bà Elizabeth, ba tháng sau thụ thai. Từ thời ấy đến nay không ai vỗ ngực khoe mình yêu mến Thiên Chúa mà không yêu mến tha nhân. Đức Maria vội vã băng qua núi đồi để thăm viếng bà chị họ. Đức Mẹ hiện diện khi thánh Gioan sinh ra, Đức Mẹ dự tiệc cưới Cana, và đứng dưới chân thánh giá khi Chúa chịu chết. Ba giây phút lớn nhất của đời người láng giềng. Vừa khi nghe thiên thần báo tin, người trinh nữ đã cất bước lên đường thăm chị họ đang có nhu cầu. Phụ nữ được phụ nữ khác giúp đỡ là tốt đẹp cực kỳ. Và người đàn bà mang Chúa Cứu Thế đến, đã tỏ ra một phép màu lạ lùng trên người chị họ, đến nỗi Gioan tẩy giả phải nhảy mừng trong dạ mẹ. Việc cưu mang Chúa Kitô không miễn trừ phục vụ Ngài. Ngôi Hai đến với Đức Mẹ không phải vì một mình Đức Mẹ mà thôi, nhưng

còn cho cả nhân loại nữa. Như vậy tình yêu mến có tính xã hội. Nếu không, nó chẳng còn là tình yêu nữa.

Sự thánh thiện không chỉ là từ bỏ, đầu hàng hay thua thiệt điều chi đó vì Chúa Kitô, nó còn là vấn đề "trao đổi". Chúa Giêsu đã chẳng bao giờ nói rằng yêu thế gian là sai trái. Ngài chỉ nói nó là một mất mát, bởi vì "lời lãi cả thế gian mà thiệt mất linh hồn thì được ích chi?" Sự trao đổi đặt nền tảng trên sự kiện có hai vật trao đổi. Trước hết, những sự vật mà ta có thể thiếu. Thứ hai, những sự vật mà ta không thể thiếu. Tôi vẫn sống mà không cần đồng mười xu, nhưng tôi không thể sống mà không có bánh mì mà đồng mười xu mua được bánh mì. Vì vậy tôi trao đổi mười xu lấy bánh mì. Trong thế giới thiêng liêng cũng vậy, tôi khám phá ra rằng khi biết Chúa Giêsu, tôi có thể sống mà không cần nhiều thứ. Thí dụ tội lỗi. Nhưng tôi không sống siêu nhiên được nếu không có ơn thánh của Ngài, vì vậy tôi trao đổi cái này lấy cái kia. Khi đã biết Ngài hơn, tôi lại thấy mình không cần các vui thú vô tội, mà cần rước lễ mỗi ngày, tôi đã trao đổi điều này với điều khác. Khi tôi thân thiết với Ngài thăm sâu hơn thì là lúc tôi chẳng cần của cải thế gian nữa, nhưng lại rất cần sự giàu có của ơn thánh Ngài. Như vậy tôi đã trao đổi cái này lấy cái khác. Và đó là lời khẩn khó nghèo. Tôi khám phá hơn nữa mình có thể sống không cần vui sướng xác thịt, nhưng không thể sống vắng bóng niềm vui tinh thần của Chúa Giêsu. Tôi đã trao đổi điều này lấy thứ khác. Đó là lời khẩn khiết tịnh. Tôi còn khám phá mình vẫn có thể sống rất tốt mà không cần ý riêng, nhưng cần thánh Ý của Ngài, tôi trao đổi ý tôi lấy Ý Ngài. Đó là lời khẩn vâng lời. Cứ như vậy các thánh đã thường xuyên trao đổi giá trị này lấy giá trị khác. Trong việc làm cho mình nghèo, họ trở nên giàu có, làm cho mình lệ thuộc, họ trở nên tự do. Sự cuốn hút của trái đất nhẹ đi, thì sự lôi cuốn của trăng sao trở nên mạnh mẽ hơn. Cho đến cuối cùng chẳng còn chi để trao đổi nữa và thánh Phaolô kêu lên: "Đối với tôi chết là một mối lợi". Bởi lẽ sự trao đổi cuối cùng là chiếm hữu Chúa Kitô trong đời sống vĩnh cửu.

Cho nên thánh thiện là từ bỏ thế gian, trao đổi thế gian với Thần linh, sự thánh thiện là tiếp tục trao đổi cao cả đó, tức màu nhiệm Nhập Thể. Chúa Giêsu nói với nhân loại: "Bạn cho Ta nhân tính của bạn, Ta sẽ cho bạn thần tính của Ta; bạn cho Ta thời gian của bạn, Ta sẽ tặng bạn đời đời của Ta, bạn đưa cho Ta giới hạn của mình, Ta sẽ ban cho quyền năng vô biên, bạn đưa Ta kiếp nô lệ của bạn, Ta sẽ đưa bạn tự do, bạn cho ta sự chết, Ta sẽ tặng bạn đời sống vĩnh hằng, bạn đưa cho Ta tính hư vô, Ta sẽ ban cho mọi sự của Ta". Và tư tưởng an ủi qua tất cả quá trình này là chẳng cần nhiều thời gian để nên thánh, chỉ cần tình yêu mà thôi.

Trong vui mừng hoặc trong sầu khổ, mọi trái tim đều cần ai đó bỏ công việc mình để lắng nghe nỗi niềm riêng của nó, đều cần ai đó ngưng các bận rộn để mang lấy gánh nặng của nó. Những người bất hạnh nhất là những kẻ khóc thầm trong yên lặng, chẳng tìm được ai lau khô nước mắt cho mình. Trên thế gian này biết bao người đàn ông, đàn bà vì tội lỗi đã tách rời khỏi tha nhân. Trong thâm tâm họ cảm nghiệm nhu cầu cấp thiết được an ủi và hướng dẫn. Trong các thành phố của chúng ta đầy rẫy các linh hồn liên tục than vãn: "Tôi có thể làm chi bây giờ?". Tòa giải tội là câu trả lời hay nhất cho họ và cho hàng triệu triệu con người khác, khao khát được tha thứ và thông cảm như Chúa Giêsu đã tha thứ và cảm thông cho Phêrô yếu đuối, cho Maria Macđala đa tình.

Hơn nữa, để bênh vực ích lợi của việc ăn năn thú lỗi, kinh nghiệm và lịch sử đã chẳng cho chúng ta hay: Việc nhận tội thành thật có giá trị sửa chữa đây sao? Mọi người đều nhận ra trong thú nhận tự phát có phẩm chất đền tội và công trạng tha thứ. Chỉ có tình cảm duy nhất bao trùm điều này - từ một người mẹ yêu cầu con thú tội bằng cách dỗ ngọt "cứ nói cho mẹ hay, mẹ không đánh con đâu - đến giáo dục trong các trường học, khi người ta khuyến khích: bạn nào đã phạm lỗi nên đủ danh dự đứng dậy và thú nhận lỗi của mình - cho đến tòa án hỏi các bị cáo trong hàng ghế - tình cảm duy nhất đó là kiềm chế hình phạt khi phạm nhân đã thú lỗi.

Như vậy, nếu một phạm nhân được tha thứ trên bình diện khiêm tốn nhận tội, thì tại sao Thiên Chúa không hành xử tương tự trên cùng điều kiện? Đó là chính điều Chúa Giêsu đã làm! Ngài đã dùng sự thú tội chân thành mà nâng lên hàng Bí Tích. Sự thú tội thuộc phạm vi nhân loại, nhưng Chúa Giêsu đã thần thánh hóa nó. Điều là tự nhiên, Thiên Chúa làm cho siêu nhiên. Cái là điều kiện cần thiết để được tha thứ, tức xưng thú lỗi lầm, thì cũng là điều kiện để Thiên Chúa phép tắc vô cùng thứ tha trong Bí Tích của lòng xót thương. Cho nên với sự dịu dàng vô cùng đó mà Ngài kể câu chuyện "Người con hoang đàng". Hấn trở về với Cha, xưng thú tội lỗi và đã được ban thưởng cái ôm hôn thấm thiết. Đó là sự diễn tả nỗi vui mừng của Thiên Chúa khi các tội nhân hối cải. Bởi lẽ, "Thiên đàng mừng vui hoan hỷ vì một tội nhân hối cải, hơn chín mươi chín người công chính không cần ăn năn."

Các thánh luôn có tinh thần hài hước. Tôi không muốn nói chỉ các Đấng đã được tôn vinh, mà toàn thể đạo binh đông đảo các tín hữu chân thật mà mỗi sự kiện, mỗi biến cố của họ nói lên tình yêu Thiên Chúa. Một vị thánh có thể được định nghĩa như sau: Người có tính hài hước thần linh. Vì lẽ chẳng có đấng nào nghiêm túc coi đời này là chỗ ở vĩnh viễn. Đối với họ, thế giới chỉ như dàn giáo thợ xây, khi đã leo được lên trời rồi và khi mọi người đã làm như vậy, thì gỡ bỏ và đốt đi. Chẳng phải vì nó hèn hạ, nhưng vì nó làm xong vai trò của mình - tức là đem hết mọi linh hồn lên cùng Chúa. Đấng thánh là người nhìn qua thế gian này, coi nó như viện giáo dục để tới nước thiên đàng và là viên đá quá độ về nhà Thiên Chúa. Đấng thánh là người coi mọi sự trên thế gian này đều là Bí Tích. Theo nghĩa hẹp thì chỉ có bảy Bí tích, nhưng theo nghĩa rộng, cái gì cũng là Bí tích, bởi cái chi trên thế giới cũng có thể dùng như phương tiện thánh hóa con người. Đấng thánh là người không bao giờ phàn nàn về bốn phận trong cuộc sống, bởi quá biết rằng toàn thể thế giới chỉ là một sân khấu và mọi người dù nam hay nữ chỉ là diễn viên. Vậy thì tại sao kẻ đóng vai vua quan, triều thiên, mũ giầy, gươm đao tre nứa, lại coi mình cao trọng hơn kẻ đóng vai dân quê? Bởi lẽ khi hạ màn xuống thì tất cả phàm nhân như nhau! Lại nữa, tại sao có kẻ nhờ vận hên mà giàu có, vinh hiển, lại tin thật rằng mình tốt đẹp hơn kẻ chẳng may dốt nát, nghèo hèn? Tại sao hấn lại vênh vang với triều thiên giả, đao kiếm giả và hành xử như thể khôn khéo hơn những nhân vật giữ vai trò thấp hèn hơn trong tấn trò đời? Vì khi đến ngày tận thế, chiếc màn buông xuống, khi chúng ta phải trả lời trước tòa án xét xử, chúng ta sẽ chẳng phải trả lời về vai trò mình đã đóng trong vở kịch mà chỉ về mình đã đóng ra sao tốt hay xấu trong những vai chỉ định cho mình?

Như vậy, đấng thánh là những người biết thiêng liêng hóa, bí tích hóa và thăng hoa mọi sự trên trần gian, biến chúng thành lời cầu nguyện. Chẳng có công việc nào quá hèn hạ đến độ không thiêng

liêng hóa được. Chẳng có sinh hoạt nào tột độ đến độ không cao thượng hóa được! Chỉ những ai không chịu phát triển cảm tính thiêng liêng mới để các cơ hội hàng ngày qua đi vô ích, không biến nó thành lời cầu nguyện hoặc rút ra các bài học bổ ích. Theo một câu chuyện truyền khẩu thì vài thế kỷ trước ở đường phố thành Florence, Ý Đại Lợi, có một phiến đá hoa cương tuyệt đẹp thuộc loại Carrara, một nghệ sĩ tầm thường nào đó đã kéo nó về bỏ hoang. Các nghệ sĩ khác đi qua và phàn nàn về sự hoang phế của nó. Một hôm ông Michel Angelo đi qua và thuê kéo về phòng điêu khắc của ông. Với cái đục, tài năng, cảm hứng và kiên nhẫn, ông đã tạc nên pho tượng vua David ngày nay. Bài học trong câu chuyện này là chẳng có chi trên đời hèn hạ hay tột độ không được công nhận, rằng chẳng có bốn phận nào bé nhỏ đến độ không đáng nâng lên bậc thánh thiện, chẳng có chi trên đời quạ thấp hèn đến độ không đẩy cao lên được.

Có một giọt nước lã nằm giữa đường phố lầy lội bẩn thỉu và ô tù. Trên mây cao một tia nắng trông thấy, nó chiếu xuống mặt nước làm cho giọt nước lung linh, run rẩy và bốc hơi với sự sống và hy vọng. Nó nâng giọt nước lên cao, lên cao tận mây xanh. Rồi một ngày kia biến nó thành các bông tuyết, rơi xuống đỉnh núi lấp lánh muôn hồng nghìn tía, đẹp tuyệt vời. Đời sống chúng ta cũng giống như vậy - thấp hèn, dơ bẩn, tội lỗi, tầm thường - ở thế gian này vẫn có thể được cao thượng hóa, tinh thần hóa, bí tích hóa, nếu chúng ta áp dụng cho nó tinh thần của Đấng nhìn thấy trong muối có lòng nhiệt thành truyền giáo, nếu chúng ta đổ vào nó những chất lửa mà ngọn lửa tình yêu sẽ biến thành kim cương, nếu chúng ta biết mang cho nó phần khởi của Chúa Giêsu Đấng chiến thắng thần chết và ban cho nhân loại được sống đời đời.

Và khi thực hiện được như vậy rồi, chúng ta sẽ hiểu tại sao Ngài đến thế giới để dạy chúng ta ý nghĩa lành thánh của khôi hài. Ngài bày tỏ cho chúng ta biết quyền năng của Ngài, sự khôn ngoan của Ngài, lòng tử tế chan hoà của Ngài, sự tha thứ của Ngài, quyền phép của Ngài trên vũ trụ, kiến thức của Ngài trong linh hồn người ta. Nhưng có một điều Ngài vẫn giữ lại, có một điều Ngài dành riêng cho những ai không coi cuộc đời này là nghiêm túc, có một điều Ngài chừa lại cho Thiên Cung, có một điều Ngài dành riêng cho những ai, như các thánh và thi sĩ, sở hữu cảm quan tinh tế về khôi hài, có một điều làm cho Thiên đàng là Thiên đàng mà Ngài giữ lại, đó là nụ cười.

Mọi sự xảy ra trên thế gian đều đã được Ngài dự liệu và biết trước từ đời đời, hoặc là do Ngài muốn, hoặc là do Ngài ban phép. Kiến thức của Ngài không tăng trưởng như của chúng ta, tức từ ngu dốt tới hiểu biết. Mùa thu không bắt gặp Ngài ngái ngủ, Ngài không phải là khoa học gia, nhưng chính là khoa học, Ngài hiểu biết mọi sự, nhưng không học từ kinh nghiệm. Ngài không nhìn xuống bạn từ thiên giới, như chúng ta nhìn xuống một tổ kiến, nhìn bạn ra vào nhà hoặc đi làm việc, rồi nói với một thiên thần, thơ ký của Ngài, ghi chép những lời không tử tế bạn nói với đứa bé bán hàng tạp hóa.

Tại sao chúng ta phải luôn nghĩ Thiên Chúa coi xem những việc xấu chúng ta làm mà không phải việc tốt? Ngài không hề ghi sổ sách việc làm của chúng ta. Chính bạn giữ sổ sách, lương tâm bạn làm chứng cho bạn. Ngài chỉ cần nhìn vào chính mình để hiểu biết mọi sự. Ngài biết hết trước khi chúng xảy ra.

Một kiến trúc sư có thể nói trước trong nhà bạn sắp xây có bao nhiêu phòng ốc và kích cỡ chính xác mỗi phòng bạn dự định xây, bởi vì ông ta là nguyên nhân xây nên cái nhà. Cũng vậy Thiên Chúa là căn nguyên tồn tại của hết mọi tạo vật và biến cố, Ngài biết rõ chúng trước khi chúng xảy ra.

Giống như cuộn phim chứa đựng cả câu chuyện được triển khai trên sân khấu lịch sử, Thiên Chúa đã thấu rõ tất cả những khả năng phát triển của nó như những bán kính toả ra từ tâm điểm của một hoàn cảnh. Vì vậy Ngài hiểu biết tất cả mọi phương hướng mà trái tim con người có thể vươn tới.

Nhưng xin đừng nghĩ Ngài biết hết mọi sự, cho nên Ngài tiền định mọi sự cho bạn, lên thiên đàng hay xuống hỏa ngục độc lập với tội phúc của bạn mà không tính đến tự do của bạn.

Xin nhớ trong Thiên Chúa, không có tương lai, hoàn toàn là hiện tại. Ngài biết mọi sự không theo tiến trình thời gian trước sau. Nhưng hiện tại đời đời, nghĩa là tất cả một trật. Kiến thức của Ngài về việc bạn hành động trong một hoàn cảnh riêng nào đó không phải là nguyên nhân gây nên cho bạn hành động. Cũng giống như kiến thức biết ngồi biết đứng của bạn là nguyên nhân trực tiếp gây nên việc bạn ngồi xuống hay đứng lên khi bạn muốn làm như vậy.

Rất có thể Đức Maria từ chối chức vụ làm mẹ Đức Chúa Trời. Cũng có thể Giuđa chống lại cám dỗ phản bội Chúa và thật lòng ăn năn. Sự kiện Thiên Chúa biết họ, mỗi vị làm gì, không ảnh hưởng vào việc họ đã hành động như vậy. Bởi lẽ bạn tự do, cho nên bạn có thể đi ngược với thánh ý Chúa. Nếu một bác sĩ biết rằng bạn cần giải phẫu để tìm lại sức khỏe, mà bạn không chịu giải phẫu, rồi chết, bạn không đổ lỗi cho ông ta được, ý chí tự do hoặc cộng tác hoặc nổi loạn chống lại tiền định. Không "vượt" qua tiền định.

Bởi lẽ, nơi Thiên Chúa không có tương lai cho nên biết trước không phải là gây nên biến cố. Bạn biết rõ thị trường chứng khoán và nhờ sự khôn ngoan, bạn tính toán chứng khoán nào có lợi, sẽ bán được năm mươi điểm trong ba tháng. Ba tháng đạt 50 điểm, liệu bạn gây cho chứng khoán đạt 50 không hay chỉ biết trước?

Thí dụ khác: Bạn đứng trên một tháp cao nhìn xuống, từ xa một người đàn ông đang tiến đến ngọn tháp. Ông ta không biết trước địa hình, còn bạn biết rõ rằng để đến tháp ông ta phải băng qua một cái hào, lội qua cái ao, vượt các bụi rậm, trèo một ngọn đồi. Bạn thấy hết, nhưng kiến thức của bạn đâu có giúp ông ta vượt khó khăn? Người lái tàu tự do lái con tàu nhưng ông ta không tự do lái con sóng, ngọn gió.

Thiên Chúa ban cho chúng ta khả năng hành động. Nhưng Ngài để chúng ta tự do sử dụng khả năng đó, vậy thì tại sao lại đổ lỗi cho Ngài khi chúng ta lạm dụng tự do ấy? Thiên Chúa sẽ chẳng phá hủy tự do của chúng ta. Hỏa ngục là chứng tá muôn đời việc chúng ta tự do nổi loạn. Nói cách khác, khả năng tự biến mình thành những kẻ điên khùng.

Câu chuyện sau đây minh họa tính nguy hiểm của tiền định mà không có tự do. Ở thời còn là thuộc địa, có một bà vợ tin tưởng tuyệt đối vào một loại tiền định nào đó, đến nỗi loài người không còn chút tự do nào cả. Chồng bà, trái lại không hề chia sẻ sự ngu xuẩn của vợ. Một hôm ông ta đi chợ, nhưng mấy phút sau trở lại tìm khẩu súng mang theo. Người vợ nói hoặc là Thiên Chúa tiền định cho anh bị bắn, hoặc là không. Nếu Ngài tiền định cho anh phải chết, thì khẩu súng của anh chẳng ích lợi gì, nếu anh không bị tiền định như thế, thì anh mang súng làm chi? Người chồng trả lời: Giả như anh bị tiền định thô dân bắn chết vì không có súng bảo vệ. Người chồng có lý. Vì nó khơi lên tự do của con người, chúng ta tự làm chủ lấy mình, chịu trách nhiệm về mình. Còn những kẻ hỏi: "Nếu biết tôi mất linh hồn, tại sao Thiên Chúa còn dựng nên tôi?" Xin trả lời: "Thiên Chúa không làm mất linh hồn bạn, chính bạn tự làm mất linh hồn". Vũ trụ này có tính luân lý, và do đó có điều kiện: "Này ta đứng ngoài cửa mà gõ". Thiên Chúa gõ, Ngài không phá cửa, chiếc then cài ở bên phía bạn, không ở bên phía Chúa.

Thiên Chúa cho phép sự dữ xảy ra, vì điều tốt hơn hiện trạng, liên hệ tới tình yêu của Ngài và của phần rỗi các linh hồn. Việc Ngài cho phép sự dữ thì Kinh Thánh nói tới mạnh mẽ: Thiên Chúa không dung tha Con Một của Ngài, nhưng đã trao nộp vì mọi người: (Rm 8,32). Chúa Giêsu nói với Giuđa "Này giờ của anh"(Lc 22,23). Sự dữ như vậy có giờ của nó, tất cả hẳn có thể làm trong giờ đó là dập tắt Ánh Sáng của thế gian, nhưng Thiên Chúa có ngày tháng của Ngài.

Sự dữ của thế gian không tách khỏi tự do của nhân loại và phá hủy sự dữ của thế giới là phá hủy tự do của loài người. Chắc chắn chẳng ai muốn trả cái giá đắt như vậy, nhất là Thiên Chúa chẳng bao giờ cho phép sự dữ trừ phi để Ngài rút ra điều chi tốt lành. Chúa có thể rút điều lành ra khỏi sự dữ bởi vì khả năng làm dữ là của chúng ta, nhưng kết quả của việc dữ lại không thuộc quyền chúng ta. Do đó, nó ở trong tay Đức Chúa Trời. Bạn được tự do phá hủy luật hấp dẫn tự nhiên, nhưng bạn không điều khiển được hiệu quả của việc buông mình xuống từ tháp cao! (không trọng lực).

Anh em ông Giuse được tự do ném ông xuống giếng cạn. Nhưng từ đây ông lại ở trong tay Thiên Chúa. Sau này ông đã nói như vậy với các anh em: "Anh em đã làm điều ấy vì ý xấu, nhưng Đức Chúa Trời lại muốn khác". Các lý hình tự do đóng đinh Chúa vào thập tự, Giuđa tự do phản bội Chúa, các quan tòa tự do kết án Chúa bất công. Nhưng họ không thể ngăn cản kết quả của việc xấu họ làm, tức việc đóng đinh Đức Giêsu được Thiên Chúa sử dụng như phương tiện cứu rỗi nhân loại.

Thánh Phêrô nói tới việc đó như sự xấu Thiên Chúa biết tới và cho phép: "Đức Giêsu Nazareth là Người đã được Thiên Chúa phái đến với anh em, và để chứng thực sứ mệnh của Người, Thiên Chúa đã cho Người làm những phép màu, điềm thiêng và dấu lạ giữa anh em, chính anh em biết điều đó. Theo kế hoạch Thiên Chúa đã định và biết trước. Đức Giêsu ấy đã bị nộp, và anh em đã dùng bàn tay kẻ dữ đóng đinh Người vào thập giá mà giết đi. Nhưng Thiên Chúa đã làm cho Người sống lại, giải thoát Người khỏi những đau khổ của cái chết vì cái chết không tài nào khống chế Ngài được mãi" (Cv 2,22).

Nhưng sự dữ mà Thiên Chúa cho phép không thể lượng định bằng hậu quả tức thời, mà bằng kết quả cuối cùng. Khi bạn đi xem hát, bạn không ra khỏi rạp chỉ vì người tốt chịu đau khổ ngay từ màn đầu, bạn để cơ hội cho tác giả vở kịch trình bày toàn câu truyện. Tại sao bạn lại từ chối Thiên Chúa tâm lý đó?

Xin lấy lại minh họa ở trên, con chuột trong chiếc dương cầm. Nó chẳng hiểu được tại sao mình lại bị quấy rầy, đang khi gặm nhấm các phím đàn, bởi những tiếng động ma quái. Cũng vậy trí khôn nhỏ bé của chúng ta làm thế nào hiểu hết chương trình của Thiên Chúa? Bà Marta chẳng thể nào học được tại sao Lazarô phải chết? Nhất là em bà lại là bạn thân nghĩa với Chúa! Nhưng Thiên Chúa tỏ hiện vinh quang khi em bà từ cõi chết sống lại! Sự giết hại các hài nhi ở Belem có lẽ là để sau này chúng khỏi vào hùa với đồng bào mà kêu xin giết Chúa Giê-su.

Chúng ta phải vắt kiệt năng lực để làm tròn thánh ý Chúa, như Hội Thánh tỏ bày cho mình: Mười giới răn, các bề trên hợp pháp, những bổn phận đời sống. Mọi sự khác ngoài quyền năng chúng ta điều khiển nên phó thác và đầu hàng thánh ý Ngài.

Xin lưu ý đến sự khác nhau giữa hai cụm từ: Bên trong quyền năng và bên ngoài quyền năng chúng ta. Không có chủ nghĩa định mệnh ở đây. Một vài điều nằm dưới quyền điều khiển của chúng ta. Chúng ta không giống như người đi trên mạn thuyền nguy hiểm trong cơn bão táp rồi nói: "Tôi là kẻ theo thuyết định mệnh, tôi tin rằng khi số phận đến, chúng ta chẳng có thể làm gì nổi". Có nhiều sự thâm thúy trong câu nói sau đây của vị mục sư da đen: "Đôi lúc trong cuộc đời, bạn húc đầu vào bức tường gạch. Rồi nói nếu Chúa muốn, bạn sẽ đi qua được, bởi việc mở lối là tùy ở Ngài".

Bây giờ, chúng ta bàn về những sự việc ở ngoài quyền năng mỗi người: Thí dụ đau ốm, tai nạn, đụng xe, kẹt ngón chân tay, cãi nhau, đi chơi gặp mưa, thân nhân qua đời trong ngày cưới, cảm cúm ngày nghỉ hè, mất ví, viên long não trong túi áo vét. Thiên Chúa có thể ngăn cản những điều này, Ngài có thể làm bạn hết đau đầu, tránh cho con bạn viên đạn quái ác, báo trước chuột rút khi đang bơi, giết bỏ chết, vi khuẩn gây bệnh cho bạn. Nếu Ngài không làm là vì lý do nào khác cao hơn. Do vậy, chúng ta nên nói: "Xin vâng theo thánh ý Chúa".

Nếu bạn nói với cộng đồng sắc tộc Erin: Hôm nay trời xấu quá, thì chín trong mười lần trả lời, hẳn ta sẽ nói: "Nó là một ngày tốt để cứu linh hồn, trong mắt Thiên Chúa chẳng bao giờ có thời tiết xấu, chỉ cần quần áo tốt". Xin đừng nghĩ Thiên Chúa tốt lành vì bạn có nhiều tiền gửi ngân hàng. Đáng quan phòng không phải là thủ quỹ ngân hàng, sự thánh thiện hệ tại chấp nhận bất cứ điều gì xảy ra theo thánh ý Chúa và tạ ơn Ngài về ân huệ đó: "Không phải bất cứ ai nói: lạy Chúa, lạy Chúa là vào nước trời cả đâu, mà chỉ những ai làm theo thánh ý Cha ta Đấng ngự trên trời mới được vào nước Thiên Chúa mà thôi" (Mt 7,23).

Xin đừng mất kiên nhẫn với Thiên Chúa, bởi Ngài không lập tức trả lời những câu xin của bạn. Chúng ta luôn vội vàng, Thiên Chúa thì không. Có lẽ đây là một trong các lý do người Hoa Kỳ không thích thành Roma, vì nghe rằng người ta không xây nó trong một ngày. Những điều xấu

thường được thực hiện rất nhanh chóng, Chúa nói với Giuđa: "Anh dự tính làm gì thì làm mau đi" (Ga 12,28). Ở ý nghĩa nào đó, không có lời cầu nguyện nào mà Thiên Chúa bỏ qua. Liệu trên thế gian này có người cha nào từ chối con cái, khi nó xin món quà không tốt? Ông ta sẽ ôm nó lên và ban cho nó cái hôn âu yếm khiến nó quên bằng điều nó xin: Mỗi giây phút đến với bạn đều trĩu nặng dự tính thiêng liêng. Thời gian quả thật rất quý báu đến nỗi Thiên Chúa tính từng giây từng phút. Một khi nó rời khỏi tay bạn và quyền của bạn dùng nó, thì trôi vào đời đời và ở đó mãi mãi như bạn đã làm nên nó.

Đúng là mỗi khoa học gia sở hữu quyền điều khiển thiên nhiên khi khiêm tốn ngòì trước các sự kiện của thiên nhiên và ngoan ngoãn nghe theo nó dạy dỗ? Giống như vậy, đầu hàng Thiên Chúa và mọi sự sẽ thuộc về bạn! Một trong các nghịch lý của việc tạo dựng là chúng ta sẽ được điều khiển vũ trụ khi tùng phục nó. Như vậy bạn sẽ học được hưởng lợi từ bất lợi. Vậy các khuyết tật của bạn không phải là lý do tuyệt vọng, nhưng là điểm khởi hành của chân trời mới. Khi rơi vào hoàn cảnh ngoài sự kiểm soát của bạn, hãy làm cho nó trở nên hoàn cảnh sáng tạo của bình an, bằng cách tuân phục thánh ý Chúa. Thánh Phaolô viết từ nhà tù: "Anh em đừng quên rằng tôi đang mang xiềng xích. Bình an của Thiên Chúa ở với anh em" (Cl 4,18). Trường hợp người khác, sẽ viết: "Tôi đang ở tù. Xin Thiên Chúa xuống ơn cho tôi".

Đừng để hoàn cảnh điều khiển bạn, bạn phải điều khiển hoàn cảnh. Hãy làm chi đối với nó, ngay sự giận dữ cuộc đời cũng có thể là viên đá lót lối cho bạn được cứu rỗi, con sò làm nên ngọc trai khi có một hạt cát lọt vào trong vỏ, kích thích nó. Hãy ngưng phàn nàn về bất hạnh và đau khổ của bạn. Tạ ơn Thiên Chúa về chúng. Hãy dâng lời cảm tạ khi có điều chi nghịch lại ý muốn của chúng ta, và rồi sẽ có hàng nghìn lời tạ ơn khi việc tuân theo ý muốn chúng ta. Thánh Phaolô viết: "Trong mọi hoàn cảnh và mọi sự, hãy nhân danh Đức Kitô, Chúa chúng ta, mà cảm tạ Thiên Chúa là Cha" (Ep 5, 20). Thiên Chúa chẳng bao giờ muốn người ta ghét bạn. Nhưng Ngài muốn sự khiêm tốn của bạn. Mọi việc có thể xảy ra ngược ý bạn. Nhưng ngoại trừ tội lỗi, không có gì chống lại ý Thiên Chúa. Khi một người đến báo cho ông Gióp quân Sabeen đã đến cướp tài sản và giết chết các con ông. Gióp trả lời: Đức chúa đã ban cho, Đức Chúa lại lấy đi, xin chúc tụng danh Đức Chúa" (G 1,20).

Khi ai đó nói với bạn: Anh thế nào? (How are you?) Thì đó không phải là câu hỏi, mà là lời chào. Nếu bạn tín thác vào Thiên Chúa và tùng phục Thánh Ý Người, bạn sẽ luôn cảm thấy hạnh phúc. Bởi lẽ "Đối với những ai yêu mến Thiên Chúa, mọi sự đều sinh lợi cho họ" (Rm: 8,28). Bất cứ điều chi xảy đến cho người công chính, cũng không làm cho ông buồn" (Châm ngôn: 12,21). Vậy thì mất can đảm là hình thức của kiêu căng. Buồn sàu do ích kỷ gây nên. Nếu bạn ước ao Thánh Ý Thiên Chúa, bạn luôn được thỏa mãn. Nếu bạn ước ao cái chi, bạn chẳng được hạnh phúc trước khi có nó, và khi có rồi bạn lại không cảm thấy thích nó. Đó là lý do hôm nay bạn hoan hỷ, ngày mai bạn buồn rầu.

Cho nên chúng ta chẳng bao giờ hạnh phúc nếu phải lệ thuộc vào những điều chóng qua. Hãy thay đổi tiêu điểm, lo liệu một trung tâm mới, yêu thích những chi Thiên Chúa yêu thích. Khi ấy không ai tước mất hạnh phúc của bạn: "Anh em cũng vậy, bây giờ anh em lo buồn, nhưng Thầy sẽ gặp lại anh

em, lòng anh em sẽ vui mừng, và niềm vui của anh em không ai lấy mất được. Ngày ấy, anh em không còn phải hỏi Thầy gì nữa. Thật, Thầy bảo thật anh em, anh em mà xin Chúa Cha điều gì, thì Người sẽ ban cho anh em nhân danh Thầy. Cho đến nay, anh em đã chẳng xin gì nhân danh Thầy. Cứ xin đi, anh em sẽ được, để niềm vui của anh em nên trọn vẹn" (Ga 16,22).

Đừng sợ hãi, "Vì đây là ý muốn của Thiên Chúa, sự thánh thiện của anh em" (1 Thes 4,3). Xin đừng nghĩ nếu bạn mạnh khỏe, bạn có thể làm nhiều việc lành hơn, nếu bạn có nhiều tiền bạn sẽ rộng rãi hơn, hoặc ở cương vị khác bạn sẽ thi hành nhiều khả năng của điều thiện hơn. Điều quan trọng không phải chúng ta là gì, hoặc chúng ta làm chi, nhưng là chúng ta thực thi Thánh Ý Chúa. Đừng tin thác vào Thiên Chúa chỉ bởi lẽ công nghiệp của bạn, Ngài yêu mến bạn, bất chấp sự thấp hèn của bạn. Tình yêu của Ngài biến đổi bạn nên tốt lành hơn, chứ không phải tình trạng tốt đẹp của bạn, mà làm Ngài yêu thích bạn. Hàng ngày hãy năng tâm nguyện: "Thiên Chúa yêu tôi, Ngài luôn bên vực tôi, Ngài luôn ở bên tôi".

Cuối cùng hãy vững tin rằng thái độ của Thiên Chúa đối với bạn luôn là kiệt tác của tình yêu và thiên vị. Đừng bao giờ như một đứa trẻ, muốn giúp đỡ cha mình sửa chữa chiếc xe hơi trước khi được huấn luyện làm việc ấy. Hãy để Thiên Chúa có cơ hội thương yêu bạn, bày tỏ Thánh Ý Ngài muốn dạy dỗ bạn, trong tình cảm mến của Ngài. Hãy vui mừng, tôi nhắc lại hãy vui mừng: "Xin cho Ý Cha thể hiện dưới đất cũng như trên trời".

Chương 9

VAI TRÒ CỦA ĐỨC MARIA TRONG HỘI THÁNH

Người ta chẳng thể tiến tới pho tượng mẹ bồng con, rồi phá huỷ người mẹ mà trông đợi vẫn giữ được người con. Xúc phạm Đức Mẹ thì cũng làm cho Chúa Giêsu Hải Đồng thành ô uế. Mọi tôn giáo trên thế giới đều rơi vào huyền thoại và hoang đường trừ Kitô giáo. Đức Kitô tách biệt khỏi các thần linh dân ngoại, vì Ngài liên kết hữu cơ với một phụ nữ và với lịch sử nhân loại. "Sinh bởi trinh nữ Maria và chịu khổ nạn dưới thời Phongxiô Philatô". Coventry Patmore có lý khi gọi Đức Maria là "Vị cứu tinh độc nhất của chúng ta, ngoài Chúa Kitô". Nhờ Đức Mẹ mà chúng ta thấu hiểu dễ dàng hơn Trái Tim hiền hậu và khiêm nhường của Chúa Giêsu. Đức Mẹ liên kết tất cả chân lý lớn của Kitô Giáo lại với nhau, tựa như miếng gỗ nhỏ nắm giữ con điều trên không trung. Các trẻ chơi điều thường buộc sợi dây vào cái que rồi thả sợi dây cho con điều bay lên. Đức Mẹ giống như miếng gỗ dùng làm que đó. Chung quanh Ngài chúng ta buộc tất cả mọi sợi dây quý báu chân lý đức tin: Thí dụ màu nhiệm Nhập Thể, màu nhiệm Cứu Chuộc, bí tích Thánh Thể, Giáo Hội... Bất chấp chúng ta bay cao đến đâu trong đức tin như cánh điều khỏi mặt đất, thì chúng ta vẫn có Đức Mẹ giữ gìn chân lý vẹn toàn. Nếu chúng ta ném miếng gỗ đi, chúng ta chẳng còn con điều. Nếu chúng ta từ bỏ

Đức Mẹ, chúng ta cũng không còn Chúa Giêsu, Ngài sẽ lặn vào mây xanh như cánh diều đứt dây. Lúc ấy quả khủng khiếp cho chúng ta còn nơi dương thế!

Trái với nhiều ý kiến, Đức Maria không hề ngăn cản tôn thờ Chúa Giêsu. Chẳng có chi độc địa hơn nói rằng Đức Mẹ tước đoạt linh hồn khỏi tay Chúa Kitô. Tuyên bố như thế chẳng khác nào nói Chúa đã chọn lầm một người Mẹ ích kỷ. Chính Chúa là tình yêu. Nếu Đức Mẹ cách ly chúng ta khỏi Chúa Giêsu, thì chúng ta chẳng còn sở hữu Đức Mẹ nữa. Lúc ấy làm sao Mẹ Chúa Giêsu là nơi nương ẩn cho các tội nhân? Nếu Thiên Chúa không chọn Đức Mẹ Maria, thì chúng ta cũng chẳng có Chúa Giêsu hiện diện giữa Hội Thánh.

Khi đọc kinh Lạy Cha, chúng ta cầu xin với Cha trên trời: "Xin cho chúng con bánh ăn hàng ngày". Chúng ta xin Chúa bánh, dĩ nhiên không thể ghét bỏ nông dân làm ra lúa và thợ sản xuất bánh. Cũng vậy, các bà mẹ phân phát bánh cho các con không thể quên Thượng Đế cung cấp lương thực cho chúng ta. Nếu đến ngày thẩm phán mà Chúa Giêsu hạch tội chỉ nguyên vì chúng ta yêu mến mẹ Ngài, thì xin hãy yên tâm mà vui hưởng hạnh phúc.

Bởi lẽ tình yêu của chúng ta không khởi sự nơi Đức Mẹ, thì cũng không kết thúc nơi Ngài. Đức Mẹ là cánh cửa sổ, nhân loại đã sử dụng mà chiêm ngắm thần tính khi còn ở trần gian này. Vì có thể so sánh Đức Mẹ như một kính phóng đại làm rộng lớn tình yêu của chúng ta đối với con Ngài và làm những lời cầu nguyện của mọi người thêm sốt sắng, nóng bỏng hơn.

Thiên Chúa, Đấng tạo dựng mặt trời, thì cũng làm nên mặt trăng. Mặt trăng không có khả năng chiếm đoạt vẻ sáng chói của mặt trời. Mặt trăng phải nhờ mặt trời mà trôi dạt trên khoảng không bao la của vũ trụ, đồng thời phản chiếu ánh sáng của mặt trời. Cũng một thể cách, Đức Mẹ phản chiếu Người Con thần linh của Ngài. Không có Người Con đó, Đức Mẹ chẳng là gì. Với Chúa Giêsu, Đức Maria là Mẹ của nhân loại. Trong những đêm tối đen, chúng ta biết ơn mặt trăng. Khi nhìn thấy nó chiếu sáng trên bầu trời mây xanh, chúng ta vững bụng biết còn mặt trời. Vậy trong sự tăm tối của thế gian này, khi người ta từ chối Chúa Giêsu, ánh sáng thật của thế giới, thì chúng ta nhìn lên Đức Mẹ xin dẫn lối cho họ trong khi chúng ta trông đợi bình minh tới.

Mọi người đều mang trong tim ấn bản của người mình yêu. Cái mà người ta gọi là cú sét ái tình, thực ra là sự thể hiện của ấn bản đó, tức sự ứng nghiệm của một giấc mơ.

Triết gia Platon cảm nhận tâm lý này, nên đã chủ trương: Kiến thức của chúng ta hiện thời là phản ánh kiến thức tồn tại từ trước. Thực tế không đúng như ông ta nói. Nhưng đúng, nếu chúng ta hiểu nó như thể mình đã có một hình ảnh nào đó trong trí khôn. Hình ảnh mà trí khôn, tập quán, kinh nghiệm và khao khát của chúng ta làm ra. Nếu chẳng vậy, thì làm thế nào có thể nhận ra ngay nhân vật hay đồ vật mà chúng ta yêu thích? Trước khi gặp người nào đó chúng ta đã có sẵn cái mẫu hay khuôn trong đầu óc về những gì mình ưa và không ưa. Một số đối tượng am hợp với khuôn mẫu đó, số khác không.

Cho nên, lần đầu tiên nghe một điệu nhạc, chúng ta ưa thích hoặc không ưa thích ngay. Chúng ta phán đoán nhờ vào khuôn mẫu đã nằm sẵn trong trái tim mình. Những trí khôn ưa giắt gân, chẳng thể ở yên trên một đối tượng tư tưởng, hoặc vững bền trên một lý tưởng, thì yêu thích nhạc kích động, nhảy nhót, ồn ào. Những tâm hồn phẳng lặng yêu thích nhạc nhẹ nhàng êm dịu. Cho nên khi nghe đúng giai điệu mình yêu thích, chúng ta nói: Đúng rồi, vậy mới hay. Trái tim có lý lẽ riêng, điệu nhạc riêng của nó không ai giải thích được. Đối với tình yêu cũng vậy. Có một kỹ sư nhỏ xíu làm việc trong mỗi trái tim. Ông phác họa những mẫu tình yêu lý tưởng từ những nhân vật bên ngoài mà ông từng trông thấy, từ những sách vở mà ông từng đọc, từ những hy vọng, khát khao, mơ ước, để rồi hy vọng một ngày nào đó ta sẽ bắt gặp các đối tượng như vậy. Lòng ta sẽ thỏa mãn lúc xem thấy đối tượng cụ thể đang đi đứng, và lúc đó, lý tưởng nhập thể hoàn toàn vào người ta yêu thích. Như vậy là một cảm tính tức thời. Bởi vì nó đã nằm sẵn ở đây, chờ đợi từ lâu rồi. Một số người đi qua cả cuộc đời mà không gặp được lý tưởng của mình cụ thể hóa. Quả là một điều bất hạnh nếu trọn đời không gặp được lý tưởng! Tuy nhiên lý tưởng tuyệt đối của mỗi trái tim luôn tồn tại. Và đó là Thiên Chúa. Tất cả tình yêu loài người chỉ là bước khởi đầu vào cõi vĩnh hằng. Một số linh hồn có điểm phúc tìm thấy lý tưởng chân thật ngay, mà không trải qua bóng mờ của nó.

Đức Chúa Trời cũng có bản vẽ mẫu của mọi tạo vật trong trí óc Ngài. Như một kỹ sư curu mang bản vẽ của ngôi nhà, trước khi nó được xây dựng, thì Thiên Chúa cũng có bản mẫu của hết mọi sự: Bông hoa, cây cối, chim chóc, điệu nhạc, tứ thời bát tiết. Chẳng khi nào cây cọ đưng vào tám vãi, hay chiếc đục đưng vào tảng hoa cương, mà không có khuôn mẫu tồn tại sẵn trong trí óc người nghệ sĩ. Cũng vậy từng nguyên tử, từng bông hoa hồng thực tế là sự cụ thể hóa, hiện thực hoá của một hình ảnh tồn tại trước trong tâm trí Thiên Chúa từ thuở đời đời. Tất cả những thụ tạo dưới con người đều đáp ứng đầy đủ bản vẽ mà Thiên Chúa có trong trí óc Ngài. Một thân cây đúng là thân cây vì nó am hợp chính xác ý muốn của Thiên Chúa. Một bông hoa hồng đúng là bông hồng như ý Chúa muốn vậy. Tuy nhiên tạo vật "người" thì không chính xác như Thiên Chúa muốn, nên Ngài phải có tới hai bản vẽ về con người. Một bản vẽ như chúng ta đang sống, bản khác như lý tưởng chúng ta phải sống. Ngài có một bản vẽ mẫu lý tưởng về chúng ta và cũng có bản vẽ thực tế chúng ta đang cư xử, hay thực chất cụ thể của mỗi người. Nói cách khác một bản vẽ ngôi nhà và ngôi nhà đã được xây dựng, một giai điệu âm nhạc và âm thanh chúng ta chơi giai điệu đó. Ngài phải có hai ý tưởng về chúng ta, bởi lẽ giữa thực tế và lý tưởng không hoàn toàn ăn khớp với nhau. Có sự chênh lệch giữa thực tế và lý tưởng, chúng ta không đáp ứng hoàn toàn những điều Chúa muốn về mình, có thiếu sót giữa bản vẽ và cụ thể. Hình ảnh trong trí óc Ngài bị lu mờ, méo mó. Bản in bị phai màu. Bởi lẽ, một mặt, nhân cách của chúng ta chưa hoàn thành trong thời gian, chúng ta luôn cần thân thể đổi mới. Rồi đến tội lỗi, luôn làm mờ nhân cách, tức sự xấu của mình nguệch ngoạc tám bản vẽ mà tay Đấng toàn năng đã phác họa. Nó giống như quả trứng trong tủ lạnh, một vài người từ chối sức nóng của tình yêu siêu nhiên không cho quả trứng thánh thiện được ấp nở. Chúng ta liên tục có nhu cầu sửa chữa lỗi lầm, các hành vi tự do của chúng ta không ăn khớp với lý tưởng của cuộc sống. Chúng ta luôn thiếu sót về điều thiện Chúa muốn nơi chúng ta. Thánh Phaolô nói rằng chúng ta được tiền định để trở thành con Thiên Chúa, trước khi nền móng trái đất được xây dựng. Nhưng một số người không làm tròn hy vọng đó.

Tuy nhiên, một nhân vật trong toàn thể nhân loại thực tế đã làm được việc ấy, đến độ Thiên Chúa chỉ có một hình ảnh mà thôi, không cần hai. Người ấy hoàn toàn đáp ứng ước vọng của Thiên Chúa. Đó là Đức Maria, Mẹ Chúa Giêsu. Tất cả chúng ta là những dấu chứng bất toàn, nghĩa là không đáp ứng đầy đủ hy vọng của Thiên Chúa. Nhưng Đức Mẹ tương xứng trọn vẹn. Lý tưởng Chúa có về Mẹ và thực tế Mẹ sống trong xác thịt là một, không có thiếu sót. Bản vẽ và bản sao là một, hoàn hảo và đầy đủ. Mẹ đáp ứng mọi chi tiết như Thiên Chúa trù định, thấy trước và mơ ước. Điệu nhạc đời Mẹ được Mẹ trình bày đúng như Thiên Chúa đã viết. Đức Maria được quan niệm, hoạch định tương đương giữa lý tưởng và lịch sử, giữa suy nghĩ và thực tế, giữa hy vọng và hiện thực.

Vì vậy, qua nhiều thế kỷ, phụng vụ Công giáo đã áp dụng cho Mẹ lời lẽ sách Châm Ngôn. Bởi vì Mẹ là Đấng Thiên Chúa muốn chúng ta noi gương nên Mẹ nói về mình như bản vẽ vĩnh hằng trong thượng trí Thiên Chúa. Thiên Chúa yêu mến Mẹ ngay cả trước khi Mẹ được tạo dựng. Mẹ được vẽ nên như ở với Thiên Chúa không những trong việc tạo dựng và còn trước cả việc tạo dựng. Mẹ hiện hữu trong thượng trí Thiên Chúa như một ý tưởng vĩnh hằng trước khi có một người Mẹ nào trên dương gian. Đức Maria là khuôn mẫu của các bà mẹ, cho nên là tình yêu đầu tiên của vũ trụ.

Một trong những vai trò của phụ nữ là cao thượng hóa đàn ông. Bởi lẽ họ cảm nghiệm mình không ưa bê tha thấp hèn như đàn ông. Người ta càng thiên về cụ thể, tiền bạc, thực dụng, nhục dục, vật chất, linh hồn kẻ ấy trở nên lạnh nhạt với những giá trị lớn, nhất là Tình Yêu Vĩ Đại đối với linh hồn. Chẳng chi buồn chán cho bằng đong đếm, và cái có thể đong đếm lại là vật chất. Đàn bà ôm ấp nhiều lý tưởng hơn, họ không ưa chìm đắm lâu trong vật chất và mau tỉnh ngộ về những vui thú xác thịt. Bà ta khá lưỡng cực hơn đàn ông, trong ý nghĩa rằng, di chuyển nhanh và dễ dàng hơn từ vật chất đến tinh thần và ngược lại.

Ý kiến phổ thông cho rằng phụ nữ thiên về đạo đức hơn người nam, có chút sự thật căn bản. Nhưng chỉ trong phạm vi nào đó, bản tính của họ thiên nhiều về lý tưởng. Đàn bà có nhiều cảm tính về vĩnh cửu, và đàn ông về thời gian tạm bợ. Nhưng cả hai đều cần đến ơn thánh của ngôi Lời nhập thể. Trong Ngài vĩnh cửu biến thành thời gian tại hang đá Bethlehem. Một khi thoái hóa xuống các nét xấu, đàn bà gây nhiều gương mù hơn đàn ông. Chẳng chi khó coi hơn phụ nữ say sưa. Bà tục hóa bậc thánh thiêng nhiều hơn. Cái điều gọi là tiêu chuẩn "đạo đức kép", chẳng bao giờ tồn tại và chẳng có nền tảng luân lý. Nó chẳng qua dựa trên vô thức của đàn ông coi phụ nữ có nhiệm vụ gìn giữ luân thường đạo lý trong khi chính bản thân đàn ông lại thường sống bê tha.

Trong khủng hoảng, phụ nữ đứng vững vàng hơn đàn ông. Muốn chứng minh điều ấy thì nhớ lại cuộc khổ nạn của Chúa trên đồi Calvario, nó là cuộc khủng hoảng lớn nhất lịch sử. Linh hồn phụ nữ vững chãi hơn, khi chúng ta suy niệm về cuộc khổ nạn này cho công bằng, thì sự thật tỏ hiện rõ ràng: Đàn ông thất bại. Này nhé! Giữa ăn uống với Chúa lại giờ chân đạp Ngài, bán Ngài với giá rẻ mạt, 30 đồng bạc, rồi giả dối ôm hôn Ngài, gợi ý rằng mọi phản bội đời sống thánh thiêng thật khủng khiếp đến độ phải dùng tình cảm nào đó để che giấu. Philatô, nhà chính trị tiêu biểu đã sợ hãi liên hệ, kéo gây nên thù ghét cho chế độ, nếu ông tha bổng Chúa Giêsu, Người mà ông công nhận là vô tội. Ông vẫn kết án phải chết. Anna và Caipha giả dối, dựa vào phiên toà đêm hôm trước với

chúng có bậy bạ, xé áo mình ra, tưởng chừng như bị xúc phạm về tính thần thiêng của Thiên Chúa. Ba tông đồ được tuyển chọn để chứng kiến Chúa biến hình và như vậy phải có đức tin vững mạnh. Trong khủng hoảng này, lại ngủ vùi chẳng làm chứng được chi. Họ vô tư và bất cần, không lo lắng chi hết. Trên đường đi Calvario, một khách lạ tò mò nhìn vào đám đông đem Chúa Giêsu đi hành hình, đã bị ép giúp đỡ Chúa Giêsu cho đỡ khổ. Và trên đỉnh đồi buồn thảm chỉ còn lại một mình Gioan, các tông đồ khác sợ hãi trốn hết. Người ta hỏi có phải ông hiện diện là vì Đức Mẹ, người phụ nữ cần được giúp đỡ?

Trái lại, đọc Phúc âm, người ta không thấy trường hợp nào nữ giới phản bội Chúa. Trong phiên tòa xử án, có một tiếng nói phụ nữ bên vực Chúa. Bất chấp tính nghiêm khắc của các quan tòa, bà xông vào phòng, khuyên chồng là Philatô, đừng kết án người tù. Ở đường lên Calvario, mặc dầu đàn ông bị ép buộc vác thánh giá đỡ Chúa Giêsu, thì những đàn bà đạo đức của Giêrusalem khóc rống thương hại Chúa, mặc kệ các binh lính và khách bàng quan chê cười. Họ an ủi Chúa bằng những lời cảm thương và cử chỉ tử tế. Một trong các phụ nữ ấy còn dám tiến ra lấy khăn lau mặt Chúa. Sau này, đời đời người ta còn nhớ đến bà với cái tên Veronica, nghĩa là "gương mặt chân thật". Bởi lẽ gương mặt Chúa đã in rõ ràng trên tấm khăn của bà. Rồi chính lúc trên ngọn đồi cay đắng Calvario, có ba người phụ nữ hiện diện. Tên các bà là: Maria Macđala vĩnh viễn quỳ dưới chân Chúa, và người đầu tiên gặp Chúa Phục Sinh, Maria Cleophas, Mẹ của Giacôbê và Gioan; Maria trinh nữ, mẹ Chúa Giêsu. Ba người đàn bà đại diện cho 3 loại linh hồn, người ta luôn tìm thấy dưới chân thánh giá: linh hồn ăn năn, linh hồn làm mẹ, và linh hồn trinh tuyệt.

Ngày nay vì phụ nữ thất bại trong vai trò kìm chế đàn ông, chúng ta nhìn lên Đức Mẹ để phục hồi sự trinh khiết cho thế giới. Hội thánh đã công bố hai học thuyết tinh tuyền về Đức mẹ. Một, tinh tuyền trong linh hồn, đó là tín điều Vô Nhiễm Nguyên Tội. Hai, học thuyết tinh tuyền về thể xác, đó là tín điều Hồn Xác Lên Trời. Tinh tuyền không có nghĩa ngu dốt. Bởi lẽ khi được truyền tin, sinh hạ Chúa Giêsu, Đức Mẹ nói: "Tôi không biết đến người nam". Nghĩa cụ thể là Ngài chẳng hề hưởng sự vui thú xác thịt, nhưng đồng trinh thân xác, không biết đến đàn ông và còn đồng trinh vì sự hiện diện của Đức Chúa Trời trong linh hồn mình. Chẳng có cảm hứng nào lên bậc đồng trinh cho bằng gương sáng của Đức Mẹ, đời sống của Đức Mẹ quá tinh tuyền đến độ Thiên Chúa chọn Ngài làm Mẹ Đấng Cứu Thế. Tuy nhiên, Mẹ cũng thấu hiểu tính mỏng dòn của nhân loại, nên đã sẵn sàng lôi kéo họ ra khỏi vũng lầy bùn nhơ, đó là lý do Mẹ chọn Maria Macđala, một tội nhân hối cải, để đứng chung với Mẹ dưới chân thập tự. Qua các thế hệ, những ai kết hôn để được yêu thương thì Mẹ dạy rằng họ nên kết hôn để thương yêu. Những ai chưa kết hôn thì được Mẹ dạy rằng nên giữ bí mật của trinh trong cho đến khi Thiên Chúa ban cho một người bạn. Những ai ưa thích nhục dục, để cho thân xác nuốt chửng linh hồn, thì Đức Mẹ chỉ bảo, hãy để linh hồn bao bọc thân xác. Thế kỷ 20 với học thuyết của Freud về tính dục, Đức Mẹ khuyên nhủ con người phải nên giống hình ảnh Thiên Chúa qua gương Ngài. Người là phụ nữ khéo léo và trung tín trao nộp chúng ta cho Chúa Giêsu. Để đến lượt mình, Chúa Giêsu trao phó chúng ta về tay Đức Chúa Cha, Đấng là tất cả cho mọi người.

Chương 10

ĐAU KHỔ VÀ ỦI AN

Thế giới đầy đầy những người khổ đau một cách bất công và phải chịu "giây lá và tên nhọn của số phận nghiệt ngã" (lời của Shakespear trong vở kịch Hamlet) mà không vì lỗi riêng mình, thái độ của chúng ta phải thế nào trước những kẻ điêu ngoa về chúng ta? Họ cố tình, ma quái bôi nhọ thanh danh chúng ta, họ chế giễu lòng tốt của chúng ta, chê cười sự tử tế của chúng ta.

Câu trả lời nằm sẵn ở "tù" đầu tiên trên thập giá: Tha Thứ. Nếu như có ai đầy đủ quyền lực để chống lại bất công thì phải là Chúa Giêsu, đáng là công lý thần linh. Nếu có ai đầy đủ lý do để khiển trách kẻ hành hạ mình, đóng đinh chân tay mình vào cây gỗ, thì đó là Chúa chúng ta. Nhưng không. Vào đúng lúc cây cối chống lại Ngài, và trở thành thập tự; sắt thép chống lại Ngài và trở thành đinh nhọn; dây hoa hồng chống lại Ngài và trở thành mao gai; con người chống lại Ngài và trở thành lý hình, thì Ngài buông lời Tha Thứ, lời cầu đầu tiên trong lịch sử xin tha tội cho kẻ thù hành hạ mình: "Lạy Cha, xin tha cho chúng, vì chúng chẳng biết việc mình làm" (Lc 23,34).

Xin dừng lại khoảnh khắc để suy niệm những gì Ngài không nói: Ngài không nói: Tôi vô tội. Nhưng trên thế gian này ai vô tội hơn Ngài? Từ trước khi có Thứ sáu Tuần thánh và về sau, khi người ta bị treo lên thập giá, hoặc máy chém hoặc giàn xiết cổ, hỏa thiêu biết bao tội nhân vô tội nhưng thử hỏi đã có người nào không kêu gào mình vô tội? Chúa Giêsu không hề mở miệng phản đối lý hình. Bởi vì làm như vậy, Ngài mặc nhiên công nhận quyền xét xử của loài người, kẻ phạm nhân xử án Thiên Chúa! Vậy Đấng vô tội không khẳng định mình trong trắng, thì chúng ta là kẻ tội lỗi đầy mình lại dám tự nhận như vậy? Muôn đời xin đừng la lớn mình vô tội, kéo lừa dối thiên hạ. Bởi làm như vậy chúng ta ngộ nhận rằng con người chứ không phải Thiên Chúa là quan án nhân loại. Thực ra, linh hồn mọi người sẽ được xét xử không phải trước toà án loài người, mà trước tôn nhan Đấng tối cao, Thiên Chúa của tình yêu, và "Đấng thấu suốt mọi bí ẩn, sẽ thưởng công cho anh em trong bí ẩn". Ông cứu độ muôn đời của chúng ta không lệ thuộc vào thế gian xét xử, mà vào Thiên Chúa đoán xét.

Chẳng có mấy ý nghĩa khi đồng loại lên án đồng loại, cả khi chúng ta làm đúng. Bởi lẽ sự thật luôn có phản chứng của nó. Vì vậy ở đời này sự thật đã bị đóng đinh vào thập tự. Điều phải quan tâm là chúng ta nên thấy mình công chính trước sự phán xét của Thiên Chúa, bởi đó là hạnh phúc đến muôn đời. Thường tình trên thế giới khó mà tìm ra hai phán đoán giống nhau. Bởi vì người ta chỉ nhìn thấy bề ngoài. Thiên Chúa mới đọc được trái tim bên trong. Chúng ta có thể lừa dối tha nhân nhưng không thể lừa dối Thiên Chúa được.

Một điều khác Chúa Giêsu không nói trên thập giá cho các đại diện vua Caesar và của quyền bính đền thờ, là Ngài chẳng bảo họ "quí vị bất công". Thiên Chúa Cha đã ban cho Ngài mọi quyền xét xử, nhưng Ngài không sử dụng nó để nói: "Quý vị sẽ chịu khốn nạn vì việc này". Với tư thế vừa là Thiên Chúa vừa là người, Ngài thấu rõ nếu còn sự sống thì còn hy vọng. Cho nên lúc này các đau khổ kiên trì của Ngài còn khả năng cứu chuộc nhiều linh hồn đang lên án Ngài. Tại sao lại kết án trước thời

hạn Chúa Cha đã ấn định? Tại sao lại kết án sĩ quan Longinus của đạo binh Roma và Giuse của Sanhedrin Do Thái? Họ sẽ đến với vòng tay cứu độ của Ngài, và họ được tha thứ trước khi người ta mang xác Ngài xuống khỏi thập giá? Kẻ là tội nhân lúc này có thể là đáng thánh ngày mai!

Một trong các lý do Chúa để cho sống lâu là ăn năn đền tội. Chúa cho chúng ta thời gian không phải để chúng ta tích lũy tội lỗi, hay của cải không thể mang theo, mà để chúng ta sửa chữa những lỗi lầm cũ. Vì vậy trong dụ ngôn cây vả không mang hoa trái đến ba năm và người chủ nhà truyền chặt đi, bởi lẽ nó làm hại đất, thì người làm vườn thưa lại: Xin cho một năm nữa, tôi sẽ đào đất, bón phân, để nếu nó đơm bông kết trái (Lc 13,6-9). Như thế là Chúa về phe với kẻ xấu xa? Ngài cho họ thêm một tháng, một năm để họ cải thiện linh hồn bằng hối cải ăn năn, đào đất hy sinh, phạt xác và cứu được linh hồn mình.

Như vậy, nếu Chúa Giêsu không xét đoán các lý hình của mình trước kỳ hạn phán xét của họ, thì tại sao chúng ta thường làm như vậy? Nhất là khi chúng ta không có kiến thức đầy đủ về họ lại đoán họ xúc phạm đến mình? Lúc còn đang sống có thể nhờ việc tìm hãm xét đoán của chúng ta, mà họ ăn năn trở lại. Trong bất cứ hoàn cảnh nào quyền năng xét đoán chưa ban cho chúng ta, và thế giới có thể sẽ biết ơn Thiên Chúa về việc này. Bởi lẽ Ngài là quan tòa chính xác và nhân từ hơn người ta: "Các ngươi đừng đoán xét để khỏi bị đoán xét" (Mt: 7,1).

Nhưng lời mà Chúa chúng ta nói trên thập giá là: Tha thứ. Tha thứ cho các Philatô của bạn, họ không đủ can đảm để bênh vực công lý. Tha thứ cho các Hêrôđê của bạn, họ sống quá bê tha, không còn khả năng hiểu được tinh thần. Tha thứ các Giuđa của bạn, họ nghĩ chỉ tiền bạc là tất cả: "Tha thứ cho họ, vì không biết việc mình làm". Trong câu nói này gói ghém Tình Yêu của Chúa Cha và Chúa Con. Nhờ câu nói tình yêu thánh thiện của Thiên Chúa gạt bỏ tội lỗi nhân loại, nhưng vẫn y nguyên tinh tuyền. Câu nói đầu tiên của Chúa Giêsu: Tha thứ, là bằng chứng hùng hồn nhất tính vô tội tuyệt đối của Ngài. Còn toàn thể chúng ta đến giờ chết sẽ được xem thấy hằng hà sa số các tội lụy diễn ra trước mắt, đến nỗi chúng ta quá khiếp sợ để ra trước tôn nhan Thiên Chúa, mà không cầu xin Ngài tha thứ. Chúa Giêsu, ngược lại, không cần ơn tha thứ khi gục đầu chết, bởi Ngài không hề có tội lỗi nào. Lời Ngài xin tha thứ là cho những kẻ tố cáo Ngài, và lý lẽ Ngài đưa ra là: "Họ không biết việc mình làm".

Bởi lẽ Chúa Giêsu vừa là Thiên Chúa vừa là Người thật, cho nên Ngài thấu rõ mọi bí mật của trái tim con người. Kiến thức toàn năng của Ngài là nguyên do việc xin lỗi: "Họ không biết việc mình làm". Còn chúng ta quá tối tăm, chẳng thấu hiểu bao nhiêu về trái tim các kẻ thù, hoàn cảnh họ hành động, tốt xấu lẫn lộn trong hành vi của họ, cho nên khó mà tìm ra lý do để xóa lỗi. Bởi quá ngu dốt về động lực của trái tim họ, cho nên chúng ta ít có khả năng tìm ra lý do xóa lỗi.

Để có thể đoán xét người khác, chúng ta phải ở bên trong, bên ngoài họ, thì mới biết được chính xác. Việc này chỉ Thiên Chúa mới làm được. Láng giềng của chúng ta cũng rất bất khả thâm nhập như chúng ta vậy. Như thế phần đoán xét của chúng ta có nhiều khả năng sai lầm. Bởi lẽ đoán xét mà không có cơ sở thì quả là bất công. Duy một mình Chúa chúng ta có đủ cơ sở để phán đoán. Còn

chúng ta thì không. Nhưng nếu đủ cơ sở và thông biết tất cả thì Chúa lại thấy ra lý do để tha thứ. Vậy thì chúng ta là những kẻ không có quyền năng, không thông hiểu trái tim của láng giềng vì bộ óc nhỏ xíu, thì làm sao phán xét cho đúng? Chỉ còn cách cầu nguyện: "Lạy Cha, xin tha tội cho chúng vì làm chẳng biết".

Chúa chúng ta dùng từ "tha thứ" bởi vì Ngài vô tội và thông suốt mọi sự. Còn chúng ta dùng từ đó với lý lẽ khác. Thứ nhất, Thiên Chúa thứ tha cho chúng ta những tội lớn hơn tội thiên hạ. Thứ hai, chỉ bằng tha thứ mà thế giới không còn hận thù. Thứ ba, sự tha thứ của chúng ta là điều kiện để mình được tha lỗi. Bây giờ xin giải nghĩa.

Thứ nhất, chúng ta buộc phải tha thứ tha nhân bởi lẽ Chúa đã tha thứ cho mình. Chẳng có sự xúc phạm nào mà thiên hạ làm cho mình, có thể lớn hơn sự xúc phạm chúng ta chống lại Thiên Chúa do tội lỗi mình. Chúa Giêsu đã kể dụ ngôn người đầy tớ ác độc không tha thứ cho bạn mình để giải thích điểm này (Mt: 18,21). Trong dụ ngôn, ông chủ tha thứ món nợ mười ngàn nén vàng, ra ngoài lập tức hấn bóp cổ người bạn chỉ nợ y có một trăm nén bạc. Số nợ mà chủ tha cho y 1.250.000 lần lớn hơn món nợ bạn y mắc nợ. Sự chênh lệch biểu lộ chúng ta mắc nợ Thiên Chúa vì tội lỗi, lớn lao hơn người khác xúc phạm đến mình, cho nên phải tha thứ cho thù địch là lẽ đương nhiên, vì lý do Chúa đã tha thứ cho chúng ta gấp nhiều lần hơn về tội đối xử với Ngài như kẻ thù.

Bởi lẽ chúng ta chẳng khi nào tính sổ nợ với Thiên Chúa, cho nên không có khả năng tha thứ cho kẻ thù. Đó là nguyên nhân gây nên biết bao cay đắng và bạo lực trên thế giới ngày nay. Người ta từ chối nhận mình có lỗi với Thiên Chúa, cho nên chẳng bao giờ nghĩ mình cần được thứ tha! Họ nghĩ mình không cần tha thứ, cho nên họ nghĩ thiên hạ cũng vậy. Người mà không biết mình có tội với Thiên Chúa, thì ít có khuynh hướng tha tội cho người khác, thí dụ trường hợp vua David khi phạm tội ngoại tình.

Do đó, lời kết án người khác của chúng ta thực chất là tấm màn chúng ta dùng để che đậy sự yếu đuối của mình. Chúng ta che đậy tội lỗi của mình bằng những lời chỉ trích thiên hạ. Chúng ta thấy cái rác trong con mắt người khác mà không thấy cái sà trong con mắt mình. Nói cách khác: Chúng ta đeo cái bị tội lỗi thiên hạ trước ngực và cái túi tội lỗi mình sau lưng. Ông chủ độc ác nhất là người không bao giờ học vâng lời. Quan tòa nghiêm khắc nhất là kẻ không lục soát lương tâm. Người ý thức mình cần phép giải tội nhất sẽ là kẻ khoan dung nhất đối với tha nhân. Đó là điều thánh Phaolô, khi viết cho Titô, đã khám phá ra, để thương xót người ta: "Thật vậy, cả chúng ta nữa, xưa kia chúng ta cũng ngu xuẩn, không vâng lời, lầm lạc, làm nô lệ cho đủ thứ đam mê và lầm lạc, sống trong gian ác và ganh tị, đáng ghét vì ghen tương lẫn nhau" (Tt 3,3).

Bởi vì người ta thời nay quên bằng tội lỗi của mình, cho nên thói xấu thù hận trở nên cay đắng và sâu sắc hơn. Con người dễ dàng bóp cổ nhau vì vài đồng xu nho nhỏ. Họ quên Thiên Chúa đã tha thứ cho mình tới mười ngàn nén vàng. Xin hãy khuyến khích họ nhớ lại đã được Đức Chúa Trời thương xót thế nào, họ sẽ khởi sự ăn ở tốt lành với đồng loại.

Lý do thứ hai để tha thứ những kẻ xúc phạm đến chúng ta, là vì nếu chúng ta không tha thứ, thì hận thù ngày càng chồng chất, đến độ sẽ làm nổ tung thế giới vì ghen ghét. Thù hận luôn là mảnh đất màu mỡ, nếu không bị dập tắt, thì nó tự phát triển với tốc độ chóng mặt. Nhiều phe đảng lợi dụng tính chất này của hận thù, nên đã không ngừng reo rắc nó. Họ biết rằng hận thù phá đổ xã hội nhanh hơn là các đạo binh, nên không khi nào nói về báỉ ái. Cứ để hận thù phá hoại lẫn nhau và sẽ đạt tới mục tiêu dễ dàng. Lịch sử hai cuộc thế chiến chứng minh điều này là đúng.

Làm thế nào ngăn cản hận thù khi người ta và má lẫn nhau? Chỉ có con đường duy nhất là đưa má khác cho người ta và tiếp! Tôi muốn nói tha thứ. Tôi từ chối ghét bạn. Nếu tôi ghét bạn, tôi sẽ đổ thêm dầu vào lửa. Ngược lại, nếu tôi không ghét bạn, tôi sẽ giết chết lòng thù hận của bạn và tôi sẽ xóa nó khỏi mặt đất. Tôi yêu quý bạn. Đó là đường lối Thánh Stephanô chinh phục những ai thù ghét ông, giết chết ông. Thánh nhân đã cầu nguyện: "Lạy Chúa xin đừng chấp tội họ về việc này" (Cv 7,59). Nói chính xác hơn, ông đã lập lại lời của Chúa Giêsu trên thập giá. Lời của ông đã chiến thắng được tâm hồn người thanh niên trẻ tuổi tên là Saolô, hấn đứng bên cạnh trông coi y phục cho những lý hình ném đá Stephanô và đồng ý với cái chết của thánh nhân. Nếu như Stephanô nguyện rửa Saolô thì có lẽ người thanh niên này chẳng bao giờ trở thành thánh Phaolô, một mắt mát quá to lớn. Nhưng thù oán đã thất bại vì Stephanô tha thứ.

Cuối cùng, chúng ta phải tha thứ người khác, bởi chẳng còn điều kiện nào nữa để tội lỗi chúng ta được thứ tha. Thực tế, xét theo nguyên tắc luân lý thì xem ra vô phương để Thiên Chúa tha tội cho chúng ta trừ phi chúng ta có lòng thứ tha. Ngài đã nói: "Phúc cho kẻ có lòng xót thương vì họ sẽ được thương xót" (Mt: 5,7). "Tha thứ và người sẽ được thứ tha. Hãy cho và người sẽ được cho lại Thiên Chúa sẽ đong cho anh em đầy đủ lượng đã dẫn, đã lác và đầy tràn mà đổ vào vạt áo anh em, vì anh em đong bằng đấu nào, thì Thiên Chúa sẽ đong lại cho anh em bằng đấu ấy" (Lc 6,37-38).

Có một thứ luật hiển nhiên, không ai có thể thoát được. Bạn không thể gặt, nếu không gieo trước. Nếu bạn không gieo lòng thương xót nơi đồng loại, Thiên Chúa sẽ chẳng xót thương bạn. Như trong dụ ngôn trên, người chủ nợ từ chối tha nợ cho đầy tớ độc ác, bởi lẽ hấn không thương xót tha cho bạn mình món nợ nhỏ xíu. "Ấy vậy Cha Thầy ở trên trời cũng sẽ đối xử với anh em như thế, nếu mỗi người trong anh em không hết lòng tha thứ cho anh em mình" (18,35).

Nếu cái hộp đựng đầy muối, nó không thể chứa chất được nữa. Nếu tấm lòng chúng ta đựng đầy hận thù hàng xóm, làm sao Thiên Chúa đổ tình thương của Ngài vào được? Đơn giản đến như vậy mà chúng ta không hiểu? Trừ phi chúng ta đầy lòng thương xót, chúng ta sẽ chẳng được Thiên Chúa xót thương. Như vậy, thử thách thực sự của người Kitô hữu là yêu mến kẻ thù thế nào? Chứ không phải thương yêu bạn bè ra sao? Lệnh truyền của Đức Chúa Trời quá rõ: "Hãy yêu mến kẻ thù người, làm tốt cho những ai oán ghét anh em, và cầu nguyện cho những ai bách hại và nói xấu anh em, ngõ hầu anh em là con cái Thiên Chúa, Đáng làm cho mặt trời soi sáng người lành kẻ dữ và làm mưa rơi xuống người công chính cũng như kẻ bất lương." Vì nếu anh em yêu thương kẻ yêu thương mình, thì anh em có công chi? Ngay cả người thu thuế cũng chẳng làm như thế sao? Nếu anh em chào hỏi anh

em mình thôi, thì anh em có làm chi lạ thường đâu? Ngay cả người ngoại không làm như thế sao? (Mt 5,44-47).

Cho nên ta phải tha thứ ngay cả đến bảy mươi lần bảy. Hãy làm cho giờ chết được thánh thiện bằng cách tha thứ cho thù nghịch những lỗi lầm bé nhỏ, ngõ hầu Thiên Chúa sẽ tha thứ những phản nghịch to lớn hơn của chúng ta chống lại Ngài, tha thứ cho những ai thù ghét bạn, ngõ hầu bạn có thể lôi kéo họ tới tình yêu. Hãy tha thứ cho những kẻ làm thiệt hại bạn, ngõ hầu Thiên Chúa tẩy xóa các xúc phạm của bạn.

Lời đầu tiên Chúa phán từ thập giá dạy bảo chúng ta nên có những thái độ thế nào đối với những chịu đựng bất công. Lời thứ hai chỉ giáo phải ứng phó ra sao trước các đòn đau. Có hai đường lối nhìn các đòn đau: Thứ nhất, nhìn chúng không ở hướng nào cả. Thứ hai, với một ý hướng rõ rệt.

Thái độ thứ nhất nhìn đòn đau như bức tường dày đặc. Thái độ thứ hai, như khung cửa kính trong suốt. Tuy theo thái độ mà chúng ta phản ứng ra sao trong triết lý cuộc đời. Một thi sĩ đã viết: "Hai người ngồi tù cùng nhìn qua cửa sổ, một người nhìn thấy trăng sao, kẻ khác nhìn thấy bùn nhơ." Cũng thế, trên thế gian, có những linh hồn nhìn bông hoa hồng và nói: "thật là khổ, trên cành hoa đầy gai". Nhưng linh hồn khác: "thật là phần khởi trên cành gai có những bông hoa". Hai thái độ ấy biểu lộ sự khác nhau giữa kẻ trộm lành và dữ chịu đóng đinh cùng Chúa Giêsu trên ngọn đồi Calvario. Người trộm bên phải đại diện cho những ai nhìn đau đớn có ý nghĩa. Người bên trái không có ý nghĩa, tức đau khổ không được thánh hóa.

Trước hết, chúng ta suy gẫm người bên trái: Hẳn ta chịu đòn đau không nhiều hơn người bên phải, nhưng khởi sự và kết thúc cực hình của mình bằng lời nguyện rửa. Chẳng có giây phút nào hẳn liên kết đau khổ của mình với Chúa Giêsu. Lời cầu xin tha thứ của Chúa không hiệu quả hơn một bóng chim bay. Hẳn không thấy ý nghĩa của đòn đau mình chịu hơn con ruồi đậu trên tấm kính cửa sổ mà ánh sáng và sức nóng mặt trời của Thiên Chúa tràn vào ngôi nhà. Bởi lẽ hẳn không tiêu hóa được đòn đau và làm cho nó trở nên lương thực của linh hồn. Đau đớn chống lại hẳn, như vật ngoại lai lọt vào dạ dày, làm cho dạ dày đau đớn, độc hại và hủy hoại cả hệ thống tiêu hóa.

Đó là lý do hẳn trở nên cay đắng, miệng lưỡi hẳn trở thành như hỏa lò oán hận. Đó là nguyên nhân khiến hẳn nguyện rửa Chúa, Đấng đáng lẽ là mục tử chăn dắt hẳn vào thiên đàng bình an. Thế giới ngày nay đầy rẫy những con người như vậy. Đau khổ, cực hình chẳng có ý nghĩa nào cho họ. Không biết chi hết về ơn cứu rỗi của Chúa Giêsu, nên họ không quan tâm làm cho đòn đau trở thành ích lợi. Đối với họ đau đớn chỉ là vật vĩnh như miếng vá trên chiếc khăn bông của cuộc đời. Cuộc sống không hoàn toàn đoán trước được. Bởi vì đối với họ, tuổi trưởng thành đầy sóng gió theo sau thời niên thiếu lang thang bụi đời. Nếu biết về Chúa, thì họ chỉ nghĩ đến Ngài như một cái tên. Họ không có khả năng liên kết các chất liệu cuộc sống thực tế với chương trình của Thiên Chúa. Điều này là lý do giải thích tại sao các kẻ tội tin Chúa thường trở nên yếm thế, giết chết tâm linh mình và trong ý nghĩa nào đó giết chết cả vẻ kiêu diễm của bông hoa, nét mặt ngây thơ của trẻ con mà họ từ chối tới gần.

Như vậy, bài học của người trộm bên tả Chúa Giêsu đã rõ ràng. Đau đớn tự nó không làm cho người ta khá hơn. Ngược lại có cơ hội làm người ta xấu hơn. Chẳng linh hồn nào trở nên tốt hơn nguyên chỉ vì hấn bị đau tai! Đau khổ không được thánh hóa chẳng làm cho con người tiến bộ, trái lại, làm cho hấn thoái hóa. Kẻ trộm bên tả Chúa không tốt hơn khi chịu đóng đinh. Nó làm cho hấn khô héo, cháy rụi và linh hồn mờ tối. Từ chối liên hệ đau khổ với bất cứ mục tiêu nào, đương sự cuối cùng chỉ nghĩ đến mình và đến những ai sẽ mang xác mình khỏi thập giá. Đó là điều những người mất đức tin vào Thiên Chúa thường làm. Đối với họ Chúa Giêsu trên thập giá chỉ là một biến cố trong lịch sử đế quốc Rôma. Chúa không phải là sứ giả của hy vọng, bằng chứng của tình yêu. Họ có được một dụng cụ quý giá trong tay mình, nhưng đã 5 phút trôi qua mà không thấy sự hữu ích của nó. Họ sống nhưng không hề tìm hiểu ý nghĩa của cuộc sống. Họ chẳng có mục tiêu để sống. Những đau khổ chỉ làm họ cay đắng, đầu độc họ, và cuối cùng cơ may to lớn của cuộc sống trượt mất khỏi bàn tay. Cánh cửa cứu rỗi khép lại sau lưng và giống như người trộm bên trái, họ tiến vào đêm tối không được chúc phúc.

Bây giờ chúng ta suy gẫm đến người trộm lành. Anh chịu đóng đinh bên phải Chúa và là biểu tượng cho những ai nhìn đau khổ với một ý nghĩa. Lúc đầu, anh ta không hiểu, vì vậy đồng thanh với bạn mình mà nguyên rủa Chúa. Nhưng anh được ơn soi sáng vì ơn tha thứ Chúa Giêsu cầu xin với Cha Ngài cho các lý hình. Nó tương tự như ánh chớp soi lối cho chúng ta ban đêm, nó dẫn đường cho người trộm bên hữu Chúa. Anh ta nhận ra, nếu khổ đau không có ý nghĩa, thì Chúa Giêsu chịu đựng nó làm chi? Nếu thánh giá không có mục tiêu, Chúa đã chẳng leo lên đó. Chắc chắn Đấng tự xưng là Thiên Chúa, sẽ chẳng bao giờ ôm ấp nhục nhằn, trừ phi nó có khả năng biến đổi thành mục tiêu thánh thiện và thánh hóa thể gian.

Lúc đầu người trộm lành không thấu hiểu ý nghĩa của khổ đau. Nhiều lắm thì anh cho nó có sức đền đáp các tội lỗi mà anh đã phạm trong cuộc đời. Vào lúc được soi sáng, anh liền mắng kẻ trộm bên tả: "Mày đang chịu chung hình phạt, vậy mà cả Thiên Chúa, mày cũng không biết sợ. Chúng ta chịu như thế này là đích đáng, vì xứng với việc đã làm. Còn ông này có làm điều gì trái đâu?" (Lc 23,40). Như vậy anh ta đã xem thấy đau khổ có lợi cho linh hồn mình, giống như lửa thử vàng: Lọc sạch những vết nhơ, hay như cơn sốt rét, giết chết các vi trùng. Đón đau cất đi vấy bịt mắt anh. Và hướng về cây thập giá Chúa Giêsu, anh ta không thấy Ngài là kẻ bị đóng đinh nữa mà như Vua Cả trời đất.

Chắc chắn, Đấng cầu xin ơn tha thứ cho kẻ hành hạ mình, không thể ném anh ra khỏi Thiên đàng. Nên anh nói: "Lạy ông Giêsu khi nào về nước Ngài xin nhớ đến tôi". Đức tin mạnh mẽ của anh gặp được câu trả lời: "Quả thật ta nói cho anh hay, hôm nay anh sẽ ở với Ta trên Thiên đàng" (Lc: 23,42). Đúng là một phần thưởng nằm mơ không thấy. Cho nên đau khổ tự thân không phải là quá sức chịu đựng. Chỉ những ai không thấy ý nghĩa của nó, mới không chịu nổi mà thôi. Nếu người trộm lành không hiểu mục tiêu của đau khổ, hấn anh ta sẽ chẳng bao giờ cứu nổi linh hồn mình. Như vậy, đau khổ có thể là phương tiện cứu linh hồn và cũng có thể là sự chết của nó.

Tất cả đều tùy thuộc vào việc chúng ta biết liên kết đau khổ với Đấng "là nguồn vui Thiên đàng, chịu đựng thập giá". Một trong các phí phạm lớn nhất của thế giới là đau khổ không mục tiêu. Nó là

bi kịch thảm khốc của con người. Đau khổ mà không liên kết với Chúa Giêsu, không khác với tấm ngân phiếu chưa ký, chẳng có giá trị nào. Nhưng nếu nó đã được ký bằng Máu của Chúa chúng ta treo trên thập giá thì giá trị vô cùng. Một cái trán nhăn đau đớn mà không ăn khớp với đầu đội mào gai, hay một cánh tay rời rã không kiên nhẫn với cánh tay trên thập giá thì chỉ là đồ bỏ. Thế giới sẽ trở nên tồi tệ hơn với những đau khổ vô ích, mà đáng lẽ nhờ khổ đau mà nó trở nên tốt đẹp hơn. Vì vậy tất cả các giường bệnh trên thế giới hoặc là bên phải hay bên trái Chúa Giêsu. Vị trí ấy được xác định nhờ vào đau khổ tốt như người trộm lành, được đưa lên cao, hay xấu như người trộm dữ, bị hạ xuống thấp. Cho nên chẳng phải điều gì làm cho người ta khổ đau, mới biến thế giới thành kỳ bí, nhưng là những phí phạm khi chịu đau khổ. Họ quên rằng khi còn là con trẻ, họ đã từng đặt các chướng ngại vật để chiến thắng trong những cuộc chơi đó sao?

Vậy thì tại sao khi trở thành người lớn, lại không trả giá cho những phần thưởng của các cố gắng và vật lộn? Có đúng là tinh thần sẽ trở nên dũng mạnh hơn khi gặp nghịch cảnh, như con chim bay cao hơn khi gặp gió ngược? Con cá kiếm miếng ăn thì phải lội ngược dòng nước. Bình đựng thuốc thơm phải bẻ ra, dầu thơm mới tràn lan khắp phòng. Cái đục phải chạm đến phiến đá mới thành pho tượng. Hạt giống rơi xuống đất chết đi mới mang nhiều bông hạt mới. Các sông lạch phải chảy ra biển rộng mới tránh được ô nhiễm, các quả nho phải bị nghiền nát mới thành rượu ngon, và những hạt lúa phải bị xay nát mới thành bánh ăn?

Cùng lý do tương tự, đau khổ có khả năng cứu độ. Dưới quyền phép của tình yêu thần linh, các gánh nặng trên đời thành Thập giá. Tại sao những hình phạt không thể trở thành khí cụ đền tội? Tại sao chúng ta không dùng các thập giá để trở nên thánh thiện? Chúng ta chẳng thể bắt chước Ngài về quyền năng vô biên, chẳng thể nên giống Ngài về kiến thức siêu phàm, nhưng có thể nên giống Ngài trong đau khổ.

Vậy thì chỉ có con đường duy nhất nên giống Ngài, là con đường đau khổ của Ngài, chịu đựng những buồn tẻ và thánh giá, con đường thấm nhiễm tình yêu. Chẳng có tình yêu nào lớn hơn tình yêu của người thí mạng sống mình vì người yêu. Chính tình yêu làm cho các đau khổ chịu đựng được. Một người mẹ thao thức suốt đêm bên cạnh giường bệnh của con. Thế giới gọi khổ ải của bà là "mệt nhọc", còn bà gọi nó là "thương yêu". Cho nên bao lâu chúng ta nhìn đau khổ như có ích cho người khác hay cho chính linh hồn mình và làm sáng danh Thiên Chúa, thì đau đớn bao giờ cũng dễ chịu đựng. Một đứa bé bị mẹ cấm không được tới gần hàng rào gai nhọn. Nó không vâng lời và rơi vào hàng rào, bị què không đi được nữa. Bà mẹ la rầy và bảo thế là què cả đời. Nó trả lời: "Con biết lỗi của con, con sẽ chẳng bao giờ đi được nữa, nhưng nếu mẹ tiếp tục yêu con, con chịu đựng được tất cả". Các đau đớn của chúng ta cũng vậy, nếu còn cảm nghiệm tình yêu Thiên Chúa.

Nếu chúng ta được bảo đảm Thiên Chúa hằng yêu thương săn sóc mình, thì sẽ tìm thấy niềm vui trong việc tiếp tục công nghiệp cứu chuộc của Ngài. Lúc ấy chúng ta cũng sẽ là Đấng cứu thế với chữ đ thường, còn Ngài với chữ Đ hoa. Và chúng ta hiểu được sự khác nhau giữa các từ "hy sinh" và "đau đớn". Hy sinh là đau khổ với tình yêu, đau đớn là đau khổ không có tình yêu. Khi thấu triệt

được sự khác biệt ấy, chúng ta sẽ trả lời rõ ràng cho những ai nghĩ rằng Thiên Chúa để chúng ta phạm tội mà không xót xa.

Trong khốn khổ cùng cực thế giới kêu lên cùng Tạo hoá:

Lạy Ngài, xin xóa hết khổ đau.

Xin xóa đuôi bóng đen bao phủ địa cầu mà Ngài đã làm nên.

Xin tháo gỡ xích xiềng trói buộc tâm can, xin cất đi gánh nặng đè trên đôi cánh để chim có thể bay.

Lạy Ngài, xin xóa mọi khổ đau trên thế giới mà Ngài đã dựng nên. Để thế giới yêu mến Ngài hơn.

Thượng đế trả lời cho thế giới Ngài đã dựng nên:

Ta sẽ xóa hết khổ đau ư?

Khổ đau mà linh hồn chịu đựng?

Để được mạnh mẽ nhờ thử thách?

Ta sẽ lấy đi sự thương cảm ư? Thương cảm nối kết trái tim với trái tim?

và làm cho hy sinh thành cao thượng?

Liệu người đồng ý để mất hết anh hùng từ trong ngọn lửa bước ra? Và những gương mặt sáng láng nhìn trời cao?

Ta sẽ lấy đi tình yêu cứu chuộc giá đắt? Và những nụ cười trong hy sinh? Liệu người bằng lòng vứt bỏ cuộc sống đang leo lên cùng Ta, Đấng Kitô trên thập tự không?

(Thơ của George Stewart)

Tôi và bạn đã từng xin Thiên Chúa nhiều ơn lắm và chẳng mấy khi được nhận lời. Người trộm lành cũng đã từng xin ơn trong suốt cuộc đời của anh ta, nhất là xin cho được nhiều của cải, nhưng chẳng được chấp nhận. Tuy nhiên có một thứ ơn chúng ta xin là được nhận lời ngay, cho dù các ơn vật chất khác chẳng mấy khi xin mà Chúa ban cho. Có một thứ ơn chúng ta có thể xin ngay lúc này, giờ này, phút này, nếu chúng ta đủ can đảm xin. Và Chúa ban ngay trước khi đêm về. Lời cầu nguyện mà Chúa không hề từ chối, cũng sẽ chẳng bao giờ khước từ cho bất cứ ai xin. Đó là ơn chịu đau khổ. Hãy xin Ngài gởi cho bạn thánh giá và bạn luôn được nhận lời.

Nhưng tại sao Thiên Chúa không luôn nhận lời chúng ta cầu xin, để được tăng lương, được chức vụ cao hơn, được nhiều tiền bạc, của cải? Tại sao Ngài từ chối lời cầu xin cho người trộm bên tả Chúa Giêsu ngõ hầu giải thoát hẳn khỏi khổ hình thập tự? Tại sao Ngài nhận lời người trộm bên hữu và tha thứ cho hắn? Câu trả lời là: Ân huệ vật chất kéo chúng ta ra xa Thiên Chúa, nhưng đau khổ làm ngược lại, đem chúng ta tới gần Ngài, Thiên Chúa không muốn thế gian chiếm đoạt chúng ta. Ngài muốn ở với chúng ta, bởi vì Ngài đã chết cho chúng ta.

Câu hỏi lúc này là tại sao những người vô tội chịu đựng khổ đau? Tôi không có ý ám chỉ những người vô tội chịu đau khổ một cách vô tình, hoàn cảnh nào đó gây nên đờn đau cho họ. Nhưng tôi muốn nói các linh hồn tốt lành, cố ý tìm kiếm khổ đau. Họ khát khao đau khổ đến độ bắt nhẫn cho tới khi tìm được một thánh giá. Nói rõ hơn, tại sao những linh hồn như đan sĩ dòng Camêlô, chị em

dòng Clara, các thầy dòng Trapist, chị em nghèo khó và hàng tá các dòng khổ tu khác trong Hội Thánh, họ chẳng ham gì khác ngoài việc hy sinh và đau khổ cho các kẻ có tội? Chắc chắn việc khổ chế này không liên hệ với tội lỗi cá nhân. Chúa chúng ta cũng dạy như vậy khi trả lời cho những kẻ hỏi Ngài về trường hợp người thanh niên bị mù từ lúc mới sinh: "Ai đã phạm tội? Người này hay cha mẹ hắn?" Chúa trả lời: "không ai cả".

Nếu chúng ta muốn tìm câu trả lời, chúng ta cần quán triệt không những khổ đau của người vô tội, mà cả khổ đau của chính sự vô tội. Nghĩa là tập trung lưu tâm vào hai nhân vật vô tội nhất trên trái đất này: một là Chúa Giêsu, hai là Mẹ Ngài, Đức Maria. Chúa Giêsu tự bản tính là Đấng vô tội, Ngài là con Đức Chúa Trời vô cùng thánh thiện. Đức Maria vô tội do ơn thánh Ngài, Ngài là Đấng vô tội duy nhất trong bản tính loài người. Vậy mà cả hai đấng thánh đã chịu khổ đau đến tận cùng. Tại sao Chúa Giêsu lại phải vác thánh giá trong khi với quyền năng Thiên Chúa, Ngài dễ dàng tránh khỏi? Tại sao Đức Mẹ, đáng đầu thai tinh tuyền lại chịu đau khổ? Ngài có thể tránh khỏi vì các nhân đức của mình, hoặc vì quyền năng Con mình?

Tình yêu là chìa khóa để hiểu các màu nhiệm ấy. Tự bản thân, tình yêu không ích kỷ, trái lại, rất rộng rãi, nó tìm kiếm sự lành cho người khác, chứ không cho mình. Mức độ của tình yêu không nằm nơi vui thoả của nó - đây là điều thế gian đánh giá sai - mà nằm ở bình an và niềm vui nó cung cấp cho tha nhân. Nó đếm lượng rượu nó phục vụ chứ không phải lượng rượu nó uống. Tình yêu không phải là vòng tròn vây quanh mình, mà là thánh giá với hai cánh tay giang rộng ôm trọn nhân loại. Nó chẳng bao giờ nghĩ mình chiếm hữu mà chỉ nghĩ mình được chiếm hữu. Không nghĩ mình có mà chỉ nghĩ thiên hạ có. Mình làm chủ mà ngược lại, bị người ta làm chủ. Do đó tình yêu có tính xã hội. Hạnh phúc lớn nhất của tình yêu là phục vụ sự sống và kìm hãm chính mình. Bất hạnh cực độ của nó là không được hưởng niềm vui hy sinh cho kẻ khác. Đó là lý do trước đau khổ, tình yêu cố gắng tìm cách tháo gỡ gánh nặng cho nạn nhân, gánh lấy đờn đau của họ. Và trước mặt tội lỗi tình yêu sẵn sàng đền thay những bất công cho kẻ tội nhân.

Bởi lẽ các bà mẹ yêu con, cho nên tình nguyện chịu lấy những đau đờn các con phải chịu vì bệnh tật, yếu đau. Bởi vì các người cha thương con, cho nên gánh lấy các nợ nần các con đại đột mắc phải! Tất cả các chứng cứ này bày tỏ tính vị tha của tình yêu. Thực tế tình yêu có tính chất "xã hội" đến nỗi không đồng ý được tháo khoán khỏi các đờn đau, nếu các tháo khoán đó chỉ riêng cho mình! Tình yêu từ chối chấp nhận cứu độ cá nhân. Nó không bao giờ cúi xuống người bệnh, như các kẻ khoẻ mạnh cúi xuống bệnh nhân, nhưng đi thẳng vào bên trong con bệnh để gánh lấy đau ốm của người ta. Tình yêu từ chối có đôi mắt khô khi người khóc còn đầm lệ, nó chẳng cảm thấy hạnh phúc trừ phi mọi người đều được hỷ hoan hoặc công lý được vẹn toàn, nó tấy chạy khỏi cô đơn và kiêu sa, xóa bỏ nghèo đói lầm than của kẻ khác. Nó khinh bỉ sự tránh né khổ đau thế giới nhưng thâm nhập vào các khổ đau đó, coi như của riêng mình.

Đặc tính này dễ hiểu, liệu bạn có muốn mình là kẻ duy nhất trên thế giới có đôi mắt để nhìn. Liệu bạn có muốn là người độc nhất có thể bước đi ngay ngắn trong thế giới toàn người què? Liệu bạn có thích, nếu bạn thương yêu gia đình, đứng trên boong tàu ngắm họ chết chìm trước mặt bạn? Nếu bạn

chẳng muốn những điều trên thì bởi vì bạn yêu mến người khác, bởi vì bạn cảm thấy liên đới với họ, khăng khít, đến độ đau thương của họ cũng là đau thương của bạn. Chúng ta có thể áp dụng nguyên tắc ấy vào trường hợp của Chúa Giêsu và Đức Mẹ. Tình yêu nơi các Ngài là tuyệt đỉnh, nên không thể đứng dung với đau khổ của thế giới được, và sự dấn thân của các Ngài cũng phải trọn vẹn. Mặt khác các Ngài cũng đứng ở điểm cao nhất của lòng vô tội. Vậy có thể nào các Ngài vô tình với điều xấu xa hơn cả đau khổ, là tội lỗi? Có thể nào các Ngài đứng nhìn nhân loại vác ách tử thần mà không chia sẻ gánh nặng với họ? Có thể nào các Ngài đứng dung với hành động của tình yêu trong khi các Ngài là tình yêu? Nếu như yêu mến có nghĩa đồng hóa và đầy cảm tình với người yêu, thì tại sao Chúa chúng ta không làm như vậy? Ngài yêu dấu thế gian đến nỗi ban con một để cứu chuộc nó! Và nếu Người Con Một ấy say mê nhân loại đến hy sinh mạng sống thì tại sao Mẹ Ngài lại không chia sẻ công trình cứu độ? Nếu tình yêu thế gian sẵn sàng đồng hóa với khổ đau của người yêu, thì tại sao tình yêu của Thiên Chúa lại không chịu đựng đón đau khi tiếp xúc với tội lỗi trong con người? Nếu những bà mẹ đau khổ trong con cái, nếu người chồng than khóc trong buồn rầu của vợ, và nếu bạn bè cảm được sự hấp hối của thánh giá nơi đồng chí mình, thì tại sao Chúa Giêsu và Mẹ Maria không đau khổ trong bản tính nhân loại mà họ hết lòng yêu mến?

Ở gia đình bạn, bạn là đầu và sẵn sàng chết cho gia đình, thì tại sao Chúa Giêsu là đầu gia đình nhân loại lại không xả thân cho con cái của mình? Và nếu tình yêu càng sâu sắc, thì đón đau lại càng nhiều, thì lẽ nào Thánh Giá lại không được mang vác với tình yêu? Nếu như một dây thần kinh bị kích thích, nó sẽ truyền ngay lên óc. Chúa chúng ta là thủ lãnh các đau khổ của nhân loại, lại không cảm nghiệm tội của loài người như của mình? Vì vậy thập tự là không tránh khỏi.

Chỉ khi Ngài chết cho chúng ta Ngài mới bày tỏ tình yêu trọn vẹn. Phần đức Mẹ Maria không thể chứng tỏ lòng yêu mến Chúa Giêsu toàn vẹn nếu không chia sẻ cái chết của Ngài. Đó là lý do Ngài đã hy sinh đời sống cho chúng ta và trái tim Đức Mẹ tan nát vì nhân loại. Từ đây chúng ta gọi Ngài là Đấng Cứu Thế, và Đức Mẹ là Đấng Đồng Công. Vì các Ngài đã liên kết trong lòng yêu mến chúng ta.

Để mạc khải đầy đủ hơn rằng thánh giá là sự kết hợp giữa tội lỗi và tình yêu, nên Chúa Giêsu phán lời thứ ba trên cây gỗ, với mẹ Ngài "Thưa bà, này là con bà". Ngài không gọi Đức Maria là Mẹ, nhưng là bà. Nhưng khi nói với Gioan Ngài lại không dùng từ "bà". "Đây là mẹ anh". Một sự kiện tế nhị. Bởi từ "bà" có ý nghĩa rộng hơn, bao trùm cả nhân loại. Đức Mẹ không những chỉ là mẹ Chúa Giêsu nhưng làm mẹ toàn thể loài người, như Ngài là Đấng Cứu Thế nhân loại. Lúc này Chúa ám chỉ Đức Mẹ có muôn vàn con cái _ không theo phần xác, nhưng theo tinh thần. Chúa Giêsu là con đầu lòng trong niềm vui về xác thịt. Gioan là con thứ hai trong đau đớn về tinh thần, và nhân loại là hàng triệu triệu người con thiêng liêng mà Mẹ phải yêu. Ngài đã yêu dấu Đấng chết cho mọi người, thì mẹ cũng phải yêu thương tất cả những ai Chúa đã chết cho. Đó là ý nghĩa rõ ràng không lầm lẫn của Ngài, tình yêu láng giềng không tách rời khỏi tình yêu Thiên Chúa. Tình yêu của Chúa Giêsu không giới hạn. Ngài chết cho từng người. Tình yêu của Mẹ Maria cũng phải vô hạn định.

Tình yêu này không chỉ chẳng ích kỷ mà còn có tính xã hội cao. Đức Maria phải là mẹ mọi người. Người mẹ trần gian bao giờ cũng yêu thương con mình nhất. Nhưng lúc này Chúa Giêsu nói với Đức Mẹ rằng ngay cả Gioan cũng là con và Gioan đứng làm biểu tượng cho toàn thể nhân loại. Thiên Chúa Cha không tha cho con mình, thì Chúa Giêsu cũng không tha cho mẹ Ngài. Bởi lẽ tình yêu không biết giới hạn nào cả, cho nên Chúa Giêsu cảm nghiệm trách nhiệm của Ngài về mọi linh hồn trên thế giới. Cũng thế Đức Mẹ, được Chúa Giêsu soi sáng, nhận ra bốn phận tương ứng trên loài người. Chúa Giê-su là Đấng Cứu Chuộc con cái lạc đường và Đức Maria là mẹ họ.

Bây giờ thì ý nghĩa đã được rõ ràng tại sao những linh hồn vô tội, tốt lành, thánh thiện phải chịu khổ đau. Họ từ bỏ thế gian và các vui thú để ăn chay, đánh tội, ẵm lấy thánh giá và cầu nguyện đến vỡ trái tim! Lý do duy nhất bởi vì họ yêu mến: "Chẳng có tình yêu nào lớn hơn tình yêu của người thì mạng sống vì bạn hữu mình." Như vậy các linh hồn ấy trên thực tế, đã yêu mến thế giới đến độ muốn cứu vớt nó, và họ cũng biết chẳng có con đường nào khác để cứu thế giới hơn là chết đi cho nó. Ngược lại nhiều người trong chúng ta yêu mến thế gian đến nỗi thuộc về thế gian, ở trong thế gian, nhưng cuối cùng chẳng làm gì cho thế gian. Vậy thì ý kiến nói rằng những linh hồn vô tội ấy gớm ghét thế gian, thì quả lắm to.

Khi người ta nghe tin một thiếu nữ nhan sắc, một thanh niên tài ba, xin vào tu viện, họ có phản ứng liền: "Tại sao hỡi, cô ấy lại bỏ thế gian?" Họ đi tu không phải "ghét" thế gian, ngược lại, họ yêu mến thế gian. Họ thương yêu thế gian với các linh hồn sống trong đó, đến độ họ muốn làm tất cả những chi có thể được cho lợi ích của nó. Và chẳng có chi tốt hơn là dâng hiến cuộc đời để cầu nguyện cho các linh hồn tìm thấy đường đi về cùng Chúa. Chúa chúng ta đâu có ghét thế gian, nhưng thế gian ghét Ngài. Ngài yêu thương nó. Cũng vậy, các linh hồn tu trì đâu có ghét bỏ thế giới. Họ say mê thế giới và mọi người trên thế giới. Họ thương xót các tội nhân trên thế gian đến độ hãm mình đền tội để thanh tẩy lương tâm thế gian. Họ yêu thương các kẻ vô tội trên thế gian, nên đã không ngừng chúc phúc cho họ, khi phớt lờ họ cho Thiên Chúa. Họ yêu thương những người từ chối Thiên Chúa, đến độ bằng lòng chịu thua thiệt, để niềm vui Thiên Chúa hiện diện nơi những người ấy, giúp họ không quá sợ hãi tối tăm.

Những linh hồn tu trì say mê thế giới đến nỗi coi mình là thành phần hữu cơ của nó. Họ thấu hiểu rằng linh hồn và sự vật tương tác trên nhau, đến nỗi điều lành một người làm ảnh hưởng đến hàng triệu, giống như mười người công chính có thể cứu vớt hai thành Sôđôma và Gômôra. Nếu một viên đá ném xuống ao, làn sóng nó tạo nên lan rộng mãi mãi cho tới khi va vào bờ. Tiếng động nhỏ từ chiếc nôl trẻ con sẽ ảnh hưởng cả đến ngôi sao xa nhất. Một ngón tay bị bỏng, cả thân thể cùng đau. Như vậy vũ trụ là một đơn vị hữu cơ. Nhân loại cũng vậy. Chúng ta được mời gọi họp thành một gia đình rộng lớn.

Thiên Chúa là cha chúng ta. Ngài gọi Con Ngài xuống thế gian để trở thành anh cả nhân loại. Và trên Thánh giá, Ngài yêu cầu Đức Maria làm mẹ loài người. Ngày nay trong cơ thể, bác sĩ ghép da từ phần khác, thì tại sao không làm được như vậy đối với các lời cầu nguyện của chúng ta? Bác sĩ có thể truyền máu, vậy tại sao không thể trao đổi hy sinh? Tại sao người vô tội không đền thay cho kẻ

có tội? Tại sao những kẻ yêu mến các linh hồn thật lòng, kẻ từ chối được giải phóng khỏi các đau khổ, thi hành cho thế gian, những điều Chúa Giêsu đã làm trên thánh giá? Đức Mẹ đứng bên dưới lại bất lực ư? Trả lời những câu hỏi này là các cung nguyện tràn đầy những tu sĩ khắc khổ.

Chẳng ai trên thế giới này có thể đong đếm những sự lành họ làm cho thế giới. Họ đã chịu đựng con thịnh nộ của Thiên Chúa thay cho tội nhân hàng ngày. Họ đã đem biết bao linh hồn đến các tòa hòa giải. Họ đã khuyên nhủ thành công hằng hà sa số tội nhân trở lại. Họ đã tránh được biết bao cuộc bách hại! Chúng ta chẳng hay và họ cũng không muốn biết. Từ xưa tới nay tình yêu đã toàn thắng bao nhiêu hận thù? Và cũng đừng ngu xuẩn mà hỏi: Ích lợi nào họ đã thực hiện cho thế giới? Hỏi như thế cũng tương tự như hỏi: Thánh giá Chúa Giêsu đã làm được chi hữu ích?

Nói cho ngay, chỉ những linh hồn lành thánh vô tội mới thấu hiểu được tội lỗi là gì? Cho đến thời Chúa chúng ta chẳng ai nghĩ tới việc thí mạng sống mình để cứu vớt kẻ tội lỗi, đơn giản chỉ vì chẳng ai vô tội đủ để hiểu cái khủng khiếp của tội lỗi. Còn chúng ta đã quá quen thuộc với nó, cho nên không thấy sự độc ác của nó, chúng ta coi thường. Một bệnh nhân cùi sau nhiều năm sống với bệnh, thì chẳng còn thấy hết cái nguy hiểm của bệnh cùi. Tội lỗi đã phai nhạt về ghê sợ và chúng ta chẳng còn liên hệ nó với các thánh giá. Chúng ta không còn lưu tâm đến tính lây nhiễm của tội lỗi trên nhân loại.

Nét xấu là một con quái vật.

Bộ da thật ghê tởm, thật đáng ghét, cứ ngắm mà xem.

Nhưng ngắm mãi thành quen nét mặt thân thuộc của nó.

Chúng ta chịu đựng, ái ngại, rồi say sưa.

(Tạm dịch nghĩa thơ của Alexander Pope)

Con đường hay nhất để quán triệt tội lỗi là không phạm tội. Như Đức Giêsu hoàn toàn vô tội do bản tính và Đức Maria do ơn thánh, mới hiểu thấu sự độc ác của tội. Vì chẳng khi nào thỏa hiệp với tội lỗi nên bây giờ các Ngài không thể nhân nhượng. Tội lỗi là cái gì quá khủng khiếp, để tránh nó hoặc đền thay cho nó, các ngài phải ẵm lấy hy sinh Thánh giá.

Nhưng có một nghịch lý: Người vô tội gớm ghét tội lỗi, bởi lẽ họ hiểu biết tính nghiêm trọng của tội lỗi. Tuy nhiên họ lại yêu mến tội nhân. Chúa Giêsu yêu mến Phêrô, kẻ sa ngã tới ba lần. Và Đức Maria chọn phụ nữ thành Madalena làm bạn dưới chân thánh giá, một cô gái điếm nổi danh. Thật là gương mù khi thấy Đức Mẹ và cô gái điếm lên xuống ngọn đồi Calvario. Nhưng Đức Mẹ đã bất chấp điều ấy, để rằng trong tương lai, tôi và bạn có hy vọng Mẹ là "chốn nương ẩn cho kẻ có tội". Vậy thì không nên sợ Mẹ không thấu triệt tình trạng tội lỗi của chúng ta, chỉ vì Ngài vô nhiễm nguyên tội. Bởi lẽ Ngài đã chọn con điếm làm bạn, thì tại sao Ngài không nhận chúng ta làm con yêu dấu?

Chương 11

SỰ CHỌN LỰA CUỐI CÙNG

Rồi sẽ đến thời điểm thăm khốc tốt cùng của cái chết, lúc ấy thân nhân, bạn bè hỏi: "Hắn để lại bao nhiêu?". Còn Thiên Chúa chất vấn: "Người mang những gì theo?" Cũng trong khoảng khắc thời gian ấy. Nhưng chỉ câu hỏi thứ hai là quan trọng. Bởi lẽ chúng ta mang theo công nghiệp của mình. Lịch sử cuộc đời mỗi người rất ngắn: "Đã ấn định cho mọi người đều phải chết một lần, sau đó là phán xét" vì "Con người sẽ ngự đến trong vinh quang của Cha Ngài với các thiên thần và Ngài sẽ thưởng công cho mỗi người xứng đáng tùy theo việc họ làm". Trong bầu không khí hay quên lãng của Kitô Giáo truyền lại cho văn minh tây phương, giống như làn sương khói độc hại, thì chân lý trên về phán xét sau khi chết, thường bị làm lơ nhất, trong tầm nhìn luân lý của quảng đại quần chúng. Nhưng linh hồn chúng ta sẽ được lợi ích nhiều nếu suy gẫm tốt về sự thật ấy. Có hai đề tài cần phải bàn: Bản chất và sự cần thiết của phán xét.

Tất cả thiên nhiên làm chứng về sự cần thiết của phán xét. Khắp mọi nơi trong vũ trụ bao la, những tạo vật bên dưới con người đều trừng phạt những kẻ xâm phạm luật thiên nhiên. Chẳng cần đâu xa, xin cứ nhìn quanh chúng ta, trong các bệnh viện, khám đường, viện tâm thần, để hiểu ra định luật này. Giống như việc những quan tòa, nó trừng phạt nghiêm minh những kẻ phá hoại luật lệ của nó. Nếu thân thể con người bị lạm dụng quá độ, thiên nhiên sẽ trả thù bằng các bệnh tật, yếu đuối, nó tuyên án cho kẻ vi phạm. Nếu một mảnh đất đá ương ngạnh tách ra khỏi toàn khối ngôi sao, thiên nhiên tuyên án cho nó cháy tan tành trong vũ trụ.

Thiên nhiên thực sự đối phó với các tạo vật ngay trên mặt bằng nơi chốn và thời gian. Nhưng về phần luân lý thì chưa như vậy. Nó chưa "tính sổ" với từng người trước cái chết. Vì vậy còn quá nhiều người vô tội chịu thống khổ, quá nhiều tội nhân chưa phải phạt, quá nhiều người lành chưa được thưởng, quá nhiều phát triển của cái ác, quá nhiều đau khổ cho những linh hồn vâng lời Chúa, quá nhiều sung sướng cho kẻ không vâng lời, quá nhiều vinh dự cho các tội nhân giả hình, quá nhiều bất công cho kẻ kêu xin khiêm nhường, quá nhiều vị thánh còn mai danh ẩn tích, quá nhiều kẻ độc ác được ca tụng, quá nhiều con cái Chúa bị đóng đinh, quá nhiều kẻ vô lại kiêu căng, tâm đắc: "Ta từng phạm tội mà có thấy hình phạt đâu?".

Nhưng ngày phân xử đương nhiên phải đến, giống như một nhà kinh doanh hàng năm phải tính toán lời lỗ ra sao! Mỗi linh hồn ngày nào đó phải ra trước tòa Thiên Chúa mà trả lẽ cuộc đời. Cuộc sống mỗi người giống như một kế toán viên, phải ghi sổ từng món chi tiêu, thu nhập, từng ý nghĩ, từng việc làm, từng món nợ, hết mọi chi tiết để giám đốc xem xét, kiểm tra, cân đối. Khi mọi dịch vụ đời sống đã đến hồi kết thúc, Thiên Chúa sẽ lôi ra tất cả điều nhớ, điều quên, việc lành việc dữ, công nghiệp hình phạt, nhân đức, nét xấu mà phán quyết cho chúng ta thiên đàng hay hỏa ngục, sự sống hay cái chết đời đời. Chúng ta có khả năng gian dối ở đời này, bởi vì Thiên Chúa cho phép cỏ lùng và lúa miến mọc chung trong thửa ruộng, nhưng đến ngày thể mạt không như vậy được. Chúa sẽ bảo các thiên thần thợ gặt: "Thu lượm cỏ lùng lại mà đốt đi, còn lúa thì chứa vào kho lẫm cho ta".

Nhưng bản tính của việc phán xét là gì? Trong việc trả lời câu hỏi này, chúng tôi nghiêng về phán xét riêng sau khi chết hơn là phán xét chung, khi mọi dân mọi nước phải ra trước tòa án Thiên Chúa. Phán xét công nhận tội phúc về phía Thiên Chúa và về phía nhân loại. Trước hết, công nhận tội phúc về phía Thiên Chúa: Xin tương tợng. Có hai linh hồn đứng trước ngai Thiên Chúa. Một trong tình trạng đầy ơn thánh, kẻ khác đầy tội lỗi. Ôn thánh là sự tham dự vào bản tính và đời sống của Đức Chúa Trời. Giống như người phạm tham dự vào đời sống của cha mẹ mình, vì cha mẹ đã sinh ra mình. Vậy một linh hồn được chịu phép rửa tội cũng sinh ra bởi Thần Khí của Thiên Chúa, chia sẻ đời sống và bản tính Thiên Chúa. Sự sống của Thiên Chúa tuôn chảy trong linh hồn họ, như máu lưu thông trong thân xác, nhựa trong thân cây, in dấu vô hình nhưng chân thật chân dung của Đức Chúa Trời, làm cho linh hồn ấy nên giống Thiên Chúa. Vậy khi Chúa nhìn vào linh hồn ấy thì nhận ra nó giống mình, vì nó ở trong tình trạng ơn thánh. Bản tính của nó với bản tính Đức Chúa Trời là một. Giống như người cha nhân loại nhìn vào các con cái mình, ông nhận ra chúng và yêu mến chúng. Đức Kitô cũng nhận ra và yêu mến các linh hồn đầy ơn thánh, Ngài nói với họ: "Hỡi những kẻ được Cha ta chúc phúc, là con tự nhiên của Ngài. Các bạn là con vì ơn thánh. Hãy vào mà hưởng nước trời, đã dọn sẵn cho các bạn từ thủa đời đời".

Mặt khác Chúa nhìn vào linh hồn tội lỗi và thấy họ khác mình, thối tha, ghê gớm không giống mình chút nào, như người cha phạm tục nhìn vào con hàng xóm như bản. Ông nhận ra ngay nó không phải là con mình đẻ ra. Thiên Chúa cũng không nhận ra những linh hồn tội lỗi có điều chi giống mình, bởi họ là con cái ma quỷ. Ngài không thấy nơi chúng vẻ đáng yêu của bản tính mình, cho nên đã nói như trong dụ ngôn cô dâu, chàng rể: "Ta không biết các ngươi từ đâu đến". Lúc này chẳng có chi khủng khiếp hơn. Không được Đức Chúa Trời nhận diện.

Thứ hai, công nhận tội phúc về phía con người. Giả dụ bạn đang rửa xe, hay thu dọn nhà cửa, thì một người khách sang trọng đến chơi, ông ta đứng đợi ngoài cửa. Lúc ấy bạn phản ứng lúng túng không như khi ăn vận sạch sẽ, sẵn sàng để tiếp đón ông ta. Nhưng trong trường hợp như bản này, bạn phải xin lỗi người khách lạ. Nói với ông mình chưa sẵn sàng xuất hiện trước vị khách sang trọng như vậy. Linh hồn tội lỗi đứng trước tôn nhan Thiên Chúa cũng sẽ hành xử tương tự. Nó không dám minh oan, không dám phản đối, không dám khản khoản van nài, không dám đòi hỏi xét xử lại, không dám chống bản án; bởi lẽ nó đã nhìn ra hình ảnh thật sự của mình, có thể nói nó phán xét chính mình. Thiên Chúa oai nghiêm chỉ đứng đây chuẩn nhận. Nếu như nó thấy mình trong trắng và sống động trong ơn nghĩa Chúa, nó sẽ ngã mình vào vòng tay dẫu yêu của Ngài, nói khác đi, vào thiên đàng. Tương tự như con chim được thả ra khỏi lồng bay bổng lên bầu trời. Nếu nó thấy mình còn chút vướng mắc và tấm áo trắng của bí tích thanh tẩy còn lắm chút bợn nhơ, linh hồn không dám bay thẳng vào thiên đàng, nơi hoàn toàn trong sạch, mà tự nguyện ném mình vào lửa luyện tội mà tẩy sạch mọi tội khiên. Nhưng nếu như thấy mình không hy vọng hạnh phúc đời đời, bởi mắc nhiều tội lỗi, chẳng có chút nào giống hình ảnh Đức Chúa Trời trong sạch và thánh thiện. Nó đã mất hết cảm tính sống đời tinh thần, lúc ấy nó phải trốn xa nhan thánh Chúa, không chịu đựng nỗi sự nghiêm khắc của Ngài. Họ giống như người khiếp sợ âm nhạc, nghệ thuật, thơ phú. Vì lý do nào thiên đàng trở thành hỏa ngục cho những linh hồn như vậy? Nhan thánh ngọt ngào trở thành cay đắng? Bởi lẽ nó cảm thấy lạc lõng giữa sự thánh thiện như cá mang ra khỏi nước. Bởi nó nhận ra

tình trạng không thánh thiện, không xứng đáng, không giống Thiên Chúa của mình, nên chán ghét sự thanh sạch nơi Thiên Chúa. Nó tự gieo mình xuống hoả ngục như viên đá rời khỏi tay rơi xuống mặt đất. Như vậy linh hồn chỉ có ba trạng thái sau cái chết thân xác: Thiên đàng, Luyện ngục và Hỏa ngục. Thiên đàng là tình yêu không đau khổ, luyện ngục đau khổ với tình yêu và hỏa ngục đau đớn không yêu mến.

Có một từ xem ra nghịch ngợm, không có thật và đầy tưởng tượng đối với thánh giả tân thời. Đó là từ luyện ngục. Mặc dù người tín hữu đã tin vào đó hàng ngàn năm. Ba trăm năm gần đây bên ngoài Hội Thánh Rôma, người ta không tin vào ý niệm này nữa. Người ta cho là sản phẩm của tưởng tượng, không có thật, hơn là hoa quả của linh hướng và trí khôn lành mạnh. Sự thật, gần đây niềm tin vào luyện ngục giảm bớt, những thể hiện nền văn minh hiện thời bỏ qua hai điều căn bản của thế giới luân lý: Sự tinh tuyền của Thiên Chúa và Tính ghê tởm của tội lỗi. Một khi hai điều này được tin theo thì vấn đề luyện ngục phải được đặt ra. Bởi lẽ luyện ngục là chi? Nếu không phải là tình trạng tạm thời người ta phải đền tội khi ra khỏi đời này trong ơn thánh, nhưng chưa hoàn toàn trong trắng, còn vướng mắc những lỗi lầm nhỏ nhỏ hoặc chưa đền tội đủ ở đời này. Như vậy luyện ngục là nơi phép công bằng của Thiên Chúa đang được cân bằng với tình yêu của Ngài và tình yêu của con người tinh luyện những xúc phạm của mình. Chúng ta sẽ bàn kỹ lưỡng hơn.

Trước hết, luyện ngục là nơi tình yêu Thiên Chúa cân bằng phép công bằng của Ngài. Sự cân thiết của học thuyết luyện ngục được xây dựng trên nền tảng đức tinh tuyền tuyệt đối của Thiên Chúa. Trong sách Khải Huyền thánh Gioan mô tả vẻ tuyệt vời của thành thánh Thiên Chúa, bằng vàng ròng, tường bằng ngọc trai, ngọc bích, ánh sáng tinh khiết, không do mặt trời mặt trăng phát ra; nhưng Con Thiên Chúa là đèn soi thành. Con Chiên đã bị giết từ khởi đầu thế giới. Chúng ta cũng được biết điều kiện để được vào các cửa thành thánh Giêrusalem trên trời: "Tất cả những gì ô uế cũng như bất cứ những ai ghê tởm và ăn gian nói dối, đều không được vào thành, mà chỉ có những người có tên ghi trong sổ trường sinh của Con Chiên mới được vào" (Kh 21,27). Công bằng của Đức Chúa Trời đòi hỏi không một ô uế nào, mà chỉ những tâm hồn thanh sạch mới được đứng trước tôn nhan đáng thánh thiện vô cùng. Nếu không có luyện tội thì sự công bằng của Đức Chúa Trời là điều vô cùng khiếp sợ. Bởi lẽ chẳng ai dám tự xưng là trong sạch và tinh tuyền đủ để ra trước tôn nhan Con Chiên vô tỳ tích! Các thánh tử đạo đã đổ máu mình trên bãi cát của đấu trường Colosseum để làm chứng cho đức tin của mình chẳng? Dĩ nhiên rồi, các nhà truyền giáo như thánh Phaolô đang tiêu hao mình và còn tiếp tục tiêu hao để gieo vãi đức tin chẳng? Khá tất nhiên! Các thánh hiền tu trong các đan viện tự hy sinh trên ngọn đồi Calvario vô hình để trở nên các vị tử đạo vô danh chẳng? Khá đúng! Nhưng đây là những vị vinh hiển theo luật trừ. Còn hàng triệu triệu linh hồn chết với một chút bợn nhơ trong linh hồn, như đã phạm tội nhưng ăn năn thống hối, nhưng còn một chút yếu đuối cũ dè nặng trên lương tâm?

Ngày mà chúng ta được rửa tội, Hội Thánh đặt trên mình tấm áo trắng và nói: "Con hãy nhận lấy chiếc áo trắng này, là dấu chỉ tước vị của con. Hãy mang nó tinh tuyền cho đến cõi trường sinh". Vậy thì suốt cuộc sống, bao nhiêu người trong chúng ta giữ được tấm áo đó tinh tuyền? Giữ được nó vô tỳ tích để rằng có thể vào thiên đàng lập tức khi chết? Và nhập đoàn với đạo binh áo trắng trước

Vua Trời? Bao nhiêu linh hồn khi rời khỏi đời này có can đảm nói rằng họ đã giữ được tấm áo đó không vướng mùi tục lụy? Họ chẳng bao giờ tham lam, phí uổng tài năng, vô nhân, thiếu bác ái, xao lãng bổn phận, không nghe Thánh Thần thúc giục hoặc dùng hư từ mà ai ai cũng phải trả lẽ? Liệu có bao nhiêu linh hồn được thứ tha tội lỗi khi gần chết tựa hoa nở cuối mùa, nhưng vẫn còn mắc nợ tiền khiên? Vết thương đã được chữa lành, nhưng vết sẹo vẫn còn. Xin kể ra những anh hùng quốc gia, tên vẫn còn lưu truyền, việc vẫn còn ghi nhớ, mà đến giờ chết được thanh thản khỏi những thiếu sót nhỏ của cuộc đời mà vào thẳng trước tôn nhan Thiên Chúa? Thử hỏi những ai tin rằng họ được cứu rỗi ngay, mặc dầu họ được yêu mến và kính trọng rất mực? Thí dụ một ai đó giống như George Washington hay Nelson danh tiếng vì chủ nghĩa quốc gia, anh hùng dân tộc, tướng lãnh mặt trận, lại không bị nghi ngờ bất xứng, liền sau cái chết, với chủ nghĩa yêu mến Nước Trời? Nơi mà Hy Lạp hay Do Thái, nô lệ hay tự do, man rợ hay văn minh đều nên một trong Đức Kitô Chúa chúng ta?

Tất cả những linh hồn này, chết trong tình yêu Thiên Chúa, đều tốt đẹp cả. Nhưng nếu không có luyện ngục, thì làm sao các thiếu sót nhỏ của họ được tẩy rửa? Chẳng lẽ phép công thẳng của Thiên Chúa ném tất cả xuống địa ngục, chung kiếp với tội nhân nặng nề khác? Xóa bỏ luyện ngục đi và Thiên Chúa sẽ không dễ dàng tha thứ. Bởi lẽ, liệu một hành động ăn năn trước khi chết, có đền đáp thỏa đáng 30 năm ăn ở hoang đàng? Xóa bỏ luyện ngục đi và phép công thẳng vô cùng của Thiên Chúa sẽ khước từ thiên đàng cho những linh hồn quyết tâm đền tội, nhưng chưa kịp trả hết đồng xu cuối cùng! Luyện ngục là nơi tình yêu bao la của Thiên Chúa chế ngự công lý của Ngài, bởi vì, ở đây Ngài tha thứ, Ngài làm sạch những linh hồn bằng công nghiệp thập giá của mình, đẽo gọt họ với cái đục khổ đau, để họ trở nên xứng hợp với thành thánh Gierusalem trên trời. Như vậy, Thiên Chúa nhận chìm họ vào nơi thanh luyện để họ giặt trắng lại chiếc áo rửa tội, ngõ hầu xứng hợp với Thiên Cung trong sạch và sáng láng, phục sinh họ như con chim phượng hoàng của cổ tích ngày xưa, trỗi dậy từ đồng tro tàn đau khổ và sau khi các vết thương đã được lành mạnh, thì phóng thẳng lên không trung tới thành thánh tinh tuyền, nơi Đức Kitô là vua, đức Maria là hoàng hậu. Bởi lẽ, dù chỉ mắc một lỗi nhỏ thôi, Thiên Chúa cũng không thể tha thứ, mà không có xót xa, không có nước mắt. Nhưng khi đã vào Thiên đàng thì chỉ còn yêu thương!

Đa phần nhân loại, dù đàn ông hay đàn bà, ít khi ý thức về bất công, vô ơn, bội bạc trong cuộc sống cho tới khi lưỡi hái lạnh lùng của tử thần chạm tới người họ thương yêu. Chỉ lúc ấy họ mới tỉnh ngộ và hối hận nhận ra mình đã quá thiếu sót tình yêu và tử tế đối với người quá cố. Vì vậy một trong những lý do người ta cảm thấy cay đắng và xót xa cho thân phận người đã chết, vì những lời yêu thương chưa được nói, những việc tử tế chưa được làm: "Đứa trẻ đó chẳng bao giờ biết tôi yêu mến nó biết bao!" "Nó chẳng khi nào biết tôi đã yêu quý nó!" Tôi không nhận ra nó quý báu tôi, cho đến khi nó qua đời". Những lời tương tự tựa như mũi tên tẩm thuốc độc thần chết cắm thẳng vào tim chúng ta khi đối diện với cái chết của người thân yêu. Ôi, nếu như người quá cố trở về, chúng ta sẽ hành động khác đi biết mấy, đầy yêu thương và nhân ái! Giờ đây nước mắt có chảy ra cũng vô ích trước đôi mắt không thể nhìn được nữa! Cử chỉ yêu thương cũng bằng không, trước đôi tay chẳng thể ôm ấp. Lời thở than đi vào mây gió, trước trái tim chết cứng, đôi tai không nghe! Ôi! Nỗi thống khổ vì đã không tặng hoa khi còn sống. Không dâng hương khi còn ngửi được! Không nói lời yêu thương khi còn nghe. Bây giờ bốn bên im lặng như tờ, một thân nằm đó tro tro như đồng! Ôi! Đau

đón dâng cao khi nghĩ không còn cách nào đền bù những sai lỗi đối với người chết, những âu yếm giả dối đối với họ, những khinh thường khi họ nài nỉ, những hỗn xược khi họ chăm lo, những bất kính khi họ yêu thương. Họ là những người đầu yêu nhất trong cuộc đời mà Thiên Chúa đã ban cho chúng ta! Thiên địa ơi, trễ quá rồi, trễ quá rồi! Những kỷ niệm xót xa, vô ích, những giọt nước mắt muộn màng. Nó giống như hạt sương mỏng cho mùa màng năm trước, cái bẫy cho con chim đã bay xa, hay thu lượm hoa hồng đã héo!

Luyện tội là nơi tình yêu Thiên Chúa chế ngự phép công thẳng của Ngài. Nhưng cũng là nơi tình yêu con người đền bù bất công con người gây nên. Bởi vì, nó đem khả năng cho những trái tim còn sống bẻ gãy rào cản thời gian và sự chết để đổi những lời chưa kịp nói thành cầu nguyện, nén hương chưa kịp đốt thành hy sinh, bó hoa chưa kịp dâng thành của bố thí, hành động tử tế chưa kịp thi hành trở nên nguồn trợ giúp đời đời cho các linh hồn đã khuất. Xóa bỏ luyện ngục đi, bạn sẽ cảm nghiệm xót xa vì hà tiện những lời tử tế của mình khi họ còn sống, bạn sẽ cảm thấy cay đắng vì lãng quên họ khi họ còn ở trên dương gian. Xóa bỏ luyện tội đi và những bia kỷ niệm, lễ cầu hồn chẳng còn ý nghĩa nào khi chúng ta viếng thăm nghĩa trang hay xin lễ nhớ đến họ! Xóa bỏ luyện ngục đi và chúng ta sẽ thấy vòng hoa kính viếng, nén nhang cúi đầu và những phút yên lặng tưởng niệm rỗng tuếch. Nhưng nếu có luyện ngục, lập tức, cúi đầu kính viếng nhường chỗ cho bái gối cầu nguyện, giây phút yên lặng trở thành khẩn khoản nài xin và vòng hoa đang héo cho rực rỡ hy sinh dâng lên vị anh hùng trên hết mọi anh hùng, Chúa Giêsu Kitô.

Như vậy, luyện ngục cho chúng ta khả năng đền mọi thứ tội, mọi thứ vô ơn. Bởi lẽ qua cầu nguyện hy sinh, hãm mình chúng ta mang niềm vui, an ủi đến cho các linh hồn. Người ta thường nói: Tình yêu mạnh hơn sự chết. Cho nên chúng ta phải có tình yêu mãnh liệt cho những linh hồn ra đi trước. Chúng ta là con cháu của họ, phát sinh từ sự sống họ, hoa quả của khó nhọc họ, là âu lo của trái tim họ. Vậy thì thần chết có thể cắt đứt lòng biết ơn của chúng ta? Liệu nắm mồ có khả năng chấm dứt lòng chúng ta yêu mến họ không? Liệu mồ đất lạnh lùng có phép tắc ngăn cản chúng ta sửa chữa những vô ơn? Hội Thánh luôn bảo đảm với các tín hữu rằng, mặc dù đời này không có khả năng đền đáp, bởi lẽ họ không ở đời này nữa, nhưng chúng ta vẫn có thể xuyên qua thế giới này mà đến với họ, trợ giúp họ khỏi bàn tay công lý của Thiên Chúa bằng tình yêu bền vững, cầu nguyện và hy sinh cho họ, mua sắm cho họ ơn cứu độ muôn đời bằng cái giá lòng thương xót Thiên Chúa.

Chúng ta so sánh một người đàn ông mắc nợ mà chết. Chủ nợ chúc dữ ông ta cho đến bên kia nắm mồ. Nhưng nếu con ông ta lao động khó nhọc trừ hết nợ cho ông đến đồng xu cuối cùng thì tên ông được phục hồi, danh dự ông được kính trọng như cũ. Cũng vậy các linh hồn bạn hữu chúng ta chết mà còn mắc nợ đền tội với Thiên Chúa sẽ được thứ tha, nếu chúng ta giúp đỡ họ bằng những hy sinh hàng ngày, giống như những đồng vàng đồng bạc trần thế mà mua lấy nước Thiên đàng cho họ. Họ đi vào những đau đớn Chúa định, giống như vàng còn bản phải chịu ngọn lửa tình yêu Chúa tẩy rửa hết mọi bợn nhơ. Những linh hồn qua đời trong ơn nghĩa Chúa, nhưng còn bị thương tích trong trận chiến với ma quỷ để được sống đời đời, lúc này không thể tự băng bó vết thương mình được nữa, thì bổn phận của chúng ta, những người khỏe mạnh và lành lặn, vận y phục chiến đấu để giành thắng lợi cho Đức Kitô, phải chữa lành các vết thương cho họ, để họ được khỏe mạnh mà họp đoàn với những

kẻ chiến thắng, diễu hành với các anh hùng khác mà mừng Vua Kitô khải hoàn. Chúng ta chắc chắn rằng một xu nhỏ bánh ăn cung cấp cho kẻ đói nghèo, có khả năng cứu thoát một linh hồn về bàn tiệc thiên cung, thì linh hồn ấy chẳng quên chúng ta khi vào nước trời.

Tuy rằng đang bị cầm hãm trong lửa đền tội, nhưng các linh hồn hằng nghe thấy tiếng kêu gọi của các thiên thần, các thánh mời họ về quê trời. Nhưng họ bất lực không bẻ gãy được xiềng xích tội khiên, bởi thời gian lập công đã hết. Cho nên, Thiên Chúa không thể quên những công nghiệp của người vợ trung thành, đền thay cho chồng quý yêu đang bị giam hãm trong luyện ngục. Chắc hẳn lòng thương xót của Thiên Chúa không để Ngài quên lãng công nghiệp của người mẹ dâng hiến cho con yêu dấu của mình để giải phóng nó khỏi vết nhơ tội lỗi trần gian. Chắc chắn rằng Thiên Chúa không cảm đoán tén điều các thánh cùng thông công. Người sống cầu nguyện cho kẻ qua đời. Bởi lẽ hành động vĩ đại của việc cứu chuộc được xây dựng trên tính phổ cập của công nghiệp. Nhờ đó chúng ta đáp trả lời cầu cứu, không những của thân nhân, bạn bè mà tất cả mọi thành phần trong Giáo hội. Một đạo binh đông đảo các linh hồn còn đang mắc nợ cuộc sống, nhưng đã sẵn sàng vận hoàng bào, xếp hàng đợi vào nước trời, kêu to lên chúng ta xin cầu nguyện và công nghiệp đền bù, "xin thương xót tôi, xin thương xót tôi, hỡi các bạn, vì tay Thiên Chúa còn đè nặng trên linh hồn tôi".

Nếu có vấn đề nào hóc búa, khó nghe nhất cho con người tân thời ngày nay, thì phải là sự hiện hữu của hỏa ngục. Thế hệ chúng ta to tiếng đòi hỏi điều mà một thi sĩ đã gọi: "Người thầy dạy dịu dàng, chẳng bao giờ nhắc đến hỏa ngục cho những người lịch sự". Thời đại duy vật muốn một Kitô Giáo mềm yếu hơn, ngõ hầu rao giảng Phúc âm Chúa Giêsu Kitô mà chỉ còn là học thuyết dịu dàng của thiện chí, một chương trình xã hội tiên bộ của khoa học, kinh tế, chính trị và nhân bản.

Có nhiều lý do gây nên nỗi trạng này, nỗi trạng không tin vào hỏa ngục nữa. Một trong những lý do đó là tâm lý. Nếu một người ăn ở trác táng, hẳn không muốn ai khuấy động cuộc sống xấu xa của mình bằng những từ ngữ như công bằng, chính trực, thiên đàng, hỏa ngục... Hẳn ước mong chẳng có hình phạt nào cho các hành động gian ác của mình. Vì vậy hỏa ngục là từ nghịch nghĩ, khó nghe. Từ đó họ muốn hỏa ngục không tồn tại, hoặc chỉ là ý niệm hồ đồ tưởng tượng. Ngược lại, các linh hồn đạo đức không khi nào chối bỏ nó, nhưng chỉ sợ hãi mà thôi. Lý do thứ hai, một số người lẫn lộn các hình ảnh của thi sĩ, văn sĩ, họa sĩ với thực tế thô kệch của học thuyết luân lý. Sự thật vĩnh cửu không luôn dễ diễn tả bằng biểu tượng, bằng văn hóa không gian và thời gian. Nhưng đó không phải là lý do để từ chối hỏa ngục, cũng như chúng ta không có lý do để xóa bỏ nước Mỹ bởi vì nó được tượng trưng bằng một phụ nữ cầm lá cờ đỏ, trắng và xanh.

Lý do cuối cùng, là vì học thuyết hỏa ngục thường được tách khỏi toàn khối sự thật của Thiên Chúa giáo. Khi tách ra khỏi những quan niệm về tội lỗi, tự do, nhân đức, công bình, cứu chuộc, tức thời nó trở nên vô lý. Tương tự như con mắt lấy khỏi thân thể. Tính lý luận của nỗi trạng này nằm ở sự kiện là khi không tin vào sự độc ác của tội lỗi, người ta cũng không tin sự hiện hữu của hỏa ngục nữa, Hội Thánh không hề thay đổi một chữ trong niềm tin của mình về hỏa ngục đời đời như Chúa Giêsu

đã dạy. Đáng cứu chuộc nhân loại và là Thiên Chúa chúng ta, chỉ bảo rằng hỏa ngục là sự đòi hỏi của công lý, đồng thời là đòi hỏi của tình yêu. Giáo hội luôn trung thành với mạc khải ấy.

Trước hết, khi nhận thức rằng thế giới luân lý được dựng trên nền tảng công lý, thì cũng phải công nhận sự cần thiết của đền trả sau nấm mồ. Những ai còn lương tri đều thừa nhận rằng không thể bao dung ý tưởng tội nhân không ăn năn, kẻ giết người chưa hối hận khi chết, lại có thể thoát công lý một cách vẻ vang. Chẳng lẽ anh hùng tử đạo lại cùng chung số phận với các bạo chúa truyền giết hại mình? Thánh Phaolô, Hoàng đế Néro, tông đồ phản bội Giuđa và Chúa Giêsu đồng hàng đồng vị hay sao? Nếu có một sự thiện tuyệt đỉnh nào mà người ta phải đạt tới, bằng cố gắng can đảm anh hùng, thì điều theo sau là người ta có nguy cơ làm mất hạnh phúc mình do thái độ nhất đảm ươn lười. Thiên Chúa đã ban cho loài người sự sống vĩnh cửu, hạnh phúc đời đời, nhưng phải đoạt lấy bằng chiến thắng, thì điều theo sau cũng có nguy cơ thất bại không đạt tới, do ngu xuẩn của mình.

Ngay trong thế giới tự nhiên, người ta cũng khám phá ra qui luật đền bù xứng đáng, ngay cả trừng phạt những lạm dụng. Thế giới vật lý có định luật rằng bất cứ hành động nào cũng có phản ứng ngược lại, cân bằng với lực bỏ ra. Thí dụ: Tôi kéo căng một dây cao su, nếu kéo ra năm phân nó sẽ co lại năm phân; một gang, nó sẽ co lại một gang; một thước, nó sẽ đàn hồi một thước; vài ba thước, lực tương đương đẩy lại cũng vài ba thước, cho đến khi tới giới hạn nào đó tôi không kéo được nữa hoặc nó đứt làm đôi, ba . . . Vậy ở thế giới tự nhiên có luật bù trừ như vậy, quá lạm dụng nó sẽ trừng phạt. Luật này có phản ánh trong thế giới luân lý. Mỗi tội đều có hình phạt cho tội ấy, không có luật trừ. Tội là gì? Nếu không phải là hành động vi phạm trật tự luân lý nào đó? Có ba trật tự mà con người vi phạm: Trước hết, trật tự lương tâm cá nhân. Thứ hai, trật tự tổng hợp các lương tâm, tức nhà nước. Thứ ba nguồn gốc của các trật tự ấy: Đức Chúa Trời. Nếu tôi phạm tội chống lương tâm mình, tất yếu có phản ứng chống lại tôi ở hình thức lương tâm cắn rứt. Hình thức này thay đổi tùy vào sự nặng nhẹ của tội. Nếu tôi hành động chống lương tâm tập thể tức nhà nước. Tôi sẽ chịu hình phạt của chính phủ, cân bằng với tội tôi đã phạm. Tòa án sẽ xét xử tôi và tuyên bố hình phạt có thể là phạt tiền, hành chính hay bỏ tù, thậm chí tử hình, theo mức độ nghiêm trọng. Xin lưu ý, hình phạt không tính theo độ dài thời gian mà tính theo bản chất của tội phạm. Chỉ cần vài giây đồng hồ để phạm tội giết người, và hình phạt thường thường là tử hình. Cuối cùng phạm tội chống Thiên Chúa. Việc này xảy ra khi tôi vi phạm trật tự lương tâm cá nhân hay tập thể tức nhà nước. Tôi đã hành động trái với Đấng vô biên. Để chống lại tội này, buộc có phản ứng từ Đấng công bằng tối cao, phản ứng từ sự thật vô cùng, có tính chất cũng vô biên. Tất nhiên phản ứng vô biên của Thiên Chúa sẽ là chia cắt vĩnh viễn khỏi tình yêu của Ngài. Sự chia cắt này nếu dùng ngôn ngữ hôn nhân là ly dị. Linh hồn ly dị một cách vĩnh viễn khỏi sự thật, sự sống và tình yêu cho đến đời đời. Trạng thái này gọi là hỏa ngục.

Vì vậy điều rõ ràng là sự trừng phạt đời đời không phải là hồ đồ tưởng tượng của các nhà thần học, nhưng là lực phản ứng tất yếu của tội lỗi. Chúng ta thường coi nó như ý nghĩ sau cùng của Thiên Chúa về công lý và liên hệ nó với tội lỗi như sự đánh đòn đứa trẻ vì không vâng lời bố mẹ. Không đúng vậy. Việc đánh đòn đứa trẻ không có tính cách bắt buộc, và cũng không cần thiết là sự trừng phạt của tội không vâng lời. Nó có thể là hậu quả của hành động không vâng lời. Nhưng cũng có thể

không. Đúng hơn chúng ta so sánh hỏa ngục như bệnh ù mắt nơi con người. Việc chúng ta móc mắt bỏ đi liên quan tất yếu tới bệnh mù. Cũng vậy đời sống tội lỗi không ăn năn tất yếu đưa tới hỏa ngục. Việc trước đương nhiên đưa tới việc sau. Đời sống là thời vụ mùa màng. Người ta chỉ gặt được những gì đã gieo. Nếu gieo tội lỗi, sẽ gặt thối nát, nếu gieo việc lành của Thần khí, sẽ gặt đời sống trên thiên đàng.

Giáo lý của Chúa chúng ta đòi hỏi công lý. Học thuyết của Ngài không chỉ là Tin Mừng mị dân, Phúc âm của tính lãnh đạm, mà là lựa chọn nghiêm khắc, giống như cuộc đời Ngài không chỉ là thái độ tốt bụng tình cảm, mà là hình phạt của tội lỗi nhân gian, hình phạt ấy khủng khiếp ra sao là điều rõ ràng mọi người đều biết cả. Ngài đã chỉ ra nhiều cá nhân đã thực hiện công việc đáng ghê tởm và Ngài cũng chẳng hề bảo đảm mọi người lắng nghe giáo lý của Ngài. Ngài không thành công với hết mọi linh hồn trên dương gian này. Nguyên việc Chúa đổ hết máu mình để cứu chuộc chúng ta khỏi tội lỗi, đã nói lên rằng tội lỗi sẽ đưa đến hậu quả ghê gớm là hỏa ngục. Xin nhớ lại Phúc âm thánh Matthêu đoạn 25: "Người sẽ tách biệt họ ra, như mục tử tách biệt chiên khỏi dê. Người sẽ cho chiên đứng bên phải, còn dê ở bên trái. Đức vua phán cùng những người ở bên phải rằng: Nào những kẻ Cha Ta chúc phúc, hãy đến thừa hưởng vương quốc Cha Ta đã dọn sẵn cho các ngươi từ thuở tạo thiên lập địa, vì xưa Ta đói các ngươi đã cho Ta ăn, Ta khát các ngươi đã cho Ta uống. Ta là khách lạ các ngươi đã tiếp rước. Quả thật, quả thật, Ta bảo các ngươi, mỗi lần các ngươi làm như thế cho một trong những anh em bé nhỏ nhất của Ta đây, là các ngươi đã làm cho chính Ta vậy. Rồi đức vua phán cùng những người bên trái rằng: Quân bị nguyền rủa kia, đi đi cho khuất mắt ta, mà vào lửa đời đời, nơi dành sẵn cho tên Aùc qui và sứ giả của nó. Vì xưa Ta đói, các ngươi đã không cho ăn, Ta khát các ngươi đã không cho uống, Ta là khách lạ, các ngươi đã không tiếp rước. Ta bảo thật các ngươi, mỗi lần các ngươi không làm như thế cho một trong những người bé mọn nhất đây, là các ngươi đã không làm cho chính ta vậy. Thế là họ ra đi để chịu cực hình muôn kiếp, còn những người công chính ra đi để hưởng sự sống muôn đời." Những lời trên thốt ra từ miệng Con Đức Chúa Trời, là chính sự thật vĩnh cửu. Cho nên, khó mà hiểu được tại sao có những người dù biết và chấp nhận sự thật, chấp nhận lời Ngài nói về thiên đàng, lại khăng khăng từ chối sự hiện hữu của hỏa ngục. Nếu Ngài chân thật về giáo lý thiên đàng, tại sao Ngài lại không chân thật về học thuyết hỏa ngục? Cho nên thiên hạ điên nhiều lắm!

Chẳng những công lý của Thiên Chúa đòi hỏi hỏa ngục. Nó còn đòi hỏi tình yêu nữa. Những ai không biết hỏa ngục liên hệ với tình yêu của Đức Chúa Trời sẽ đưa ra nghi vấn như sau: "Làm thế nào Thiên Chúa tình thương lại dựng nên một nơi trừng phạt vĩnh cửu ghê gớm đến vậy?" Nghi vấn này tương đương với câu hỏi: Tại sao Thiên Chúa của tình yêu lại là Thiên Chúa của công lý? Tại sao mặt trời sưởi ấm nhẹ nhàng lại làm cây cỏ héo khô? Tại sao mưa sương tưới tốt hoa màu lại làm cho thối rữa cỏ cây. Như vậy những ai không kết hiệp được Thiên Chúa tình yêu với hỏa ngục, không thể hiểu ý nghĩa của tình yêu. Không có chi ngọt ngào hơn tình yêu. Nhưng cũng không có chi cay đắng hơn nó. Nó liên kết linh hồn mà cũng chia rẽ linh hồn. Tình yêu đòi hỏi tính hỗ tương, tìm kiếm đối tượng và khi đã gặp được đầy đủ điều kiện, thì phải có hòa hợp, thâm nhập và liên kết đến mức độ tốt đỉnh và ngất ngây. Ở trường hợp Thiên Chúa và linh hồn thì hạnh phúc là thiên đàng. Nhưng giả dụ tình yêu không tìm được đối tượng hoặc giả dụ tìm được đối tượng để rồi bị phản bội,

khinh thường và từ khước. Liệu lúc ấy tình yêu vẫn còn khả năng tha thứ? Sự thật tình yêu nhân loại sẵn sàng tha thứ những xúc phạm như hỗn hào, cay độc, phản bội và tình yêu Thiên Chúa còn đi xa hơn tới bảy mươi lần bảy. Nhưng thế giới này chỉ có một trường hợp mà tình yêu nhân loại không tha thứ được nữa và trên thiên đàng cũng có một hoàn cảnh không thể tha thứ được. Đó là khước từ yêu mến. Khi ấy linh hồn tự do chối từ đáp trả tình yêu Chúa ban. Đức Chúa Trời để mặc linh hồn theo ích kỷ, theo sự cô đơn và cô cút của riêng mình. Đứng là một hình phạt ghê sợ, không có chi trên thế giới có thể so sánh với tình trạng bị Thiên Chúa bỏ rơi. Không phải bị vật đáng yêu bỏ nhưng bởi chính tình yêu, là Thiên Chúa.

Tình yêu có thể tha thứ hết mọi sự trừ một điều. Đó là từ chối tình yêu. Trái tim con người luôn theo đuổi đối tượng và kiếm tìm sự âu yếm của nó với tất cả sự trong sáng và nhiệt tâm. Nó mưa móc trên người yêu, nào là quà cáp, tặng phẩm làm dấu chứng hy sinh của lòng mình và ăn ở xứng đáng với các cử chỉ yêu dấu người yêu đáp trả, nhưng nếu sau thời gian dài, nó chỉ nhận được khinh bỉ, khước từ và phản bội, trái tim con người ta ngoảnh mặt đi, cay đắng buông thả những cảm xúc, theo định luật tự nhiên của tình yêu mà la lên: "Tình yêu đã làm hết mọi sự. Tôi có thể thứ tha mọi sự trừ sự từ chối tình yêu". Trong trật tự thiêng liêng cũng xảy ra hoàn cảnh như vậy. Thiên Chúa là người yêu vĩ đại đang tìm kiếm đối tượng yêu mến của Ngài. Đó là linh hồn con người. Ngài tưới gội nó với muôn vàn ân huệ, đoái nhận nó vào gia đình vương giả của Ngài trong bí tích Thanh tẩy, vào đạo binh của Ngài trong bí tích Thêm sức và kêu mời nó vào bàn tiệc yêu thương tức bí tích máu nhiệm Mình Máu Ngài, Bánh Trường Sinh. Suốt cuộc hành trình dương thế của con người, Ngài đã muôn ngàn lần thử thách với nó, lúc bệnh hoạn cũng như lúc mạnh khỏe, trong đau đớn cũng như vui mừng, đáp trả lời khẩn khoản của Ngài, từ bỏ tội lỗi, trở về với tình yêu đáp đối. Nhưng nếu như con người với trái tim chai đá, từ chối yêu mến Ngài, mặc dù Ngài kiên nhẫn đợi chờ, ngõ hầu lại được Ngài kêu gọi lần nữa, nhưng lần nữa lại chối từ, làm ngơ những tiếng gõ cửa của Chúa Kitô. Linh hồn vẫn khăng khăng không mở cửa. Cuối cùng, ở khoảnh khắc lia đời, không còn khả năng ăn năn trở lại, vẫn khinh dể, từ khước và phản bội lòng nhân lành của Đức Chúa Trời, lúc ấy Thiên Chúa của lòng thương xót luôn theo định luật yêu mến mà tuyên bố với linh hồn: "Tình yêu đã làm hết khả năng, Ta có thể tha thứ mọi sự trừ sự từ chối yêu mến". Và như vậy chấm dứt mọi yêu thương. Thật là khủng khiếp. Bởi lẽ tình yêu Thiên Chúa lúc ấy rời bỏ linh hồn, và không bao giờ trở lại nữa. Linh hồn hoàn toàn cô đơn cho đến muôn đời. Hỏa ngục vĩnh hằng là vậy. Nó là nơi hoàn toàn vắng bóng tình yêu.

Thời gian là một yếu tố làm cản trở chúng ta hưởng hạnh phúc thiết thực. Lý do đơn giản là nó không cho phép chúng ta xây dựng một nhóm nhiều khoái lạc đồng thời. Do chính bản tính của mình, nó cấm chúng ta hưởng nhiều vui thú cùng lúc, bằng không, chúng ta chẳng có vui thú nào hết. Nguyên việc tôi tồn tại trong thời gian, cho nên, tôi không thể kết hợp vui thích đi bộ với các cận vệ gia của Hoàng đế Napoléon và cái thú đánh chiếm dưới ngọn cờ của vua Caesar (hai vị vua này sống cách nhau hơn 2000 năm). Nguyên việc chúng ta sống trong thời gian, tôi không thể cùng lúc vui hưởng cái thú chơi thể thao mùa đông tại dãy núi Alps và tắm dòng nước mát mẻ của sông Riviera. Thời gian không cho phép tôi đồng thời cảm khoái, khi nghe Demonsthenes hùng biện, và giọng nói ngọt ngào của Giám Mục Bossuet trên tòa giảng. Thời gian không cho phép tôi kết hợp sự

khôn ngoan của tuổi già và sự sôi nổi của tuổi trẻ. Cũng chính thời gian ngăn cản tôi vui hưởng cùng lúc, sự thông thái từ miệng các hiền triết, giải thích bí mật vũ trụ như Aristoteles, Socrates, Thomas Aquinô, Mercier... Nếu không vì ngăn trở của tính thời gian, thì tôi đã có thể cùng lúc uống trà với Dante và Shakespeare. Homer ngay lúc này có thể kể truyện anh hùng ca bằng Anh ngữ. Đúng là rất thú vị khi được hưởng tiến bộ kỹ thuật, máy móc của thời hiện tại. Nhưng đôi khi, tôi lại ước mơ những khoảnh khắc yên tĩnh và an bình của thời trung cổ. Tuy nhiên tính thời gian không cho phép. Nếu tôi sống vào thế kỷ 20, tôi phải hy sinh những khoái lạc của thế kỷ 13 và nếu tôi hưởng kỷ nguyên Athens của Pericles thì tôi phải bỏ thời Florentine của Dante.

Cho nên tính thời gian đã ngăn cản chúng ta tập hợp nhiều thú vui trong cùng lúc. Tôi biết có mẫu quảng cáo trên báo chí về ăn tối và nhảy đầm. Nhưng tôi chỉ có thể dự một trong hai hoạt động đó thôi. Mọi điều đều tốt cả nhưng chẳng thể vui hưởng nó, nếu chưa đến thời vụ. Và nó luôn luôn nhuộm màu ân hận, vì tính thời gian đòi hỏi phải khước từ cái khác. Thời gian cho tôi cơ hội, nhưng cũng lấy đi nhiều cơ hội khác. Khi công hiến, nó công hiến đơn độc, và vì thế người ta nói rằng cuộc đời là một chuỗi những ngu xuẩn, ngu xuẩn này theo sau ngu xuẩn khác.

Tư tưởng trên gợi ý rằng nếu tính thời gian làm cho việc kết hợp đồng thời các vui sướng là không thể được, thì tính vượt thời gian sẽ làm cho hạnh phúc của chúng ta tăng lên gấp bội. Điều này đúng cho mỗi khao khát của chúng ta. Khi khao khát, chúng ta muốn nó luôn đứng ở "hiện tại". Thí dụ như, con mèo muốn nằm lửa mãi mãi. Tất cả mọi người đều ước ao kéo dài vui thích của mình vô hạn định. Chúng ta muốn hạnh phúc vĩnh viễn, chứ không phải vui thích này kế tiếp vui sướng kia.

Xin khai lại kho tàng trí nhớ, bạn sẽ tìm ra vô vàn chứng cứ rằng luôn luôn trong những khoảnh khắc mà bạn ít ý thức về thời gian, là những lúc bạn thưởng thức hoàn toàn nhất các khoái lạc của thời gian. Thí dụ, nhiều lần xảy ra rằng khi nghe các cuộc đối thoại thú vị, hay truyện kể về kinh nghiệm của các người du ngoạn nhiều, thì thời gian trôi qua nhanh chóng đến nỗi không còn ý thức về nó, và chúng ta thường nói: "Như hóng câu qua cửa sổ". Kinh nghiệm này cũng đúng về sáng khoái của mỹ thuật nữa, tôi dám khẳng định rằng rất ít người nhận biết thời giờ trôi đi, khi say mê nghe ban nhạc danh tiếng chơi các bản hòa tấu của Beethoven. Tùy theo mức độ vui thú mà các bản giao hưởng ấy gây nên cho người ta, mà thời gian trở nên dài hay ngắn. Sự thật ngược lại vẫn đúng. Nếu chúng ta càng chú ý đến thời gian, thì xem ra nó càng dài và mức độ chúng ta hưởng vui thú càng kém. Nếu người khách cứ năng nhìn đồng hồ, đó là dấu chỉ ông ấy đang chán câu chuyện của chúng ta. Một người lao động thỉnh thoảng lại nhìn giờ giấc, thì nắm chắc hẳn không thích công việc của mình. Chúng ta càng chú ý đến thời gian, càng ít được hưởng vui thích. Ngược lại, càng không để ý đến tính mau qua của thời gian, càng được hưởng vui sướng nhiều hơn.

Những sự kiện tâm lý của kinh nghiệm nói lên rằng tính thời gian không những cản trở khoái lạc, nó còn cho hay nếu thoát khỏi thời gian, thì hạnh phúc của chúng ta to lớn hơn nhiều! Bây giờ chúng ta giả dụ các kinh nghiệm tâm lý trên vượt ra ngoài thời gian và các hạn chế của thời gian, sống trong một không gian không có trước sau, mà chỉ có hiện tại. Giả dụ chúng ta có phép tồn tại ở một thế giới không lịch sử theo thời gian mà lịch sử của các khoái lạc tập hợp, nghĩa là một trật tự phẩm trật

hoàn hảo, giống như một kim tự tháp, mọi sự trong đó phục vụ về thống nhất của nhân cách chúng ta. Lại giả dụ chúng ta có thể đạt tới điều kiện không thời gian. Điều kiện cho phép chúng ta gút lại hạnh phúc, vui sướng, về hoàn mỹ vào ba yếu tố căn bản làm nên sự trọn lành của con người, là đời sống, chân lý và tình yêu. Bởi vì, mọi vui sướng của con người hội tụ vào ba yếu tố này:

Trước hết, xin giả dụ rằng tôi có khả năng thu gom các vui thú của cuộc sống vào một điểm duy nhất, đến nỗi trong hiện tại không phải phiền toái đến trước và sau. Lúc ấy tôi sẽ vui hưởng cuộc sống cực độ, giống như sống trong nước đại dương, mọi sự đều yên tĩnh an bình. Đồng thời cuộc sống trào dâng như các dòng suối lượn quanh đồi núi, rồi lững lờ chảy vào biển khơi. Cuộc sống êm ả khiêu khích đất màu mỡ hai bên bờ suối trở sinh những bông lưu ly tuyệt đẹp. Cuộc sống đập nhịp nhàng trong những cánh hoa mùa xuân nở rộ, như những chiếc nôi đong đưa cho quả ngọt. Cuộc sống của các đài hoa mở ra như những chén rượu thơm nức mùi hương dưới nắng mặt trời. Cuộc sống của những đàn chim lớn líu lo báo tin vui mừng. Cuộc sống của những trẻ nít la hét chạy vào vòng tay mẹ. Cuộc sống của các bậc phụ huynh sản sinh những cuộc đời như mình. Cuộc sống của những trí tuệ giải thích nhiệm màu vũ trụ bao la, của không gian vĩnh cửu từ đây phát sinh mọi loài...

Thêm vào sự hội tụ đời sống trong vũ trụ chỉ trong một điểm, tôi giả dụ mình cũng tập trung vào điểm khác nữa. Đó là hết mọi chân lý của thế giới dồn vào một sự thật duy nhất, đến độ tôi có thể thông suốt các sự kiện thiên văn của các khoa học gia khi họ nhìn vào viễn vọng kính, các sự kiện sinh vật của các nhà nghiên cứu sinh vật qua kính hiển vi, các chân lý về trời đất, ai đóng cửa trời, ai thả mây buông gió, ai trữ mưa, tích gió. Sự thật về cuộc sống thường nhật như tại sao có lửa, tại sao có vàng, tại sao có đất sét, tại sao có Thần Khí, tại sao lửa bay lên trời, đá rơi xuống đất? Sự thật của các triết gia dùng trí khôn mà xé nát càn khôn, bánh xe định mệnh. Sự thật của các nhà thần học khi họ dùng mặc khải mà khám phá các bí mật của Đức Chúa Trời, Đấng vượt cả những điều Gioan nghe khi ông dựa đầu vào ngực Chúa trong bữa tiệc ly.

Ngoài hai điểm hội tụ kể trên, chúng ta còn một điểm tập trung của mọi vui sướng trong cuộc đời nữa, là tình yêu. Giả dụ mọi hạnh phúc, sáng khoái, mỹ cảm, sướng vui của cuộc đời và của vũ trụ hội tụ về một tiêu điểm duy nhất là tình yêu: Tình yêu tổ quốc, tình yêu anh hùng vì chính nghĩa, tình yêu say mê khoa học, tình yêu mỹ miều của hoa lá cười tươi dưới ánh mặt trời, tình yêu địa cầu, muôn loài uống sữa sự sống của nó, tình yêu mẫu tử, mở rộng lòng cho con hưởng ánh dương, tình yêu bầu bạn kiểu Bá Nha Tử Kỳ thân thiết đến tận cùng cõi lòng, tình yêu phu phụ, chồng yêu vợ, vợ yêu chồng, ngay cả tình yêu của các thiên thần và thiên sứ say mến Chúa, với ngọn lửa và sức nóng đủ đốt ngàn vạn trái tim tới triệu triệu lần.

Cuối cùng giả dụ tất cả những khoái lạc này của thế giới tập trung về ba mối: cuộc sống, sự thật và tình yêu, tựa như những tia nắng tập trung về mặt trời. Giả dụ tất cả vui sướng liên tiếp của thế gian này trong thời gian có khả năng được vui hưởng lập tức trong cùng một khoảnh khắc hiện tại. Lại giả dụ cả ba điểm hội tụ mà trái tim, linh hồn, tâm trí chúng ta hướng về, không phải là ba điểm trừu tượng như tôi giả dụ ở trên, nhưng là cụ thể duy nhất, cụ thể cá vị đến nỗi chúng ta có thể gọi bằng

tên là Thiên Chúa Cha, từ đây sản sinh mọi sáng khoái của sự thật, cũng không trừu tượng, nhưng cụ thể cá biệt đến nỗi có một tên là Ngôi Hai, hay Ngôi Lời, từ hai nguyên lý ấy tình yêu phát xuất, tình yêu tâm điểm của mọi khoái cảm yêu đương, cũng không trừu tượng, mà cụ thể đặc thù để chúng ta gọi bằng tên, tức Ngôi Ba hay Chúa Thánh Thần. Một khi hạnh phúc trần gian được nâng lên độ cao cả ngàn ấy. Nó sẽ thoát khỏi mọi hạn chế, mọi bất toàn mà kết hợp thành duy nhất, không phải kế tiếp nhau mà là đồng thời vĩnh viễn, không phải trong thời gian mà ngoài thời gian gọi là vĩnh hằng. Lúc ấy chúng ta có từ Thiên Chúa Ngôi Cha, Ngôi Con và Ngôi Thánh Thần. Sự Sống hoàn hảo nhất, sự Thật cao siêu nhất và Tình yêu viên mãn nhất. Hạnh phúc tuyệt vời. Thiên đàng cực lạc.

Liệu chúng ta có thể so sánh các thú vui trần gian với hạnh phúc Ba Ngôi là sự sống, chân lý và tình yêu muôn thuở không? Liệu có ai ở dương thế này có khả năng nói cho tôi hay về thiên đàng? Chắc là không. Nhưng có ba cơ quan có thể nói cho tôi hay chút ít về hạnh phúc ấy. Ba yếu tố đó là những gì chúng ta xem, những gì nghe được và tưởng tượng. Tức là con mắt, lỗ tai và trí khôn. Liệu thiên đàng có vượt qua tất cả các thú vui của con mắt? Vượt qua mọi êm ái của lỗ tai? Và vượt trên các tưởng tượng? Trước tiên, liệu thiên đàng có tuyệt xinh đẹp như tất cả những điều đã được con mắt xem thấy? Trong đời tôi đã từng được xem lâu đài quốc gia ở Rôma. Nó đẹp tuyệt trần, với lối đi hành lang và hàng nguyệt quế huy hoàng, với các đại lộ từng bách xinh tươi. Tất cả đều toát lên một sức sống của bầu khí yên lặng thanh thản. Tôi đã từng được ngắm hoàng hôn trên địa trung hải, khi hai cột mây hợp thành một cầu vồng cho vàng kim ô ngự giữa, sáng chói và rưa rờ muôn hồng nghìn tía, như chiếc bánh lễ to lớn bằng vàng. Từ bên cảng, tôi đã từng ngắm các tháp canh của thành Constantinople với những ngón tay nhọn hoắt chỉ lên trời, xuyên qua sương trắng bao phủ chung quanh như tấm màn mỏng bằng lụa che khắp mọi nơi. Tôi đã từng xem thấy các pháo đài, dinh thự cổ khắp nước Pháp, những nhà thờ chính tòa mái dốc cao vút lên trời xanh như lời cầu nguyện, khẩn xin. Tôi đã từng ngắm xem vẻ yêu kiều của các lâu đài miền sông Rhine và tổng hợp của tất cả những vẻ đẹp này làm tôi ngỡ mình đang ở cửa đền nữ Thần Diana. Người gác cửa hô lớn: "Coi chừng đôi mắt quý vị". Đẹp đến cỡ đó. Nó có thể làm choáng mắt người xem. Đến đây tôi không hiểu cảnh vật đời đời có đẹp để huy hoàng như tổng hợp các vẻ đẹp mà tôi đã từng được ngắm?

Vậy mà tôi vẫn chưa xem hết vẻ đẹp của thiên nhiên. Tôi còn được nghe người ta kể về các vẻ đẹp khác nữa. Tôi từng được nghe về vườn treo Babylone, lạ lùng không lời mô tả. Về các dinh thự của Doges, xa hoa nghiêm nghị, về Forum La Mã lấp lánh như kim cương, dưới chân là các đạo binh vô địch của Roma đang làm lũ tuần tra. Tôi đã từng nghe về vẻ sáng ngời của Đền thờ Giêrusalem khi chiếu sáng như viên ngọc dưới ánh nắng ban mai. Tôi đã từng nghe về vườn địa đàng có 4 con sông lượn quanh với biết bao nhiêu vàng bạc, châu báu dưới mặt đất màu mỡ. Tôi còn được nghe nhiều điều kỳ lạ hơn nữa, mà người ta không có khả năng mô tả. Chúng đều đẹp để làm say mê lòng người, hoặc chẳng có bút nào vẽ tả nổi. Tôi ngạc nhiên không hiểu vẻ đẹp của thiên đàng với các thú vui nảy sinh có so sánh được với tổng thể các nét rục rờ của các công trình thế gian mà tôi đã được nghe đồn?

Ngoài những điều tôi xem thấy, nghe thấy còn vô số những hình ảnh mà tôi có thể tưởng tượng ra. Tôi có khả năng hình dung ra một thế giới không có bệnh tật, đau đớn, khổ sầu, cay đắng, khắc

khoái. Tôi có thể vẽ ra một thế giới mọi người đều sống trong các lâu đài. Và trong xã hội thịnh vượng ấy, trật tự thật hoàn hảo, công lý được thi hành triệt để, không có lo lắng, than phiền, tôi có thể tưởng tượng một địa cầu không có mùa đông rét buốt, mùa hè oi bức, hoa nở không bao giờ tàn. Mặt trời không bao giờ lặn. Tôi có khả năng hình dung một trái đất luôn luôn có hòa bình và yên tĩnh mà không hề có ai uơnon lười, mọi người đều có kiến thức uyên thâm về vạn vật mà không cần khảo sát tìm tòi, một thế giới vui sướng liên tục mà không nhàm chán. Tôi có khả năng tưởng tượng ra một hành tinh loại trừ mọi điều xấu xa, lo âu, bệnh hoạn của cuộc đời, một thế giới tập hợp toàn những niềm vui hoàn hảo nhất, hạnh phúc nhất và tôi tự hỏi Thiên đàng có được như vậy không? Tổng hợp các vui sướng thiên đàng có so sánh được với những điều tôi tưởng tượng ra?

Thực tế, cuộc sống đời đời có so sánh với những gì tôi từng được xem, nghe được và tưởng tượng ra không? Xin thưa: Không, cuộc sống muôn đời không hề giống như vậy. Hãy lắng nghe lời Thiên Chúa phán: "Mắt chưa từng được xem, tai chưa từng được nghe, lòng trí chưa hề hiểu biết những điều Thượng đế dọn sẵn cho những kẻ yêu mến Ngài". Nếu hạnh phúc đời đời vượt xa vui sướng thế gian, thì chẳng còn chi có thể so sánh được với nó. Do vậy, tôi bắt đầu hiểu được màu nhiệm của hình dáng trái tim con người. Trái tim con người không tròn chịa như trái tim của ngày valentine. Nó có hình dáng hơi bất thường, như thể một mảnh vỡ nào còn thiếu. Mảnh vỡ đó có lẽ giống như lưỡi đòng đâm thấu qua trái tim chung của nhân loại trên thập giá. Nhưng có lẽ nó còn đứng làm biểu tượng cho cao siêu hơn nữa. Nó mang ý nghĩa khi Thiên Chúa dựng nên mỗi trái tim con người. Ngài giữ một mẫu nhỏ của nó ở trên trời và gởi phần còn lại xuống trái đất. Nơi đây mỗi ngày nó phải học biết rằng nó chẳng bao giờ được hạnh phúc đầy đủ, chẳng bao giờ yêu thương trọn vẹn, chẳng bao giờ hoàn toàn dấn thân, cho đến khi trở về cõi vĩnh hằng, để tìm ra mẫu nguyên thủy mà Thiên Chúa còn lưu trữ cho đến muôn đời sau. Amen./.